**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

**THƯ VIỆN**

**--- 🙞🙜 ---**

**THÔNG TIN BÀI TRÍCH**

**BÁO – TẠP CHÍ**

**Số 4 (65)**

**Năm học 2023 – 2024**

**Đà Nẵng, tháng 11 năm 2024**

**LỜI NÓI ĐẦU**

Nhằm phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập của cán bộ, giảng viên và sinh viên Trường Đại Học Duy Tân. Thư viện xin giới thiệu thư muc tập hợp các bài trích báo – tạp chí được chọn lọc từ các tạp chí chuyên ngành, bao gồm các chủ đề như: Công nghệ thông tin, quan hệ quốc tế, môi trường và công nghệ Hóa, pháp luật, phát triển kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, quản trị kinh doanh, xây dựng, kiến trúc, du lịch, ngôn ngữ, khoa học sức khỏe, du lịch ...

Tài liệu được giới thiệu trong cuốn thư mục lần này là những bài trích từ các báo và tạp chí tiếng Việt, xuất bản trong năm 2023 - 2024 có lưu trữ và phục vụ tại Thư Viện Trường Đại Học Duy Tân.

Các lĩnh vực, chủ đề được sắp xếp theo trật tự hệ thống phân loại DDC. Trong từng chủ đề, tài liệu được sắp xếp theo vần chữ cái tên tài liệu và kèm theo phần định từ khóa để bạn đọc có thể tiện tra cứu và tìm tin trên phần mềm quản lý thư viện.

Mọi yêu cầu về đề tài cần bổ sung hoặc mở rộng, về bản sao toàn văn tài liệu gốc và những ý kiến đóng góp khác, xin vui lòng gửi về:

Phòng Nghiệp vụ Thư viện Trường Đại Học Duy Tân

Số 3A Quang Trung - TP. Đà Nẵng

Email: thuvienduytan@gmail.com

**MỤC LỤC**

* Công nghệ thông tin 3
* Lý luận chính trị 11
* Quan hệ quốc tế 17
* Báo chí – Truyền thông 29
* Phát triển kinh tế 32
* Tài chính - Ngân hàng 44
* Môi trường và Công nghệ Hóa 72
* Luật học 77
* Giáo dục 101
* Ngôn ngữ 111
* Khoa học Tự nhiên 135
* Khoa học sức khỏe 138
* Điện – Điện tử 177
* Xây dựng 180
* Kế toán – Kiểm toán 182
* Quản trị kinh doanh 200
* Kiến trúc 541
* Văn học 245
* Du lịch 251

**CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**1. AI tạo sinh IBM Watsonx giúp ngân hàng sẵn sàng cho một tương lai số/** Hoàng Yến// Thông tin & truyền thông.- 2024 .- Số 6.- Tr. 102-109

**Nội dung**: IBM Watsonx là nền tảng AI hỗ trợ các tổ chức tài chính - ngân hàng tại Việt Nam nâng cao hiệu quả hoạt động và trải nghiệm khách hàng. Với ba thành phần chính là Studio AI, kho lưu trữ dữ liệu và bộ công cụ quản trị AI, Watsonx cung cấp khả năng ra quyết định thông minh cùng với các tính năng bảo mật thông tin đáng tin cậy.

**Từ khóa:** Trí tuệ nhân tạo (AI), tài chính - ngân hàng, bảo mật thông tin, Watson AI.

**2. An toàn định tuyến Internet thách thức đối với hoạt động Internet Việt Nam**/ Nguyễn Minh Hải// Thông tin & Truyền thông .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 22-29.

**Nội dung:** Sự phát triển nhanh chóng của Internet phát sinh nhiều rủi ro. Công nghệ xác thực thông tin định tuyến đảm bảo an toàn hoạt động Internet (RPKI) đã có nhiều giải pháp đáng tin cậy như: BGPSec (BGP Security Protocol); RPKI (Resource Public Key Infrastructure). Công nghệ mã hóa và xác thực thông tin vùng IP (RPKI) đã được Tổ chức tiêu chuẩn Internet IETF chuẩn hóa đưa vào sử dụng. Ứng dụng RPKI trong đảm bảo hoạt động định tuyến. Mở rộng triển khai RPKI trên hạ tầng Internet Việt Nam.

**Từ khóa**: Thư viện Matplotlib, Python, dữ liệu dạng điểm

**3. An toàn DNS**/ Nguyễn Văn Trí// Thông tin & Truyền thông .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 30-37.

**Nội dung**: DNS là thành phần trung tâm của Internet và là điểm xâm nhập được biết đến rộng rãi của các cuộc tấn công mạng. Các dạng tấn công hệ thống DNS phổ biến và nghiêm trọng: Giả mạo DNS (DNS Spoofing); Tấn công khuếch đại DNS (DNS Amplification Attack); Tấn công chiếm quyền điều khiển DNS (DNS Hijacking); Tấn công đường hầm DNS (DNS Tunnelling). VNNIC đang triển khai tại Việt Nam: Chương trình giảm thiểu lạm dụng hệ thống tên miền (DNS); Bảo đảm An toàn DNS, vì một Internet “Xanh-Sạch”; Triển khai các giải pháp an toàn DNS tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Internet, an toàn mạng, DNS, chuyển đổi số

**4. Áp dụng mạng Bayes xây dựng mô hình dự đoán xác suất có điều kiện phức hợp = Applying Bayesian network to build predicting model for complex conditional probabilities**/ Đặng Việt Hùng, Trần Nhật Vinh, Nguyễn Dũng, Võ Nhân Văn, Nguyễn Thị Thanh, Nguyễn Quang Vinh// Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2024 .- Số 03(64) .- Tr. 32-39.

**Nội dung**: Giới thiệu mạng Bayes - một giải pháp sơ cấp để dự đoán xác suất trong các điều kiện phức hợp, làm tiền đề cho ứng dụng thứ cấp là phân loại, dự đoán hay ra quyết định. Mạng Bayes cũng được huấn luyện dựa trên dữ liệu đầu vào, qua đó xác định được sự phụ thuộc hay độc lập của các trường dữ liệu. Bài báo sẽ sử dụng dữ liệu về hoàn cảnh sinh viên nhằm ước lượng các xác suất liên hệ giữa các trường hoàn cảnh và khả năng bỏ học của sinh viên.

**Từ khóa:** Học máy, mạng Bayes, xác suất có điều kiện

**5. Bài toán về hệ thống hóa quá trình sàng lọc thông tin trước sự trỗi dậy của thuật toán thông minh**/ Hồ Mạnh Tùng, Nguyễn Tô Hồng Kông// Thông tin & truyền thông .- 2024 .- Số 3 .- Tr. 66-71.

**Nội dung**: Bài viết giới thiệu những phát triển gần đây về các mô hình khoa học hành vi liên quan tới sự chấp nhận công nghệ, và kết nối mảng nghiên cứu này tới một cách tiếp cận về sự chắt lọc thông tin/giá trị. Trong đó, sơ lược hai mô hình hành vi liên quan trực tiếp đến các nghiên cứu về chấp nhận công nghệ.

**Từ khóa:** Công nghệ thông minh, thuật toán, sàng lọc thông tin, chuyển đổi số

**6. Các vấn đề và giải pháp đảm bảo an toàn định tuyến trên Internet**/ Phan Xuân Dũng, Nguyễn Xuân Trường// Thông tin & Truyền thông .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 10-21.

**Nội dung**: Việc đảm bảo an toàn thông tin (ATTT) cho BGP có vai trò đặc biệt quan trọng để đảm bảo truy cập an toàn. Tìm hiểu về giao thức định tuyến dữ liệu (BGP): BGPlàgì?; Vai trò của BGP đối với Internet; BGP hoạt động như thế nào?. Các vấn đề an toàn định tuyến BGP. Một số giải pháp giảm thiểu rủi ro trong định tuyến.

**Từ khóa:** Mạng internet, an toàn thông tin, hệ thống tự trị

**7. Chuyển đổi IPv6 cho hạ tầng Internet Việt Nam**/ Nguyễn Thị Oanh// Thông tin & Truyền thông .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 38-45.

**Nội dung:** Cạn kiệt IPv4 tác động tới phát triển Internet. Lợi thế của IPv6. Việt Nam triển khai sớm IPv6. Kế hoạch chuyển đổi IPv6 năm 2024 của Việt Nam: 100% người dân truy cập Internet băng rộng qua IPv6; Cơ quan nhà nước: Triển khai 3 bước cuối trong lộ trình “3 giai đoạn - 10 bước chuyển đổi IPv6”; Cung cấp dịch vụ IPv6 mặc định cho các dịch vụ IDC, Cloud; Thúc đẩy trao đổi lưu lượng IPv6 trong nước.

**Từ khóa**: Internet, IPv6, dịch vụ

**8. Chuyển đổi số và ứng dụng AI trong doanh nghiệp sản xuất/** Th.S. Tạ Quốc Ưng// Thông tin & truyền thông.- 2024 .- Số 6.- Tr. 62-71

**Nội dung**: Phân tích sự khác biệt trong chuyển đổi số giữa lĩnh vực sản xuất, dịch vụ CNTT và thương mại điện tử. Quá trình chuyển đổi số trong sản xuất gồm 3 giai đoạn: tạo hiệu quả, xây dựng năng lực kỹ thuật số và tăng trưởng thông qua đổi mới. Nghiên cứu chỉ ra AI có thể cải thiện đáng kể năng suất nếu kết hợp thay đổi phần mềm, xây dựng nền tảng ứng dụng sáng tạo và vượt qua các rào cản.

**Từ khóa:** Chuyển đổi số, sản xuất thông minh, trí tuệ nhân tạo (AI), doanh nghiệp.

**9. Dạy học theo dự án với ChatGPT**/ Lê Thị Kim Anh// Khoa học giáo dục Việt Nam .- 2024 .- Số 4 .- Tr. 34-38.

**Nội dung**: Bài viết bàn về phương pháp dạy học theo dự án sử dụng ChatGPT như công cụ trong việc tìm ý tưởng dự án, tổng hợp dữ liệu, phác thảo hướng giải quyết vấn đề cho người học.

**Từ khóa**: Dạy học, ChatGPT, công cụ học tập, phương pháp dạy học

**10. Giải pháp để mọi người dân Việt Nam đều có thể biết cách sử dụng AI**/ Huyền Thương// Thông tin & truyền thông .- 2024 .- Số 3 .- Tr. 24-29.

**Nội dung**: Nhờ trí tuệ nhân tạo (AI), các nước đang phát triển có tiềm năng bắt kịp các nước phát triển; Kỹ năng dùng AI hiện đại giống như kỹ năng đọc, viết của thời đại mới; Việt Nam cần bình dân học AI để mọi người đều có thể biết cách sử dụng AI.

**Từ khóa**: Trí tuệ nhân tạo, người lao động, sử dụng AI

**11. Khai thác tập phổ biến từ dữ liệu luồng bằng cách sử dụng thuật toán di truyền**/ Phạm Đức Thành, Lê Thị Minh Nguyện// Khoa học HUFLIT .- 2023 .- Tập 8(Số 1) .- Tr. 01-12.

**Nội dung:** Bài báo này trình bày một nghiên cứu về việc khai thác các tập phổ biến từ dữ liệu giao dịch luồng trong bối cảnh có sự thay đổi khái niệm. Dữ liệu luồng, với tính chất không ổn định, đặt ra nhiều thách thức trong việc khai thác. Bài báo này sử dụng phương pháp thuật toán di truyền, mối quan hệ giữa sự thay đổi khái niệm, kích thước cửa sổ trượt và ràng buộc của thuật toán di truyền. Sự thay đổi khái niệm được xác định thông qua sự thay đổi trong các tập phổ biến.

**Từ khóa**: Tập phổ biến, dữ liệu luồng, cửa sổ trượt, thuật toán di truyền, khai thác dữ liệu, giao dịch

**12. Lý do nên chuyển đổi sang IPv6-only và giải pháp**/ Nguyễn Văn Bình// Thông tin & Truyền thông .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 46-55.

**Nội dung**: IPv6 Dual-stack là phương án an toàn, được khuyến cáo và sử dụng nhiều nhất trong việc chuyển đổi các hệ thống mạng sang IPv6 nhưng đó chỉ là bước trung gian để hướng đến mục tiêu cuối cùng IPv6 Single-Stack hay IPv6-Only.

**Từ khóa**: Mạng internet, IPv6, hệ thống mạng

**13. Nghiên cứu truyền thông số - Những khả thể và sự hoài nghi giữa hai bờ ảo – thực/** TS. Đỗ Anh Đức// Thông tin & truyền thông.- 2024 .- Số 6.- Tr. 44-49

**Nội dung**: Phân tích sự bùng nổ của truyền thông số và những thách thức kèm theo như tin giả, ranh giới mờ nhạt giữa tin tức và quảng cáo, bão hòa thông tin. Nó cũng đặt ra câu hỏi về mức độ tin cậy của phương tiện truyền thông trong thời đại công nghệ số.

**Từ khóa:** Truyền thông số, tin giả, bão hòa thông tin, công nghệ truyền thông.

**14. Những ứng dụng của công nghệ thông tin trong giáo dục STEM**/ Nguyễn Chiến Thắng, Nguyễn Bùi Hậu// Khoa học giáo dục Việt Nam .- 2024 .- Số 4 .- Tr. 27-33.

**Nội dung:** Khảo sát ở 05 trường đại học cho thấy, bên cạnh những mặt mạnh, năng lực nghề nghiệp của đội ngũ chuyên viên còn có những hạn chế nhất định: Năng lực thực tế còn thấp hơn nhiều so với năng lực kì vọng; các năng lực tham mưu; năng lực phân tích, tổng hợp, xử lí thông tin... là những năng lực thành phần đặc thù trong năng lực nghề nghiệp của chuyên viên trường đại học còn thấp... Nguyên nhân chính của những hạn chế này là do các trường đại học còn chưa quan tâm đầy đủ đến việc bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ chuyên viên.

**Từ khóa**: Giáo dục STEM, Công nghệ thông tin, năng lực, học sinh, hiệu quả

**15. Phát triển lĩnh vực bảo hiểm an ninh mạng góp phần nâng cao năng lực phòng thủ mạng**/ Trần Văn Liệu// Thông tin & truyền thông .- 2024 .- Số 3 .- Tr. 52-57.

**Nội dung:** Xu thế bảo hiểm an ninh mạng (ANM): 2 loại hình bảo hiểm chính: Bảo hiểm tài sản ANM; Bảo hiểm trách nhiệm ANM; Chức năng của bảo hiểm ANM: công cụ quản trị bổ sung; công cụ nâng cao nghĩa vụ. Tình hình phát triển bảo hiểm ANM tại một số nước. Kiến nghị thúc đẩy phát triển thị trường bảo hiểm ANM tại Việt Nam: Đối với chính phủ: Xây dựng nền tảng pháp lý để làm cơ sở cho sự phát triển của bảo hiểm ANM; tăng cường hỗ trợ tài chính và ưu đãi thuế để thúc đẩy thị trường; Đối với doanh nghiệp cung cấp bảo hiểm: Mở rộng loại hình bảo hiểm; Xây dựng nền tảng chia sẻ dữ liệu để nâng cao khả năng định giá bảo hiểm ANM.

**Từ khóa:** An ninh mạng, bảo hiểm, tấn công mạng, phòng thủ mạng, tội phạm mạng

**16. Phương pháp khai thác tập hữu ích cao trên dữ liệu giao dịch luồng dựa trên cây HUSTREE**/ Trần Minh Thái, Trần Anh Duy, Phạm Đức Thành, Lê Thị Minh Nguyện, Nguyễn Thanh Trung// Khoa học HUFLIT .- 2023 .- Tập 7(Số 4) .- Tr. 47-55.

**Nội dung**: Số lượng những phương pháp khai thác trên tập dữ liệu luồng giao dịch đang có còn hạn chế nhất định. Nội dung bài báo này tập trung vào nghiên cứu và đề xuất một phương pháp khai thác dữ liệu luồng giao dịch mới dựa trên cấu trúc cây HUS-Tree đã có trước đây.

**Từ khóa**: Dữ liệu luồng giao dịch, khai thác dữ liệu, tập hữu ích cao, mẫu hữu ích cao

**17. Tác động của công nghệ số đến biến đổi khí hậu**/ Phan Thị Ngọc Hân// Khoa học HUFLIT .- 2023 .- Tập 7(Số 4) .- Tr. 56-63.

**Nội dung:** Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) cho phép chúng ta thu thập và phân tích dữ liệu toàn bộ môi trường trái đấttừ tận đáy đạidương cho đến các tầng trên cùng của khí quyển. Nhờ những thông tin này, người ta không chỉ có thể đánh giá tác động của hoạt động của con người đối với môi trường mà còn quản lý được việc sử dụng năng lượng và sản xuất khí nhà kính (phát sinh từ các hoạtđộng trong nước và công nghiệp). Do đó, công nghệ số rất cần thiết trong cuộc chiến chống biến đổi khí hậu và giảm thiểu hậu quả của nó.

**Từ khóa:** Công nghệ số, khí hậu, dự báo thời tiết

**18. Tác động của Trí tuệ nhân tạo (AI) đối với hệ thống giáo dục toàn cầu và giáo dục Việt Nam**/ Lê Anh Vinh, Trần Mỹ Ngọc// Khoa học giáo dục Việt Nam .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 1-11.

**Nội dung:** Bài viết tìm hiểu lịch sử phát triển của AI trong quá trình cách mạng giáo dục, phân tích tác động của AI trong hệ thống giáo dục toàn cầu và giáo dục Việt Nam, từ đó đề xuất kiến nghị nhằm thúc đẩy quá trình xây dựng chính sách quản lí và sử dụng AI hiệu quả, nâng cao chất lượng dạy và học, từ đó rút ngắn khoảng cách giáo dục giữa các khu vực và các nước.

**Từ khóa:** Trí tuệ nhân tạo, giảng dạy, quản lý, giáo dục, AI

**19. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động phổ biến phim trên không gian mạng/** Th.S. Đinh Tiến Dũng// Thông tin & truyền thông.- 2024 .- Số 6.- Tr. 76-89

**Nội dung**: Phân tích các thách thức trong quản lý nội dung phim ảnh trên không gian mạng, đặt ra những yêu cầu mới cho các cơ quan quản lý. Các giải pháp được đề xuất bao gồm hoàn thiện pháp luật, ứng dụng công nghệ, tăng cường quản lý các nền tảng xuyên biên giới, và nâng cao nhận thức của người dân.

**Từ khóa:** Không gian mạng, công nghệ số, phim ảnh, chính sách truyền thông.

**20. Tăng tốc dựa vào GPU giải thuật phân lớp chuỗi thời gian gồm tổ hợp bộ phân lớp 1-NN kết hợp với những đô đo khoảng cách không đàn hồi và đàn hồi**/ Dương Tuấn Anh// Khoa học HUFLIT .- 2023 .- Tập 8(Số 2) .- Tr. 61-68.

**Nội dung:** Cải thiện độ hiệu quả và tính hữu hiệu của một phương pháp phân lớp chuỗi thời gian là một vấn đề rất quan trọng. Bài báo này trình bày một cách tiếp cận tổ hợp (ensemble) để phân lớp chuỗi thời gian sử dụng các bộ phân lớp 1-NN (one-nearest neighbor) kết hợp với những độ đo khoảng cách không đàn hồi (non-elastic) và đàn hồi (elastic). Ngoài ra, chúng tôi thiết kế một cách hiện thực song song hóa dựa vào GPU cho giải pháp đề xuất nhằm cải tiến tính hữu hiệu về thời gian của giải pháp này.

**Từ khóa:** Phân lớp, chuỗi thời gian, tổ hợp, khoảng cách đàn hồi, độ đo khoảng cách, GPU, công nghệ thông tin

**21. Tiến bộ và thách thức của lĩnh vực học máy trong Hóa tin**/ Văn Lăng Trần// Khoa học HUFLIT .- 2023 .- Tập 7(Số 4) .- Tr. 70-89.

**Nội dung**: Trong bài báo này, nhằm mục đíchcung cấp một khảo sát chungvề ML trong hóa tin, chúng tôi bắt đầu bằng cách thảo luận về các khái niệm cơ bản của ML, sau đó xem xét các loại thuật toán ML khác nhau đã được áp dụng cho các bài toán Hóa tin. Qua đócung cấp cho các nhà nghiên cứu và những người thực hành trong ngành Hoá tinhiểu biết thấu đáo về việc áp dụng những kỹ thuật, phương pháp của tin học; đồng thời đưa ra một số thách thức cũng như cơ hội để nghiên cứu pháttriển.Phần cuối cùng trình bày một nghiên cứu thử nghiệm qua việc xácđịnh hoạt tínhdựa trên tập mẫu chứa cácxét nghiệm sàng lọc dotổ chứcBurnham Center for Chemical Genomicsthực hiện, nhằm ức chế biểu hiện bề mặt tế bào VCAM-1 do gen TNFa gây ra.

**Từ khóa**: Hoá tin, học phối hợp, mất cân bằng dữ liệu, học máy, hoạt tính sinh học

**22. Tiến trình phát triển của các chính sách luồng dữ liệu xuyên Đại Tây Dương EU - Mỹ**/ Trịnh Thị Thu Vân// Thông tin & truyền thông .- 2024 .- Số 3 .- Tr. 30-37.

**Nội dung**: Mâu thuẫn chính giữa EU và Mỹ về quản trị dữ liệu: Khác biệt về quan điểm định hướng theo quyền công dân và định hướng theo thị trường; Khác biệt giữa pháp luật thống nhất và pháp luật phi tập trung; Phạm vi “ngoại lệ về an ninh quốc gia” không thống nhất. Ba nội dung chính của “Thỏa thuận Khung quyền riêng tư dữ liệu EU-Mỹ”: Hạn chế hoạt động của các cơ quan tình báo Mỹ; Cải thiện các kênh cứu trợ; Tăng cường cơ chế rà soát, giám sát.

**Từ khóa**: Dữ liệu xuyên biên giới, bigdata, điện toán đám mây, kinh tế số, công nghệ mới

**23. Ứng dụng cơ sở dữ liệu lớn trong dạy học tiếng Anh đại học - Cơ hội và thách thức**/ Nguyễn Thị Thu Minh// Quản lý giáo dục .- 2024 .- Số 4 .- Tr. 130-135.

**Nội dung:** Nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của công nghệ trong tạo ra môi trường học tập tích cực và tương tác giữa giáo viên và sinh viên. Nó cũng đề cập đến cơ hội mà công nghệ mang lại trong việc truy cập vào tài nguyên giáo dục đa dạng và phong phú, thúc đẩy sự sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề của sinh viên. Để giải quyết những thách thức này, nghiên cứu đề xuất các chiến lược như đào tạo liên tục cho giáo viên, nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ và tạo điều kiện cho việc chia sẻ kinh nghiệm giữa giáo viên và sinh viên.

**Từ khóa:** Dạy học tiếng Anh, đại học, ứng dụng công nghệ, cơ sở dữ liệu, cơ hội, thách thức

**24. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy tại các trường đại học trong giai đoạn hiện nay**/ Đặng Thị Hoàng Liên// Quản lý giáo dục .- 2024 .- Số 4 .- Tr. 117-122.

**Nội dung**: Dạy học trong môi trường hiện nay hết sức cơ động và linh hoạt, học ở lớp, học online, học trong phòng thí nghiệm, thực nghiệm ở hiện trường, thực tập tại các nhà máy, doanh nghiệp, tự học cá nhân, học và làm việc theo nhóm. Chính vì vậy, ứng dụng công nghệ trong giảng dạy đang trở nên phổ biến và trở thành lợi thế khi đánh giá một cơ sở giáo dục. Trong bài viết này sẽ làm đề xuất một số ứng dụng chính của việc công nghệ hóa giáo dục, từ đó có thể vận dụng tốt vào đào tạo, giảng dạỵ tại các trường đại học trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa**: Ứng dụng công nghệ, công nghệ thông tin, giảng dạy, các trường đại học

**25. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thiết kế một số trò chơi cho trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi làm quen với chữ cái**/ Nguyễn Thị Nga, Bùi Thị Thanh Trúc// Khoa học giáo dục Việt Nam .- 2024 .- Số 4 .- Tr. 55-62.

**Nội dung**: Tác giả phân tích một số vấn đề lí luận chung và khảo sát thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong thiết kế trò chơi cho trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi làm quen với chữ cái ở một số cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Từ khóa**: Công nghệ thông tin, trò chơi, thiết kế trò chơi, chữ cái, trẻ em

**LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

**1. Ảnh hưởng của phật giáo trong đời sống tinh thần và phong tục tập quán của người dân Campuchia/** Phạm Thanh Tịnh// Nghiên cứu Đông Nam Á.- 2024 .- số 4(289) .- Tr. 46-53.

**Nội dung**: Nghiên cứu quá trình Phật giáo du nhập vào Campuchia và những ảnh hưởng của Phật giáo trong đời sống tinh thần, tín ngưỡng cũng như phong tục tập quán của người dân Campuchia. Phật giáo đã khẳng định được tầm quan trọng của mình, trở thành “cốt lõi của văn hóa” dân tộc ở Campuchia.

**Từ khóa:** Phật giáo, phong tục tập quán, Campuchia, đời sống tinh thần

**2. Bàn thêm về tinh thần Thiền học trong thơ Tuệ Trung Thượng sĩ/** Trần Thị Thắm, Nguyễn Văn Nam// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 6 .- Tr. 120-128.

**Nội dung**: Phân tích biểu hiện của tinh thần thiền học Phật giáo với những quan điểm cụ thể của Tuệ Trung Thượng sĩ để thấy rõ tư tưởng của một thiền sư thời kì này. Tuệ Trung Thượng sĩ là một thiền sư Phật giáo Đại thừa, thuộc dòng dõi hoàng tộc đời Trần.

**Từ khóa:** Thiền học, phật giáo, Tuệ Trung Thượng sĩ

**3. Cách mạng khoa học – công nghệ trong xây dựng chủ nghĩa xã hội đầu thế kỷ XXI: Nhận thức và kinh nghiệm/** Vũ Thị Thu Quyên// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 6 .- Tr. 40-48.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: Phân tích, so sánh, logic và tổng hợp về việc xây dựng cách mạng Khoa học công nghệ thờ kỳ đầu thế kỷ XXI. Bài viết góp phần làm rõ them nhận thức của một số quốc gia về vai trò của khoa học – công nghệ trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, từ đó chỉ ra một số kinh nghiệm cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Khoa học – công nghệ, cách mạng khoa học – công nghệ, xây dựng chủ nghĩa xã hội, chính trị học

**4. Features of “Xuất thế” (Exiting from mundane world) in thoughts of Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, and Nguyễn Bỉnh Khiêm/** Lê Công Sự// Vietnam social sciences review.- 2024 .-No. 1(218) .- p. 3-17.

**Nội dung**: This research investigates the concept of “xuất thế” (exiting from the Mundane World) in the thoughts of Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, and Nguyễn Bỉnh Khiêm. Despite their Confucian influence and societal roles, they were also impacted by Taoist and Buddhist ideas. The study reveals how these influences manifested in their works and contributed to their significant achievements in Vietnamese history.

**Từ khóa:** "Xuất thế", Confucianism, Taoism; Buddhism.

**5. Giải pháp nâng cao trình độ cho giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay/** Nguyễn Thị Thu Hà// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 3 .- Tr. 12-22.

**Nội dung**: Tập trung thực trạng biến đổi trình độ của giai cấp công nhân Việt Nam thông qua việc so sánh số liệu thống kê giữa các năm và giữa các ngành, các thành phần kinh tế. Từ đó, dự báo xu hướng biến đổi trong thời gian tới và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao trình dộ cho giai cấp công nhân Việt Nam đáp ứng tốt yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

**Từ khóa:** Chính trị học, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, giai cấp công nhân

**6. Kiên định chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội/** Đặng Công Thành// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 1 .- Tr. 25-31.

**Nội dung**: Phân tích sự kiên định chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Tìm ra cách thức, biện pháp tối ưu của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trên cơ sở quán triệt sâu sắc, vận dụng và phát triển sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa xã Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp đặc điểm dân tộc Việt Nam và xu thế phát triển thời đại.

**Từ khóa:** Chủ nghĩa xã hội, Việt Nam, chính trị học

**7. Một số kinh nghệm trong công tác cán bộ của Đảng cộng sản Trung Quốc hiện nay/** Trần Ánh Tuyết// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 3 .- Tr. 3-11.

**Nội dung**: Phân tích đường lối, chủ trương, biện pháp của Đảng cộng sản Trung Quốc trong công tác cán bộ hiện nay. Trình bày một số kết quả đạt được và hạn chế trong công tác lựa chọn, bổ nhiệm cán bộ hiện nay của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

**Từ khóa:** Chính trị học, Đảng cộng sản Trung Quốc, công tác cán bộ

**8. Nội dung và phương thức các cấp công đoàn viên chức tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam/** Phạm Thị Thúy Nga// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 1 .- Tr. 63-73.

**Nội dung**: Phân tích và xác định nội dung và phương thức để các cấp công đoàn viên chức tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Bộ Chính trị về tiếp tục hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

**Từ khóa:** Công đoàn, công đoàn viên chức, Nhà nước pháp quyền

**9. Phật giáo Việt Nam đồng hành cùng đất nước trong sự nghiệp đổi mới : góc nhìn từ hoạt động ngoại giao nhân dân/** Trần Thị Tâm// Nghiên cứu và Phát triển.- 2024 .- Số 3.- Tr. 22-36

**Nội dung**: Phân tích vai trò của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong việc đồng hành với công cuộc đổi mới và các hoạt động ngoại giao nhân dân của nhà nước ở Việt Nam hiện nay. Thống kê, đánh giá những kết quả nổi bật; đề xuất phương hướng phát huy hoạt động đối ngoại của Giáo hội trong tương lai.

**Từ khóa:** Phật giáo Việt Nam, đổi mới, ngoại giao nhân dân.

**10. Quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen về bảo vệ thành quả cách mạng/** Nguyễn Đình Bắc, Lã Trọng Đại// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 5 .- Tr. 48-56.

**Nội dung**: Tập trung khái quát và luận giải quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen về bảo vệ thành quả cách mạng trên ba phương diện cốt lõi: phương pháp tiếp cận vấn đề bảo vệ thành quả cách mạng; tính tất yếu khách quan và các điều kiện cần thiết để giai cấp công nhân bảo vệ thành quả cách mạng.

**Từ khóa:** Chính trị học, C.Mác, Ph.Ăngghen, giai cấp công nhân

**11. Quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở Việt Nam hiện nay**/ Vũ Thị Phương Lê// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 3 .- Tr. 23-32.

**Nội dung**: Quản lý nhà nước về công tác dân tộc là dạng quản lý công vụ của bộ máy nhà nước, mang tính quyền lực, tính tố chức cao, được điều chỉnh bằng pháp luật, vừa mang tính phổ biến, vừa mang tính đặc thù của lĩnh vực quản lý. Bằng phương pháp phân tích và tổng hợp, bài viết này sẽ làm rõ những nội dung quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa:** Chính trị học, dân tộc, công tác dân tộc, quản lý nhà nước

**12. Sự chuyển đổi sang hình thái mới của “chủ nghĩa tư bản” ở Nhật Bản và những vẫn đề đặt ra/** Trần Thị Vinh, Khổng Thị Bình// Nghiên cứu Quốc tế.- 2023 .- số 4(135) .- Tr. 173-194.

**Nội dung**: Tập trung phân tích những vấn đề cơ bản sau đây: Mô hình phát triển của chủ nghĩa tư bản Nhật Bản; sự chuyển đổi sang hình thái mới của chủ nghĩa tư bản ở Nhật Bản; những vấn đề đặt ra đối với “hình thái chủ nghĩa tư bản mới” của Kishda.

**Từ khóa:** Nhật Bản, chính sách kinh tế, hình thái chủ nghĩa tư bản mới, tăng cường

**13. Tái cấu trúc cộng đồng : nhìn từ chương trình di sản lễ hội truyền thống ở đô thị Nam Bộ hiện nay (trường hợp thành phố Hồ Chí Minh, Long An)/** Đoàn Thị Cảnh// Nghiên cứu và Phát triển.- 2024 .- Số 3.- Tr. 46-57

**Nội dung**: Phân tích quá trình tái cấu trúc cộng đồng thông qua việc thực hành di sản lễ hội truyền thống tại các đô thị Nam Bộ, chỉ ra rằng quá trình này diễn ra liên tục và bị ảnh hưởng bởi các yếu tố từ cấu trúc xã hội và các chương trình di sản. Nghiên cứu tập trung vào các xu hướng biến đổi, đồng thời xem xét tác động của chúng đối với cấu trúc cộng đồng và đề xuất các chính sách phù hợp.

**Từ khóa:** Di sản, lễ hội truyền thống, thị dân, tái cấu trúc cộng đồng, Nam Bộ.

**14. Tạo dựng môi trường thuận lợi nhằm phát huy vai trò nguồn nhân lực chất lượng cao trong hiện đại hóa quân đội hiện nay/** Nguyễn Hữu Hồi// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 4 .- Tr. 32-52.

**Nội dung**: Tập trung làm rõ vai trò nguồn nhân lực chất lượng cao trong hiện đại hóa quân đội. Trên cơ sở đánh giá khái quát thực trạng và yêu cầu xây dựng quân đội trong tình hình mới, bài viết đề xuất một số biện pháp chính tạo dựng môi trường thuận lợi nhằm phát huy vai trò nguồn nhân lục chất lượng cao trong hiện đại hóa quân đội hiện nay.

**Từ khóa:** Chính trị học, nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân lục, quân đội

**15. Tiếp cận đo lường an toàn xã hội trên thế giới và hàm ý cho phát triển bộ chỉ số an toàn xã hội ở Việt Nam/** Nguyễn Đức Chiện, Lê Quý Dương Đoàn, Đoàn Thu Phương, Nguyễn Thị Ngân// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 1 .- Tr. 3-11.

**Nội dung**: Phân tích các tài liệu thứ cấp về đo lường an toàn xã hội và ững dụng của những đo lường này nhằm đưa ra một cái nhìn tổng quát về vấn đề. Từ đó, đưa ra khuyễn nghị, một số gợi ý cho việc xây dựng và phát triển bộ chỉ số đo lường an toàn xã hội tại Việt Nam.

**Từ khóa:** An toàn xã hội, an ninh xã hội, tiếp cận lý thuyết, đo lường, ững dụng

**16. Tính biện chững trong tư tưởng Hồ Chí Minh về trọng dụng và phát triển nhân tài/** Hoàng Thị Giang// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 1 .- Tr. 32-42.

**Nội dung**: Tập trung làm sáng tỏ nội dung về tính biện chứng giữa trọng dụng và phát triển nhân tài của tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong đó, trọng dụng nhân tài là yếu tố quyết định sự phát triển của nhân tài. Đồng thời phát triển nhân tài là điều kiện đảm bảo cho trọng dụng nhân tài.

**Từ khóa:** Biện chứng, trọng dụng, nhân tài, Hồ Chí Minh

**17. Tình hình biển Đông năm 2023 và dự báo năm 2024/** Đỗ Hoàng// Nghiên cứu Quốc tế.- 2023 .- số 4(135) .- Tr. 101-128.

**Nội dung**: Tổng hợp và đánh giá các diễn biến quan trọng nhất liên quan đến biển Đông trong năm 2023, rút ra các xu hướng nổi bật nhất trên bốn lĩnh vực gồm: Thực địa; chính trị - ngoại giao; pháp lý; thông tin – tuyên truyền. Từ đó bài viết đưa ra một vài dự báo về chiều hướng phát triển của các diễn biến trên 4 khía cạnh trên.

**Từ khóa:** Biển Đông, Asean, Mỹ, Phi-líp-pin, Trung Quốc, Việt Nam, cạnh tranh nước lớn

**18. Triết học của Michel Serres – từ bản thể luận đến tư tưởng về sinh thái học**/ Hoàng Tùng Dương, Trần Thị Thúy Ngọc// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 3 .- Tr. 57-67.

**Nội dung**: Qua nghiên cứu các tác phẩm của Serres, bài viết làm rõ những quan điểm quan trọng và chỉ ra mối liên hệ giữa bản thể luận và tư tưởng sinh thái học của Serres, đồng thời chỉ ra những ưu, nhược điểm trong triết học của ông và nêu lên một số gợi mở đối với Việt Nam.

**Từ khóa:** Triết học, Pháp đương đại, bàn thể luận, khế ước tự nhiên, Michel Serres

**19. Tư tưởng của G.W.F. Hegel về sự tha hóa của con người**/ Trần Nhựt Khang// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 3 .- Tr. 47-56.

**Nội dung**: Trình bày nội dung chủ yếu trong tư tưởng của G.W.F. Hegel về sự tha hóa của con người. Phân tích cách hiểu của Hegel về thuật ngữ tha hóa cùng với các thuật ngữ liên quan do chính Hegel sử dụng. Cuối cùng, tác giả nêu lên một cách khái quát giá trị và hạn chế trong tư tưởng của Hegel về sự tha hóa của con người.

**Từ khóa:** Triết học, tha hóa, ngoại tại hóa, đối tương hóa, lao động

**20. Vai trò của cán bộ chính trị trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng/** Trần Đăng Dũng// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 6 .- Tr. 30-39.

**Nội dung**: Tổng hợp các phương pháp nghiên cứu của khoa học chuyên ngành, liên ngành, bao gồm các phương pháp chủ yếu như: Phương pháp logic – lích sử, phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, khái quát hóa, phân tích tài liệu. Trên cơ sở đánh giá khái quát thực trạng và những vấn đề mới đặt ra, bài viết đề xuất một số biện pháp nhằm phát huy vai trò của cán bộ chính trị ở các học viên, trường sĩ quan, quân đội trong đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng hiện nay.

**Từ khóa:** Cán bộ chính trị, không gian mạng, nền tảng tư tưởng của Đảng, quân đội

**21. Vai trò Phật giáo trong việc hình thành và thực thi chính sách “bảo dân – an dân” thời Lý – Trần/** Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Minh Tuấn, Trần Việt Thắng// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 6 .- Tr. 11-20.

**Nội dung**: Phân tích làm rõ vai trò của Phật giáo trong việc hình thành và thực thi chính sách “Bảo dân – an dân” với những biểu hiện nổi bật như: Trong việc xây dựng, củng cố bộ máy nhà nước mang tính nhân dân, dân tộc; trong giáo dục đạo đức và trong đời sống tinh thần của người dân, trong việc chăm lo đời sống vật chất của người dân; trong việc bảo vệ tính mạng và đảm bảo cuộc sống an bình cho người dân.

**Từ khóa:** Phật giáo, bảo dân, an dân, chính sách, thời Lý – Trần

**22. Vấn đề con người trong Nghị quyết 98/2023/QH15, thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh/** Bền Quốc Thắng// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 5 .- Tr. 40-47.

**Nội dung**: Bằng các phương pháp phân tích và tổng hợp, so sánh và đối chiếu, logic và lịch sử. Bài viết đã chỉ ra sự cần thiết và những nội dung cơ bản của vấn đề con người trong Nghị quyết 98/2023/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, bài viết nêu lên một số giải pháp nhằm thực thi vấn đề con người trong Nghị quyết 98 trên thực tế một cách nhanh chonhs và hiệu quả.

**Từ khóa:** Chính trị học, Quốc hội, Thành phố Hồ Chí Minh, Nghị quyết 98, con người

**QUAN HỆ QUỐC TẾ**

**1. Định chế tiểu đa phương ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương hiện nay và liên hệ với Việt Nam**/ Phùng Chí Kiên, Nguyến Tuấn Anh// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2024 .- số 3(288) .- Tr. 3-12.

**Nội dung**: Nghiên cứu và tập trung làm rõ cơ sở lý luận về định chế tiểu đa phương. Trên cơ sở đó phân tích thực trạng, chỉ ra một số xu hướng chính trong sự hình thành, phát triển của định chế tiểu đa phương tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương hiện nay. Những kết quả đó là cơ sở để nhóm tác giả đưa ra một số liên hệ với Việt Nam trong quá trình hội nhập và hợp tác quốc tế thời gian tới.

**Từ khóa:** Định chế quốc tế, tiểu đa phương, Châu Á, Thái Bình Dương, Việt Nam

**2. 10 years of Vietnam - US comprehensive partnership : a Vietnamese perspective/** Nguyen Hong Quang, Nguyen Thi Quynh Trang// Journal of international studies.- 2023 .-No. 48&49 .- p. 91-116.

**Nội dung**: This paper discusses the 10-year implementation of the Vietnam-US Comprehensive Partnership established in 2013. It analyzes the progress made in bilateral relations, evaluates the effectiveness of the partnership, and suggests ways to enhance cooperation between the two countries to enhance future relations.

**Từ khóa:** Vietnam, US, Comprehensive Partnership, bilateral cooperation.

**3. 50 years of Vietnam - Australia relations (1973-2023)/** Tran Minh Nguyet// Journal of international studies.- 2023 .-No. 48&49 .- p. 169-204.

**Nội dung**: This paper examines Vietnam-Australia relations over the past 50 years (1973-2023), analyzing achievements in political diplomacy, defense-security, economics, and other areas. It proposes recommendations to strengthen and deepen bilateral relations in the future.

**Từ khóa:** Vietnam, Australia, diplomatic relations.

**4. Bàn về nguồn gốc hình thành, sự bùng nổ và chấm dứt của trật tự thế giới hai cực Yalta**/ Trần Khánh// Nghiên cứu Châu Âu .- 2024 .- số 1(273) .- Tr. 3-16.

**Nội dung**: Phân tích sự hình thành và bùng nổ Trật tự Thế giới hai cự Yalta. Từ đó góp phần hệ thống hóa nguyên nhân sự hình thành, bùng nổ và kết thúc của trật tự hai cực Yalta, trong đó làm rõ them nguồn gốc, bản chất và tác động của nó đến “công quản” thế giới.

**Từ khóa:** Trật tự thế giới, Yalta, trật tự thế giới hai cực Yalta

**5. Bàn về trật tự Quốc tế đến năm 2030/** Nguyễn Hồng Quang// Nghiên cứu Quốc tế.- 2023 .- số 4(135) .- Tr. 129-150.

**Nội dung**: Nghiên cứu và bàn về trật tự Quốc tế đến năm 2030. Trât tự Quốc tế là thuật ngữ (chỉ trạng thái của thế giới ở dạng đơn cực, lưỡng cực hay đa cực) được giới thiệu nghiên cứu quan hệ quốc tế và chính giới nhiều nước sử dụng rộng rãi trong các nghiên cứu và thảo luận chuyên ngành.

**Từ khóa:** Trật tự thế giới, cục diện quốc tế, cạnh tranh Mỹ - Trung, cạnh tranh Mỹ - Nga

**6. Các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của Hàn Quốc dưới thời lãnh đạo của Tổng thống Park Chung Hee (1963-1979)/** Nguyễn Thị Huyền Trang// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 2 .- Tr. 34-45.

**Nội dung**: Tìm hiểu những nhân tố ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại của chính quyền Park Chung Hee trong giai đoạn này trên cả ba cấp độ: Bối cảnh quốc tế, khu vực (cấp độ hệ thống), bối cảnh trong nước (cấp độ quốc gia) và nhân tố các nhân (Cấp độ cá nhân).

**Từ khóa:** Chính sách đối ngoại, Hàn Quốc, Park Chung Hee

**7. Canadian digital dimplomacy on the Facebook platform in Vietnam**/ Nguyen Thai Hoang Hanh// Khoa học HUFLIT .- 2023 .- Vol. 8(N. 1) .- P. 26-33.

**Nội dung**: Bài viết này xem xét việc ngoại giao số của Canada trên nền tảng mạng xã hội ở Việt Nam nhằm xác định điểm mạnh và điểm yếu. Đồng thời bài viết cũng đưa ra một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy ngoại giao số của Canada tại Việt Nam cũng như đưa ra vài hàm ý cho chính sách ngoại giao số của Việt Nam.

**Từ khóa**: Vietnam-Canada relations, digitalized public diplomacy, digital diplomacy

**8. Cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc ở Trung Đông/** Đỗ Thị Thu Phượng// Nghiên cứu Trung Quốc.- 2024 .- số 4(272) .- Tr. 33-44.

**Nội dung**: Trình bày khái quát một số vấn đề về cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc ở Trung Đông. Từ những phân tích ở các khía cạnh thương mại, vị thế cường quốc, đầu tư trực tiếp nước ngoài, viện trợ nhân đạo – kinh tế, chạy đua công nghệ. Bài viết sự góp phần trả lời câu hỏi liệu Trung Quốc có thể thay thế Mỹ ở Trung Đông hay không?.

**Từ khóa:** Cạnh tranh Mỹ - Trung, Trung Đông, cạnh tranh công nghệ, công nghệ bán dẫn

**9. Cạnh tranh nước lớn và những thách thức trong môi trường địa kinh tế, địa chính trị ở một số khu vực trên thế giới hiện nay**/ Phạm Thái Quốc// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2024 .- số 2(270) .- Tr. 3-15.

**Nội dung**: Khái quát về cạnh tranh nước lớn, làm rõ một số khía cạnh chính trong cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc, cạnh tranh Mỹ - Nga. Tập trung phân tích những thách thức trong môi trường địa chính trị, địa kinh tế ở khu vực Đông Nam Á, Nam Thái Bình Dương và Trung Đông. Những thách thức này là hệ quả của cạnh tranh nước lớn. Từ đó đưa ra nhận xét và kết luận.

**Từ khóa:** Cạnh tranh nước lớn, Mỹ, Trung Quốc, Nga

**10. Câu trúc nghiên cứu quan hệ quốc tế dựa trên phân tích thành tố/** Hoàng Khắc Nam, Lê Lêna// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 6 .- Tr. 3-10.

**Nội dung**: Trình bày về những thành tố cơ bản, đặc trưng của mối quan hệ giữa các chủ thể Quan hệ quốc tế. Phân tích mối liên hệ qua lại giữa các thành tố. Trên cơ sở đó, sẽ đưa ra nhân xét đánh giá về khả năng áp dụng cấu trúc nghiên cứu này cho thấy khung phân tích nghiên cứu Quan hệ Quốc tế.

**Từ khóa:** Quan hệ quốc tế, khung phân tích, cấu trúc nghiên cứu

**11. “Chia rẽ quan hệ” thông qua tuyên truyền: Trường hợp Đài Loan trong cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung**/ Huỳnh Tâm Sáng, Tống Thái Thiên, Lê Thị Yến Nhi// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2024 .- số 3(271) .- Tr. 49-59.

**Nội dung**: Nghiên cứu cạnh tranh về tuyên truyền như một phần trong chiên lược chia rẽ mà Mỹ và Trung Quốc đã sử dụng đối với Đài Loan, chỉ ra tính hiệu quả của chúng và bàn về ứng xử của các bên. Bài viết tập trung vào giai đoạn 2018-2022, thời gian mà chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đang gay gắt và diễn ra hai cuộc bầu cử quan trọng ở Đài Loan.

**Từ khóa:** Tuyên truyền, cạnh tranh Mỹ - Trung, Trung Quốc, Đài Loan, “chia rẽ quan hệ”

**12. Chinese path to modernizations : characteristics and prospects/** Pham Thanh Binh, Trinh Xuan Huong// Journal of international studies.- 2023 .-No. 48&49 .- p. 317-334.

**Nội dung**: This paper examines China's approach to modernization as outlined in the 20th Communist Party Congress, analyzing its characteristics and prospects. It discusses the implications for China's development and potential lessons for Vietnam.

**Từ khóa:** Vietnam - China relations, Chinese modernization, Chinese Communist Party, Chinese style.

**13. Chính sách an sinh xã hội của CHLB Đức và một số gợi mở cho Việt Nam**/ Nguyễn Trọng Bình// Nghiên cứu Châu Âu .- 2024 .- số 1(273) .- Tr. 96-105.

**Nội dung**: Giới thiệu vài nét về bối cảnh của việc thiết lập hệ thống chính sách an sinh xã hội ở Đức. Tìm hiểu một số nội dung của chính sách an sinh xã hội ở Đức. Đồng thời nêu lên một số gợi mở cho việc đổi mới chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

**Từ khóa:** CHLB Đức, an sinh xã hội, an ninh con người, bối cảnh mới

**14. Chính sách đối ngoại của Trung Quốc nhìn từ luật quan hệ đối ngoại năm 2023/** Nguyễn Đặng Lan Anh// Nghiên cứu Trung Quốc.- 2024 .- số 4(272) .- Tr. 23-32.

**Nội dung**: Trình bày khái quát về quá trình ban hành Luật quan hệ đối ngoại. Phân tích về thiết lập và củng cố vai trò của Đảng Cộng sản Trung Quốc và ông Tập Cận Bình trong lĩnh vực đối ngoại. Bài viết chỉ ra rằng Luật Quan hệ đối ngoại đã chính thức thiết lập sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc và củng cố quyền kiểm soát toàn diện của ông Tập Cận Bình đối với hoạt động đối ngoại.

**Từ khóa:** Trung Quốc, Luật quan hệ đối ngoại, chính sách đối ngoại

**15. Chính sách đối ngoại của Trung Quốc tại Đông Nam Á trước thách thức từ Ấn Độ: Phân tích trường hợp Việt Nam**/ Trần Xuân Hiệp, Lê Hoàng Kiệt// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2024 .- số 2(270) .- Tr. 68-79.

**Nội dung**: Tập trung phân tích các chính sách, chiến lược của Trung Quốc đã và đang triển khai tại Việt Nam trước thách thức từ cạnh tranh chiến lược của Ấn Độ hiện nay. Quan hệ canh tranh chiến lược Ấn Độ - Trung Quốc tại Đông Nam Á đã và đang tác động mạnh mẽ đến tình hình chính trị và an ninh của các quốc gia tại khu vực.

**Từ khóa:** Ấn Độ, Trung Quốc, Đông Nam Á, chính sách đối ngoại

**16. Chủ nghĩa nhân đạo, chủ nghĩa nhân văn trong chính sách đối ngoại Việt Nam trước năm 1945/** Nguyễn Anh Cường, Nguyễn Thị Loan// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 2 .- Tr. 3-11.

**Nội dung**: Nghiên cứu và tập trung trả lời cho câu hỏi trong các triều đại phong kiến Việt Nam, tinh thần của chủ nghĩa nhân đạo, nhân văn có được thể hiện như thế nào qua các chính sách đối ngoại của vua tôi phong kiến Việt Nam đối với các quốc gia lân cận.

**Từ khóa:** Quan hệ quốc tế, đối ngoại truyền thống, phong kiến Việt Nam

**17. Deepening foreign relations in Vietnam's foreign policy thinking under Doi Moi/** Tran Chi Trung// Journal of international studies.- 2023 .-No. 48&49 .- p. 45-68.

**Nội dung**: This paper examines Vietnam's foreign policy evolution since Doi Moi, focusing on the "deepening foreign relations" policy from 2006. It analyzes the implementation and success of establishing strategic partnerships and suggests solutions to enhance Vietnam's current international relations.

**Từ khóa:** Foreign relations, Vietnamese foreign policy, Doi Moi, strategic partnerships.

**18. Envisioning the world order to 2030/** Nguyen Hong Quang// Journal of international studies.- 2023 .-No. 48&49 .- p. 295-316.

**Nội dung**: This paper analyzes the evolving world order towards 2030, focusing on great power competition and its impact on small and medium-sized countries. It analyzes the transition period's characteristics, duration, and prospects for the future world order.

**Từ khóa:** World order, international conjucture, Asia-Pacific, global transition.

**19. Hiệp định về vùng nước lịch sử giữa Việt Nam và Cam-Pu-Chia: Dấu ấn lịch sử và gợi mở cho tương lai/** Nguyễn Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Lan Hương// Nghiên cứu Quốc tế.- 2023 .- số 4(135) .- Tr. 75-100.

**Nội dung**: Đánh giá lại bối cảnh lịch sử, pháp lý và ý nghĩa của Hiệp định này. Từ đó phân tích một số bất cập trong việc quản lý chung vùng nước lịch sử giữa Việt Nam và Cam-Pu-Chia để gợi mở triển vọng phân định và quản lý biển giữa hai nước trong tương lai.

**Từ khóa:** Việt Nam, Cam-Pu-Chia, vùng nước lịch sử, phân định biển

**20. Hợp tác văn hóa Việt Nam – Thái Lan giai đoạn 2013-2023/** Nguyễn Hữu Phúc// Nghiên cứu Đông Nam Á.- 2024 .- số 4(289) .- Tr. 63-71.

**Nội dung**: Làm rõ những thành tựu đạt được trong hợp tác văn hóa giữa Việt Nam và Thái Lan giai đoạn 2013-2023 thông qua việc nhận diện những nhân tố tác động, những thành tựu đạt được và đưa ra một vài nhận xét đánh giá về mối quan hệ văn hóa Việt Nam – Thái Lan trong mười năm qua.

**Từ khóa:** Hợp tác văn hóa, Việt Nam, Thái Lan

**21. Liên kết tiểu đa phương ở Châu Á – Thái Bình Dương và hàm ý chính sách cho Việt Nam/** Nguyễn Thị Bích Ngọc// Nghiên cứu Quốc tế.- 2023 .- số 4(135) .- Tr. 151-172.

**Nội dung**: Phân tích liên kết tiểu đa phương từ góc độ lý thuyết và khảo sát thực tiễn các cơ chế tiểu đa phương tại châu Á – Thái Bình Dương. Bài viết đề xuất một số điểm cần có trong cách tiếp cận của Việt Nam đối với hợp tác tiểu đa phương nhằm thực hóa các mục tiêu của đất nước.

**Từ khóa:** Liên kết tiểu đa phương, Châu Á – Thái Bình Dương, cạnh tranh nước lớn, chính sách đối ngoại Việt Nam

**22. Lợi ích những điều chỉnh chiến lược của EU đối với biển Đông trong bối cảnh quốc tế mới**/ Nguyễn An Hà, Nguyễn Thị Ngọc Diệp// Nghiên cứu Châu Âu .- 2024 .- số 1(273) .- Tr. 17-29.

**Nội dung**: Biển Đông có vị trí chiến lược quan trọng, là hành lang hàng hải quốc tế nối giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, và có nhiều tài nguyên khoáng sản quan trọng như dầu khí, đất hiếm. Bài viết này làm rõ lợi ích và những điều chỉnh chiến lược của EU và một số thành viên chủ chốt tại Biển Đông hiện nay.

**Từ khóa:** Biển Đông, chiến lược, cạnh tranh, hợp tác, Liên minh Châu Âu.

**23. Mục tiêu chiến lược của Trung Quốc từ cải cách mở cửa đến nay/** Nguyễn Thị Phương Hoa// Nghiên cứu Trung Quốc.- 2024 .- số 4(272) .- Tr. 3-13.

**Nội dung**: Điểm lại mục tiêu chiến lược của Trung Quốc từ cải cách mở cửa đến nay, trong đó chia làm 2 giai đoạn lớn gồm 20 năm cuối của thế kỷ XX và 50 năm đầu thế kỷ XXI. Đánh giá về quá trình và cách thức thực hiện mục tiêu này.

**Từ khóa:** Mục tiêu chiến lược, hiện đại hó Xã hội chủ nghĩa, Trung Quốc

**24. Non-state actors in maritime cooperation activities and policy recommendations for Vietnam/** Tran Minh Nguyet// Journal of international studies.- 2023 .-No. 48&49 .- p. 271-294.

**Nội dung**: This paper examines the role of non-state actors in maritime cooperation and its implications for Vietnam's maritime governance. It analyzes the legal status of these actors and proposes policy recommendations to enhance their participation in Vietnam's maritime activities.

**Từ khóa:** Non-state actors, maritime cooperation, Vietnam.

**25. Phát huy vai trò đối ngoại nhân dân trong nền ngoại giao Việt Nam toàn diện từ nay đến 2030/** Lê Hải Bình, Phạm Mỹ Lệ// Nghiên cứu Quốc tế.- 2023 .- số 4(135) .- Tr. 9-26.

**Nội dung**: Trình bày sự phát triển tư duy của Đảng về đối ngoại nhân dân. Phân tích lý luận và thực tiễn về Đối ngoại nhân dân trong nền ngoại giao Việt Nam toàn diện như: Mối liên hệ giữa đối ngoại nhân dân và đói ngoại Đảng; Sự phối hợp giữa đối ngoại nhân dân và ngoại giao Nhà nước.

**Từ khóa:** Việt Nam, đối ngoại, chính sách đối ngoại Việt Nam, đối ngoại nhân dân

**26. Phát triển "Thương hiệu Việt Nam" qua các hoạt động ngoại giao công chúng trong giai đoạn Covid-19 đến nay**/ Trương Thị Lê Hồng// Khoa học HUFLIT .- 2023 .- Tập 8(Số 2) .- Tr. 61-68.

**Nội dung**: Trong bài viết này, tác giả sẽ nghiên cứu về các hoạt động ngoại giao công chúng nhằm quảng bá hình ảnh, thương hiệu Việt Nam từ năm 2020 đến nay.

**Từ khóa**: Thương hiệu quốc gia, Việt Nam, ngoại giao công chúng, covid –19

**27. Phát triển sức mạnh biển của Việt Nam - Những gợi ý từ lý thuyết sức mạnh biển của Alfred Thayer Mahan**/ Ngô Thị Bích Lan// Khoa học HUFLIT .- 2023 .- Tập 8(Số 2) .- Tr. 55-60.

**Nội dung**: Trong phạm vi bài viết, tác giả sẽ phân tích tiềm năng phát triển sức mạnh biển của Việt Nam dựa theo lý thuyết mà Mahan đã đưa ra trong bối cảnh hiện đại. Trên cơ sở đó xác định các ưu điểm và hạn chế, đồng thời đề xuất giải pháp nhằm xây dựng và bảo vệ sức mạnh biển của Việt Nam.

**Từ khóa**: Sức mạnh biển, Alfred Thayer Mahan, hải quân Hoa Kỳ, sức mạnh quốc gia

**28. Promoting Vietnam's soft power towards effectively implementing the foreign policy orientations of the XIII party congress/** Nguyen Hai Luu, Nguyen Hung Son// Journal of international studies.- 2023 .-No. 48&49 .- p. 69-90.

**Nội dung**: This paper examines Vietnam's use of soft power in foreign policy to achieve the 13th Party Congress goals, highlighting its success through multilateral diplomacy and the importance of continuing this approach for development goals by 2045.

**Từ khóa:** Soft power, foreign policy, multilateral foreign affairs, national synergy, Vietnam.

**29. Quan hệ cạnh tranh Mỹ - Nga trong giai đoạn hiện nay/** Nguyễn Lan Hương// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 6 .- Tr. 49-59.

**Nội dung**: Tìm hiểu đặc điểm với những biểu hiện và bản chất của quan hệ cạnh tranh Mỹ - Nga trong giai đoạn hiện nay, lí giải vì sao cạnh tranh Mỹ - Nga lại được coi là cạnh tranh chiến lược. Tư liệu được sử dụng là các văn bản chiến lược của Mỹ, Nga và các công trình nghiên cứu có liên quan.

**Từ khóa:** Cạnh tranh nước lớn, cạnh tranh chiến lược, quan hệ cạnh tranh Mỹ - Nga

**30. Quan hệ Thái Lan - Ấn Độ giai đoạn 1947-2014**/ Hà Lê Huyền, Nguyễn Thị Hồng Lam// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2024 .- số 3(288) .- Tr. 13-23.

**Nội dung**: Tập trung phân tích quan hệ Thái Lan - Ấn Độ từ năm 1947 đến năm 2014 trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, an ninh – quốc phòng, kinh tế và văn hóa – xã hội để có thể thấy được những thành tựu đã đạt dược trong giai đoạn này.

**Từ khóa:** Thái Lan, Ấn Độ, quan hệ, hợp tác song phương

**31. Quan hệ văn hóa, giáo dục Liên Minh Châu Âu – Việt Nam trong bối cảnh thực thi “chiến lược kết nối của Liên minh Châu Âu”**/ Bùi Hồng Hạnh// Nghiên cứu Châu Âu .- 2024 .- số 1(273) .- Tr. 117-129.

**Nội dung**: Nghiên cứu và tập trung xem xét quan hệ văn hóa, giáo dục EU – Việt Nam, trong đó EU được coi là một chủ thể thống nhất, quan hệ song phương giữa Việt Nam và các nước thành viên EU được coi như một kênh hợp tác bổ trợ và thúc đẩy quan hệ EU – Việt Nam nói chung.

**Từ khóa:** Quan hệ văn hóa, giáo dục, Liên minh Châu Âu

**32. Quan hệ Việt Nam – Pháp 50 năm qua và triển vọng trong thập niên tới/** Trần Minh Hoàng// Nghiên cứu Quốc tế.- 2023 .- số 4(135) .- Tr. 27-48.

**Nội dung**: Trên cơ sở phân tích quan hệ Việt Nam – Pháp qua từng thời kỳ, cũng như việc đánh giá những tồn tại, hạn chế trong quan hệ hiện nay, bài viết đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy và đưa quan hệ Việt Nam – Pháp ngày càng đi vào chiều sâu, thiết thực, phù hợp với mong muốn và nguyện vọng hai bên.

**Từ khóa:** Việt Nam, Pháp, đối tác chiến lược, chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, tin cậy chính trị

**33. Quan hệ Việt Nam – Thụy Điển: Thực trạng và triển vọng/** Nguyễn Văn Lịch, Nguyễn Thùy Ngân// Nghiên cứu Quốc tế.- 2023 .- số 4(135) .- Tr. 49-74.

**Nội dung**: Giới thiệu khái quát về Thụy Điển. Phân tích thực trạng quan hệ Việt Nam – Thụy Điển trong các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, kinh tế, hợp tác giáo dục – đào tạo, văn hóa, khoa học – công nghệ và các lĩnh vực khác. Từ đó đưa ra một số đề xuất nhằm thúc đẩy quan hệ song phương Việt Nam – Thụy Điển trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Việt Nam, Thụy Điển, quan hệ song phương, hợp tác phát triển, viện trợ

**34. Some thoughts on the Ho Chi Minh school of diplomacy/** Vu Duong Huan// Journal of international studies.- 2023 .-No. 48&49 .- p. 5-26.

**Nội dung**: The Ho Chi Minh diplomatic school, though briefly discussed in literature, needs further research. This study analyzes its theoretical foundations and practical applications, highlighting characteristics like harmony for national interests, openness, independence, self-reliance, cooperation, international integration, respect for major countries and neighbors, sincerity, and flexibility in strategies.

**Từ khóa:** Diplomatic school, Ho Chi Minh, international relations, harmony, immutability.

**35. Sự lan tỏa nghệ thuật từ Ấn Độ sang Đông Nam Á: Một góc nhìn lịch sử/** Phan Tú Lan// Nghiên cứu Đông Nam Á.- 2024 .- số 4(289) .- Tr. 54-62.

**Nội dung**: Nghiên cứu và làm rõ con đường du nhập văn hóa Ấn Độ vào Đông Nam Á. Từ đó, đi sâu tìm hiểu sự lan tỏa các truyền thống nghệ thuật tôn giáo qua phong cách kiến trúc bảo tháp và đền thờ để thấy được các nét tương đồng trong đường nét nghệ thuật tôn giáo ở khu vực này.

**Từ khóa:** Nghệ thuật Ấn Độ, Đông Nam Á

**36. Tác động của mối quan hệ văn hóa nội tộc người ở vùng biên giới Việt – Trung đến bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa tộc người/** Nguyễn Thị Tám// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 1 .- Tr. 74-85.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng mối quan hệ văn hóa nội tộc người ở vùng biên giới Việt Nam – Trung Quốc. Tác động đến bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tộc người và xây dựng văn hóa quốc gia vùng biên giới Việt Nam – Trung Quốc.

**Từ khóa:** Quan hệ tộc người, văn hóa, biên giới Việt Nam – Trung Quốc, nhân học

**37. Tam giác chiến lược: So sánh quan hệ Mỹ - Trung Quốc – Liên Xô thời chiến tranh lạnh và quan hệ Mỹ - Trung Quốc – Nga hiện nay/** Nguyễn Đức Chính, Ngô Minh Hằng// Nghiên cứu Quốc tế.- 2023 .- số 4(135) .- Tr. 195-218.

**Nội dung**: Phân tích đặc điểm quan hệ Mỹ - Trung Quốc – Liên Xô thời chiến tranh lạnh nhằm rút ra những điểm giống và khác biệt với quan hệ Mỹ - Trung Quốc – Nga hiện nay. Bài viết sẽ vận dụng khung lý thuyết của Lowel Dittmer để đánh giá các đặc điểm quan hệ Mỹ - Trung – Xô thời Chiến tranh Lạnh và so sánh với quan hệ Mỹ - Trung – Nga hiện nay.

**Từ khóa:** Tam giác chiến lược, Mỹ - Trung – Nga, cạnh tranh nước lớn, quan hệ nước lớn, cạnh tranh chiến lược

**38.** **The global impact for Safe, Orderly and Regular Migration and Vietnam’s commitments/** Pham Thanh Binh, Trinh Xuan Huong// Journal of international studies.- 2023 .-No. 48&49 .- p. 335-356.

**Nội dung**: This paper examines the Global Compact for Safe, Orderly and Regular Migration (GCM) and its implications for Vietnam. It analyzes Vietnam's commitments under the GCM and discusses how implementing the compact can contribute to the country's socio-economic development and international integration.

**Từ khóa:** Migration, international migration, Vietnam, United Nations.

**39. Tiến trình cải cách mở cứa của Trung Quốc – nhìn lại triển vọng và bài học kinh nghiệm**/ Nguyễn Xuân Cường// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2024 .- số 3(271) .- Tr. 3-14.

**Nội dung**: Trình bày tiến trình cải cách mở cứa của Trung Quốc – nhìn lại triển vọng và bài học kinh nghiệm. Đây là quá trình Trung Quốc đổi mới sang tạo, giải quyết các khó khăn, giải quyết các mối quan hệ lớn. Quá trình cải cách mở cửa của Trung Quốc để lại nhiều bài học kinh nghiệm hữu ích cho các nền kinh tế chuyển đổi.

**Từ khóa:** Cải cách mở cửa, Trung Quốc

**40. Trung Quốc với BRICS mở rộng**/ Phạm Thị Thanh Bình, Nguyễn Thị Mai Phương// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2024 .- số 3(271) .- Tr. 39-48.

**Nội dung**: Tìm hiểu động thái triển khai hợp tác BRICS mới của Trung Quốc. Phân tích tiềm năng kinh tế, chính trị, ngoại giao của nhóm BRICS mới với thế mạnh của mỗi quốc gia ở Nam bán cầu. Trên cơ sở đó, bài viết chỉ rõ lợi ích và vai trò của Trung Quốc trong nhóm BRICS mới.

**Từ khóa:** Trung Quốc, BRICS, Nam bán cầu

**41. Tương tác quốc tế tại khu vực biên giới đất liền từ góc nhìn của các lý thuyết quan hệ quốc tế/** Vũ Vân Anh// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 5 .- Tr. 31-39.

**Nội dung**: Tập trung làm rõ mô thức tương tác quốc tế tại khu vực biên giới đất liền bằng cách đưa ra một khung khái niệm dựa trên các lực lượng tương tác tại khu vực này và luận giải bằng các quan điểm của các trường phái lý thuyết quan hệ quốc tế lớn, bao gồm chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa Mác mới và chủ nghĩa kiến tạo.

**Từ khóa:** Khu vực biên giới đất liền, tương tác xuyên biên giới, quan hệ quốc tế tại khu vực biên giới, lý thuyết quan hệ quốc tế

**42.** **Vietnam - France relations over the past half century and prospects for the coming decade/** Tran Minh Hoang// Journal of international studies.- 2023 .-No. 48&49 .- p. 117-140.

**Nội dung**: This paper analyzes the evolution of Vietnam-France relations from historical ties to a strategic partnership. It highlights France's importance in Vietnam's foreign policy, assesses current relations, identifies post-2013 limitations, and proposes solutions for enhancing cooperation until 2030.

**Từ khóa:** Vietnam, France, strategic partnership, bilateral cooperation, Indo-pacific strategy.

**43.** **Vietnam - Sweden relations : current status and future prospects/** Nguyen Van Lich, Nguyen Thuy Ngan// Journal of international studies.- 2023 .-No. 48&49 .- p. 141-168.

**Nội dung**: This paper examines the 55-year Vietnam-Sweden diplomatic relationship, highlighting Sweden's support during wartime and reconstruction. It analyzes achievements in political, economic, cultural, and educational cooperation, notes the current good relations, and suggests that their full potential has not been realized. Recommendations are offered to enhance future collaboration by better understanding each other's characteristics and capabilities.

**Từ khóa:** Vietnam, Sweden, bilateral cooperation, development, aid.

**44.** **Vietnam’s soft power in the age of comprehensive international integration/** Duong Van Quang// Journal of international studies.- 2023 .-No. 48&49 .- p. 27-44.

**Nội dung**: This study discusses Joseph Nye's concept of soft power, which is the ability to influence other nations without coercion through culture, political values, and public policies. It highlights that Vietnam's soft power stems from its cultural values, geo-strategic position, foreign policy, and international standing.

**Từ khóa:** Soft power, culture, cultural diplomacy, Vietnamese foreign policy, international position.

**45. Xu hướng mới trong quan hệ Trung – Mỹ thời gian gần đây**/ Phạm Lưu Bình// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2024 .- số 3(271) .- Tr. 27-38.

**Nội dung**: Nghiên cứu và điểm lại những động thái mới trong quan hệ Trung – Mỹ thời gian gần đây, phân tích mục đích, nguyên nhân và những tính toán đằng sau động thái “xích lại gần nhau” của hai nước, đưa ra dự báo về xu hướng quan hệ Trung – Mỹ trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Quan hệ Trung – Mỹ, Trung Quốc, Mỹ, Việt Nam

**BÁO CHÍ – TRUYỀN THÔNG**

**1. Ảnh hưởng của nội dung từ AI tới báo chí Việt Nam - phân tích trường hợp ChatGPT**/ Vũ Đình Hoàng Anh Tuấn// Thông tin & Truyền thông .- 2024 .- Số 4 .- Tr. 96-101.

**Nội dung**: Bài viết tập trung phân tích những cơ hội và thách thức mà ngành báo chí Việt Nam sẽ phải đối mặt trong bối cảnh công nghệ AIGC đang phát triển rất mạnh mẽ như hiện nay, mà cụ thể là trường hợp ChatGPT. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất những giải pháp và khuyến nghị cho ngành báo chí Việt Nam khi sử dụng công nghệ AIGC vào công tác sản xuất tin tức báo chí, bao gồm làm rõ ranh giới sử dụng công nghệ AIGC, xây dựng hành lang pháp lý rõ ràng, điều chỉnh chương trình đào tạo báo chí để phù hợp với nhu cầu thực tế hiện nay.

**Từ khóa**: Báo chí, trí tuệ nhân tạo,ứng dụng công nghệ

**2. Báo chí có nên trở thành mạng xã hội?!**/ Nguyễn Nga Huyền// Thông tin & truyền thông .- 2024 .- Số 3 .- Tr. 86-91.

**Nội dung**: Báo chí cần hiểu và tận dụng mạng xã hội trong tương quan thế mạnh và hạn chế để báo chí phát triển trong bối cảnh mạng xã hội đang phát triển như vũ bão: Là đối thủ cạnh tranh; Là nguồn tin; Là “cánh tay nối dài”; Là đối tượng để báo chí “thanh lọc” tin giả; Là nơi cung cấp đề tài cho nhà báo; Nơi nhà báo thể hiện uy tín; Nơi tương tác với công chúng.

**Từ khóa**: Báo chí, mạng xã hội

**3. Không gian mạng, công nghệ mạng và phương tiện truyền thông hiện đại - nguồn lực mới cho phát triển truyền thông chính sách ở Việt Nam**/ Vũ Trọng Lâm// Thông tin & Truyền thông .- 2024 .- Số 4 .- Tr. 74-83.

**Nội dung**: Vai trò của không gian mạng, công nghệ mạng và phương tiện truyền thông hiện đại đối với hoạt động truyền thông chính sách quốc gia; Không gian mạng, công nghệ mạng và phương tiện truyền thông hiện đại ở Việt Nam đang trở thành nguồn lực mới cho phát triển truyền thông chính sách; Một số vấn đề đặt ra đối với việc khai thác nguồn lực không gian mạng, công nghệ mạng và phương tiện truyền thông hiện đại trong truyền thông chính sách ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa**: Báo chí, truyền thông, không gian mạng, công nghệ mạng

**4. Khung pháp lý nào để quản lý báo chí truyền thông thời đại AI?**/ Nguyễn Nga Huyền// Thông tin & Truyền thông .- 2024 .- Số 4 .- Tr. 92-95.

**Nội dung**: Khung pháp lý về quản lý trong thời đại AI đối với lĩnh vực báo chí truyền thông đang là mối quan tâm và thách thức của cả thế giới, rất nhiều nước đã đề xuất khung pháp lý, dự thảo, chính sách và đạo luật AI; Từ thực tiễn trên thế giới đặt ra những tham chiếu cần thiết cho công tác quản lý AI nói chung trong mọi lĩnh vực của đời sống và trong lĩnh vực báo chí truyền thông nói riêng tại Việt Nam; Đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật báo chí 2016 nhằm điều chỉnh những bất cập tại các mô hình hoạt động của báo chí truyền thông hiện nay có sự tham gia của AI.

**Từ khóa**: Báo chí, pháp lý, trí tuệ nhân tạo, ứng dụng công nghệ

**5. “Kỹ năng quan trọng của thế kỷ 21” từ góc nhìn của năng lực hiểu biết về truyền thông**/ Nguyễn Thị Hồng Chi// Thông tin & truyền thông .- 2024 .- Số 3 .- Tr. 81-85.

**Nội dung**: Mạng xã hội đã và đang chứa đầy thông tin sai lệch. Để tồn tại và phát triển tích cực trong một thế giới đầy ắp thông tin và luôn luôn biến động không ngừng, đòi hỏi mỗi cá nhân phải có những hiểu biết cơ bản về các kỹ năng thẩm định, phân tích thông tin, phân biệt giữa các hình thức truyền thông với những mục đích khác nhau.

**Từ khóa**: Truyền thông, mạng xã hội, thông tin sai lệch, tin giả

### **6. Nền kinh tế dữ liệu : mở ra tương lai của việc tạo ra giá trị dựa trên thông tin /** Nguyễn Minh Nhật// Thông tin & truyền thông.- 2024 .- Số 6.- Tr. 56-61.

**Nội dung**: Phân tích sự phát triển của nền kinh tế dữ liệu, vai trò ngày càng quan trọng của dữ liệu trong nhiều lĩnh vực, và các xu hướng chính của nền kinh tế này. Đề cập đến tình hình phát triển kinh tế dữ liệu tại Việt Nam và các yếu tố cần thiết để thúc đẩy sự phát triển này.

**Từ khóa:** Kinh tế dữ liệu, kinh tế số, dữ liệu số, xu hướng công nghệ.

**7. Phản biện xã hội - vai trò & sức mạnh của báo chí trong bối cảnh hệ sinh thái truyền thông online**/ Nguyễn Minh Phong// Thông tin & truyền thông .- 2024 .- Số 3 .- Tr. 72-79.

**Nội dung**: Nhận thức đúng và thực hiện tốt phản biện xã hội không chỉ góp phần làm tốt vai trò, nhiệm vụ chính trị, mà còn là công cụ và thước đo đánh giá hiệu quả hoạt động và sức mạnh của báo chí. Đề xuất các giải pháp tăng cường phản biện xã hội của báo chí. Văn hóa phản biện phải được thực hiện từ “tâm sáng”, “lòng trong” đến “ngòi bút sắc” với hàm lượng trí tuệ cao.

**Từ khóa**: Báo chí, truyền thông, online, phản biện xã hội

### **8. Sự phát triển báo chí tại Việt Nam dưới lăng kính của kinh tế học/** Th.S. Nguyễn Tô Việt Hà, TS. Hồ Mạnh Tùng// Thông tin & truyền thông.- 2024 .- Số 6.- Tr. 24-30.

**Nội dung**: Phân tích sự phát triển của báo chí Việt Nam từ báo in đến báo điện tử, các thách thức như cạnh tranh trực tuyến và tin giả, cũng như cơ hội từ công nghệ số. Thảo luận về mô hình kinh doanh mới và áp dụng lý thuyết kinh tế trong quản lý ngành.

**Từ khóa:** Kinh tế học, báo chí, mô hình kinh doanh truyền thông, công nghệ số, Việt Nam.

**9. Tác động của MXH và vai trò định hướng thông tin của báo chí đối với MXH về vấn đề bình đẳng giới**/ Trần Thị Hòa// Thông tin & Truyền thông .- 2024 .- Số 4 .- Tr. 115-119.

**Nội dung**: Mạng xã hội có tác động kép đối với nhận thức về bình đẳng giới: Giúp thúc đẩy sự tiến bộ trong nhận thức về bình đẳng giới, tăng cường khả năng kết nối và sự tự tin để cải thiện cuộc sống; Củng cố một số định kiến về giới. Nghiên cứu gợi ý cần quan tâm đến sự cần thiết, vai trò định hướng thông tin của báo chí cũng như vai trò chọn lọc thông tin của các nhà quản lý để mạng xã hội thực sự có thể phát huy tác dụng trong truyền thông về bình đẳng giới.

**Từ khóa**: Báo chí, mạng xã hội, bình đẳng giới

**10. Truyền thông và công nghiệp văn hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0**/ Trần Thị Hòa// Thông tin & truyền thông .- 2024 .- Số 3 .- Tr. 92-99.

**Nội dung**: Bài viết này bàn về một số khía cạnh của CNVH trong thời đại công nghiệp 4.0 và đưa ra một số đề xuất nhằm thúc đẩy CNVH ở nước ta phát triển một cách tích cực.

**Từ khóa**: Công nghiệp văn hóa, truyền thông, công nghệ thông tin, công nghệ truyền thông

### **11. Vấn đề chính sách và kinh tế báo chí/** TS. Nguyễn Minh Phong// Thông tin & truyền thông.- 2024 .- Số 6.- Tr. 16-23.

**Nội dung**: Phân tích các thách thức kinh tế của ngành báo chí và đề xuất các mô hình kinh doanh mới và giải pháp chính sách để phát triển bền vững. Nhấn mạnh việc tạo nguồn thu mới và cải thiện hiệu quả kinh tế.

**Từ khóa:** Kinh tế báo chí, chính sách phát triển, mô hình kinh doanh truyền thông, nguồn thu.

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

**1. Bảo vệ thương hiệu cho doanh nghiệp khi xuất khẩu qua sàn thương mại điện tử quốc tế**/ Phạm Hồng Nhung// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 124-126.

**Nội dung**: Trong những năm gần đây, với chủ trương hội nhập quốc tế, kinh tế nước ta nói chung và hoạt động xuất khẩu nói riêng đã đạt được nhiều kết quả ấn tượng. Cùng với sự phát triển của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các hoạt động xuất khẩu qua các sàn thương mại điện tử quốc tế ngày càng phổ biến. Trong quá trình đó, bảo vệ thương hiệu không chỉ là vấn đề pháp lý mà còn là một yếu tố then chốt để duy trì sự cạnh tranh và đảm bảo sự tin cậy đốivới người tiêu dùng toàn cầu. Bài viết trao đổi về thực trạng bảo vệ

thương hiệu cho doanh nghiệp khi xuất khẩu qua sàn thương mại điện tử quốc tế thời gian qua và một số giải pháp cho thời gian tới.

**Từ khóa**: Doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh, thương hiệu, thương mại điện tử, xuất khẩu, kinh tế quốc tế

**2. Bức tranh vĩ mô toàn cầu những tháng đầu năm 2024: Động lực bứt phá khỏi những giới hạn/** Phạm Đức Anh// Ngân hàng .- 2024 .- Số 11 .- Tr. 43-49.

**Nội dung:** Bài viết này tập trung phân tích về những yếu tố then chốt thúc đẩy quá trình tăng trưởng của kinh tế toàn cầu trong những tháng đầu năm 2024. Trong đó, sự trỗi dậy của các nền kinh tế mới nổi (tiêu biểu là Trung Quốc và Ấn Độ) trong quá trình tái định hình tăng trưởng toàn cầu hậu đại dịch Covid-19 được luận bàn sâu. Ngoài ra, tác giả cũng đề cập về tác động của các chính sách hỗ trợ, sự hồi phục nhu cầu tiêu dùng và những tiến bộ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) đối với triển vọng tăng trưởng trong năm 2024. Cuối cùng, bài viết phác thảo và đề xuất triển vọng kinh tế toàn cầu cho cả năm 2024, đánh giá khả năng bứt phá khỏi những rào cản hiện hữu và đạt được tăng trưởng tích cực.

**Từ khoá**: Triển vọng kinh tế toàn cầu, rủi ro địa chính trị, động lực tăng trưởng, phục hồi kinh tế hậu đại dịch

**3. Chính sách khoa học công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế Việt Nam trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0/** Ngô An Hạ// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 55-57.

**Nội dung**: Tại Việt Nam, đổi mới công nghệ và hấp thụ công nghệ là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Thực tiễn cho thấy, khoa học và công nghệ (KH&CN) góp phần rất quan trọng vào thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua tác động đến tổng cung và tổng cầu; các sản phẩm KH&CN đóng góp trực tiếp vào GDP. Sự phát triển của KH&CN có tác động mang tính quyết định đối với tăng trưởng dài hạn và chất lượng tăng trưởng. Đặc biệt trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 thì việc đổi mới chính sách khoa học công nghệ có tác động thúc đẩy phát triển kinh tế ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Chính sách, khoa học công nghệ, phát triển kinh tế, Cách mạng công nghiệp 4.0

**4. Chính sách phát triển kinh tế số ở một số quốc gia và hàm ý cho Việt Nam**/ Hoàng Lê Tuấn Dương// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 113-115.

**Nội dung**: Với dân số gần 100 triệu người, lượng người dùng Internet và điện thoại thông minh đông đảo, độ bao phủ của hạ tầng Internet và viễn thông tương đối rộng khắp, Việt Nam có nhiều tiềm năng trong phát triển kinh tế số. Tuy nhiên, Việt Nam cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn từ hành lang pháp lý, hạ tầng công nghệ đến nguồn nhân lực phát triển kinh tế số...đều chưa tốt. Việc tham khảo kinh nghiệm quốc tế để góp phần tìm kiếm giải pháp khắc phục những hạn chế trên có ý nghĩa quan trọng trong phát triển nền kinh tế số của Việt Nam thời gian tới.

**Từ khóa**: Chính sách, phát triển kinh tế, kinh tế số

**5. Chuyển đổi kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam: Thuận lợi và một số kiến nghị**/ La Văn Thủy, Nguyễn Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Ngọc Quế// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 264 .- Tr. 65-67.

**Nội dung:** Kết quả nghiên cứu cho thấy thuận lợi đễn từ chính sách bảo vệ môi trường, đường lối chủ trương của Đảng đã được triển khai đồng bộ trong những năm qua, cách mạng công nghệ 4.0 và việc tham gia hội nhập kinh tế tài chính sâu rộng. Tuy nhiên, mô hình kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam cũng phải đối mặt với không ít khó khăn như cơ chế, chính sách, nguồn lực cho việc thực hiện chuyển đổi. Từ đó, khuyến nghị một số nhóm giải pháp liên quan nhằm góp phần giải quyết các khó khăn trong quá trình phát triển kinh tế tuần hoàn và mở ra nhiều hướng nghiên cứu mới.

**Từ khóa**: Kinh tế tuần hoàn, khó khan, phát triển bền vững, thuận lợi, Việt Nam

**6. Chuyển đổi số trong đào tạo nhân lực ngành kế toán: thực trạng ứng dụng phần mềm kế toán tại trường Đại học Gia Định/** Võ Minh Trúc// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 46-48.

**Nội dung**: Vấn đề chuyển đổi số trong sự lan tỏa của cách mạng công nghiệp 4.0 không còn là sự lựa chọn mà trở thành xu thế tất yếu nhằm mục tiêu phát triển. Bài viết này khái quát về chuyển đổi số trong lĩnh kế toán, phần mềm kế toán và phân tích thực trạng ứng dụng phần mềm kế toán đối với sinh viên ngành kế toán của Trường đại học Gia Định, xác định thuận lợi và khó khăn. Từ đó tác giả đề xuất một số giải và kiến nghị để nâng cao hiệu quả ứng dụng phần mềm kế toán cho sinh viên trường đại học Gia Định.

**Từ khóa**: Chuyển đổi số, đào tạo nhân lực, ngành kế toán, phần mềm

**7. Dữ liệu: tầm quan trọng trong thời đại chuyển đổi số ngày nay**/ Khuất Thị Bình// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 658 .- Tr. 4-6.

**Nội dung**: Trong bài viết này, tác giả nghiên cứu về tác động của dữ liệu đến một số vấn đề của đời sống. Sau thiệu một số phương pháp và một số phần mềm phân tích dữ liệu. Phần cuối tác giả sử dụng phần mềm với phương pháp Arima để dự báo ngắn hạn cho giá của mã cổ phiếu của công ty CP Tập đoàn C.E.O.

**Từ khóa**: Dữ liệu, chuyển đổi số, phần mềm

**8. Đánh giá mức độ sẵn sàng chuyển đổi số tại Việt Nam/** Nguyễn Bích Ngọc, Đàm Hà Linh, Hoàng Gia Bảo Trịnh Thị Thu Hằng, Nguyễn Khánh Huyền, Lê Quang Huy// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 89-91.

**Nội dung**: Bài nghiên cứu nhằm đánh giá mức độ sẵn sàng chuyển đổi số của Việt Nam thông qua Chỉ số sẵn sàng mạng (Network Readiness Index). Mức độ sẵn sàng chuyển đổi số tác động đến hoạt động sản xuất và xuất khẩu, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ cao và tạo ra dòng chảy thương mại tích cực. Bằng phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp và thống kê mô tả, bài nghiên cứu phân tích, đánh giá thực trạng mức độ sẵn sàng chuyển đổi số quốc gia của Việt Nam giai đoạn 2018 – 2022, từ đó gợi ý một số giải pháp, khuyến nghị từ cấp độ doanh nghiệp đến cấp độ chính phủ.

**Từ khóa**: Chuyển đổi số, công nghệ thông tin

**9. Giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp tại Việt Nam/** Đặng Phương Linh// Tài chính .- 2024 .- Số 823 .- Tr. 234-236.

**Nội dung**: Năng suất chất lượng được coi là một trong những vấn đề sống còn của nền kinh tế. Việc thúc đẩy năng suất là nền tảng, động lực giúp kinh tế mỗi quốc gia phát triển. Đối với hoạt động của doanh nghiệp, năng suất chất lượng là một trong những chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sản xuất kinh doanh, yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Bài viết trao đổi về hoạt động nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp Việt Nam trong thời gian qua, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp để tiếp tục thúc đẩy hoạt động này trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Giải pháp, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, doanh nghiệp

**10. Giải pháp nâng cao kỹ năng quản trị năng suất cho đội ngũ tổ trưởng chuyền may tại Trung tâm Sản xuất - Dịch vụ/** Trần Thị Ngát, Hà Thị Hương// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 64-66.

**Nội dung**: Đối với doanh nghiệp sản xuất theo phương thức gia công thuần túy thì con đường duy nhất để sản xuất có hiệu quả là tăng năng suất, chất lượng do đó phải nâng cao kỹ năng quản trị năng suất cho đội ngũ tổ trưởng tổ sản xuất. Vì tổ trưởng tổ sản xuất may là người trực tiếp quản lý tại chuyền may, chịu trách nhiệm về năng suất và chất lượng, số lượng thành phẩm khi nhập kho; là người đứng đầu điều hành, chỉ huy một nhóm công nhân thực hiện các giai đoạn công nghệ may trong quy trình sản xuất của doanh nghiệp, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Bài viết phân tích thực trạng và đề xuất một số giải pháp nâng cao kỹ năng quản trị năng suất cho đội ngũ tổ trưởng chuyền may tại Trung tâm sản xuất - Dịch vụ (TTSXDV).

**Từ khóa**: Giải pháp nâng cao, kỹ năng, quản trị, năng suất, nhân lực, doanh nghiệp

**11. Giải pháp thúc đẩy người dân Đồng bằng Sông Cửu Long tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện**/ Nguyễn Công Chánh, Nguyễn Hồng Hà, Đinh Phi Hổ// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 213-216.

**Nội dung**: Nghiên cứu này được thực hiện bằng phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp từ Bảo hiểm Xã hội các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2018-2022. Kết quả nghiên cứu đã đánh giá được thực trạng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện của người dân thời gian qua. Từ đó, nhóm tác giả đề xuất các hàm ý chính sách nhằm thúc đẩy người dân Đồng Bằng Sông Cửu Long tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện thời gian tới.

**Từ khóa**: Đồng bằng Sông Cửu Long, bảo hiểm xã hội, giải pháp thúc đẩy, người dân

**12. Hiện đại hóa kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước, góp phần hình thành Kho bạc số**/ Lê Hùng Sơn, Lương Thị Hồng Thúy// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 77-80.

**Nội dung**: Thu ngân sách nhà nước là việc tập trung một phần nguồn tài chính quốc gia hình thành Quỹ ngân sách nhà nước. Chi ngân sách nhà nước là quá trình sử dụng các nguồn vốn của Nhà nước nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan đơn vị và đầu tư cơ sở hạ tầng, kinh tế - xã hội, phát triển sản xuất... đảm bảo quá trình chi tiết kiệm và hiệu quả, theo đúng chính sách chế độ của Nhà nước phục vụ các mục tiêu kinh

tế - xã hội. Vì thế, việc quản lý thu, chi ngân sách nhà nước có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển của một quốc gia. Theo đó đẩy mạnh hiện đại hóa kiểm soát chi theo lộ trình cần được quan tâm toàn diện.

**Từ khóa**: Hiện đại hóa, ngân sách nhà nước, kho bạc số, kiểm soát thu chi

**13. Hiệu quả kỹ thuật nghề lưới rê xa bờ tỉnh Khánh Hòa/** Nguyễn Đăng Đức, Phạm Thu Hằng// Kinh tế và Phát triển .- 2024 .- Số 323 .- Tr. 57-66.

**Nội dung:** Nghiên cứu này sử dụng mô hình DEA (Data envelopment analysis) để phân tích hiệu quả kỹ thuật của nghề lưới rê xa bờ, tỉnh Khánh Hòa. Kết quả nghiên cứu cho thấy nếu đầu ra giữ nguyên không đổi, bình quân các đầu vào của sản xuất (công suất máy, dầu và tổng số ngày lao động trên biển) có thể giảm xuống khoảng 15,3% nếu trình độ tay nghề của ngư phủ và việc tổ chức quản lý sản xuất đạt mức tốt nhất. Kết quả nghiên cứu này cho thấy chính sách hỗ trợ đóng tàu công suất lớn của Chính phủ cần đi kèm với chính sách nguồn nhân lực trong nghề cá, hiện tại ngư dân chưa làm chủ được công nghệ của các đội tàu này, dẫn tới sử dụng lãng phí các yếu tố đầu vào.

**Từ khoá**: DEA, nghề lưới rê, hiệu quả kỹ thuật

**14. Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới và bài học cho Hải quan Việt Nam/** Nguyễn Trà My// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 7-9.

**Nội dung**: Chiến lược phát triển Hải quan Việt Nam đến năm 2030 là lấy cải cách, hiện đại hóa làm cơ sở, hiện đại hóa mô hình quản lý hải quan làm trọng tâm; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong ngành hải quan để xây dựng Hải quan Việt Nam chính quy, hiện đại, ngang tầm hải quan các nước phát triển trên thế giới, dẫn đầu trong thực hiện Chính phủ số, với mô hình hải quan số, hải quan thông minh. Chính vì vậy, việc phân tích kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới và rút ra bài học là cần thiết cho hải quan Việt Nam.

**Từ khóa**: Bài học kinh nghiệm, Hải quan, chiến lược, thế giới

**15. Phát triển kinh tế nông nghiệp, phát huy vai trò “trụ đỡ” kinh tế đất nước**/ Nguyễn Thị Thanh Tâm// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 37-39.

**Nội dung**: Nông nghiệp là lĩnh vực quan trọng, đóng góp đáng kể vào GDP của một quốc gia. Việc phát triển kinh tế nông nghiệp mang lại nhiều lợi ích cho cả nước cũng như nền kinh tế. Xác định rõ vai trò, tầm quan trọng của lĩnh vực nông nghiệp đối với kinh tế - xã hội, thời gian qua, Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp. Nhờ đó, kinh tế nông nghiệp đã có nhiều chuyển biến tích cực, tuy nhiên, thực tiễn cũng còn nhiều tồn tại, vướng mắc cần có giải pháp khắc phục để phát triển hơn nữa lĩnh vực nông nghiệp, phát huy vai trò là “trụ đỡ” của nền kinh tế đất nước.

**Từ khóa**: Phát triển kinh tế, kinh tế, nông nghiệp, kinh tế nông nghiệp

**16. Kinh tế trong kỷ nguyên số – Khó khăn và thách thức tại Việt Nam/** Phạm Thị Xuân Thảo, Nguyễn Phương Thảo// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 248 .- Tr. 129-132.

**Nội dung:** Công nghệ kỹ thuật số đang lan rộng nhanh chóng, từ đó ảnh hưởng đến cách thức hoạt động của các doanh nghiệp (DN) và trong tương lai sẽ làm thay đổi các hoạt động kinh tế, xã hội. Kỷ nguyên kỹ thuật số đã làm thay đổi đáng kể cuộc sống của chúng ta ở mức không thể tưởng tượng được, mang đến những cơ hội cũng như những thách thức cần giải quyết, công nghệ mới góp phần đáng kể vào việc đạt được các mục tiêu…

**Từ khoá**: Kỷ nguyên số, kinh tế số; Cách mạng Công nghiệp 4.0

**17. Kinh tế tuần hoàn: Cơ hội và thách thức trong việc thực thi vai trò và nhiệm vụ của Hải quan Việt Nam**/ Nguyễn Thị Khánh Hồng, Bùi Thái Quang, Đỗ Huy Cường// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 61-65.

**Nội dung**: Kinh tế tuần hoàn hướng đến việc kéo dài vòng đời sản phẩm và giảm sử dụng tài nguyên thiên nhiên. Bài viết này phân tích sự khác biệt giữa nền kinh tế tuyến tính truyền thống với nền kinh tế tuần hoàn, xác định vai trò của Hải quan và những thách thức trong nghiệp vụ Hải quan trong nền kinh tế tuần hoàn. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đưa ra khuyến nghị nhằm tăng cường hiệu quả thực thi vai trò và nhiệm vụ của Hải quan Việt Nam trong việc hỗ trợ thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn theo yêu cầu Chiến lược Phát triển Hải quan đến 2030 và Chiến lược Bảo vệ Môi trường quốc gia đến 2030, tầm nhìn 2050.

**Từ khóa**: Kinh tế tuần hoàn, Hải quan, cơ hội và thách thức, phát triển kinh tế

**18. Lợi ích và rủi ro của các nền tảng lao động kỹ thuật số đối với sự phát triển của thị trường lao động**/ Nguyễn Thị Hoài Thu// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 265 .- Tr. 10-13.

**Nội dung:** Bài viết chỉ ra các lợi ích và rủi ro do nền tảng lao động kỹ thuật số tạo ra, từ đó tạo cơ sở cho các hướng chính sách quản lý của các chính phủ để đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.

**Từ khóa**: Nền tảng lao động kỹ thuật số, nền tảng kỹ thuật số, lao động phi chính thức

**19. Phát triển kinh tế biển xanh Ninh Thuận**/ Phan Thị Xuân Hằng// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 3 .- Tr. 68-79.

**Nội dung**: Trên cơ sở đánh giá, phân tích hiện trạng, cũng như đảm bảo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương và yêu cầu phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững. Bài viết đưa ra kịch bản kinh tế biển xanh dựa trên những đánh giá tích cực, khả thi theo góc nhìn cá nhân để tham khảo.

**Từ khóa:** Kinh tế, kinh tế biển, kinh tế biển xanh, phát triển bền vững, Ninh Thuận

**20. Phát triển kinh tế số tại Thái Lan và Singapore: Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam/** Nguyễn Hà Phương// Nghiên cứu Đông Nam Á.- 2024 .- số 4(289) .- Tr. 35-45.

**Nội dung**: Nghiên cứu mục tiêu, nội dung phân tích các chiến lược phát triển kinh tế số tại Thái Lan và Singapore đã sử dụng để xây dựng nền kinh tế số. Từ đó rút ra những bài học quý giá cho quá trình chuyển đổi số tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Kinh tế số, Singapore, Thái Lan, Việt Nam

**21. Phát triển kinh tế tuần hoàn ở một số quốc gia và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**/ Đặng Công Hùng// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 266 .- Tr. 88-91.

**Nội dung:** Nghiên cứu này phân tích kinh nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn ở một số quốc gia hiện nay và rút ra bài học cho Việt Nam nhằm đạt mục tiêu phát triển bền vững trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Kinh tế tuần hoàn Trung Quốc, Thụy Điển, bài học kinh nghiệm choViệt Nam

**22. Phát triển ngành nông nghiệp công nghệ cao : kinh nghiệm quốc tế và liên hệ với Việt Nam/** Nguyễn Thị Kim Nguyên// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 263 .- Tr. 92-96.

**Nội dung:** Bài viết đưa ra kinh nghiệm của một số quốc gia có nền nông nghiệp phát triển, từ đó tìm ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc phát triển nền nông nghiệp theo hướng công nghệ cao.

**Từ khoá**: Nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp xanh, ứng dụng công nghệ cao

**23. Quan hệ kinh tế giữa Philippines với Mỹ và Trung Quốc từ năm 2016 đến nay/** Lê Phương Hòa// Nghiên cứu Đông Nam Á.- 2024 .- số 4(289) .- Tr. 24-34.

**Nội dung**: Tập trung làm rõ thực trạng quan hệ kinh tế của Philippines với Mỹ và Trung Quốc từ khi Tổng thống Duterte lên nắm quyền năm 2016 đến nay. Phân tích dựa vào các dữ liệu thống kê sẵn có về thương mại, đầu tư và các sự kiện chính trị - an ninh trong chính sách đối ngoại của Philippines.

**Từ khóa:** Philippines, Mỹ, Trung Quốc, quan hệ kinh tế

**24. Tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may ở Việt Nam**/ Nguyễn Như Quảng// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 266 .- Tr. 67-71.

**Nội dung:** Bài viết này tập trung phân tích những tác động tích cực và tiêu cực của cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may dưới hình thức chủ yếu là thu nhập và việc làm.

**Từ khóa**: Cách mạng công nghiệp, lợi ích kinh tế, người lao động, công ty dệt may

**25. Tác động của đại dịch Covid-19 đến kinh doanh liên tục của doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam**/ Đào Thị Hương// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 265 .- Tr. 83-87.

**Nội dung:** Kết quả cho thấy bốn yếu tố: Tác động kinh tế, Tác động xã hội, Tác động hành vi của khách hàng và Tác động chuỗi cung ứng có tác động tiêu cực đến Kinh doanh liên tục; trong khi Tác động môi trường không ảnh hưởng đến Kinh doanh liên tục của SME Việt Nam. Biến Các nguyên tắc quản trị giữ vai trò biến trung gian điều tiết mối quan hệ giữa Tác động môi trường và Tác động xã hội ảnh hưởng đến Kinh doanh liên tục của SME Việt Nam. Từ đây, nhà quản trị của SME có thể đưa ra các biện pháp quản trị phù hợp để giảm thiểu tác động của các cú sốc tương tự Covid-19.

**Từ khóa**: Covid-19, kinh doanh liên tục, doanh nghiệp nhỏ và vừa

**26. Tác động của hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU đến xuất khẩu Việt Nam/** Hà Văn Sự// Kinh tế và Phát triển .- 2024 .- Số 323 .- Tr. 12-22.

**Nội dung:** Bài viết tập trung phân tích, làm rõ thực trạng tác động Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (EVFTA) đến xuất khẩu Việt Nam thông qua sử dụng mô hình lực hấp dẫn, qua đó chỉ ra một số định hướng nhằm phát triển xuất khẩu Việt Nam sang các nước EU trong thời gian tới. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng các yếu tố ảnh hưởng tích cực đến xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường các nước thành viên EVFTA như GDP, GNI của Việt Nam và các nước EU, dân số của các nước EU. Khoảng cách địa lý có quan hệ tỷ lệ nghịch với xuất khẩu Việt Nam và EVFTA không có ý nghĩa thống kê như kỳ vọng.

**Từ khoá**: EVFTA, xuất khẩu, mô hình lực hấp dẫn, Việt Nam

**27. Tác động toàn cầu của đại dịch Covid-19 và những thay đổi lớn của thế giới sau đại dịch/** Trần Thị Lan Hương// Nghiên cứu Đông Nam Á.- 2024 .- số 4(289) .- Tr. 12-23.

**Nội dung**: Trình bày tác động toàn cầu của đại dịch Covid-19 và những thay đổi lớn của thế giới sau đại dịch. Từ đó đánh giá những thay đổi toàn cầu đang diễn ra trên thế giới trong thời gian đây sẽ giúp các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam, qua đó điều chỉnh các chính sách phát triển kinh tế - xã hội để thích ứng với tình hình mới.

**Từ khóa:** Kinh tế, xã hội, đại dịch Covid-19, toàn cầu

**28. Thỏa thuận xanh EU và các chính sách tác động tới xuất khẩu dệt may Việt Nam/** Nguyễn Thị Minh Hương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 659 .- Tr. 4-6.

**Nội dung:** Trình bày các chính sách xanh EU đối với hàng dệt may nhập khẩu vào EU. Dệt may Việt nam trước các thách thức từ thỏa thuận xanh EU. Một số vấn đề cần chú ý đối với các doanh nghiệp xuất khẩu dệt may Việt Nam.

**Từ khoá**: Xuất khẩu dệt may, thỏa thuận xanh EU

**29. Thúc đẩy xuất khẩu dệt may của Việt Nam trong bối cảnh nền kinh tế tuần hoàn/** Nguyễn Thị Vân// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 4-6.

**Nội dung**: Xuất khẩu dệt may trong bối cảnh nền kinh tế tuần hoàn tập trung vào phân tích ba yếu tố là nguồn của ngành dệt may, cầu của xuất khẩu dệt may và các chính sách xuất khẩu dệt may trong nền kinh tế hoàn. Trong bối cảnh kinh tế tuần hoàn toàn cầu, ngành dệt may Việt Nam đang đón nhận những cơ mở rộng và tăng trưởng như tận dụng lợi thế từ các FTAs, công nghệ hiện đại, đa dạng hóa thị trườngđó bài nghiên cứu đưa ra các hàm ý chính sách đối với chính phủ và doanh nghiệp để thúc đẩy xuất dệt may của Việt Nam trong nền kinh tế tuần hoàn.

**Từ khóa**: Xuất khẩu, dệt may, kinh tế tuần hoàn, nền kinh tế

**30. Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và giải pháp trong thời gian tới**/ Nguyễn Thị Kim Nguyên// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 40-43.

**Nội dung**: Sau hơn 3 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, tình hình xây dựng nông thôn mới của cả nước đã bám sát mục tiêu, gắn với thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành Nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn và quá trình đô thị hóa. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng nợ tiêu chí, hụt tiêu chí; chất lượng và công tác duy trì bền vững kết quả của một số xã sau đạt chuẩn nông thôn mới còn hạn chế. Điều này đòi hỏi cần phải có giải pháp thiết thực, nhằm đưa

Chương trình đạt được mục tiêu đề ra, góp phần phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam.

**Từ khóa**: Mục tiêu, quốc gia, nông thôn mới, giải pháp phát triển

**31. Thực trạng chính sách đối với khu vực kinh tế phi chính thức ở Việt Nam/** Nguyễn Thị Thanh Nga// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 25-27.

**Nội dung**: Khu vực kinh tế phi chính thức (KVKTPCT) đóng vai trò quan trọng trong tiến trình phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới. Ở Việt Nam, KVKTPCT là sinh kế của nhiều thế hệ người dân, trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế hay dịch bệnh, khu vực này còn là vùng đệm khi người lao động bị mất việc làm. Bài viết nghiên cứu mức độ tiếp cận chính sách nhìn từ phía cá nhân kinh doanh dựa trên kết quả khảo sát ngẫu nhiên 286 cá nhân sản xuất kinh doanh ở các địa bàn khác nhau do tác giả thực hiện từ tháng 11 năm 2023 đến tháng 2 năm 2024. Kết quả này cung cấp một góc nhìn từ phía đối tượng hưởng thụ chính sách, từ đó có thể rút ra một số yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thực hiện chính sách đối với khu vực kinh tế phi chính thức ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa**: Chính sách, kinh tế phi chính thức, kinh tế

**32. Thực trạng lợi ích kinh tế của công nhân trong các công ty dệt may ở tỉnh Nam Định dưới hình thức thu nhập/** Nguyễn Như Quảng// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 263 .- Tr. 71-74.

**Nội dung:** Bài viết phân tích, đánh giá thực trạng lợi ích kinh tế của công nhân trong các công ty dệt may qua góc nhìn thu nhập, từ đó chỉ rõ những tồn tại, hạn chế và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao thu nhập cho công nhâ trong các công ty dệt may ở tỉnh Nam Định.

**Từ khoá**: Công nhân, công ty dệt may, lợi ích kinh tế, thu nhập, Nam Định

**33. Thực trạng nguồn lao động trong bối cảnh chuyển đổi số tại Việt Nam giai đoạn 2019 -2023**/ Phạm Thu Hằng// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 265 .- Tr. 14-17.

**Nội dung:** Bài viết trình bày thực trạng nguồn lao động trong bối cảnh chuyển đổi số tại Việt Nam giai đoạn 2019. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện chất lượng nguồn lao động Việt Nam thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số, bao gồm: (i) Đẩy mạnh đổi mới phương pháp đào tạo toàn diện; (ii) Hoàn thiện các chính sách hỗ trợ đào tạo và huy động vốn cho nguồn lao động chuyển đổi số; (iii) Xây dựng mô hình gắn kết đào tạo với thị trường lao động; (iv) Thực hiện tốt công tác dự báo nguồn nhân lực định hướng cho nguồn lao động.

**Từ khóa**: Chất lượng nguồn lao động, nền kinh tế số, Việt Nam

**34. Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế số ở Việt Nam**/ Lê Thu Hà// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 34-36.

**Nội dung**: Phát triển kinh tế số là xu thế tất yếu trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay. Thời gian qua, Việt Nam đã có nhiều cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích và đẩy mạnh phát triển kinh tế số. Cùng với những kết quả quan trọng bước đầu, thực tiễn phát triển kinh tế số còn bộc lộ những hạn chế. Do vậy, đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế số ở Việt Nam hiện nay là yêu cầu tất yếu. Bài viết nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế số ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Kinh tế số, thực trạng, giải pháp phát triển, phát triển kinh tế

**35. Thực trạng và giải pháp phát triển bền vững ngành thủy sản Việt Nam/** Lê Thị Thu Mai, Lại Lâm Anh// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 4 .- Tr. 63-74.

**Nội dung**: Nghiên cứu trọng tâm và thực trạng phát triển chính sách phát triển ngành thủy sản Việt Nam. Từ đó, đưa ra một số giải pháp nhằm đẩy mạnh phát triển bền vững ngành thủy sản Việt Nam, góp phần phát triển kinh tế biển xanh ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Phát triển kinh tế, biển xanh, bền vững, thủy sản, Việt Nam

**36. Tiêu thụ năng lượng, tăng trưởng kinh tế và suy thoái môi trường tại các quốc gia ASEAN+5**/ Nguyễn Quang Minh// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 170-173.

**Nội dung**: Yêu cầu giảm thiểu biến đổi khí hậu là một trong những thách thức lớn nhất mà nhân loại phải đối mặt trong thiên niên kỷ hiện nay và đầu tư vào nguồn năng lượng tái tạo là một trong những lựa chọn khả thi nhất. Nghiên cứu này xem xét tác động của tiêu thụ năng lượng, tăng trưởng kinh tế đến biến đổi khí hậu đối với mẫu gồm 5 quốc gia ASEAN được chọn: Singapore, Thái Lan, Malaysia, Indonesia và Việt Nam. Dữ liệu được lấy từ năm 2000 đến năm 2021. Nghiên cứu áp dụng mô hình POOLed, FEM, REM, FGLS. Phân tích thực nghiệm xác nhận tác động của tiêu thụ năng lượng, tăng trưởng kinh tế đến biến đổi khí hậu của các quốc gia ASEAN+5. Về lâu dài, tiêu thụ năng lượng không tái tạo và tăng trưởng kinh tế được cho là có.

**Từ khóa**: Tiêu thụ năng lượng, tăng trưởng kinh tế, suy thoái, môi trường, ASEAN

**37. Ứng dụng khoa học và công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay**/ Đoàn Vân Hà// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 265 .- Tr. 79-82.

**Nội dung:** Thực trạng ứng dụng KHCN, thúc đẩy ĐMST trong lĩnh vực nông nghiệp; Nhận diện một số khó khăn, thách thức trong việc ứng dụng KHCN, thúc đẩy ĐMST trong nông nghiệp; Một số giải pháp.

**Từ khóa**: Đổi mới sáng tạo, nông nghiệp bền vững, phát triển nông nghiệp, khoa học và công nghệ

**38. Vận dụng mô hình kinh tế tuần hoàn trong sản xuất cá tra trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**/ Vòng Thình Nam, Trần Đình Lâm Anh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 265 .- Tr. 88-92.

**Nội dung:** Phân tích thực trạng vận dụng mô hình kinh tế tuần hoàn trong sản xuất, chế biến cá tra tại Tỉnh Đồng Tháp, xác định những vấn đề tồn tại, từ đó đề xuất giải pháp vận dụng mô hình kinh tế tuần hoàn trong sản xuất cá tra nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, bảo vệ môi trường và đảm bảo sự phát triển ổn định của ngành cá tra tại tỉnh Đồng Tháp.

**Từ khóa**: Sản xuất cá tra, kinh tế tuần hoàn, bảo vệ môi trường

**39. Vấn đề phát triển nông nghiệp xanh của Việt Nam - Thực trạng và một số khuyến nghị**/ Khuất Thị Bình// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 265 .- Tr. 93-96.

**Nội dung:** Khái quát thực trạng phát triển nông nghiệp của Việt Nam thời gian qua, đồng thời nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước trên thế giới, từ đó đưa ra một số khuyến nghị cho Việt Nam.

**Từ khóa**: Phát triển nông nghiệp xanh, phát triển đô thị và phát triển nông thôn, nông nghiệp sạch, sản phẩm OCOP

**40. Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Mỹ và đề xuất chính sách tỷ giá nhằm thúc đẩy hoạt động xuất khẩu của Việt Nam**/ Vũ Thùy Linh// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 658 .- Tr. 13-15.

**Nội dung**: Từ năm 2019 cho tới nay Mỹ đã trở thanh đối tác xuất khẩu hàng hóa số 1 của Việt Nam với nhiều mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch xuất khẩu đứng đầu như máy móc thiết bị linh kiện điện tử, máy vi tính và dệt may. Trong bối cảnh sau đại dịch Covid 19, nền kinh tế của Mỹ bị ảnh hưởng lớn chính vì vậy nhu cầu tiêu dùng cũng bị giảm sút đáng kể. Do vậy, với mục tiêu muốn thúc đẩy hoạt động xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ ngày càng tăng trưởng hơn nữa thì việc áp dụng những chính sách tỷ giá thích hợp là hoàn toàn cần thiết.

**Từ khóa**: Xuất khẩu, hàng hóa, chính sách, tỷ giá, thúc đẩy hoạt động

**TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

**1. Ảnh hưởng của công nghệ tài chính đến rủi ro trượt giá cổ phiếu doanh nghiệp tại Việt Nam**/ Phạm Thị Huyền, Đinh Thị Minh Ngọc, Nguyễn Hoài Lan, Nguyễn Hồng Ánh, Hoàng Thanh Trang// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 127-130.

**Nội dung**: Trong những năm gần đây, với sự bùng nổ của công nghệ số, mối quan tâm của giới học thuật về tác động của công nghệ tài chính đối với thị trường tài chính cũng tăng đáng kể. Nghiên cứu này xem xét ảnh hưởng của công nghệ tài chính đến rủi ro trượt giá cổ phiếu tại Việt Nam. Phương pháp ước lượng Pooled OLS, FEM và REM được áp dụng để phân tích mẫu nghiên cứu gồm 254 mã cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong giai đoạn 2018-2022. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự phát triển của công nghệ tài chính làm giảm thiểu rủi ro trượt giá cổ phiếu của doanh nghiệp. Dựa trên kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đưa ra một số đề xuất để quản trị rủi ro trượt giá cổ phiếu trong các hoạt động của doanh nghiệp.

**Từ khóa**: Doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh, công nghệ tài chính, rủi ro tài chính, cổ phiếu

**2. Ảnh hưởng của đầu tư nước ngoài, công nghiệp hóa, tài nguyên và đổi mới công nghệ đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam/** Trần Văn Hưng// Kinh tế và Phát triển .- 2024 .- Số 323 .- Tr. 45-56.

**Nội dung:** Để ước lượng mối quan hệ phức tạp này, mô hình hồi qui phân vị và kiểm định nhân quả quang phổ được sử dụng nhằm phân tích tác động của các biến độc lập lên biến phụ thuộc trên các điều kiện kinh tế và tần số khác nhau. Kết quả cho thấy, phần lớn phân vị của các biến nghiên cứu, FDI, TEC, NAR, IDV tác động dương đến tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam. Hơn nữa, kiểm định nhân quả Granger cũng cho rằng tồn tại mối quan hệ hai chiều giữa các biến nghiên cứu trên các tần số khác nhau. Kết quả này cung cấp thông tin hữu ích cho nhà chính sách hoạch định chiến lược ngắn hạn và dài hạn nhằm đạt phát triển kinh tế ổn định.

**Từ khoá**: FDI, GDP, công nghiệp hóa, tài nguyên, đổi mới công nghệ, Việt Nam

**3. Ảnh hưởng của đòn bẩy tài chính đến hiệu quả hoạt động của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam: Vai trò điều tiết của vốn sở hữu nhà nước**/ Lê Thị Bảo Như, Nguyễn Ngọc Huyền Trân, Hà Hoàng Như// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 264 .- Tr. 14-17.

**Nội dung:** Kết quả cho thấy đòn bẩy tài chính ảnh hưởng nghịch chiều đến hiệu quả hoạt động, vốn chủ sở hữu nhà nước có tác động dương đến mối quan hệ giữa đòn bẩy tài chính và hiệu quả hoạt động. Ngoài ra, các biến như Mức độ tăng trưởng của công ty có ảnh hưởng cùng chiều và Vốn lưu động có ảnh hưởng nghịch chiều đến hiệu quả hoạt động. Tổng sản phẩm quốc nội và Lạm phát hầu như không ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động. Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty.

**Từ khóa**: Đòn bẩy, hiệu quả hoạt động, vốn sở hữu nhà nước, công ty niêm yết

**4. Ảnh hưởng của giao dịch vốn và giao dịch vãng lai đến dự trữ ngoại hối tại Việt Nam**/ Phạm Thị Quỳnh Nga// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 185-188.

**Nội dung**: Nghiên cứu sử dụng mô hình VECM để kiểm định tác động của các giao dịch vốn và giao dịch vãng lai đến dự trữ ngoại hối của Việt Nam theo tần suất quý trong giai đoạn từ năm 1996-2023. Kết quả nghiên cứu chỉ ra một số ý nghĩa chính sách như: Tăng xuất khẩu để mang lại lợi nhuận và tăng dự trữ ngoại hối ở Việt Nam; kiểm soát sự ổn định của tỷ giá hối đoái USD/VND để bảo vệ dự trữ ngoại hối của Việt Nam.

**Từ khóa**: Ngoại hối, giao dịch, vốn, lợi nhuận, nhân tố ảnh hưởng

**5. Ảnh hưởng của năng lực tài chính đến giá trị doanh nghiệp của các doanh nghiệp dược niêm yết ở Việt Nam**/ Nguyễn Tiến Trường, Phạm Thị Thanh Hòa// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 265 .- Tr. 42-47.

**Nội dung:** Mẫu nghiên cứu gồm 16 công ty dược niêm yết trên HNX và HOSE giai đoạn 2015-2022. Kết quả hồi quy chỉ ra rằng năng lực tài chính được thể hiện qua các biến hệ số nợ, quy mô doanh nghiệp, khả năng tự tài trợ, tỷ lệ lợi nhuận giữ lại và khả năng thanh toán có ảnh hưởng đến giá trị doanh nghiệp.

**Từ khóa**: Doanh nghiệp dược, giá trị doanh nghiệp, năng lực tài chính

**6. Ảnh hưởng của tỷ lệ đòn bẩy tài chính lên phương sai lợi nhuận tại các doanh nghiệp niêm yết trên HOSE**/ Lê Phương Lan, Trần Thị Thùy Linh// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 144-148.

**Nội dung**: Bài viết phân tích mối liên hệ trực tiếp về mặt lý thuyết giữa phương sai lợi nhuận chứng khoán (σE) và Đòn bẩy tài chính (L), trong đó xem xét cả giá trị sổ sách và giá trị thị trường của nợ dài hạn và ngắn hạn. Sử dụng dữ liệu báo cáo tài chính quý đã kiểm toán của 30 công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2015-2019 do nền tảng Fiinpro cung cấp, mô hình hồi quy dữ liệu bảng OLS kiểm tra biến động của tỷ suất sinh lời chứng khoán do tác động của đòn bẩy tài chính của công ty. Bằng cách phân tích mối liên hệ giữa đòn bẩy tài chính của doanh nghiệp và sự biến động của lợi nhuận cổ phiếu và dựa trên kết quả mô hình, nhóm tác giả đưa ra những kết luận và khuyến nghị đối với các công ty và nhà đầu tư.

**Từ khóa**: Nhân tố ảnh hưởng, tài chính, lợi nhuận, doanh nghiệp, thị trường chứng khoán

**7. Bàn về quy định chuyển nhóm nợ và tài sản có rủi ro trong tính toán tỷ lệ an toàn vốn và vốn kinh tế đối với ngân hàng thương mại/** Lê Phan Thị Diệu Thảo, Lê Hữu Nghĩa, Lê Thanh Trà, Vũ Văn Đạt// Ngân hàng .- 2024 .- Số 10 .- Tr. 12-17.

**Nội dung:** Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích luật viết và phương pháp so sánh trong luật học để làm rõ một số bất cập của quy định về chuyển nhóm nợ, tài sản có rủi ro trong tính toán tỷ lệ an toàn vốn và vốn kinh tế trong đánh giá mức đủ vốn tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Trên nền tảng các học thuyết có liên quan, nghiên cứu này biện giải và đề xuất hướng xem xét sửa đổi, bổ sung quy định nhằm hoàn thiện tính minh bạch, hợp lý trong áp dụng pháp luật tại các ngân hàng thương mại (NHTM) ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Chuyển nhóm nợ, tài sản có rủi ro, tỷ lệ an toàn vốn, vốn kinh tế, ngân hàng thương mại

**8. Biến động giá dầu thô thế giới, đòn bẩy và sự ổn định của các công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Việt Nam/** Vương Thị Hương Giang// Kinh tế và Phát triển .- 2024 .- Số 323 .- Tr. 23-34.

**Nội dung:** Sử dụng mẫu dữ liệu bảng của các công ty niêm yết Việt Nam từ 2009-2022, kết quả thực nghiệm cho thấy sự bất ổn giá dầu tăng lên, tỷ lệ nợ của doanh nghiệp giảm xuống, đặc biệt là nợ dài hạn. Những phát hiện này rõ rệt hơn trong các doanh nghiệp sản xuất. Những phát hiện này là chắc chắn đối với phân tích sử dụng biến công cụ để giải quyết mối bận tâm về nội sinh. Tuy nhiên, sự không chắc chắn của giá dầu gia tăng không tác động đến sự ổn định của các doanh nghiệp Việt Nam.

**Từ khoá**: Biến động giá dầu, đòn bẩy, sự ổn định, doanh nghiệp niêm yết, Việt Nam

**9. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính của doanh nghiệp vận tải biển niêm yết**/ Đào Văn Thi, Đinh Thị Thu Ngân// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 105-109.

**Nội dung**: Nghiên cứu này xác định các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng báo cáo tài chính của nhóm doanh nghiệp vận tải biển niêm yết. Kết quả cho thấy, hệ số nợ và biến khả năng thanh toán hiện hành có tác động ngược chiều đến chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu và tỷ lệ giữa giá trị thị trường chia giá trị sổ sách của cổ phiếu có tác động cùng chiều đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính. Nghiên cứu là tiền đề để các nhà quản lý có các biện pháp phù hợp làm tăng chất lượng báo cáo tài chính nhóm doanh nghiệp vận tải biển. Các nghiên cứu trong tương

lai có thể sử dụng các mẫu nghiên cứu lớn hơn; đồng thời, sử dụng đa dạng các phương pháp để đánh giá chất lượng báo cáo tài chính.

**Từ khóa**: Doanh nghiệp, báo cáo tài chính, nhân tố ảnh hưởng, chất lượng báo cáo, vận tải biển

**10. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp sản xuất phụ trợ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Lê Thị Mai Hương// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 265 .- Tr. 23-27.

**Nội dung:** Kết quả nghiên cứu đã xác định được 5 yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp sản xuất phụ trợ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam bao gồm: quy mô doanh nghiệp, tỷ lệ thanh khoản, tỷ số nợ, tốc độ tăng trưởng và vòng quay tài sản. Kết quả nghiên cứu là cơ sở khoa học để các doanh nghiệp sản xuất phụ trợ ở Việt Nam có thể đưa ra quyết định hợp lý nhằm mang lại hiệu quả tài chính cao cho doanh nghiệp.

**Từ khóa**: Doanh nghiệp niêm yết, hiệu quả tài chính, thị trường chứng khoán, sản xuất phụ trợ

**11. Cải thiện bất bình đẳng thu nhập thông qua phát triển tài chính và kiểm soát tham nhũng địa phương tại một số tỉnh, thành Việt Nam/** Kim Hương Trang, Từ Lê Mai, Phan Thị Huyền Anh, Nguyễn Văn Hiệp, Đoàn Thị Phương Ly, Mạc Thị Thanh Vân// Ngân hàng .- 2024 .- Số 12 .- Tr. 3-8.

**Nội dung:** Bài nghiên cứu được thực hiện nhằm phân tích, đánh giá về thực trạng của phát triển tài chính, tham nhũng địa phương và bất bình đẳng thu nhập tại 53 tỉnh, thành Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu của các tỉnh, thành từ các nguồn thứ cấp trong 7 năm không liên tục, từ năm 2014 đến năm 2022. Thông qua các phương pháp nghiên cứu định tính và tổng hợp so sánh, nghiên cứu đã chỉ ra sự thay đổi của phát triển tài chính, tham nhũng địa phương và bất bình đẳng thu nhập, đồng thời, ghi nhận tác động cùng chiều của phát triển tài chính đến bất bình đẳng thu nhập và ảnh hưởng của tham nhũng địa phương đến mối quan hệ này. Từ đó, nghiên cứu đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm cải thiện bất bình đẳng thu nhập thông qua phát triển tài chính và kiểm soát tham nhũng địa phương trong tương lai cho các tỉnh, thành nói riêng và Việt Nam nói chung.

**Từ khoá**: Bất bình đẳng thu nhập, phát triển tài chính, tham nhũng địa phương, Việt Nam

**12. Chiến lược đầu tư tài chính: Vai trò của kiến thức tài chính**/ Phùng Thái Minh Trang// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 266 .- Tr. 22-27.

**Nội dung:** Nghiên cứu về sự ảnh hưởng của kiến thức tài chính (KTTC) đến chiến lược đầu tư còn hạn chế. Do đó, nghiên cứu kiểm tra KTTC đến chiến lược đầu tư thông qua vai trò trực tiếp và trung gian. Sử dụng ba phương pháp hồi quy đa biến, logit thứ tự và cấu trúc tuyến tính, kết quả cho thấy KTTC ảnh hưởng trực tiếp đến đầu tư ngắn hạn và sử dụng đòn bẩy. Bên cạnh đó, KTTC là trung gian trong các mối quan hệ giữa giới tính, tuổi, học vấn, kinh nghiệm đầu tư và yêu thích rủi ro với chiến lược đầu tư. Kết quả đều đồng nhất cho cả ba phương pháp. Một số hàm ý được đề nghị đến các nhà đầu tư và các nhà làm chính sách.

**Từ khóa**: Chiến lược đầu tư, đầu tư ngắn hạn, kiến thức tài chính, sử dụng đòn bẩy

**13. Chính sách tài chính cho tăng trưởng xanh, hướng tới cam kết của Việt Nam tại COP26 giảm phát thải ròng bằng 0/** Nguyễn Việt Bình// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 263 .- Tr. 66-70.

**Nội dung:** Tập trung phân tích thực trạng chính sách tài chính cho TTX, mục tiêu giảm phát thải ròng bằng không của Việt Nam, kinh nghiệm quốc tế và đưa ra một số hàm ý chính sách cho Việt Nam.

**Từ khoá**: Chính sách tài chính, tăng trưởng xanh, tín dụng xanh, biến đổi khí hậu, trái phiếu xanh, tổ chức tín dụng

**14. Chính sách tiền tệ góp phần hạn chế sự hình thành các doanh nghiệp zombie tại Việt Nam/** Phạm Thị Hoàng Anh, Đoàn Viết Thắng, Hoàng Thị Ngọc Ánh, Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Gia Hiếu, Đoàn Quỳnh Nhi// Ngân hàng .- 2024 .- Số 10 .- Tr. 7-11.

**Nội dung:** Bài nghiên cứu này nhằm phân tích ảnh hưởng của chính sách tiền tệ góp phần hạn chế sự hình thành các doanh nghiệp zombie tại Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp được thu thập từ 646 doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn từ 2013 - 2022. Kết quả của nghiên cứu chỉ ra rằng: Lãi suất và tỉ lệ doanh nghiệp zombie thể hiện mối quan hệ cùng chiều trong giai đoạn 2013 - 2017; nhưng trong giai đoạn 2017 - 2022 lại chứng kiến mối quan hệ ngược chiều. Điều này chứng tỏ việc nới lỏng lãi suất trong điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã mang lại nhiều lợi ích cho các doanh nghiệp và góp phần ngăn chặn sự hình thành doanh nghiệp zombie. Tuy nhiên, ở góc độ các doanh nghiệp, sau khi đã được tiếp cận nguồn vốn lãi suất thấp từ ngân hàng cần có giải pháp để sử dụng dòng vốn sao cho hiệu quả, tránh trở thành các doanh nghiệp zombie. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số khuyến nghị đối với NHNN, các doanh nghiệp để có thể phát huy hiệu lực trong điều hành chính sách tiền tệ cũng như sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Chính sách tiền tệ, doanh nghiệp zombie, Ngân hàng Nhà nước

**15. Chuyển đổi số trong quản lí tài chính cá nhân tại các ngân hàng thương mại Việt Nam/** Đào Lê Kiều Oanh// Ngân hàng .- 2024 .- Số 12 .- Tr. 29-33.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu sơ lược về quản lí tài chính cá nhân và triển vọng, thực tiễn cũng như thách thức phát triển dịch vụ tài chính cá nhân trên nền tảng số tại các ngân hàng Việt Nam, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm đối mặt với các thách thức hiện có của các ngân hàng Việt Nam. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu, nghiên cứu thị trường và phân tích dữ liệu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các ngân hàng trong hệ thống ngân hàng Việt Nam đã, đang và sẽ có những dịch vụ trên nền tảng số, nổi bật là tích hợp dịch vụ trong ứng dụng mobile của ngân hàng dành cho cá nhân.

**Từ khoá**: Chuyển đổi số, quản lí tài chính cá nhân, ngân hàng số, Chatbot, trí tuệ nhân tạo

**16. Cơ cấu chi ngân sách và giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý chi tại tỉnh Long An**/ Nguyễn Thị Loan, Ngô Văn Toàn// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 221-223.

**Nội dung**: Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê dữ liệu về cơ cấu chi ngân sách nhà nước tại tỉnh Long An giai đoạn 2018-2022 kết hợp với phỏng vấn khảo sát chuyên gia để đánh giá thực trạng cơ cấu chi ngân sách nhà nước tại Long An. Kết quả nghiên cứu cho thấy, cơ cấu chi ngân sách của tỉnh Long An chưa thật sự phù hợp với nhu cầu phát triển thực tế của Tỉnh, ngân sách các địa phương trực thuộc còn phụ thuộc nhiều vào ngân sách cấp trên. Từ đó, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả quản lý chi ngân sách nhà nước tại tỉnh Long An.

**Từ khóa**: Ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả, quản lý thu chi, giải pháp nâng cao

**17. Cơ hội và thách thức khi ứng dụng công nghệ chuỗi khối trong ngành ngân hàng/** Lê Thanh Phương// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 248 .- Tr. 123-128.

**Nội dung:** Công nghệ chuỗi khối (Blockchain) đang tạo ra các ứng dụng quan trọng trong nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, trong đó có ngành ngân hàng. Trong nghiên cứu này, tác giả đi sâu phân tích lợi ích và ứng dụng của blockchain trong cung cấp dịch vụ ngân hàng. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số biện pháp nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ blockchain trong ngành ngân hàng tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Blockchain, ngân hàng thương mại, phát triển thị trường

**18. Đánh giá mức độ an toàn trong hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2023/** Trương Thị Hoài Linh// Ngân hàng .- 2024 .- Số 12 .- Tr. 20-28.

**Nội dung:** Phân tích và đánh giá thực trạng an toàn trong hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2021 - 2023 trên các khía cạnh gồm an toàn vốn, thanh khoản và chất lượng tài sản. Qua phân tích và đánh giá, bài viết đưa ra một số giải pháp đối với các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam và kiến nghị đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) cùng các cơ quan quản lí nhà nước nhằm đảm bảo sự an toàn trong hoạt động ngân hàng.

**Từ khoá**: An toàn, ngân hàng thương mại

**19. Đánh giá tác động của tín dụng xanh đối với hoạt động của cacs ngan hàng thương mại qua chỉ số ROA/** Đào Thị Lành, Hồ Ngọc Tú// Ngân hàng .- 2024 .- Số 12 .- Tr. 34-38.

**Nội dung:** Nghiên cứu sử dụng mô hình định lượng để đánh giá tác động của tín dụng xanh đối với hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại (NHTM) qua chỉ số tỉ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả tín dụng xanh cho các NHTM Việt Nam.

**Từ khoá**: Tín dụng xanh, dư nợ tín dụng, ROA

**20. ESG và Cấu trúc nợ của doanh nghiệp: Nghiên cứu thực nghiệm các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Bùi Thu Hiền, Trịnh Anh Thư, Vũ Hà Phương Nhung, Phạm Thị Thuỳ Linh, Lê Nhật Thanh, Trịnh Xuân Cường// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 265 .- Tr. 52-55.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu tác động của điểm ESG (Môi trường, Xã hội và Quản trị) đến cấu trúc nợ của các doanh nghiệp niêm yết trên TTCK Việt Nam giai đoạn 2018 - 2022. Mô hình học máy (machine learning) được áp dụng để tính điểm ESG cho các doanh nghiệp niêm yết dựa trên thông tin được thu thập từ báo cáo thường niên và báo cáo trách nhiệm xã hội (CSR) của doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các công ty có điểm số ESG tốt hơn thường dịch chuyển cấu trúc nợ từ khoản vay ngân hàng sang phát hành trái phiếu. Ngoài ra, bài viết cũng đề xuất giải pháp cho các bên liên quan, gồm các trái chủ (ngân hàng, nhà đầu tư), các doanh nghiệp và các nhà hoạch định chính sách.

**Từ khóa**: Điểm ESG, cấu trúc nợ doanh nghiệp, khoản vay ngân hàng, phát hành trái phiếu, tỷ lệ đòn bẩy, phát triển bền vững

**21. Giải pháp hạn chế rủi ro cho nhà đầu tư cá nhân hướng đến phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam/** Đào Văn Hùng// Ngân hàng .- 2024 .- Số 12 .- Tr. 39-47.

**Nội dung:** Bài viết phân tích thực trạng của thị trường trái phiếu doanh nghiệp tại Việt Nam trong giai đoạn 2018 - 2023, từ đó đề xuất các biện pháp can thiệp kịp thời và hiệu quả. Bài viết không chỉ cung cấp cái nhìn sâu sắc về các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của thị trường này mà còn đưa ra các giải pháp thực tiễn để tăng cường tính minh bạch, an toàn và khả năng sinh lời cho nhà đầu tư cá nhân, góp phần vào sự phát triển bền vững của thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam.

**Từ khoá**: Trái phiếu doanh nghiệp, nhà đầu tư cá nhân, rủi ro

**22. Giải pháp phát triển tài chính toàn diện tại Ngân hàng Chính sách xã hội/** Trần Thị Thu Hường, Lê Thị Đức Hạnh, Phạm Văn Thắng// Ngân hàng .- 2024 .- Số 12 .- Tr. 53-60.

**Nội dung:** Tài chính toàn diện mang đến cho người dân các dịch vụ tài chính thuận tiện và chất lượng, mở rộng khả năng tiếp cận cho tất cả các tầng lớp dân cư, đặc biệt là tầng lớp dân cư có thu nhập thấp, đồng thời tạo cơ hội đồng đều và hạn chế bất bình đẳng trong nền kinh tế. Nghiên cứu phân tích thực trạng phát triển tài chính toàn diện tại Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (NHCSXH), từ đó đề xuất các giải pháp nhằm phát triển tài chính toàn diện tại NHCSXH.

**Từ khoá**: Tài chính toàn diện, phát triển tài chính toàn diện, Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam

**23. Giải pháp phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam/** Triệu Thị Thu Hằng// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 248 .- Tr. 117-122.

**Nội dung:** Bài viết phân tích thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển thị trường TPDN ở Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Thị trường tài chính, trái phiếu doanh nghiệp

**24. Hạn chế tài chính và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR): Vai trò của cấu trúc sở hữu tổ chức**/ Hồ Thị Hải Ly, Nguyễn Ngọc Anh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 265 .- Tr. 56-59.

**Nội dung:** Kết quả nghiên cứu này được kiểm tra tính vững với việc sử dụng các đo lường khác của hạn chế tài chính cũng như giải quyết vấn đề nội sinh tiềm ẩn. Ngoài ra, mối quan hệ nghịch chiều này cũng bị suy giảm đi ở các doanh nghiệp có cấu trúc sở hữu tổ chức cao. Kết quả nghiên cứu hàm ý một số chính sách nhằm đẩy mạnh hoạt động CSR từ đó tăng cường hiệu quả hoạt động ở các doanh nghiệp châu Á thông qua phát triển tài chính.

**Từ khóa**: Hạn chế tài chính, CSR, sở hữu tổ chức, châu Á

**25. Hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp cảng biển niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2019-2023/** Hoàng Thị Phương Lan// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 77-79.

**Nội dung**: Bằng cách phân tích các chỉ số tài chính như doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất tài chính, các doanh nghiệp cảng biển có thể hiểu rõ hơn về tình hình tài chính của mình, điều này đóng vai trò quan trọng trong việc định hình chiến lược kinh doanh, quản lý rủi ro, thu hút đầu tư từ phía các cổ đông và nhà đầu tư. Trong nghiên cứu này, tác giả phân tích thực trạng hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp cảng biển niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2019 – 2023, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp đồng bộ, khả thi nhằm nâng cao hiệu quả tài chính cho doanh nghiệp.

**Từ khóa**: Hiệu quả tài chính, tài chính, doanh nghiệp, sàn giao dịch chứng khoán

**26. Hiệu ứng lan tỏa của đầu tư trực tiếp nươc ngoài tới doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam/** Hoàng Anh Tuấn, Đỗ Thị Thanh Huyền// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 263 .- Tr. 60-65.

**Nội dung:** Kết quả nghiên cứu cho thấy FDI tác động tích cực đến doanh thu của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước. Ngoài ra, những đặc điểm của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước như năng suất, chất lượng nguồn nhân lực, giá trị tài sản cố định có tác động tích cực đến sự phát triển của các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam.

**Từ khoá**: Đầu tư trực tiếp nươc ngoài, doanh nghiệp, công nghiệp hỗ trợ, hiệu ứng lan tỏa

**27. Hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính của các trường đại học tư thục tại TP. Hà Nội**/ Vũ Thị Thảo, Phạm Văn Hiếu// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 204-208.

**Nội dung**: Tự chủ là xu thế tất yếu để thúc đẩy phát triển giáo dục đại học, là con đường để chuyển đổi cơ chế quản lý hệ thống giáo dục đại học từ mô hình Nhà nước điều hành sang mô hình Nhà nước giám sát. Tự chủ đại học tập trung vào 4 khía cạnh chính: Học thuật, Nhân sự, Tài chính và Quản trị tổ chức. Tự chủ, đặc biệt là tự chủ tài chính, là thước đo trình độ quản lý của các trường, sự đổi mới cách điều hành của Chính phủ đối

với sự phát triển bền vững và nâng cao chất lượng đào tạo đại học. Đặc biệt, đây là tiêu chí quan trọng đối với các trường đại học tư thục ở Việt Nam. Bài viết phân tích cơ chế tự chủ tài chính tại các trường đại học tư thục trên địa bàn TP. Hà Nội với điển hình là hai trường: Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội và Trường Đại học Phenikaa, từ đó gợi ý một số giải pháp nhằm hoàn thiện tự chủ tài chính tại các

trường đại học tư thục trên địa bàn TP. Hà Nội.

**Từ khóa**: Cơ chế tự chủ, tự chủ tài chính, Đại học tư thục, giáo dục Đại học

**28.** **Huy động tài chính xanh hướng tới phát triển bền vững: kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam**/ Nguyễn Thị Thùy Hương// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 98-100.

**Nội dung**: Trong những năm qua, nhờ chủ động triển khai, tài chính xanh tại Việt Nam đã có những bước chuyển tích cực, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng xanh, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững quốc gia. Nhằm huy động tài chính xanh, tạo động lực mạnh mẽ cho tăng trưởng kinh tếhướng tới phát triển bền vững, việc tìm hiểu kinh nghiệm của một số quốc gia là cần thiết, từ đó rút ra bài học cho Việt Nam.

**Từ khóa**: Huy động vốn, tài chính xanh, phát triển bền vững, kinh nghiệm quốc tế, bài học kinh nghiệm

**29. Khả năng chuyển đổi thanh toán trong các doanh nghiệp niêm yết ở Việt Nam: Đánh giá từ chu kỳ chuyển đổi tiền/** Nguyễn Thị Xuân Hồng// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 249 .- Tr. 105-111.

**Nội dung:** Khả năng thanh toán của doanh nghiệp (DN) không chỉ đo lường bằng thước đo tĩnh, như khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nhanh, mà còn đo lường bằng thước đo động là thời gian để chuyển từ dòng tiền ra sang dòng tiền vào, đó là chu kỳ chuyển đổi tiền. Trong các DN ở các ngành nghề khác nhau có những đặc tính về hoạt động sản xuất kinh doanh khác nhau. Bài viết này đánh giá thực trạng chu kỳ chuyển đổi tiền nói chung của 1531 DN niêm yết trên thị trường chứng khoán, trong khoảng thời gian từ 2015 - 2022. Sau đó, so sánh chỉ tiêu này giữa các ngành nghề để cho thấy thực trạng thời gian chuyển đổi tiền của các DN trong các ngành như thế nào. Từ đó, đưa ra một số khuyến nghị chung nhằm giúp các DN cải thiện được thời gian của việc chuyển đổi tiền.

**Từ khoá**: Khả năng thanh toán, chu kỳ chuyển đổi tiền, doanh nghiệp niêm yết ở Việt Nam

**30. Khả năng tiếp cận vốn vay ngân hàng của doanh nghiệp nhỏ và vừa sau đại dịch COVID -19 tại tỉnh Vĩnh Long/** Đặng Thị Ngọc Lan, Huỳnh Minh Đoàn// Tài chính .- 2024 .- Số 823 .- Tr. 207-210.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm đánh giá khả năng tiếp cận vốn vay ngân hàng của doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Vĩnh Long sau đại dịch COVID -19. Nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở thu thập số liệu thứ cấp từ Ngân hàng Nhà nước, Cục Thuế, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long trong giai đoạn 2019 – 2023. Kết quả phân tích cho thấy, dư nợ của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long có xu hướng giảm vào năm 2023. Bên cạnh đó, về phía các ngân hàng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long cũng gặp nhiều khó khăn khi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn... Trên cơ sở đó, nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp để nâng cao khả năng tiếp cận vốn vay ngân hàng của doanh nghiệp nhỏ và vừa sau dịch COVID-19 tại tỉnh Vĩnh Long trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngân hàng thương mại, vay vốn, Đại dịch Covid-19

**31. Kiểm định quy mô vốn hóa của tiền điện tử đến chỉ số chứng khoán - Nghiên cứu trường hợp tại một số quốc gia Đông Nam Á**/ Nguyễn Quang Minh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 264 .- Tr. 89-92.

**Nội dung:** Thông qua nghiên cứu cho thấy các đồng stablecoin như EURS, USDX, SBD có ảnh hưởng đáng kể, làm giảm mất cân bằng trong ngắn hạn. Chỉ số chứng khoán Việt Nam (VNI) có cũng thể ảnh hưởng làm giảm mất cân bằng trong ngắn hạn. Các đồng EURS, USDK sẽ có tác động nhiều hơn tới nhiều thị trường chứng khoán Đông Nam Á. USDX, SUSD tới VNI không có dấu hiệu tắt dần. Các nhà quản lý chính sách cần sẵn sàng đón nhận các sản phẩm tiền tệ mới như stablecoin để có các chính sách điều tiết phù hợp.

**Từ khóa**: Chỉ số chứng khoán, dài hạn, ngắn hạn, quy mô vốn hóa, tiền điện tử

**32. Kiến thức tài chính và những tác động đến quyết định đầu tư chứng khoán của sinh viên**/ Nguyễn Mạnh Hà, Hoàng Tú Linh, Nguyễn Thị Ngọc Lan// Tài chính .- 2024 .- Số 823 .- Tr. 225-229.

**Nội dung**: Nghiên cứu này tìm hiểu tác động của kiến thức tài chính tới quyết định đầu tư chứng khoán của sinh viên trên địa bàn Hà Nội, từ đó đề xuất một số giải pháp có giá trị tham khảo nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học lĩnh vực tài chính ở bậc đại học. Kết quả nghiên cứu sử dụng phương pháp nhân tố khám phá (EFA) cho thấy, các nhân tố kiến thức chuyên ngành, thái độ tài chính, mức chấp nhận rủi ro, thông tin kinh tế - xã hội có tác động thuận chiều tới ý định sử dụng của khách hàng, trong khi đó các nhân tố kiến thức cơ sở và tâm lý đầu tư không có ý nghĩa thống kê.

**Từ khóa**: Tài chính, đầu tư, thị trường chứng khoán, sinh viên, tác động

**33. Lạm phát xanh: thực trạng và một số khuyến nghị đối với Việt Nam/** Phạm Thị Hoàng Anh, Đặng Tuấn Đạt, Nguyễn Khắc Nghĩa, Cao Thanh An, Đỗ Thu Trang, Lê Thị Ánh// Ngân hàng .- 2024 .- Số 11 .- Tr. 33-42.

**Nội dung:** Nghiên cứu tập trung làm rõ những vấn đề chung về lạm phát xanh, trên cơ sở phân tích thực trạng lạm phát xanh tại một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam, nhóm tác giả đề xuất một số khuyến nghị chính sách cho Việt Nam.

**Từ khoá**: Lạm phát xanh, nên kinh tế xanh, tăng trưởng xanh

**34. Liên kết doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn TP. Hà Nội**/ Đinh Vũ Minh// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 201-203.

**Nội dung**: Doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng vai trò quan trọng đối với tăng trưởng, phát triển kinh tế, tạo việc làm và góp phần thực hiện trách nhiệm xã hội đối với các quốc gia. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp này có trình độ công nghệ thấp, khó thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, năng lực cạnh tranh thấp. Trong khi đó, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) có quy mô vốn lớn, công nghệ tốt, kỹ năng quản trị hiện đại sẽ lan toả công nghệ và liên kết hỗ trợ doanh nghiệp trong nước phát triển. Bài viết này nghiên cứu vai trò của việc xây dựng chuỗi liên kết giữa doanh nghiệp nhỏ và vừa với các doanh nghiệp FDI, đánh giá thực trạng liên kết này trên địa bàn Hà Nội và kiến nghị các giải pháp tăng cường liên kết trong bối cảnh mới.

**Từ khóa**: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, vốn đầu tư, đầu tư trực tiếp, đầu tư nước ngoài

**35. Mối quan hệ giữa giá chứng khoán với lãi suất và tỷ giá tại Việt Nam**/ Phạm Thanh Truyền, Nguyễn Thị Nhân// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 266 .- Tr. 14-16.

**Nội dung:** Kết quả nghiên cứu cho thấy lãi suất có mối quan hệ cùng chiều với giá chứng khoán. Kiểm định nhân quả cho thấy lãi suất và giá chứng khoán có quan hệ nhân quả, nhưng không tồn tại mối quan hệ dài hạn giữa ba yếu tố tỷ giá, lãi suất và giá chứng khoán. Về góc độ dự báo, từ kết quả Granger Causality chỉ ra chỉ có biến lãi suất có khả năng dự báo biến động giá chứng khoán và ngược lại.

**Từ khóa**: Giá chứng khoán, lãi suất, tỷ giá

**36. Ngành ngân hàng với chiến lược ESG góp phần thúc đẩy tăng trưởng xanh, kinh tế xanh/** Võ Thị Mỹ Duyên, Nguyễn Thị Thu Hiền// Ngân hàng .- 2024 .- Số Chuyên đề đặc biệt .- Tr. 79-86.

**Nội dung:** Phân tích những đóng góp của ngành ngân hàng cho tăng trưởng xanh, kinh tế xanh thông qua chiến lược ESG trong giai đoạn vừa qua.

**Từ khoá**: Ngân hàng, chiến lược ESG, tăng trưởng xanh, kinh tế xanh

**37. Ngân hàng xanh hướng tới tăng trưởng bền vững/** Nguyễn Công Thái, Hà Hải Nguyệt, Đậu Nguyễn Thảo Vy// Ngân hàng .- 2024 .- Số Chuyên đề đặc biệt .- Tr. 139-150.

**Nội dung:** Bài viết phân tích thực trạng và kinh nghiệm phát triển tín dụng xanh ở các nước trên thế giới, chia thành 2 nhóm chính: các nước phát triển (Trung Quốc, Đức, Hàn Quốc) và các nước đang phát triển (Bangladesh, Philippines). Qua đó, đưa ra những bài học, đề xuất nhằm thúc đẩy hoạt động ngân hàng xanh và tín dụng xanh cho mục tiêu tăng trưởng bền vững tại Việt nam, đặc biệt nhấn mạnh việc tăng cường nhận thức của người tiêu dung về việc sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường và sự hỗ trợ quan trọng của Chính phủ.

**Từ khoá**: Ngân hàng xanh, tín dụng xanh, ngân hàng thương mại, Việt Nam

**38. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi điều chỉnh lợi nhuận của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam/** Nguyễn Ngọc Sơn// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 249 .- Tr. 86-94.

**Nội dung:** Đánh giá tác động của các nhân tố đến hành vi điều chỉnh lợi nhuận của các công ty niêm yết. Dữ liệu được sử dụng là báo cáo tài chính (BCTC) đã kiểm toán của 172 công ty trong giai đoạn 5 năm từ 2019 - 2023. Phương pháp nghiên cứu định lượng được sử dụng với mô hình hồi quy tuyến tính bội, trong đó biến phụ thuộc được đo lường theo mô hình Friedlan (1994) và 7 biến độc lập. Kết quả cho thấy, hiệu quả kinh doanh (ROA), tỷ trọng tài sản cố định (TANG), chất lượng doanh nghiệp (DN) kiểm toán (AUD) có tác động thuận chiều với hành vi điều chỉnh lợi nhuận. Rủi ro kinh doanh (RISK) có tác động ngược chiều đến hành vi điều chỉnh lợi nhuận. Kết quả nghiên cứu có ý nghĩa đối với các công ty, cơ quan quản lý và nhà đầu tư trong việc đánh giá chất lượng lợi nhuận được báo cáo bởi các DN.

**Từ khoá**: Lợi nhuận, chất lượng, điều chỉnh lợi nhuận, hành vi

**39. Nghiên cứu sự phụ thuộc lợi nhuận của tiền kỹ thuật số: tiếp cận phương pháp Copula có điều kiện/** Phan Thị Hằng Nga// Kinh tế và Phát triển .- 2024 .- Số 323 .- Tr. 35-44.

**Nội dung:** Nghiên cứu sử dụng chuỗi dữ liệu thời gian từ tháng 1 năm 2018 đến tháng 1 năm 2023, áp dụng phương pháp Copula có điều kiện để đo lường cấu trúc phụ thuộc của dữ liệu chuỗi thời gian. Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự phụ thuộc mạnh của tỷ suất lợi nhuận của 02 đồng tiền kỹ thuật số trong giai đoạn nghiên cứu, từ kết quả này tác giả đề xuất các hàm ý cho nhà đầu tư cũng như hoạch định chính sách trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Tiền kỹ thuật số, Copula có điều kiện, phụ thuộc lợi nhuận

**40. Phát huy vai trò của chuyển đổi số trong việc thực thi ESG của ngân hàng thương mại Việt Nam/** Hà Thị Tuyết Trinh, Trần Thị Khánh Ly// Ngân hàng .- 2024 .- Số Chuyên đề đặc biệt .- Tr. 87-92.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá tầm quan trọng của chuyển đổi số trong quá trình thực thi ESG, đưa ra một số tồn tại khi thực thi ESG tại các ngân hàng, từ đó đưa ra giải pháp để phát huy vai trò của chuyển đổi số trong việc thực thi ESG.

**Từ khoá**: Ngân hàng thương mại, ESG, chuyển đổi số

**41. Phát triển cho vay tiêu dùng tại Vietcombank Nghệ An**/ Đặng Thành Cương// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 239-241.

**Nội dung**: Trong bối cảnh doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, đầu ra của ngân hàng bị trở ngại thì lĩnh vực cho vay tiêu dùng càng có cơ hội phát triển. Cùng với xu thế đó, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (Vietcombank Nghệ An) đã đẩy mạnh hiện đại hóa, khai thác thị trường khách hàng cá nhân, cho vay tiêu dùng. Tuy nhiên, quy mô cũng như chất lượng cho vay tiêu dùng chưa cao, kết quả chưa tương xứng với tiềm năng, thực tiễn vẫn tồn tại nhiều khó khăn, bất cập. Nghiên cứu này phân tích, đánh giá thực trạng phát triển cho vay tiêu dùng tại Vietcombank Nghệ An, qua đó đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển hơn nữa hoạt động này.

**Từ khóa**: Ngân hàng Vietcombank, vay tiêu dùng, ngân hàng thương mại

**42. Phát triển dịch vụ ngân hàng số tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam**/ Nguyễn Lê Hưng// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 232-235.

**Nội dung**: Bài viết tập trung phân tích quá trình phát triển dịch vụ ngân hàng số, bao gồm dịch vụ thanh toán, dịch vụ tiền gửi và dịch vụ cho vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank) giai đoạn 2019-2023 từ góc nhìn quản lý. Cụ thể như: Xây dựng kế hoạch và lộ trình phát triển dịch vụ ngân hàng số; Tạo lập các điều kiện về vốn, nhân lực và công nghệ để phát triển dịch vụ ngân hàng số; Tổ chức thực hiện phát triển dịch vụ ngân hàng số, Kiểm tra, giám sát quá trình phát triển dịch vụ ngân hàng số tại Vietinbank.

**Từ khóa**: Ngân hàng số, ngân hàng thương mại, phát triển dịch vụ, ngân hàng Công thương

**43.** **Phát triển dịch vụ ngân hàng số tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông/** Đỗ Văn Tính// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 52-54.

**Nội dung**: Ngân hàng số được hiểu là sự kết hợp các công nghệ đang phát triển và công nghệ mới dựa trên cơ tích hợp hệ thống công nghệ và các sản phẩm với nhau để mang lại trải nghiệm khách hàng một cách quả. Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) đã liên minh chiến lược với các đối tác trong và ngoài nước Hiệp hội viễn thông tài chính liên minh toàn cầu (SWIFT), Quỹ phát triển nông thôn (RDF), Hệ chuyển tiền nhanh trên toàn thế giới (Western Union), liên minh thẻ Vietcombank.

**Từ khóa**: Ngân hàng số, ngân hàng thương mại, phát triển dịch vụ

**44. Phát triển sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến trên thiết bị di động/** Đỗ Thị Thu Hiền// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 31-33.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử trên thiết bị di động dựa trên nhu cầu sử dụng thực tế của người dùng trong nước. Từ đó giúp các nhà cung cấp dịch vụ đưa ra các giải pháp phù hợp phát triển ứng dụng thanh toán trực tuyến. Mô hình giả thuyết được đề xuất bao gồm các nhân tố ảnh hưởng đến việc sử dụng dịch vụ. Phần mềm SPSS được sử dụng để kiểm định giả thuyết. Kết quả của nghiên cứu góp phần đưa ra gợi ý giải pháp giúp phát triển ứng dụng thanh toán trực tuyến trên thiết bị di động.

**Từ khóa**: Phát triển dịch vụ, thanh toán trực tuyến, thiết bị di động

**45. Phát triển tài chính, đầu tư trực tiếp nước ngoài và tăng trưởng kinh tế các quốc gia ASEAN/** Phạm Thị Nga// Kinh tế và Phát triển .- 2024 .- Số 324 .- Tr. 11-18.

**Nội dung:** Kết quả phân tích mô hình hồi quy bình phương tối thiểu tổng quát chỉ ra tác động tích cực của phát triển tài chính, đầu tư trực tiếp nước ngoài lên phát triển kinh tế. Từ kết quả nghiên cứu này, tác giả đưa ra một số hàm ý lý thuyết và hàm ý chính sách giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế dựa trên phát triển tài chính và đầu tư trực tiếp nước ngoài.

**Từ khoá**: ASEAN, Đầu tư trực tiếp nước ngoài, hồi quy, phát triển tài chính, tăng trưởng kinh tế

**46. Phòng ngừa rủi ro trong hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay/** Nguyễn Thu Thủy// Kinh tế và Phát triển .- 2024 .- Số 323 .- Tr. 79-89.

**Nội dung:** Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá rủi ro trong hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2013-2023. Dựa vào các dữ liệu thứ cấp thu thập được liên quan đến chủ đề nghiên cứu, với phương pháp nghiên cứu tại bàn, tác giả đã tổng hợp và chỉ ra hàng loạt các nguy cơ tiềm ẩn gây ra những đổ vỡ trong hoạt động của ngân hàng, đó là: (i) Rủi ro trong hoạt động tín dụng; (ii) Rủi ro quản lý thanh khoản; (iii) Rủi ro lãi suất vẫn hiện hữu trong hoạt động kinh doanh; (iv) Các tỷ lệ an toàn hoạt động thực chất không đảm bảo; (v) Kết quả kinh doanh thấp, nhiều ngân hàng bị thua lỗ; (vi) Tình trạng sở hữu chéo giữa các ngân hàng,... Từ kết quả phân tích này tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm phòng ngừa rủi ro trong hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam thời gian tới.

**Từ khoá**: Ngân hàng, rủi ro, hệ thống ngân hàng, Việt Nam

**47**. **Quản lý cho vay khách hàng cá nhân tại BIDV chi nhánh Nghệ An**/ Đặng Thành Cương// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 138-140.

**Nội dung**: Trong những năm qua, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) đẩy mạnh hiện đại hóa, khai thác thị trường khách hàng cá nhân. Trong xu thế đó, BIDV - Chi nhánh Nghệ An (BIDV Nghệ An) cũng không ngừng đẩy mạnh phát triển dịch vụ này. BIDV Nghệ An đã và đang triển khai nhiều biện pháp để hỗ trợ cho các cá nhân có nhu cầu vay vốn. Tuy nhiên, thực tế hoạt động cho vay đối với khách hàng cá nhân gặp nhiều khó khăn cần được giải quyết một cách thấu đáo nhằm phát triển sản phẩm dịch vụ này và đảm bảo an toàn tín dụng cho ngân hàng thương mại.

**Từ khóa**: Quản lý, khách hàng cá nhân, ngân hàng thương mại, ngân hàng BIDV

**48.** **Quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI tại Bình Dương/** Phan Thị Cúc, Nguyễn Thị Tuyết Nhung// Tài chính .- 2024 .- Số 823 .- Tr. 203-206.

**Nội dung**: Bình Dương là địa phương quản lý nhiều dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Bài viết phân tích thực trạng thực hiện chính sách quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI trên địa bàn tỉnh Bình Dương qua đó, đề xuất 3 nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước trong thu hút FDI vào tỉnh Bình Dương: (1) Nhóm giải pháp hoàn thiện chính sách hiệu quả đến hoàn thiện môi trường đầu tư; (2) Nhóm giải pháp hoàn thiện chính sách hấp dẫn đối với thu hút FDI; (3) Nhóm giải pháp hoàn thiện chính sách xúc tiến đầu tư nước ngoài.

**Từ khóa**: Quản lý nhà nước, thu hút vốn, FDI, Bình Dương, vốn đầu tư

**49.** **Quản lý chi ngân sách từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ/** Nguyễn Huy Hoàng// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 86-88.

**Nội dung**: Giai đoạn 2019-2021, quản lý chi ngân sách nhà nước từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Tân Sơn. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý chi ngân sách nhà nước từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Tân Sơn trong thời gian qua gồm: cơ chế, chính sách, quy định của Nhà nước; tiến độ giao vốn và quy mô nguồn ngân sách phân bổ từ trung ương và địa phương cho chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện; năng lực, trình độ quản lý của đội ngũ cán bộ trong bộ máy quản lý chi ngân sách nhà nước; nhận thức của đối tượng thụ hưởng chính sách.

**Từ khóa**: Quản lý ngân sách, mục tiêu, quốc gia, giảm nghèo

**50. Sự quan tâm của nhà đầu tư và tác động tới lợi nhuận của cổ phiếu trong các công ty niêm yết tại Việt Nam/** Nguyễn Thị Hoa Hồng// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 249 .- Tr. 123-127,149.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu tác động của sự quan tâm của nhà đầu tư tới lợi nhuận của cổ phiếu trong các công ty niêm yết tại Việt Nam, giai đoạn 2011 - 2021. Bằng cách áp dụng các mô hình hồi quy đa biến, kết quả nghiên cứu cho thấy, công ty trong ngành nào được các nhà đầu tư quan tâm, tìm kiếm sẽ có lợi nhuận của cổ phiếu trong năm tiếp theo cao hơn. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng chứng minh được các nhân tố khác bao gồm quy mô công ty, tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) và tỷ lệ giữa giá thị trường và giá sổ sách của cổ phiếu đều có những tác động nhất định đến lợi nhuận của cổ phiếu trong các công ty niêm yết tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Công ty niêm yết, lợi nhuận của cổ phiếu, sự quan tâm của nhà đầu tư, Việt Nam

**51. Tác động của đặc điểm quản trị tới hiệu quả tài chính của doanh nghiệp cảng biển Việt Nam niêm yết**/ Đào Văn Thi// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 266 .- Tr. 57-61.

**Nội dung:** Nghiên cứu chỉ ra ba đặc điểm quản trị có tác động cùng chiều tới HQTC được xác định theo thị trường (Tobin’Q) đó là quy mô HĐQT, tính độc lập Ban kiểm soát và cổ đông lớn nước ngoài. Hai biến kiểm soát (Covid và đòn bẩy tài chính) cũng có tác động tới HQTC và có ý nghĩa thống kê.

**Từ khóa**: Đặc điểm quản trị, hiệu quả tài chính, ROA, TBQ

**52. Tác động của giá vàng và tiền điện tử đến thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Tô Thị Hồng Gấm// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 264 .- Tr. 57-60.

**Nội dung:** Kết quả nghiên cứu cho thấy giá vàng trong nước và thế giới có tương quan cùng chiều với TTCK Việt Nam trong 2-3 kỳ quan sát, sau đó đảo chiều, mặc dù mức tương quan là rất thấp. Bên cạnh đó, diễn biến giá của đồng Bitcoin có tương quan cùng chiều với TTCK với mức tương quan lớn cao so với giá vàng, và mối liên hệ này bị dập tắt sau khoảng 4 kỳ quan sát.

**Từ khóa**: Tiền điện tử, giá vàng, thị trường chứng khoán

**53. Tác động của khả năng sinh lợi và cơ hội tăng trưởng đến cấu trúc vốn của 100 doanh nghiệp niêm yết hàng đầu Việt Nam = Impact of profitability and growth opportunities on capital structure of the top 100 listed enterprises in Vietnam**/ Nguyễn Thị Cẩm Thúy// Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2024 .- Số 03(64) .- Tr. 128-141.

**Nội dung:** Tìm hiểu sự tác động của khả năng sinh lợi và cơ hội tăng trưởng đến cấu trúc vốn của 100 doanh nghiệp niêm yết hàng đầu Việt Nam. Nghiên cứu định lượng được thực hiện dựa trên dữ liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán của doanh nghiệp và dữ liệu vĩ mô nền kinh tế. Dựa trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, tác giả chọn ra 100 doanh nghiệp niêm yết có doanh thu lớn nhất để đưa vào nghiên cứu.

**Từ khóa:** Cơ hội tăng trưởng, khả năng sinh lợi, cấu trúc vốn, doanh nghiệp niêm yết, Việt Nam

**54. Tác động lan toả của chính sách tiền tệ của Vương quốc Anh đến thị trường chứng khoán châu Á**/ Nguyễn Vũ Duy// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 264 .- Tr. 93-96.

**Nội dung:** Bài nghiên cứu này nhằm mục tiêu đo lường mức độ tác động của sự thay đổi từ CSTT của Anh đến TTCK các quốc gia khu vực châu Á.

**Từ khóa**: Chính sách tiền tệ, Anh quốc, thị trường chứng khoán, châu Á

**55. Tài chính xanh - Cơ sở lý thuyết và thực tiễn ở Việt Nam**/ Lưu Thị Thu Hà// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 266 .- Tr. 5-9.

**Nội dung:** Bài viết trình bày khái niệm, nội dung tài chính xanh và thực trạng, triển vọng về tài chính xanh ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Kinh tế xanh, tài chính xanh, môi trường sinh thái

**56. Tài chính xanh: thực trạng triển khai tại Việt Nam - một số khuyến nghị và giải pháp phát triển**/ Nguyễn Hồng Nhung// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 110-112.

**Nội dung**: Chuyển đổi xanh, xây dựng nền kinh tế tuần hoàn không chỉ là xu thế, mà đã trở thành yêu cầu bắt buộc vì sự phát triển bền vững của nhân loại. Với sự cam kết mạnh mẽ của Chính phủ Việt Nam tại COP26- đưa mức phát thải ròng về 0 vào năm 2050, nhu cầu đầu tư của Việt Nam vào các dự án giảm thiểu tác động đến môi trường sẽ ngày càng lớn. Có thể nói, tài chính xanh đóng vai trò vô cùng quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế bền vững. Bài viết tìm hiểu thực trạng triển khai tài chính xanh, đưa ra một số khuyến nghị và giải pháp để phát triển tài chính xanh tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Tài chính xanh, thực trạng, khuyến nghị, giải pháp phát triển

**57.** **Tài chính xanh và phát triển tài chính xanh tại Việt Nam**/ Võ Thị Hảo// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 51-54.

**Nội dung**: Phát triển tài chính xanh đang là một xu hướng trên thế giới, thu hút sự tham gia mạnh mẽ của các tổ chức tài chính, hệ thống tài chính của các quốc gia, khu vực. Không nằm ngoài xu hướng đó, Việt Nam đang thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh và đẩy mạnh phát triển thị trường tài chính xanh. Bài viết này khái quát về tài chính xanh, thực trạng phát triển tài chính xanh tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Tài chính xanh, phát triển kinh tế, kinh tế tài chính

**58**. **Tác động của chuyển đổi số đến thị trường lao động các nước đang phát triển**/ Trần Thị Thanh Huyền// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 178-180.

**Nội dung**: Số hóa đang có tác động đến nền kinh tế và thị trường lao động trên toàn thế giới. Thông qua các kênh khác nhau, số hóa sẽ ảnh hưởng đến kết quả của thị trường lao động: việc làm, tiền lương và điều kiện làm việc. “Phân chia kỹ thuật số” từ lâu đã được thừa nhận không được phân bổ đồng đều trong phạm vi từng quốc gia và giữa các quốc gia (Worldbank, 2016). Bài viết tập trung tìm hiểu đặc điểm thị trường lao động của các quốc gia đang phát triển, những tác động của quá trình chuyển đổi số đến thị trường lao

động của các quốc gia này và rút ra một số hàm ý chính sách.

**Từ khóa**: Chuyển đổi số, thị trường lao động, các nước đang phát triển, số hóa

**59.** **Tác động của giao dịch nhà đầu tư nước ngoài đến chỉ số phát triển bền vững**/ Trần Văn Trung// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 47-50.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu tác động của nhà đầu tư nước ngoài ảnh hưởng đến sự biến động của Chỉ số phát triển bền vững (VNSI). Nghiên cứu sử dụng mô hình vectơ tự hồi quy (VAR), dữ liệu nghiên cứu là kết quả đóng theo tuần của VNSI và khối lượng giao dịch ròng, giá trị giao dịch ròng theo tuần của nhà đầu tư nước ngoài trong rổ VNSI. Kết quả nghiên cứu cho thấy, khối lượng giao dịch ròng của nhà đầu tư nước ngoài và sự biến động của VNSI tác động đến giá trị giao dịch ròng của nhà đầu tư nước ngoài.

**Từ khóa**: Đầu tư nước ngoài, phát triển bền vững, giao dịch, nhà đầu tư

**60. Tác động của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA) đến xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam sang Hàn Quốc/** Nguyễn Thị Hương Lan, Hoàng Thanh Trúc// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 263 .- Tr. 79-82.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá tác động của VKFTA đến xuất khẩu hàng may mặc qua 3 tiêu chí: kim ngạch, xuất khẩu, cơ cấu mặt hàng xuất khẩu và thị phần xuất khẩu tại thị trường Hà Quốc. VKFTA mang lại nhiều cơ hội cho xuất khẩu sản phẩm may mặc của Việt Nam, song cũng đặt ra không ít thách thức cần các doanh nghiệp xuất khẩu may mặc phải vượt qua.

**Từ khoá**: VKFTA, xuất khẩu, hàng may mặc, Việt Nam, Hàn Quốc

**61. Tác động của phát triển thị trường vốn đến tăng trưởng kinh tế ở các nước ASEAN và hàm ý chính sách cho Việt Nam/** Nguyễn Hoàng Nam// Ngân hàng .- 2024 .- Số 10 .- Tr. 59-68.

**Nội dung:** Kết quả nghiên cứu cho thấy, sự phát triển của thị trường vốn có tác động cùng chiều đến tăng trưởng kinh tế (đại diện là tổng sản phẩm quốc nội - GDP) của các nước ASEAN. Ngoài ra, nghiên cứu cũng chỉ rõ, tổng giá trị cổ phiếu trên sàn giao dịch và giá trị vốn hóa trên thị trường có tác động dương đến tăng trưởng kinh tế, trong khi tỉ lệ doanh thu trên cổ phiếu có tác động âm đến GDP nhưng kết quả này không có ý nghĩa thống kê. Từ đó, tác giả đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thị trường vốn gắn với tăng trưởng kinh tế ở các nước ASEAN, đặc biệt là Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá**: ASEAN, thị trường vốn, tăng trưởng kinh tế

**62.** **Tác động của tài chính xanh đến lượng khí thải carbon trong mối tương quan với xây dựng xanh tại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Diệu Chi, Phan Thị Khánh Ly, Phan Hoàng Vy, Bùi Hoàng Mai Linh, Nguyễn Thu Hà, Trần Đăng Trung// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 66-69.

**Nội dung**: Khí thải carbon có xu hướng ngày càng tăng cao gây nên biến đổi khí hậu, tổn hại đến sự phát triển chung của nền kinh tế, tạo ra sự mất cân bằng sinh thái, gây ra sự phát triển thiếu bền vững. Đây là một trong những vấn đề nghiêm trọng, thách thức lớn đối với toàn nhân loại nói chung và Việt Nam nói riêng. Bài viết này sử dụng dữ liệu từ năm 2004-2023 để xây dựng mô hình nghiên cứu với lĩnh vực xây dựng xanh làm điểm khởi đầu nhằm khám phá tác động của tài chính xanh đối với lượng khí thải carbon. Từ đó, bài viết đề xuất các khuyến nghị thúc đẩy phát triển tài chính xanh và xây dựng xanh tại Việt Nam với mục tiêu giảm lượng khí thải carbon, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, góp phần hoàn thành lộ trình trung hòa carbon (net zero) vào năm 2050.

**Từ khóa**: Tài chính xanh, khí thải carbon, xây dựng, kinh tế, biến đổi khí hậu

**63**. **Tác động từ cấu trúc vốn đến chi phí đại diện của các công ty du lịch niêm yết tại Việt Nam**/ Đỗ Huyền Trang, Cao Tấn Bình, Triệu Thị Ngọc Châu// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 193-196.

**Nội dung**: Nghiên cứu này đánh giá tác động của cấu trúc vốn đến chi phí đại diện của các công ty du lịch niêm yết tại Việt Nam. Dữ liệu được thu thập trong khoảng thời gian năm 2013-2022 từ 13 công ty du lịch niêm yết. Chi phí đại diện được đo lường bằng Tỷ lệ doanh thu trên tài sản. Tỷ lệ nợ trên tài sản được sử dụng làm đại diện để đo lường cấu trúc vốn. Kết quả nghiên cứu cho thấy, cấu trúc vốn có tác động cùng chiều đến chi phí đại diện của các công ty du lịch niêm yết tại Việt Nam. Khi cấu trúc vốn thay đổi theo hướng gia tăng tỷ lệ nợ trong tổng tài sản, sẽ làm cho chi phí đại diện của vốn chủ sở hữu gia tăng. Nghiên cứu cũng tìm thấy tác động của biến COVID (đại diện cho dịch COVID-19) lên biến cấu trúc vốn khi biến này được thêm vào như một biến kiểm soát. Điều này gợi mở hướng nghiên cứu liên quan đến tác động của các vấn đề về dịch

bệnh, khủng hoảng… đến mối quan hệ giữa cấu trúc vốn và chi phí đại diện.

**Từ khóa**: Cấu trúc vốn, du lịch, niêm yết, nhân tố tác động, chi phí

**64. Tài chính toàn diện và hiệu quả của chính sách tiền tệ : phân tích thực nghiệm ở Việt Nam/** Bùi Duy Hưng// Ngân hàng .- 2024 .- Số 10 .- Tr. 1-6.

**Nội dung:** Bài viết này sử dụng một mô hình đơn giản để phân tích mối quan hệ giữa tài chính toàn diện (Financial Inclusion - FI) và chính sách tiền tệ ở Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2004 đến năm 2023. Thay vì sử dụng các chỉ số riêng lẻ để thể hiện sự phát triển của FI, bài viết xây dựng một chỉ số tổng hợp thể hiện mức độ phát triển FI. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, sự gia tăng chỉ số phát triển FI (FI Index - FII) sẽ làm giảm lạm phát. Ngoài ra, lãi suất cho vay của các ngân hàng có mối quan hệ tiêu cực với lạm phát ở Việt Nam. Hệ số âm giữa lạm phát và lãi suất cho thấy rằng, nếu lãi suất tăng sẽ giúp giảm lạm phát và ngược lại. Cuối cùng, nghiên cứu này đã chỉ ra, tỉ giá và lạm phát có liên quan cùng chiều, có nghĩa là nếu tỉ giá tăng thì dẫn đến lạm phát tăng.

**Từ khoá**: FI, chính sách tiền tệ, dịch vụ tài chính, lạm phát

**65. Thu hút FDI vào Việt Nam : những triển vọng và một số giải pháp/** Nguyễn Trọng Hòa// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 263 .- Tr. 55-59.

**Nội dung:** Bài viết phân tích kết quả đạt được, cùng những tồn tại, hạn chế trong thu hút FDI tại Việt Nam, từ đó khuyến nghị một số giải pháp trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Đầu tư trực tiếp nươc ngoài, vốn FDI, Covid-19

**66.** **Thu hút ODA Australia vào Việt Nam: thực trạng và giải pháp**/ Nguyễn Tiến Đức// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 658 .- Tr. 16-18.

**Nội dung**: Trong số các nhà tài trợ ODA cho Việt Nam, Australia là một nhà tài trợ lớn, vốn ODA từ Australia đóng góp tích cực đối với nền kinh tế Việt Nam. Mặc dù ODA từ Australia vào Việt Nam những năm có sự sụt giảm, nhưng ODA Australia được dự đoán vẫn sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong vốn ODA của Việt Nam trong những năm tới, đặc biệt trong bối cảnh thu hút ODA của Việt Nam ngày gặp khó khăn khi tiến dần tới mốc nước thu nhập trung bình- cao. Bài viết đánh giá thực trạng thu hút Australia vào Việt Nam những năm qua, từ đó đề xuất những kiến nghị cho Việt Nam nhằm đẩy mạnh hút ODA từ Australia nói riêng và thu hút ODA nói chung trong những năm tới.

**Từ khóa**: Thu hút vốn, Australia, phát triển kinh tế

**67. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại một số địa phương và bài học kinh nghiệm cho tỉnh Bắc Giang**/ Dương Quốc Khánh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 266 .- Tr. 76-79.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của một số địa phương như Hưng Yên và Đà Nẵng, từ đó rút ra một số bài học cho tỉnh Bắc Giang.

**Từ khóa**: Địa phương, thu hút đầu tư, đầu tư trực tiếp nước ngoài, kinh nghiệm, bài học

**68. Thúc đẩy tăng trưởng tín dụng của hệ thống ngân hàng Việt Nam trong bối cảnh hiện nay/** Nguyễn Cảnh Hiệp, Vũ Thị Tâm Thu// Ngân hàng .- 2024 .- Số 12 .- Tr. 14-19.

**Nội dung:** Bài viết này nghiên cứu tình hình thực hiện kế hoạch tăng trưởng tín dụng năm 2023 của hệ thống ngân hàng Việt Nam. Thông qua việc phân tích kết quả thực hiện các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng mà ngành Ngân hàng đã triển khai trong năm vừa qua, bài viết chỉ ra một số nguyên nhân cơ bản tác động tiêu cực đến việc mở rộng quy mô tín dụng của hệ thống ngân hàng. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra một số khuyến nghị nhằm mở rộng quy mô tín dụng của hệ thống ngân hàng hiện nay để hoàn thành mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2024 theo định định hướng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN).

**Từ khoá**: Tín dụng, tăng trưởng

**69. Thuận lợi, thách thức và giải pháp về ESG trong hệ thống ngân hàng Việt Nam/** Huỳnh Anh Thư, Nguyễn Thị Trúc// Ngân hàng .- 2024 .- Số Chuyên đề đặc biệt .- Tr. 61-69.

**Nội dung:** Đánh giá tình hình triển khai ESG, phân tích lợi ích và thách thức của việc triển khai ESG tại các ngân hàng Việt Nam hiện nay, từ đó đề xuất các biện pháp để nâng cao việc triển khai ESG trong ngành ngân hàng Việt Nam. Phương pháp nghiên cứu chủ yếu sử dụng là nghiên cứu tài liệu, thu thập dữ liệu từ các công trình nghiên cứu, báo cáo và thông tin từ website của các ngân hàng.

**Từ khoá**: Ngân hàng, ESG, Việt Nam

**70. Thực hiện trách nhiệm xã hội của tổ chức tín dụng ở Việt Nam : thực trạng và một số khuyến nghị/** Viên Thế Giang// Ngân hàng .- 2024 .- Số Chuyên đề đặc biệt .- Tr. 118-123.

**Nội dung:** Bài viết làm rõ nội hàm trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội của tổ chức tín dụng. Từ thực tiễn ở Việt Nsm cho thấy, các tổ chức tín dụng được thành lập với mục tiêu tương trợ đã thực hiện tốt trách nhiệm của mình trong hỗ trợ thành viên và cung ứng dịch vụ ngân hàng cho các đối tượng khác khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

**Từ khoá**: Tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại, trách nhiệm xã hội

**71. Thực thi ESG trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam : thực trạng và một số giải pháp/** Trần Linh Huân // Ngân hàng .- 2024 .- Số Chuyên đề đặc biệt .- Tr. 26-33.

**Nội dung:** Bài viết phân tích, đánh giá sự cần thiết của việc thực thi ESG trong lĩnh vực ngân hàng, làm rõ thực trạng thực thi về vấn đề này và từ đó, đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi ESG trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Ngân hàng, ESG, thách thức, giải pháp

**72. Thực thi ESG tại Agribank: cơ hội, thách thức và giải pháp, kiến nghị/** Nguyễn Thị Thu Hà, Trần Quang Tiến// Ngân hàng .- 2024 .- Số Chuyên đề đặc biệt .- Tr. 70-78.

**Nội dung:** Tập trung đi sâu vào việc thực thi ESG tại Agribank: cơ hội, thách thức và các giải pháp triển khai ESG trong hệ thống Agribank.

**Từ khoá**: Ngân hàng, ESG, Agribank, cơ hội, thách thức và giải pháp

**73. Thực trạng nợ xấu của các ngân hàng thương mại kế từ sau khi Việt nam gia nhập WTO/** Lê Thị Mai Hương// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 263 .- Tr. 50-54.

**Nội dung:** Bài viết phân tích một số nguyên nhân dẫn đến nợ xấu của các NHTM ở nước ta để làm cơ sở đề xuất một số kiến nghị nhằm giúp cho các NHTM ở Việt Nam duy trì tỷ lệ nợ xấu ở mức an toàn.

**Từ khoá**: Nợ xấu, các ngân hàng thương mại, WTO

**74. Thực trạng phát triển sản phẩm và dịch vụ tài chính số tại các quốc gia châu Á/** Lê Thị Hương Trà, Nguyễn Ngọc Hải, Lê Thị Quỳnh Anh, Nguyễn Thu Huyền, Trần Thị Huyền// Ngân hàng .- 2024 .- Số 11 .- Tr. 50-57.

**Nội dung:** Bài viết nhằm mục đích đánh giá sự phát triển của các sản phẩm và dịch vụ tài chính số tại các quốc gia trong khu vực châu Á. Dựa trên dữ liệu được thu thập từ các báo cáo về tài chính toàn diện của Ngân hàng Thế giới (WB) và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), nghiên cứu tập trung đánh giá thực trạng tiếp cận các dịch vụ tài chính số tại 19 quốc gia châu Á từ phía chủ thể cung cấp và chủ thể tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ tài chính. Kết quả cho thấy, thực trạng cung cấp và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính số tại châu Á có sự cải thiện đáng kể qua các năm. Tuy nhiên, các dịch vụ này nhìn chung vẫn chưa phổ biến đối với các đối tượng yếu thế, một số khía cạnh tài chính số vẫn có sự khác biệt lớn giữa các quốc gia phát triển và đang phát triển. Từ đó, nghiên cứu khái quát một số hàm ý chính sách để cải thiện, thúc đẩy sự phát triển của tài chính số tại châu Á.

**Từ khoá**: Tài chính số, sản phẩm tài chính, dịch vụ tài chính, ngân hàng, châu Á

**75. Tự chủ tài chính tại các vườn quốc gia trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Thực trạng và giải pháp/** Bùi Thị Minh Nguyệt, Đào Lan Phương, Nguyễn Thị Hồng Thanh// Kinh tế và Phát triển .- 2024 .- Số 324 .- Tr. 78-87.

**Nội dung:** Bằng phương pháp nghiên cứu định tính, sử dụng dữ liệu có liên quan của 6 vườn quốc gia trực thuộc Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn (2018-2022) cho thấy các vườn quốc gia bước đầu đã chủ động huy động vốn ngoài ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, với việc quản lý những tài sản công đặc thù như rừng, đất rừng và hệ sinh thái, các vườn quốc gia đang gặp nhiều rào cản trong việc xây dựng cơ chế tự chủ tài chính. Nguồn tài chính ngoài ngân sách nhà nước chưa ổn định dẫn đến phần lớn các vườn quốc gia chưa tự chủ chi thường xuyên, công tác bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và đời sống của người lao động còn nhiều khó khăn. Kết quả nghiên cứu là cơ sở khuyến nghị cơ quan quản lý nhà nước ban hành cơ chế đặc thù và cần có lộ trình phù hợp với tiến trình tự chủ tài chính tại các vườn quốc gia.

**Từ khoá**: Tự chủ tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, vườn quốc gia, đơn vị sự nghiệp công lập

**76. Vai trò của Quỹ Đầu tư phát triển trong phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình**/ Nguyễn Anh Đức, Nguyễn Hữu Thạch, Nguyễn Thị Hồng Nhung, Vũ Thị Hằng Nga// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 209-212.

**Nội dung**: Du lịch đang dần trở thành nguồn thu quan trọng của tỉnh Ninh Bình. Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội địa phương nói chung và đầu tư phát triển ngành Du lịch nói riêng. Sử dụng các số liệu cập nhật và các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, nghiên cứu phân tích thực trạng phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình và chỉ ra được những đóng góp của Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình trong phát triển du lịch. Từ đó, nghiên cứu đề xuất một số chính sách cụ thể nhằm nâng cao vai trò của Quỹ trong phát triển du lịch địa phương.

**Từ khóa**: Quỹ đầu tư, du lịch, Ninh Bình, phát triển du lịch

**77. Vai trò điều tiết của đa dạng hóa thu nhập đến mối quan hệ giữa các yếu tố đặc thù với khả năng sinh lời của ngân hàng/** Lê Hà Diễm Chi// Ngân hàng .- 2024 .- Số 11 .- Tr. 10-18.

**Nội dung:** Bài viết nhằm mục đích xác định sự ảnh hưởng của các yếu tố đặc thù đến khả năng sinh lời của ngân hàng và xem xét vai trò điều tiết của đa dạng hóa thu nhập đến mối quan hệ này. Với dữ liệu 25 ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam giai đoạn 2011 - 2022 và phương pháp ước lượng SGMM, kết quả nghiên cứu cho thấy, lợi nhuận ngân hàng sẽ được cải thiện tích cực bởi những yếu tố như quy mô vốn chủ sở hữu, quy mô tổng tài sản, quy mô tín dụng và đa dạng hóa thu nhập. Trong khi đó, tăng trưởng tổng tài sản, quy mô tiền gửi khách hàng, chi phí hoạt động, rủi ro tín dụng là những nhân tố khi gia tăng sẽ giảm lợi nhuận ngân hàng. Vai trò điều tiết của đa dạng hóa thu nhập thông qua biến tương tác cho thấy, đa dạng hóa thu nhập có ảnh hưởng điều tiết tác động của quy mô vốn chủ sở hữu, quy mô tổng tài sản, tăng trưởng tổng tài sản, quy mô tín dụng, chi phí hoạt động, nhưng không tìm thấy sự điều tiết của đa dạng hóa thu nhập đến mối quan hệ giữa tiền gửi khách hàng, rủi ro tín dụng với khả năng sinh lời. Kết quả nghiên cứu gợi ý một số giải pháp nâng cao khả năng sinh lời của ngân hàng từ đa dạng hóa thu nhập.

**Từ khoá**: Khả năng sinh lời, đa dạng hóa thu nhập, điều tiết, SGMM

**78. Vai trò quan trọng của ESG trong quá trình xây dựng chiến lược tài chính xanh tại Việt Nam/** Nguyễn Bá Vinh, Lương Thị Tuyết Trân// Ngân hàng .- 2024 .- Số Chuyên đề đặc biệt .- Tr. 108-117.

**Nội dung:** Bài viết làm rõ tác động quan trọng của tiêu chuẩn ESG trong quá trình xây dựng chiến lược tài chính xanh tại Việt Nam, triển vọng và khó khan cho mục tiêu phát triển tài chính xanh theo tiêu chuẩn ESG trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam hiện nay. Từ đó đưa ra một số đề xuất nhằm phát triển bền vững hệ thống tài chính tại Việt Nam hiện nay.

**Từ khoá**: ESG, tài chính xanh, phát triển bền vững, tăng trưởng xanh

**79. Vấn đề tài chính khí hậu và vai trò của các bên liên quan/** Nguyễn Đình Đáp, Bùi Thị Cẩm Tú// Ngân hàng .- 2024 .- Số Chuyên đề đặc biệt .- Tr. 151-158.

**Nội dung:** Tổng quan về tài chính khí hậu. Các bên liên quan trong tài chính khí hậu. các giải pháp huy động tài chính khí hậu. Tài chính khí hậu cho Việt Nam.

**Từ khoá**: Tài chính khí hậu, biến đổi khí hậu, Quỹ khí hậu, carbon

**80. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) với tăng trưởng kinh tế địa phương tại Việt Nam**/ Nguyễn Quốc Khánh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 266 .- Tr. 10-13.

**Nội dung:** Phân tích mối quan hệ của vốn ODA và tăng trưởng kinh tế địa phương. Từ đó, đưa ra định hướng phù hợp để các tỉnh có chiến lược sử dụng nguồn vốn này hiệu quả hơn.

**Từ khóa**: ODA, vốn hỗ trợ phát triển chính thức, tăng trưởng kinh tế địa phương, tổng sản phẩm trên địa bàn

**81. Vai trò vốn tri thức đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp**/ Nguyễn Thị Việt Hà// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 120-123.

**Nội dung**: Bài viết phân tích chi tiết các thành phần của vốn tri thức (vốn nhân lực, vốn cấu trúc và vốn quan hệ). Phương pháp nghiên cứu định tính được áp dụng để phân tích thu thập dữ liệu từ phỏng vấn sâu đối với 22 doanh nghiệp đang hoạt động tại thủ đô Hà Nội của Việt Nam trong tháng 02/2024. Kết quả nghiên cứu chỉ ra một bức tranh nhận thức về tầm quan trọng của vốn tri thức tại các doanh nghiệp Việt Nam và một số khuyến nghị để tăng cường khai thác nguồn vốn đặc biệt này.

**Từ khóa**: Doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh, vốn tri thức

**82. Ứng dụng công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam**/ Nguyễn Vũ Thân// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 84-86.

**Nội dung**: Công nghệ tài chính (Fintech) được viết tắt từ Financial Technology là một thuật ngữ chung chỉ việc ứng dụng công nghệ vào các hoạt động, dịch vụ tài chính. Fintech mang đến những đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng giúp cải thiện hiệu quả, tăng cường khả năng tiếp cận trong lĩnh vực tài chính. Bài viết đánh giá cơ hội của sự phát triển Fintech nói chung trên thế giới và tiềm năng phát triển Fintech trong lĩnh vực

ngân hàng tại Việt Nam nói riêng, đồng thời, chỉ ra những thách thức phải đối mặt của các ngân hàng khi ứng dụng Fintech trong sự phát triển của nền kinh tế hiện nay.

**Từ khóa**: Tài chính, ứng dụng công nghệ, công nghệ tài chính, ngân hàng thương mại

**83. Ứng dụng ESG trong xếp hạng tín dụng doanh nghiệp tại Việt Nam/** Cao Văn Bình// Ngân hàng .- 2024 .- Số 11 .- Tr. 19-27.

**Nội dung:** Các mô hình xếp hạng tín dụng doanh nghiệp chưa được tích hợp dữ liệu để đánh giá doanh nghiệp dưới góc độ môi trường, xã hội và quản trị, do đó, gắn với xu hướng phát triển kinh doanh bền vững, bài viết nghiên cứu thực trạng và triển vọng ứng dụng điểm ESG vào mô hình xếp hạng tín dụng doanh nghiệp tại Việt Nam, qua đó đưa ra các khuyến nghị cần thiết cho hoạt động này.

**Từ khoá**: Xếp hạng tín dụng, ESG, thông tin tín dụng, điểm ESG

**84. Ứng dụng mô hình ARDL trong phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới đầu tư tại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Hiên, Lê Mai Trang, Trần Thị Khánh Linh, Nguyễn Thị Nguyệt, Phí Thị Lữ, Bùi Thị Linh Chi, Bùi Thị Minh Nguyệt// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 265 .- Tr. 28-32.

**Nội dung:** Nghiên cứu sử dụng mô hình phân phối trễ tự hồi quy (Autoregressive Distributed Lag - ARDL) kết hợp với phương pháp kiểm định đường bao (Bound test) làm cơ sở xác định tác động dài hạn, sau đó dùng mô hình hiệu chỉnh sai số (ECM) để phân tích tác động ngắn hạn, tiếp đến kiểm định độ phù hợp và xử lý các vi phạm có thể gặp phải của mô hình. Kết quả phân tích cho thấy lạm phát và lãi suất có tác động tiêu cực đến quyết định và cơ hội đầu tư tại Việt Nam trong cả ngắn hạn và dài hạn.

**Từ khóa**: Đầu tư, tăng trưởng GDP, cung tiền, lạm phát, lãi suất, mô hình ARDL

**85. Xu hướng đầu tư trái phiếu xanh ở Việt Nam và những khuyến nghị**/ Đỗ Thị Thơ, Lê Nguyễn Việt Anh, Đặng Tố Uyên, Nguyễn Thị Hồng Ngọc, Nguyễn Trọng Quyền// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 58-60.

**Nội dung**: Đầu tư trái phiếu xanh là đầu tư vào các dự án liên quan đến bảo vệ, phục hồi môi trường, phát triển bền vững với tăng trưởng xanh. Đây không phải là lĩnh vực mới trên thế giới, nhưng ở Việt Nam, việc đầu tư trái phiếu xanh vẫn còn ở dạng thị trường sơ khai, ít nhà đầu tư quan tâm, bởi lợi nhuận thu được từ lĩnh vực này còn khiêm tốn, vốn đầu tư lớn, thời gian thu hồi vốn dài… Hiện nay, việc thu hút nhà đầu tư vào trái phiếu xanh đang được Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương và nhiều doanh nghiệp quan tâm.

Nghiên cứu này chỉ ra xu hướng đầu tư trái phiếu xanh, kinh nghiệm phát triển trái phiếu xanh của một số quốc gia, từ đó rút ra các khuyến nghị hữu ích cho Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Đầu tư trái phiếu, xu hướng đầu tư, trái phiếu xanh

**86.** **Xu hướng phát triển tài chính phi tập trung**/ Nguyễn Thị Thanh Hà// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 81-83.

**Nội dung**: Sự phát triển của công nghệ blockchain đã tạo ra những thay đổi quan trọng trong hoạt động tài chính toàn cầu. Từ những ý tưởng ban đầu tạo ra sổ cái phi tập trung và được nắm giữ giữa các cá nhân để đảm bảo tính minh bạch của thông tin đến sự lớn mạnh của mạng lưới blockchain 2.0, 3.0, 4.0 đã tạo ra vô số ứng dụng cần thiết cho cuộc sống. Một trong số đó là các ứng dụng dành cho tài chính hiện đại trong thời đại 4.0. Blockchain giờ đây không chỉ phục vụ việc chuyển tiền mà như một bộ phận thu nhỏ của ngân hàng thương mại. Đây là bước tiến quan trọng trong hình thành ngân hàng phi tập trung, không phụ thuộc vào tổ chức nào. Bài viết làm rõ mạng lưới blockchain, cách thức hoạt động của tài chính phi tập trung, những lợi ích, tồn tại và xu hướng phát triển, nguy cơ thay thế ngân hàng truyền thống.

**Từ khóa**: Tài chính, phát triển kinh tế, xu hướng phát triển, phi tập trung

**87. Xu hướng tích hợp các dịch vụ tài chính - Nhìn từ góc độ thể chế pháp lý và những vấn đề đặt ra**/ Nguyễn Văn Hiệu// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 265 .- Tr. 5-9.

**Nội dung:** Bài viết này hệ thống hoá và làm rõ các mô hình tích hợp dịch vụ tài chính diễn ra ở giai đoạn đầu (tích hợp cấu trúc thể chế) làm nền tảng cho quá trình tích hợp sản phẩm và dịch vụ ở mức độ cao hơn (sẽ được đề cập trong một dịp khác). Bài viết được kết cấu thành 2 phần: khái niệm và các mức độ tích hợp các dịch vụ tài chính; Những lợi ích tiềm năng, thách thức và những rủi ro tiềm ẩn của xu hướng tích hợp các dịch vụ tài chính.

**Từ khóa**: Dịch vụ tài chính, thanh toán trực tuyến, quản lý tài chính cá nhân, đầu tư

**MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG NGHỆ HÓA**

**1. Bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên gắn với phát triển bền vững/** Lương Thị Tuất, La Thế Phúc, Phạm Thị Trầm, Vũ Tiến Đức// Môi trường .- 2024 .- Số 6 .- Tr. 82-84.

**Nội dung:** Tất cả các công viên đa cấp thành viên của các mạng lưới công viên đa cấp quốc gia, khu vực và quốc tế luôn hướng tới thực hiện ba mục tiêu: (1) Bảo tồn tổng thể các giá trị di sản; (2) Giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về các khoa học Trái đất và bảo tồn di sản; (3) Phát triển bền vững kinh tế - xã hội thông qua phát triển du lịch địa chất dựa trên cơ sở khai thác hợp lý, bền vững, hiệu quả tổng thể các giá trị di sản của khu vực.

**Từ khóa**: Di sản thiên nhiên, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường

**2. Chính sách hiện hành và một số đề xuất nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý trong thực hiện nền Kinh tế xanh tại Việt Nam/** Vũ Văn Bình, Nguyễn Văn Thành// Môi trường .- 2024 .- Số 6 .- Tr. 52-55.

**Nội dung:** Bài viết khái quát các quy định hiện hành, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý để thúc đẩy nền kinh tế xanh ở Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Kinh tế xanh, phát triển bền vững, biến đổi khí hậu, hành lang pháp lý

**3. Đánh giá việc sử dụng ảnh vệ tinh Landsat 8 - 9 trong giám sát tổng chất rắn lơ lửng (TSS) trong nước biển : nghiên cứu ở vùng biển Đà Nẵng/** Lại Đức Ngân, Trịnh Thị Thủy, Lương Tuấn Nghĩa// Môi trường .- 2024 .- Chuyên đề II .- Tr. 62-67.

**Nội dung:** Nghiên cứu đã chỉ ra, có thể sử dụng ảnh vệ tinh landsat 8 - 9 trong giám sát tổng chất rắn lơ lửng (TSS) trong nước biển ở vùng biển Đà Nẵng; Xác định được hàm tương quan giữa TSS thực đo và chỉ số vật chất lơ lửng là phương trình đa thức bậc 2 (y = 23.32x2 + 17.94x + 4.1162) với biến là chỉ số vật chất lơ lửng.

**Từ khóa**: Chất rắn lơ lửng, chỉ số vật chất lơ lửng, ảnh vệ tinh Landsat 8 - 9

**4. Đề xuất giải pháp thúc đẩy tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Nam/** Lê Trần Anh Vân, Triệu Thy Hòa, Trương Hồng Hải// Môi trường .- 2024 .- Số 6 .- Tr. 56-59.

**Nội dung:** Trên cơ sở phân tích, đánh giá tiềm năng, lợi thế cũng như các khó khăn, thách thức trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội theo hướng tăng trưởng xanh của tỉnh Quảng Nam, từ đó, bài viết đề xuất một số giải pháp góp phần thực hiện thành công các mục tiêu phát triển KT-XH cũng như tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh và bền vững.

**Từ khóa**: Tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, giải pháp

**5. Giao thông xanh ứng phó biến đổi khí hậu/** Nguyễn Văn Minh// Quy hoạch Xây dựng .- 2024 .- Số 129 .- Tr. 16-21.

**Nội dung:** Bằng cách phân tích một cách có hệ thống mối quan hệ giữa phát triển giao thông và biến đổi khí hậu, bài báo này xác định các vấn đề và giải pháp phát triển giao thông xanh nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, để đạt được mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

**Từ khóa**: Giao thông xanh, biến đổi khí hậu, biến đổi khí hậu

**6. Hiện trạng rác thải nhựa ở khu vực cửa sông Sài Gòn – Đồng Nai và các giải pháp quản lý/** Phạm Duy Thanh, Nguyễn Xuân Hoàn// Môi trường .- 2024 .- Số 6 .- Tr. 34-38.

**Nội dung:** Xác định nồng độ rác thải nhựa trong môi trường nước và phân tích hàm lượng kim loại năng trong rác thải nhựa tại khu vực cửa sông Sài Gòn - Đồng Nai. Theo đó, nghiên cứu thực hiện thu mẫu rác thải nhựa lớn (> 5 mm) tại khu vực cửa sông Sài Gòn - Đồng Nai nhằm xác định đặc điểm về khối lượng, số lượng mảnh nhựa, nồng độ kim loại năng Cr, Pb, Zn, Cd trong rác thải nhựa.

**Từ khóa**: Rác thải nhựa, kim loại nặng, khu vực cửa sông

**7. Kinh nghiệm quốc tế và đề xuất khung nội dung giám sát môi trường biển tích hợp cho Việt Nam/** Nguyễn Lê Tuấn, Phạm Minh Dương, Nguyễn Hải Anh, Phạm Thị Thủy// Môi trường .- 2024 .- Số 6 .- Tr. 71-74.

**Nội dung:** Qua quá trình thực hiện Đề tài “Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng mạng lưới điều tra cơ bản và giám sát môi trường biển giai đoạn 2020 - 2030, tầm nhìn 2045”, nhóm tác giả đã thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin, kinh nghiệm, các chiến lược và xu hướng xây dựng chương trình giám sát môi trường biển của các quốc gia, tổ chức quốc tế, qua đó, đề xuất khung nội dung giám sát môi trường biển tích hợp cho Việt Nam.

**Từ khóa**: Môi trường biển, phát triển bền vững, ô nhiễm môi trường

**8. Một số phương pháp rửa đất phù hợp loại bỏ thủy ngân và bảo vệ môi trường/** Hoàng Hồng Giang, Đồng Thị Thu Huyền, Nguyễn Thị Thu Hằng, Bùi Thị Phương Thúy// Môi trường .- 2024 .- Số 6 .- Tr. 60-64.

**Nội dung:** Bài báo này nhằm tổng hợp các kỹ thuật rửa đất ô nhiễm thủy ngân đã được áp dụng trong các nghiên cứu trước đây. Trong đó, bài báo nhấn mạnh vào các thiết bị và hóa chất sử dụng, đồng thời phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả rửa đất. Kết quả của bài báo này là cơ sở để lựa chọn kỹ thuật rửa đất phù hợp để loại bỏ thủy ngân và BVMT cho từng trường hợp ô nhiễm thủy ngân trong đất riêng biệt.

**Từ khóa**: Thủy ngân, bảo vệ môi trường, rửa đất, ô nhiễm môi trường

**8. Nghiên cứu đề xuất giải pháp giảm phát thải khí nhà kính cho ngành sản xuất xi măng/** Nguyễn Thành Đông, Phạm Thị Huế// Môi trường .- 2024 .- Chuyên đề II .- Tr. 3-7.

**Nội dung:** Trên cơ sở đánh giá hiện trạng, nghiên cứu sẽ đề xuất khung giảm phát thải khí nhà kính cho ngành vật liệu xây dựng và 5 giải pháp kỹ thuật nhằm giảm phát thải hiệu quả đối với ngành sản xuất xi măng trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Vật liệu xây dựng, phát thải khí nhà kính, xi măng

**9. Nghiên cứu khả năng hấp phụ xanh methylen của tro bay biến tính bằng phương pháp nung chảy thủy nhiệt với NAOH rắn/** Phạm Thị Ngọc Thùy, Lư Thị Yến, Nguyễn Thị Thu Cúc// Môi trường .- 2024 .- Chuyên đề II .- Tr. 53-61.

**Nội dung:** Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá khả năng hấp phụ MB của tro bay biến tính (TBBT) bằng NaOH rắn 96% ở 600oC trong 1 giờ. Phương pháp hấp phụ tĩnh được sử dụng để đánh giá khả năng hấp phụ MB trong môi trường nước của TBBT với các yếu tố ảnh hưởng như thời gian hấp phụ, giá trị pH của dung dịch và nồng độ MB ban đầu.

**Từ khóa**: Xanh methylen, tro bay biến tính, thủy nhiệt, NAOH rắn

**10. Nghiên cứu kiểm kê khí nhà kính theo tiêu chuẩn ISO 14064-1:2018 tại doanh nghiệp thuộc ngành công nghiệp phụ trợ/** Trần Hồng Sơn, Lê Ngọc Thuấn, Vũ Văn Doanh// Môi trường .- 2024 .- Chuyên đề II .- Tr. 8-15.

**Nội dung:** Nghiên cứu đề xuất giải pháp nhằm giúp các doanh nghiệp phụ trợ đáp ứng yêu cầu của quy định pháp luật về kiểm kê khí nhà kính, đồng thời sử dụng năng lượng hiệu quả, góp phần bảo vệ môi trường, hướng đến sự phát triển bền vững.

**Từ khóa**: Khí nhà kính, ngành công nghiệp phụ trợ, tiêu chuẩn ISO 14064-1:2018

**11. Phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp góp phần giảm ô nhiễm môi trường/** Nguyễn Nguyên Cự, Nguyễn Thị Phương Mai// Môi trường .- 2024 .- Chuyên đề II .- Tr. 120-124.

**Nội dung:** Làm sáng rõ những chủ trương phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp của Việt Nam, thực trạng, khó khăn và những khuyến nghị.

**Từ khóa**: Kinh tế tuần hoàn, ô nhiễm môi trường, nông nghiệp

**12. Phát triển xanh Singapore và một số gợi mở cho Việt Nam/** Nguyễn Việt Cường, Vũ Thị Hoa// Môi trường .- 2024 .- Số 6 .- Tr. 75-78.

**Nội dung:** Bài viết tập trung nghiên cứu 4 trụ cột đầu tiên, được xem là có giá trị tham khảo lớn cho Việt Nam đó là: Xây dựng thành phố trong vườn; Thúc đẩy tái quy hoạch năng lượng; Xây dựng lối sống bền vững; Phát triển kinh tế xanh. Dựa trên kinh nghiệm của Singapore, một số gợi mở có thể rút ra cho Việt Nam.

**Từ khóa**: Kinh tế xanh, phát triển bền vững, quản lý môi trường

**13. Quy hoạch quản lý chất thải rắn trong quy hoạch đô thị hướng đến tăng trưởng xanh và nền kinh tế tuần hoàn/** Nguyễn Huy Dũng// Quy hoạch Xây dựng .- 2024 .- Số 129 .- Tr. 12-15.

**Nội dung:** Thực trạng quy hoạch và quản lý chất thải rắn đô thị; Yêu cầu quản lý chất thải rắn và giảm thiểu biến đổi khí hậu; Một số vấn đề cần quan tâm trong quy hoạch quản lý chất thải rắn đô thị hướng đến tăng trưởng xanh và nền kinh tế tuần hoàn.

**Từ khóa**: Chất thải rắn, quy hoạch đô thị, tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn

**14. Tác động biến đổi khí hậu đến sự phát triển bền vững của Việt Nam**/ Nguyễn Việt Thanh// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 4 .- Tr. 41-52.

**Nội dung:** Phân tích những diễn biến cực đoan, bất thường của thời tiết, thiên tai, hạn hán, sạt lỡ của biến đổi khí hậu gây ra nhiều thiệt hại về kinh tế, đe dọa an ninh sinh thái, an ninh lương thực, tác động trực tiếp đến các lĩnh vực sản xuất và sinh kế của người dân. Trước những tác động đó, để phát triển bền vững đòi hỏi Việt Nam thích ứng với biến đổi khí hậu không chỉ trước mắt mà cần phải có chiến lược lâu dài.

**Từ khóa:** Biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững, Việt Nam

**15. Tác động của hệ thống giao dịch phát thải châu Âu (EU ETS) đối với việc giảm phát thải và tăng trưởng kinh tế/** Nguyễn Đình Thọ, Đặng Thị Nhàn// Môi trường .- 2024 .- Chuyên đề II .- Tr. 101-105.

**Nội dung:** Nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của EU ETS, những cải cách gần đây và hiệu quả của Hệ thống trong việc giảm lượng khí thải trên khắp châu Âu. Đồng thời, đánh giá tác động của EU ETS đối với phát triển kinh tế, thách thức của hệ thống và tác động của những thay đổi chính sách gần đây đối với các mục tiêu giảm phát thải. Nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị nhằm cải thiện Hệ thống giao dịch phát thải (ETS), từ đó nâng cao sự đóng góp của nó cho các mục tiêu khí hậu ở châu Âu.

**Từ khóa**: Hệ thống giao dịch phát thải, phát thải, tăng trưởng kinh tế, châu Âu

**16. Thành lập và vận hành hệ thống giao dịch phát thải : kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam/** Mai Thu Hiền, Dương Huyền Diệp, Trần Tuệ Đan// Môi trường .- 2024 .- Chuyên đề II .- Tr. 106-112.

**Nội dung:** Bài nghiên cứu phân tích quá trình thành lập và thực tiễn vận hành của một số hệ thống giao dịch phát thải (ETS) trên thế giới như EU ETS, Chương trình cap-and-trade tại California, ETS Trung Quốc, Hàn Quốc, và một số quốc gia khác. Từ đó, rút ra những bài học kinh nghiệm mang tính định hướng cho hệ thống đang được xây dựng của Việt Nam cho giai đoạn 2025-2030.

**Từ khóa**: Hệ thống giao dịch phát thải, phát thải ròng, khí nhà kính, tín chỉ các-bon

**17. Xử lý vướng mắc khi áp dụng phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất (K) theo Nghị định số 12/2024/NĐ-CP về định giá đất ở tại tỉnh Hưng Yên/** Nguyễn Bá Long, Hà Thị Lan Anh// Môi trường .- 2024 .- Chuyên đề II .- Tr. 113-119.

**Nội dung:** Trên cơ sở Nghị định số 12/2024/NĐ-CP, các văn bản pháp lý của tỉnh, các nội dung vướng mắc tại tỉnh Hưng Yên, bài viết phân tích nguyên nhân, hướng dẫn áp dụng phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất phù hợp với điều kiện địa phương và bình luận những nội dung cần được làm rõ trong các văn bản pháp luật cũng như gợi ý hướng sửa đổi, bổ sung trong văn bản hướng dẫn (Thông tư).

**Từ khóa**: Giá đất, định giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất, Nghị định số 12/2024/NĐ-CP

**LUẬT HỌC**

**1. Áp dụng pháp luật nước ngoài trong giải quyết tranh chấp dân sự quốc tế tại Việt Nam/** Nguyễn Thị Hồng Trinh, Bùi Thị Quỳnh Trang// Luật học .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 93 – 109.

**Nội dung**: Áp dụng pháp luật nước ngoài là một nội dung quan trọng trong quá trình giải quyết các tranh chấp phát sinh từ các quan hệ dẫn sự có yếu tố nước ngoài (hay còn gọi là các tranh chấp dân sự quốc tế). Pháp luật Việt Nam hiện hành đã có những quy định cụ thể liên quan đến vấn đề áp dụng pháp luật nước ngoài trong Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Trọng tài thương mại và một số văn bản pháp luật liên quan. Đặc biệt, Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015 tại Điều 481 đã quy định một số nội dung liên quan trực tiếp đến việc xác định và cung cấp pháp luật nước ngoài để toà án áp dụng trong quá trình giải quyết tranh chấp dân sự quốc tế. Bài viết trình bày các quy định của pháp luật Việt Nam về bản chất pháp luật nước ngoài, chủ thể và phương thức xác định pháp luật nước ngoài trong giải quyết tranh chấp dân sự quốc tế; so sánh với thực tiễn tại một số quốc gia như Bi, Trung Quốc, Thụy Sỹ..., trên cơ sở đó đề xuất một số kinh nghiệm tham khảo cho Việt Nam về áp dụng pháp luật nước ngoài trong giải quyết tranh chấp dân sự quốc tế.

**Từ khóa:** Bộ luật Tố tụng dân sự; pháp luật nước ngoài; tranh chấp dân sự quốc tế

**2. Áp dụng quy định pháp luật về phạt vi phạm và tiền lãi do chậm thanh toán trong hợp đồng xây dựng/** Lê Quốc Việt, Lưu Khánh Huyền// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 12(491) .- Tr. 40 – 46 .

**Nội dung**: Phạt vi phạm hợp đồng và yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán là một trong các chế tài mà bên bị vi phạm trong hợp đồng xây dựng có thể sử dụng nhằm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Quy định pháp luật về phạt vi phạm hợp đồng và yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán tại các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh về hợp đồng như Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Thương mại năm 2005, Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) cũng có sự khác nhau tương đối. Điều này dẫn đến nhiều quan điểm trái chiều trong nghiên cứu, thực hiện pháp luật liên quan đến hợp đồng xây dựng. Chính vì vậy, khi xảy ra tranh chấp hợp đồng xây dựng, bên bị vi phạm thường yêu cầu mức phạt vi phạm và tiền lãi chậm thanh toán cao nhất có thể, ngược lại bên vi phạm hợp đồng thường đưa ra các quan điểm, quy định pháp luật theo hướng thấp nhất có thể để bảo vệ quyền lợi của mình. Trong phạm vi bài viết này, các tác giả tập trung phân tích và đề xuất hướng hoàn thiện quy định của pháp luật liên quan đến phạt vi phạm hợp đồng và yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán trong hợp đồng xây dựng.

**Từ khóa:** Phạt vi phạm hợp đồng; tiền lãi; chậm thanh toán, hợp đồng xây dựng.

**3. Bàn về hành vi gây thiệt hại tính mạng, sức khoẻ trong khi bắt giữ người phạm tội theo pháp luật hình sự Việt Nam/** Trần Ngọc Lan Trang// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 12(491) .- Tr.34 – 39.

**Nội dung**: Bộ luật Hình sự năm 2015 của Việt Nam hiện hành ghi nhận một quy định mới về hành vi “gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội” là một trong những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự. Trong phạm vi bài viết này, tác giả tập trung trình bày khái quát về hành vi gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội; nhận diện và phân tích một số điểm hạn chế trong các quy định pháp luật về vấn đề này; từ đó, đưa ra các kiến nghị hoàn thiện.

**Từ khóa:** Gây thiệt hại; bắt giữ người phạm tội; loại trừ trách nhiệm hình sự.

**4. Bàn về quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và thay đổi địa vị tố tụng trong vụ án dân sự sơ thẩm/** Bùi Ai Giôn// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 10(489) .- Tr. 46 – 49.

**Nội dung**: Quyết định đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn” và “Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án” là hai quyết định khác nhau. Quyết định đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn chưa kết thúc hoàn toàn vụ án mà chỉ đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn. Sau đó, Tòa án sẽ căn cứ vào khoản 2 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết cho từng trường hợp cụ thể. Đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án thì vụ án đã kết thúc và Tòa án không còn đối  
tượng để xét xử. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử cho thấy, việc ban hành quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và thay đổi địa vị tố tụng trong vụ án dân sự sơ thẩm tại điểm b, c khoản 2 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn còn vướng mắc, khó khăn. Trong bài viết này, tác giả tập trung phân tích về những khó khăn, vướng mắc đó và đưa ra các kiến nghị khắc phục.

**Từ khóa:** Đình chỉ; thay đổi địa vị tố tụng; nguyên đơn

**5. Bảo đảm an ninh trật tự đô thị thời trung đại và một số giá trị/** Phạm Thị Thu Hiền// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 5 .- Tr. 69-76.

**Nội dung**: Tập trung khai thác các quy định của nhà nước và hai bộ luật thời trung đại để thông qua đó tìm hiểu các phương thức cha ông ta trong lịch sử quản lý an ninh trật tự đô thị ra sao và rút ra một số giá trị đối với việc duy trì an ninh trật tự đô thị hiện nay.

**Từ khóa:** An ninh trật tự, luật học, đô thị, trung đại

**6. Bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với ô tô, xe máy : bất cập và giải pháp/** Nguyễn Vinh Hưng// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 11(490) .- Tr. 44 – 49.

**Nội dung**: Bảo hiểm trách nhiệm dân sự là loại hình bảo hiểm bắt buộc đối với các chủ xe tham gia giao thông tại Việt Nam. Tuy nhiên, việc thực hiện nghĩa vụ của công ty bảo hiểm đối với quyền lợi của người được bảo hiểm, hay nói cách khác, việc tổ chức thực hiện chi trả bảo hiểm trên thực tế còn khá nhiều điểm chưa hợp lý. Trong bài viết này, tác giả phân tích một số bất cập trong quá trình triển khai loại hình bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với ô tô, xe máy và đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện.

**Từ khóa:** Bảo hiểm, trách nhiệm dân sự; người tham gia giao thông; quản lý; pháp luật

**7. Bảo vệ người thứ ba ngay tình xác lập quyền khác với tài sản khi giao dịch vô hiệu/** Nguyễn Thị Linh // Luật học .- 2024 .- Số 6 .- Tr. 54 – 68.

**Nội dung**: Bộ luật Dân sự năm 2015 lần đầu tiên ghi nhận chế định về quyền khác với tài sản bên cạnh chế định quyền sở hữu. Theo đó, Bộ luật Dân sự năm 2015 đã có những quy định bảo vệ quyền lợi cho các chủ thể xác lập quyền khác với tài sản. Vậy chủ thể thứ ba ngay tình xác lập quyền khác với tài sản được pháp luật dân sự bảo vệ như thế nào khi giao dịch vô hiệu? Bài viết phân tích cơ sở li luận và thực trạng pháp luật hiện hành về bảo vệ người thứ ba ngay tình xác lập quyền khác với tài sản khi giao dịch vô hiệu. Qua nghiên cứu chỉ ra những bất cập, vướng mắc trong quy định pháp luật về bảo vệ người thứ ba ngay tình xác lập quyền khác với tài sản khi giao dịch vô hiệu, từ đó rút ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật.

**Từ khóa:** Người thứ ba ngay tình; giao dịch vô hiệu; quyền khác với tài sản; bảo vệ quyền lợi người thứ ba ngay tình

**8. Bất cập về thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai: Một số kiến nghị hoàn thiện**/ Lê Hùng Vượng// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 3 .- Tr. 90-98.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng đang xảy ra khi pháp luật chưa hoàn thiện về thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai trong dự án đầu tư xây dựng nhà ở. Từ đó đề xuất, kiến nghị để bảo vệ các bên tham gia trong việc mua nhà ở hình thành trong tương lai của dự án đầu tư xây dựng nhà ở.

**Từ khóa:** Luật học, nhà ở hình thành trong tương lai, thế chấp, dự án đầu tư xây dựng nhà ở

**9. Bốn thập kỉ đổi mới và xu hướng phát triển của luật hành chính Việt Nam/** Bùi Tiến Đạt// Luật học .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 13 – 27.

**Nội dung**: Luật hành chính Việt Nam là lĩnh vực khoa học pháp lí hình thành muộn và phát triển chậm. Lĩnh vực này ở Việt Nam vốn chịu ảnh hưởng sâu sắc về lí luận và thực tiễn từ luật hành chính Xô Viết, chỉ thực sự hình thành như một khoa học pháp lí kể từ thời kì Đổi mới năm 1986 đến nay. Hiện nay, luật hành chính Việt Nam vẫn phản ánh một nền hành chính nhà nước đang trong quá trình chuyển đổi. Bài viết này đánh giá các yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển của luật hành chính Việt Nam trong bốn thập kỉ gần đây, từ đó nhận định các xu hướng phát triển của luật hành chính Việt Nam trong tương lai. Trải qua gần 40 năm của thời kì Đổi mới, luật hành chính Việt Nam phần nhiều thể hiện một nền hành chính nhà nước phục vụ quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường. Trong quá trình chuyển đổi của thời kì Đổi mới, luật hành chính Việt Nam đã có những cải cách tích cực nhằm đổi mới nền quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả. Xu hướng phát triển của luật hành chính Việt Nam trong tương lai sẽ ngày càng thể hiện rõ những lí luận về nhà nước pháp quyền và bảo vệ quyền con người trên thực tế.

**Từ khóa:** Luật Hành chính Việt Nam; pháp luật Xô Viết; cải cách pháp luật; cấy ghép pháp luật; truyền bá pháp luật; tiếp nhận pháp luật

**10. Các phương thức bảo vệ quyền lợi của người thứ ba ngay tình khi giao dịch dân sự vô hiệu/** Nguyễn Thị Linh// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 5 .- Tr. 77-86.

**Nội dung**: Phân tích cơ sở lý luận về bảo vệ quyền lợi người thứ ban gay tình khi giao dịch dân sự vô hiệu và các phương thức bảo vệ quyền lợi người thứ ban gay tình theo quy định của pháp luật Việt Nam. Từ đó đưa ra những kiến nghị hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các phương thức bảo vệ quyền lợi của người thứ ban gay tình khi giao dịch dân sự vô hiệu.

**Từ khóa:** Phương thức bảo vệ, luật học, quyền lợi người thứ ba, giao dịch dân sự vô hiệu

**11. Chế định pháp luật về Hội thẩm ở Việt Nam: Thực trạng và một số kiến nghị hoàn thiện/** Hoàng Minh Sơn// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 8(488) .- Tr. 28 – 35.

**Nội dung**: Xét xử sơ thẩm có Hội thẩm tham gia được Hiến pháp năm 2013 quy định và được cụ thể hóa ở nhiều đạo luật về tố tụng và các văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, nhằm không ngừng hoàn thiện cơ chế Hội thẩm tham gia xét xử; thể hiện bản chất dân chủ, pháp quyền của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, bảo đảm nhân dân tham gia thực hiện quyền tư pháp. Bài viết đánh giá thực trạng chế định pháp luật về Hội thẩm và đề xuất một số kiến nghị tiếp tục hoàn thiện cũng như góp ý trực tiếp đối với Dự thảo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân (sửa đổi) về vấn đề này.

**Từ khóa:** Hội thẩm; Hội thẩm xét xử; xét xử có Hội thẩm tham gia.

**12. Chế định pháp nhân nhìn từ cấu trúc bên trong của nó/** Vũ Công Giao, Nguyễn Thị Hoàn// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 8(488) .- Tr. 3 – 12.

**Nội dung**: Các quy định của pháp luật về pháp nhân rất quan trọng, chiếm dung lượng lớn trong bất kỳ một hệ thống pháp luật nào. Chúng trải rộng và dài trong cả lĩnh vực luật công, luật tư và không thể chỉ được chứa đựng trong một hoặc một vài văn bản quy phạm pháp luật. Ở Việt Nam hiện nay, các quy định của pháp luật về pháp nhân còn sơ sài, mất tính đồng bộ, hệ thống và còn nhiều hạn chế gây ảnh hưởng tới môi trường pháp lý cho sự phát triển của đất nước. Nguyên nhân chính là do chúng ta chưa nghiên cứu thỏa đáng và không chú ý tới cấu trúc bên trong của pháp luật nói chung, của chế định pháp nhân nói riêng. Trong bài viết này, tác giả phân tích khái quát về cấu trúc bên trong của chế định pháp nhân, từ đó nhìn lại các quy định của pháp luật về pháp nhân của Việt Nam và có ý tưởng nghiêng hẳn về lập pháp.

**Từ khóa:** Pháp nhân; cấu trúc bên trong của pháp nhân; hệ thống pháp luật; luật công; luật tư

**13. Chứng khoán phái sinh: bản chất, nguồn gốc hình thành, sự tác động đối với pháp luật về chứng khoán và hợp đồng/** Nguyễn Văn Tuyến// Luật học .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 80 – 92.

**Nội dung**: Trong các nền kinh tế thị trường phát triển trên thế giới, chứng khoán phái sinh không còn là vấn đề xa lạ và mới mẻ. Tuy nhiên, đối với một nền kinh tế đang trong quá trình phát Việt Nam thì chứng khoán phái sinh chỉ mới bắt đầu xuất hiện trong Luật Chứng khoán cách đây không lâu và bắt đầu được đưa vào giao dịch trong thị trường chứng khoán khoảng năm năm trở lại đây. Không khó để nhận ra rằng sự xuất hiện của chứng khoản phải sinh đã có những tác động, ảnh hưởng nhất định đến hệ thống pháp luật nói chung, trong đó có pháp luật chứng khoán và pháp luật hợp đồng. Với mục đích nhận diện đầy đủ, rõ ràng hơn về chứng khoán phái sinh và những tác động của nó đối với hệ thống pháp luật nói chung, pháp luật về chứng khoán, hợp đồng nói riêng, kết quả nghiên cứu của bài viết được thể hiện tập trung ở hai vấn đề: 1) Làm rõ bản chất, nguồn gốc hình thành và các loại chứng khoán phái sinh; 2) Phân tích những tác động, ảnh hưởng của chứng khoản phái sinh đối với pháp luật chứng khoán và pháp luật hợp đồng trong bối cảnh thế giới đương đại.

**Từ khóa:** Pháp luật chứng khoán; pháp luật hợp đồng; chứng khoán phái sinh; giao dịch chứng khoán

**14. Cơ quan chuyên trách chống tham nhũng: Kinh nghiệm quốc tế và giá trị tham khảo cho Việt Nam/** Vũ Công Giao, Nguyễn Thị Hoàn// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 10(489) .- Tr. 50 – 58.

**Nội dung**: Trong bài viết này, các tác giả trình bày, phân tích khái niệm, làm rõ đặc trưng và các yêu cầu với việc thành lập cơ quan chuyên trách chống tham nhũng theo quy định của Công ước Chống tham nhũng của Liên hợp quốc, hướng dẫn của Cơ quan phòng chống tội phạm và ma túy của Liên hợp quốc; kinh nghiệm tổ chức cơ quan chuyên trách chống tham nhũng ở một  
số nước. Trên cơ sở đó, các tác giả cũng liên hệ và gợi ý phương hướng, giải pháp hoàn thiện mô hình cơ quan chuyên trách phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở nước ta

**Từ khóa:** Tham nhũng; chống tham nhũng; cơ quan chuyên trách chống tham nhũng

**15. Cơ sở của trách nhiệm hiến pháp/** Nguyễn Cảnh Hợp// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 11(490) .- Tr. 3 – 11.

**Nội dung**: Trách nhiệm hiến pháp dù chưa được quy định như một chế định pháp luật nhưng trong khoa học pháp lý, trách nhiệm hiến pháp đang được nghiên cứu như một loại trách nhiệm pháp lý với các nội dung cụ thể gồm khái niệm, bản chất, đặc điểm, cơ sở phát sinh, chủ thể chịu trách nhiệm, các biện pháp chế tài, nguyên tắc, thẩm quyền và thủ tục xử lý trách nhiệm. Trong bài viết này, tác giả phân tích khái niệm và các dấu hiệu của vi phạm hiến pháp - cơ sở của trách nhiệm hiến pháp.

**Từ khóa:** Trách nhiệm hiến pháp; vi phạm hiến pháp; cấu thành vì phạm hiến pháp

**16. Công nhận sự tồn tại của điều kiện ngầm định trong hợp đồng tăng cho tài sản có điều kiện/** Lê Thị Diễm Phương// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 11(490) .- Tr. 12 – 20.

**Nội dung**: Điều kiện trong hợp đồng tặng cho tài sản có điều kiện có thể là điều kiện rõ ràng hoặc ngầm định. Pháp luật dân sự hiện hành không quy định loại điều kiện này trong hợp đồng tặng cho tài sản có điều kiện. Tuy nhiên, trong quan hệ tặng cho tài sản trên thực tế, các bên có ngầm định về điều kiện và thực tiễn xét xử cũng công nhận hiệu lực của điều kiện tặng cho mang tính chất ngầm định. Trong bài viết này, tác giả phân tích, bình luận pháp luật và thực tiễn xét xử liên quan đến điều kiện không được ghi nhận trong văn bản, điều kiện ngầm định trong quan hệ tặng cho tài sản. Qua nghiên cứu thực tiễn xét xử của Toà án và quy định của pháp luật Hoa Kỳ, tác giả chỉ ra khiếm khuyết và kiến nghị hoàn thiện quy định về điều kiện tặng cho trong pháp luật dân sự Việt Nam.

**Từ khóa:** Hợp đồng tặng cho tài sản; điều kiện tặng cho; điều kiện ngầm định

**17. Đại diện khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, lợi ích công cộng và lợi ích của Nhà nước/** Lê Vũ Nam, Nguyễn Huy Hoàng// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 8(488) .- Tr. 42 – 51.

**Nội dung**: Trong bài viết này, các tác giả phân tích vấn đề xác định các chủ thể được pháp  
luật quy định có quyền khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, lợi ích công cộng và lợi ích của Nhà nước; thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về đại diện khởi kiện và tham gia vụ án dân sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, lợi ích công cộng và lợi ích của Nhà nước tại Việt Nam; so sánh với các quy định tương ứng của pháp luật một số nước để từ đó đánh giá tính khả thi của các  
quy định của pháp luật điều chỉnh những quan hệ phát sinh có liên quan. Qua việc xác định khái niệm và bản chất của đại diện trong tố tụng dân sự, trên cơ sở nhận diện những hạn chế, bất cập trong các quy định hiện hành, các tác giả đề xuất giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam theo hướng bổ sung chủ thể tham gia đại diện khởi kiện các vụ án dân sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, lợi ích công cộng và lợi ích của Nhà nước.

**Từ khóa:** Lợi ích hợp pháp của người khác; lợi ích công cộng; lợi ích của Nhà nước; tố tụng;  
đại diện

**18. Đánh giá tác động của chính sách trong xây dựng pháp luật/** Phạm Thị Duyên Thảo// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 12(491) .- Tr.27 – 33.

**Nội dung**: Đánh giá tác động của chính sách là một trong những điều kiện bảo đảm cơ sở xã hội học của hoạt động xây dựng pháp luật. Hiện một số tổ chức quốc tế đã ban hành những bộ quy tắc, khuyến nghị đối với các nước thành viên trong quá trình triển khai đánh giá tác động của chính sách, nhằm bảo đảm rằng việc ban hành quy định của pháp luật là thực sự phù hợp, cần thiết, với chi phí thấp nhất, lợi ích cao nhất. Ở Việt Nam, đánh giá tác động của chính sách đã có cơ sở lý luận, pháp lý và đang từng bước được triển khai trong thực tế. Bên cạnh những thành tựu bước đầu, công tác này còn không ít hạn chế, cần tiếp tục có những giải pháp để nâng cao chất lượng, hiệu quả. Đây chính là những nội dung chính sẽ được cập, phân tích trong bài viết này.

**Từ khóa:** Dự báo; đánh giá tác động chính sách; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng pháp luật.

**19. Đào tạo luật của trường luật đông dương ở việt nam thời thuộc pháp và những giá trị tham khảo/** Nguyễn Văn Quang Trần Hồng Nhung// Luật học .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 128 – 144.

**Nội dung**: Trường Luật Đông Dương là cơ sở đào tạo luật đầu tiên (có thể được xem là duy nhất) ở Việt Nam thời thuộc Pháp. Khi mới thành lập, Trường Luật Đông Dương mang đào tạo đại học, trung tâm nghiên cứu và truyền bá khoa học lớn nhất Viễn Đông. Dù trải bước thăng trầm, nằm ngoài những mong muốn của người Pháp, ngôi trường này đã góp phần sản sinh ra những nhân vật tài năng và uyên bác, có ảnh hưởng lớn đối với nền luật học Việt Nam trong thời kì thuộc Pháp cũng như các giai đoạn sau này. Bài viết nghiên cứu những nét khái quát về quá trình hình thành và phát triển của Trường Luật Đông Dương và hoạt động đào tạo luật của cơ sở đào tạo này trong giai đoạn hoàng kim (1931 - 1945) để nhận diện những giá trị tham khảo đối với đào tạo luật ở Việt Nam nói chung, trong đó có Trường Đại học Luật Hà Nội trong bối cảnh hiện nay.

**Từ khóa:** Đào tạo luật; thời thuộc Pháp; giá trị tham khảo; Trường Luật Đông Dương

**20. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy ở Việt Nam hiện nay/** Lê Tùng Hưng// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 2 .- Tr. 83-91.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng tình hình tội phạm tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy ở Việt Nam hiện nay. Phân tích những tồn tại, khó khăn trong công tác đấu tranh phòng, chống, trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thời gian tới.

**Từ khóa:** Công tác phòng, chống, giải pháp, tội phạm ma túy, luật học

**21. Giám sát điện tử đối với người chưa thành niên trước xét xử tại bang california, anh và xứ wales và gợi mở cho Việt Nam/** Lê Huỳnh Tấn Duy, Nguyễ Phương Thảo// Luật học .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 28 – 43.

**Nội dung**: Giảm sát điện tử đối với người chưa thành niên bị buộc tội trước khi xét xử đã được áp dụng ở một số nước trên thế giới nhưng còn khá mới mẻ đối với Việt Nam. Bài viết nghiên cứu quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng giảm sát điện tử đối với người chưa thành niên trước khi xét xử tại bang California (đại diện cho Hoa Kỳ), Anh và xứ Wales (đại diện cho Vương quốc Anh). Kết nghiên cứu cho thấy chế định này có những ưu điểm và hạn chế nhất định cần phải được tìm hiểu một cách đầy đủ, cẩn trọng trước khi quyết định có ghi nhận trong pháp luật Việt Nam hay không.

**Từ khóa:** Giám sát điện tử; người chưa thành niên; trước khi xét xử; California; Anh và xứ Wales, Việt Nam

**22. Góp ý hoàn thiện quy định về bảo hiểm xã hội một lần trong dự thảo luật bảo hiểm xã hội (sửa đổi)/** Bành Quốc Tuấn, Nguyễn Hoàng Anh// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 12(491) .- Tr.17 – 26.

**Nội dung**: Thời gian qua, Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã đạt nhiều kết quả to lớn trong việc mở rộng độ bao phủ bảo hiểm. Tuy nhiên, những nỗ lực của Bảo hiểm xã hội Việt Nam đang gặp phải rào cản là sự chưa phù hợp giữa quy định pháp luật với thực tiễn cuộc sống, nhất là liên quan đến vấn đề rút bảo hiểm xã hội một lần. Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) được soạn thảo trong bối cảnh nhiều người lao động rút bảo hiểm xã hội một lần; và quy định về bảo hiểm xã hội một lần theo Điều 74 Dự thảo Luật vẫn còn những hạn chế nhất định. Trong phạm vi bài viết, các tác giả phân tích nguyên nhân, hệ quả của tình trạng rút bảo hiểm xã hội một lần; nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia; từ đó, đưa ra khuyến nghị hoàn thiện Dự thảo Luật về vấn đề này.

**Từ khóa:** Bảo hiểm xã hội; rút bảo hiểm xã hội một lần; Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi)

**23. Góp ý quy định của Dự thảo Luật Tư pháp người chưa thành niên về các biện pháp xử lý chuyển hướng/** Lê Huỳnh Tấn Duy// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 10(489) .- Tr. 12 – 21.

**Nội dung**: Xử lý chuyển hướng là một biện pháp xử lý rất phù hợp đối với người chưa thành niên không thông qua thủ tục tố tụng hình sự thông thường. Trong bài viết này, tác giả phân tích, đánh giá một số quy định có liên quan đến xử lý chuyển hướng của Dự thảo Luật Tư pháp người chưa thành niên trên cơ sở so sánh với các tiêu chuẩn quốc tế; từ đó, tác giả đưa ra một số đề xuất góp phần hoàn thiện các quy định này.

**Từ khóa:** Biện pháp xử lý chuyển hướng; người chưa thành niên; tư pháp người chưa thành niên

**24. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển “nền kinh tế bạc” ở Việt Nam/** Đoàn Văn Bình// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 11(490) .- Tr. 27 – 34.

**Nội dung**: “Nền kinh tế bạc” là khái niệm đề cập đến tổng thể các hoạt động kinh tế nhằm phục vụ và đáp ứng nhu cầu của người cao tuổi. Cùng với xu hướng già hóa dân số, phát triển nền kinh tế bạc đã và đang trở thành ưu tiên chính sách của nhiều quốc gia. Trong phạm vi bài viết, tác giả tham khảo kinh nghiệm một số nước về phát triển nền kinh tế bạc và đề xuất hoàn thiện chính sách, pháp luật cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Nền kinh tế bạc; người cao tuổi; đề xuất chính sách

**25. Hoàn thiện Dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) nhằm bảo đảm sự thống nhất với Bộ luật Dân sự/** Vũ Công Giao, Nguyễn Thị Hoàn// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 8(488) .- Tr. 13 – 18.

**Nội dung**: Dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) ghi nhận nhiều điểm khác biệt so với Luật Công chứng năm 2014. Tuy nhiên, trong những điểm sửa đổi và những điểm mà Dự thảo Luật Công chứng kế thừa của Luật Công chứng năm 2014 vẫn còn một số vấn đề chưa thực sự phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật khác, đặc biệt là Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong bài viết này, tác giả tập trung chỉ ra những điểm còn chưa phù hợp của Dự thảo Luật này và đưa ra  
kiến nghị sửa đổi nhằm bảo đảm sự thống nhất với Bộ luật Dân sự năm 2015.

**Từ khóa:** Công chứng; thống nhất; Bộ luật Dân sự

**26. Hoàn thiện khung pháp lý về cơ sở dữ liệu công chứng/** Nguyễn Thị Thơ// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 10(489) .- Tr. 30 – 38.

**Nội dung**: Cơ sở dữ liệu công chứng là một trong những nội dung quan trọng được đề  
nghị sửa đổi, bổ sung trong Dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi). Trong bài viết này, tác giả nêu lên những vấn đề cơ bản của cơ sở dữ liệu công chứng; đánh giá thực trạng ứng dụng cơ sở dữ liệu công chứng tại Việt Nam và tham khảo kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới; trên cơ sở đó, kiến nghị một số giải pháp đối với việc xây dựng các quy định về cơ sở dữ liệu công chứng trong Dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi).

**Từ khóa:** Xây dựng pháp luật; Luật Công chứng; cơ sở dữ liệu công chứng.

**27. Hoàn thiện pháp luật về quyền của người chưa thành niên ở Việt Nam hiện nay/** Phan Thị Lan Phương// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 11(490) .- Tr. 21 – 26.

**Nội dung**: Trong bài viết này, tác giả phân tích, đánh giá và chỉ ra những điểm còn hạn chế trong các quy định pháp luật về quyền của người chưa thành niên. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật về quyền của người chưa thành niên nhằm tăng cường bảo đảm quyền của nhóm người dễ bị tổn thương này ở Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Người chưa thành niên; quyền của người chưa thành thành niên; Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em. niên; Tòa gia đình và người chưa thành niên, Công ước Liên hợp quốc Quyền trẻ em.

**28. Hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm của chủ sỡ hữu sàn giao dịch thương mại điện tử/** Lê Thị Tuyết Hà// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 1 .- Tr. 54-62.

**Nội dung**: Khái quát về thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử. Phân tích, đánh giá và kiến nghị về các vấn đề: nghĩa vụ đăng ký, xác minh và công khai danh tính đối tượng; trách nhiệm pháp lý liên đới và riêng lẽ và thiết lập hệ thống đánh giá chất lượng hàng hóa, dịch vụ.

**Từ khóa:** Mô hình B2C, sàn giao dịch thương mại điện tử, hệ thống đánh giá chất lượng hàng hóa, trách nhiệm của chủ sở hữu sàn

**29. Hoàn thiện pháp luật về xử lý kỷ luật công chức cấp xã/** Nguyễn Tiến Lâm// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 11(490) .- Tr. 59 – 64.

**Nội dung**: Công chức cấp xã vi phạm Luật Cán bộ, công chức và các quy định khác của pháp luật hiện hành có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong những hình thức kỷ luật như khiển trách, cảnh cáo, buộc thôi việc... Trong bài viết này, tác giả tập trung phân tích một số bất cập, hạn trong các quy định về xử lý kỷ luật công chức cấp xã và đề xuất phương chế hướng hoàn thiện.

**Từ khóa:** Công chức; công chức cấp xã; hình thức kỷ luật; xử lý kỷ luật công chức.

**30. Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về người không quốc tịch hiện nay/** Hồ Hoàng Giang// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 6 .- Tr. 69-78.

**Nội dung**: Phân tích pháp luật Việt Nam về người không quốc tịch, làm rõ hạn chế, vướng mắc. đồng thời đưa ra những kiến nghị, đề xuất nhằm hoàn thiện, góp phần hạn chế tình trạng người không quốc tịch ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Pháp luật Việt Nam, quốc tịch, lao động

**31. Hoàn thiện quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong thời gian tới**/ Nguyễn Văn Hiếu// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 264 .- Tr. 61-64.

**Nội dung:** Bài viết đưa ra những vấn đề tổng quan về pháp nhân, pháp nhân phi thương mại, pháp nhân thương mại, về phạm vi chịu trách nhiệm hình sự, điều kiện pháp nhân thương mại phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam; vấn đề được nghiên cứu so sánh với quy định ở một số nước trên thế giới. Một số kiến nghị đưa ra góp phần hoàn thiện quy định của pháp luật về phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thượng mại nói riêng và pháp nhân nói chung trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Pháp nhân, pháp nhân thương mại, trách nhiệm hình sự, luật hình sự, luật hình sự phần chung, phạm vi chịu trách nhiệm hình sự

**32. Khái niệm, bản chất pháp lí của hoạt động chào bán chứng khoán/** Trần Thị An Tuệ// Luật học .- 2024 .- Số 6 .- Tr. 98 – 111.

**Nội dung**: Xây dựng khái niệm là yếu tố tiền đề để hình thành và củng cố cơ sở lí luận trong khoa học pháp lí, giúp đảm bảo việc hiểu và áp dụng thống nhất các quy định pháp luật. Trong Luật Chứng khoản năm 2019, chào bán chứng khoán là một chế định quan trọng, nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong giai đoạn tạo hàng cho thị trường. Tuy nhiên, hệ thống văn bản pháp luật về chứng khoán của Việt Nam từ trước đến nay vẫn chưa có quy định giải thích cụ thể khái niệm này. Từ thực trạng đó, bài viết tập trung phân tích bản chất pháp lí, xác định nội hàm của hoạt động chào bản chứng khoán nhằm đề xuất xây dựng định nghĩa thống nhất về chế định này, góp phần hoàn thiện pháp luật, tạo thuận lợi cho công tác thi hành luật và hình thành cơ sở lí thuyết cho hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực này.

**Từ khóa:** Chào bán chứng khoán; phát hành chứng khoán; hợp đồng chào bán chứng khoán

**33. Khung lý thuyết về công chứng điện tử/** Lê Tấn Quan, Ninh Thị Hiền// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 10(489) .- Tr. 22 – 29.

**Nội dung**: Hệ thống thông tin công chứng là thành phần quan trọng trong Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử. Hoạt động công chứng truyền thống sẽ tích hợp dần những thay đổi từ hệ thống thông tin mạng quốc gia nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ công về công chứng trong việc phòng ngừa tranh chấp và ổn định trật tự xã hội. Trong bài viết này, các tác giả cung cấp một số khía cạnh khác nhau về công chứng điện tử dựa vào đặc trưng về bản chất, vai trò của hệ thống công chứng Latin, cùng với kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các quốc gia trong cùng hệ thống; từ đó đưa ra những kiến nghị góp phần hoàn thiện Dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi).

**Từ khóa:** Công chứng điện tử; hệ thống thông tin công chứng; văn bản công chứng điện tử.

**34. Khung pháp lí về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có liên minh Châu Âu – giá trị tham khảo cho Asean và Việt Nam/** Nguyễn Văn Vương// Luật học .- 2024 .- Số 6 .- Tr. 37 – 53.

**Nội dung**: Hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có luôn giữ vị trí và vai trò trọng trong pháp luật của mỗi quốc gia và khu vực trên thế giới. Bên cạnh các điều ước quốc tế, còn có các văn bản pháp lí khu vực quy định việc hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có giữa các quốc gia trong cùng khu vực địa lí. Bài viết phân tích, làm rõ các khía cạnh pháp lí của hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có ở khu vực Liên minh châu Âu (EU) để chọn lọc và tiếp thu kinh nghiệm, từ đó đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện khung pháp lí về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có của khu vực ASEAN mà Việt Nam là thành viên.

**Từ khóa:** Hợp tác quốc tế; Liên minh châu Âu; thu hồi tài sản do phạm tội mà có; Việt Nam, ASEAN

**35. Kiểm soát hành chính đối với hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung và định hướng hoàn thiện/** Cao Vũ Minh, Nguyễn Nhật Khanh// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 12(491) .- Tr.10 – 16.

**Nội dung**: Hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung đều có điểm chung là được tiêu chuẩn hóa và mang tính chất áp đặt từ một phía. Bên còn lại không được quyển yêu cầu thay đổi bất kỳ nội dung nào trong đó mà chỉ được quyền chấp nhận toàn bộ nếu muốn giao kết. Chính vì sự tự do trong hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung không được thể hiện trọn vẹn nên sự kiểm soát hành chính đối với hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung là rất cần thiết. Trong bài viết này, các tác giả trình bày vấn đề kiểm soát hành chính đối với hợp đồng theo mẫu điều kiện giao dịch chung, đánh giá các hạn chế và đề xuất kiến nghị hoàn thiện.

**Từ khóa:** Hợp đồng theo mẫu; điều kiện giao dịch chung; kiểm soát hành chính; quản lý nhà nước.

**36. Kinh nghiệm một số quốc gia về cơ chế kiểm soát các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp**/ Âu Thị Tâm Minh// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 3 .- Tr. 80-89.

**Nội dung**: Phân tích cơ chế kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp ở bốn quốc gia tiêu biểu gồm: Mỹ, Anh, Pháp, Nhật Bản. Từ đó rút ra những giá trị tham khảo nhằm hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước, lập pháp, hành pháp, tư pháp, nhà nước pháp quyền

**37. Kinh nghiệm xây dựng khung pháp lí về tiền mã hoá của Hoa Kỳ và El salvador/** Nguyễn Ngọc Phương Đình, Huỳnh Phan Như Ngọc// Luật học .- 2024 .- Số 6 .- Tr. 123 – 140.

**Nội dung**: Tiền mã hoá đang trở thành một phần không thể thiếu trong hệ thống tài chính toàn cầu, đem lại lợi ích đặc biệt song cũng đặt ra những thách thức riêng. Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng đó. Tuy nhiên, hiện nay Việt Nam chưa có khung pháp lí điều chỉnh rõ ràng về tiền mã hoả, điều này gây khó khăn trong quản lí và phát triển tiền mã hoá. Việc học hỏi từ kinh nghiệm của Hoa Kỳ và El Salvador, hai quốc gia có hệ thống pháp luật và phương pháp khác nhau nhưng đều thành công trong việc xây dựng khung pháp lí cho tiền mã hoá, sẽ giúp Việt Nam xây dựng một môi trường pháp lí an toàn và khuyến khích sự phát triển bền vững của tiền mã hoá. Bài viết làm rõ cần thiết phải có khung pháp lí về tiền mã hoá tại Việt Nam, khái quát những quy định pháp luật của Hoa Kỳ và El Salvador về tiền mã hoá và đưa ra quan điểm tại sao Việt Nam nên công nhận tiền mã hoá là tài sản.

**Từ khóa:** Tiền mã hoá; khung pháp lí; Hoa Kỳ; El Salvador

**38. Lẽ công bằng trong luật tư hoa kỳ và giá trị tham khảo cho Việt Nam/** Nguyễn Bích Thảo// Luật học .- 2024 .- Số 6 .- Tr. 13 – 27.

**Nội dung**: Lẽ công bằng đóng vai trò quan trọng trong lịch sử pháp luật Hoa Kỳ. Qua hàng trăm năm, các thẩm phán Hoa Kỳ đã tích lũy được kinh nghiệm phong phủ trong việc áp dụng lẽ công bằng, đóng góp vào sự phát triển của luật tư. Việc nghiên cứu kinh nghiệm Hoa Kỳ từ góc nhìn luật so sánh có giá trị tham khảo hữu ích cho việc phát huy vai trò và nâng cao hiệu quả áp dụng lẽ công bằng – một nguồn của pháp luật dân sự mới được ghi nhận ở Việt Nam. Bài viết phân tích quan niệm về lẽ công bằng trong pháp luật Hoa Kỳ, vai trò của lẽ công bằng đối với sự phát triển của pháp luật Hoa Kỳ, nhất là vai trò một nguồn của luật tư, hình thức thể hiện của lẽ công bằng trong một số hệ dân sự điển hình ở Hoa Kỳ và đặc điểm của cơ chế áp dụng lẽ công bằng ở Hoa Kỳ, từ đó rút ra giá trị tham khảo cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Lẽ công bằng; nguồn của pháp luật; luật tư; thông luật; Hoa Kỳ

**39. Luật Bảo hiểm xã hội (Sửa đổi): Cần khoa học và có tính khả thi/** Đặng Văn Thanh// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 248 .- Tr. 10-12.

**Nội dung:** Với mục đích bảo đảm an sinh xã hội (ASXH) của người dân dựa trên quyền con người theo quy định của Hiến pháp và thể chế hóa các nội dung trong Nghị quyết số 28-NQ/TW theo hướng đa dạng, linh hoạt, đa tầng, hiện đại, hội nhập quốc tế và tiến tới bao phủ bảo hiểm xã hội (BHXH) toàn bộ lực lượng lao động, việc sửa đổi căn bản các vướng mắc và bất cập từ thực tiễn thi hành Luật BHXH năm 2014 và Nghị quyết số 93/2015/QH13; Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất, có tính khả thi, phù hợp tiêu chuẩn quốc tế và bảo đảm yếu tố bình đẳng giới là cần thiết. Sửa đổi Luật BHXH lần này theo hướng mở rộng, gia tăng quyền, lợi ích và tạo sự hấp dẫn để thu hút người lao động tham gia BHXH. Qua đó, bảo đảm tốt nhất quyền lợi cho người lao động đang làm việc và người hưởng lương hưu. Đồng thời, Luật sửa đổi cũng hoàn thiện quy định quản lý nhà nước và hệ thống tổ chức thực hiện chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả, công khai, minh bạch phù hợp cơ chế quản lý và bối cảnh mới của nền kinh tế.

**Từ khoá**: Bảo hiểm xã hội, an sinh xã hội, Quốc hội

**40. Luật Benford và Kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành/** Đặng Anh Tuấn// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 248 .- Tr. 90-94.

**Nội dung:** Kết quả phân tích chỉ ra rằng, dữ liệu chi phí dự án đầu tư xây dựng công trình cả trước và sau khi kiểm toán đều tuân theo Luật Benford, nhưng dữ liệu sau kiểm toán có mức độ phù hợp với Luật Benford cao hơn. Điều này có nghĩa là, dữ liệu chi phí sau kiểm toán tin cậy hơn và ít sai sót hơn. Về mặt ứng dụng, kiểm toán viên có thể vận dụng phân phối Benford để xác định và khoanh vùng khu vực có gian lận nhằm hỗ trợ cho kiểm toán viên trong việc chọn mẫu kiểm tra chi tiết các hạng mục công việc có rủi ro cao.

**Từ khoá**: Luật Benford, dự án đầu tư, kiểm toán, gian lận

**41. Luật di sản văn hóa và một số nội dung cần sửa đổi, bổ sung/** Nguyễn Thị Thu Hường// Nghiên cứu và Phát triển.- 2024 .- Số 3.- Tr. 37-45

**Nội dung**: Bài viết phân tích những hạn chế của Luật di sản văn hóa sau 15 năm áp dụng, dựa trên kinh nghiệm thực tiễn bảo tồn di sản tại Huế nói riêng và Việt Nam nói chung, đồng thời đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện luật.

**Từ khóa:** Luật di sản văn hóa, sửa đổi, bổ sung, bảo tồn di sản.

**42. Một số góp ý về chế độ tử tuất trong Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi)/** Lê Thanh Hà, Nguyễn Trần Bảo Uyên// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 8(488) .- Tr. 19 – 27.

**Nội dung**: Trong bài viết này, các tác giả trình bày, phân tích những vấn đề được bổ sung và chỉ ra một số điểm còn hạn chế trong các quy định về chế độ tử tuất của Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi). Trên cơ sở đó, các tác giả đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện các quy định về chế độ tử tuất trong Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn cuộc sống, bảo vệ quyền lợi của các cá nhân, tổ chức trong xã hội.

**Từ khóa:** Chế độ tử tuất; trợ cấp mai táng; trợ cấp tuất; Luật Bảo hiểm xã hội

**43. Một số loại tội phạm tình dục quy định trong bộ luật hình sự cộng hoà Liên bang Đức hiện hành/** Trương Quang Vinh// Luật học .- 2024 .- Số 6 .- Tr. 28 – 36.

**Nội dung**: Cưỡng dâm, hiếp dâm là các tội phạm tình dục được quy định tại Điều 177 Bộ luật Hình sự Cộng hoà Liên bang Đức năm 1997. Theo quan điểm của Toà án Liên bang, muốn áp dụng Điều luật này để xử lí người đã thực hiện hành vi hiếp dâm, thì phải chứng minh nạn nhân đã có sự phản kháng mang tính thể chất của mình đối với hành vi tình dục không mong muốn từ người khác hoặc tận dụng cơ hội nhỏ nhất để có được sự trợ giúp từ trẻ em hoặc người lạ ở bãi đậu xe giữa đêm ... Với cách giải thích và hướng dẫn áp dụng Điều 177 nói trên dẫn đến thực tế là nhiều hành vi hiếp dâm đã bị bỏ lọt, không bị xử lí bằng các biện pháp hình sự. Trước thực trạng trên, năm 2016, Bộ luật Hình của Cộng hoà Liên bang Đức đã sửa đổi, bổ sung Điều 177 Bộ luật Hình sự năm 1997 quy định về các tội tấn công tình dục, cưỡng dâm và hiếp dâm cũng như lần đầu tiên quy định hành vi quấy rối tình dục là một tội phạm. Bài viết phân tích, đánh giá các quan điểm của Toà án Liên bang trong việc áp dụng Điều 177 Bộ luật Hình sự năm 1997 cũng như phân tích những điểm mới, điểm tiến bộ của Điều Luật này đã được sửa đổi, bổ sung năm 2016.

**Từ khóa:** Tấn công tình dục; cưỡng dâm; hiếp dâm; sửa đổi, bổ sung; Bộ luật Hình sự Cộng hoà Liên bang Đức

**44. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các lực lượng thực thi pháp luật trên biển trong phòng, chống lưu tại Việt Nam/** Nguyễn Khắc Vượt// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 11(490) .- Tr. 35 – 43.

**Nội dung**: Trong bài viết này, tác giả cung cấp thông tin, giới thiệu về một số lực lượng thực thi pháp luật trên biển của Việt Nam trong phòng, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định; đánh giá thực tiễn hoạt động của các lực lượng này trong thời gian vừa qua; từ đó, đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng thực thi pháp luật trên biển trong phòng, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** IUU; thẻ vàng; Cảnh sát biển Việt Nam; Kiểm ngư; Biên phòng

**45. Nâng cao hiệu quả thực hiện quyền tiếp cận đất đai của phụ nữ tại tỉnh Sơn La hiện nay/** Nguyễn Thị Mùi, Trương Quang Minh, Vì Thị Phương Anh, Nguyễn Đức Định// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 12(491) .- Tr. 55 – 64.

**Nội dung**: Tại Việt Nam, bình đẳng giới là một trong những mục tiêu quan trọng được Đảng, Nhà nước đặt ra trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Theo đó, hệ thống pháp luật nước ta đã có nhiều quy định nhằm bảo đảm mục tiêu trên, trong đó quy định về quyền tiếp cận đất đai của phụ nữ là nội dung cơ bản, quan trọng. Sơn La là tỉnh miền núi cao nằm ở phía Tây Bắc Việt Nam với vị trí địa lý, khí hậu cũng như điều kiện kinh tế - xã hội có nhiều điểm đặc thù. Vì vậy, việc thực thi và bảo đảm quyền tiếp cận đất đai của phụ nữ còn nhiều hạn chế, bất cập, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ trong nhiều quan hệ pháp luật. Trong bài viết này, các tác giả đánh giá thực trạng thực hiện quyền tiếp cận đất đai của phụ nữ tại tỉnh Sơn La và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về quyền tiếp cận đất đai của phụ nữ trên địa bàn tỉnh Sơn La thời gian tới.

**Từ khóa:** Phụ nữ; quyền tiếp cận; đất đai; bình đẳng giới.

**46. Người đại diện ẩn danh - So sánh quy định tại Luật Công ty Anh năm 2006 và Luật Doanh nghiệp Việt Nam năm 2020/** Nguyễn Thị Dịu Hiền, Nguyễn Võ Tuyết Trinh// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 8(488) .- Tr. 52 – 56.

**Nội dung**: Người đại diện của doanh nghiệp đóng một vai trò quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp. Trên thực tế, ở nhiều doanh nghiệp, ngoài người đại diện hợp pháp, có những người đứng đằng sau, điều hành, chi phối hoạt động của doanh nghiệp - người đại diện ẩn danh. Trên cơ sở các quy định về người đại diện ẩn danh theo Luật Công ty Anh năm 2006 và Luật Doanh nghiệp Việt Nam năm 2020, các tác giả so sánh, phân tích, bình luận các quy định  
này; từ đó, đề xuất giải pháp liên quan đến người đại diện ẩn danh, nhằm hoàn thiện pháp luật doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

**Từ khóa:** Giám đốc; giám đốc ẩn danh; người đại diện ẩn danh; người đại diện theo pháp luật

**47. Nguyên tắc xử lý hành chính đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật: Từ quy định pháp luật quốc tế đến nội luật hóa/** Nguyễn Thị Thủy// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 4 .- Tr. 85-94.

**Nội dung**: Phân tích quy chuẩn quốc tế xử lý hành chính đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật – cơ sở nội luật hóa cho Việt Nam. Nghiên cứu về luật xử lý vi phạm hành chính Việt Nam với việc nội luật hóa chuẩn mực quốc tế về xử lý hành chính người chưa thành niên vi phạm pháp luật,

**Từ khóa:** Người chưa thành niên, xử lý hành chính, nguyên tắc xử lý, chuẩn mực quốc tế, luật học

**48. Nhà đầu tư trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước – khung pháp lí và kiến nghị/** Trần Thị Nhật Anh// Luật học .- 2024 .- Số 6 .- Tr. 112 – 122.

**Nội dung**: Xây dựng khái niệm là yếu tố tiền đề để hình thành và củng cố cơ sở lí luận trong khoa học pháp lí, giúp đảm bảo việc hiểu và áp dụng thống nhất các quy định pháp luật. Trong Luật Chứng khoản năm 2019, chào bán chứng khoán là một chế định quan trọng, nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong giai đoạn tạo hàng cho thị trường. Tuy nhiên, hệ thống văn bản pháp luật về chứng khoán của Việt Nam từ trước đến nay vẫn chưa có quy định giải thích cụ thể khái niệm này. Từ thực trạng đó, bài viết tập trung phân tích bản chất pháp lí, xác định nội hàm của hoạt động chào bản chứng khoán nhằm đề xuất xây dựng định nghĩa thống nhất về chế định này, góp phần hoàn thiện pháp luật, tạo thuận lợi cho công tác thi hành luật và hình thành cơ sở lí thuyết cho hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực này.

**Từ khóa:** Trái phiếu doanh nghiệp; chào bán riêng lẻ; nhà đầu tư trái phiếu

**49. Pháp luật sáng chế của Hoa Kỳ trước tác động của trí tuệ nhân tạo và kinh nghiệm cho Việt Nam/** Nguyễn Như Hà, Đặng Minh Phương// Luật học .- 2024 .- Số 6 .- Tr. 69 – 84.

**Nội dung**: Trí tuệ nhân tạo với tư cách là một công nghệ hiện đại không chỉ là xu hướng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư mà còn là nhân tố tác động đến các quan hệ pháp luật truyền thống, trong đó có pháp luật sáng chế. Bài viết nghiên cứu, đánh giá một số ) yếu tố quan trọng trong pháp luật bảo hộ sáng chế trước tác động của trí tuệ nhân tạo, xem xét kinh nghiệm điều chỉnh của Hoa Kỳ nhằm đề xuất một số khuyến nghị về chính sách cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Tri tuệ nhân tạo; bằng độc quyền sáng chế; tác giả sáng chế; Hoa Kỳ; pháp luật sáng chế

**50. Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường khu công nghiệp tại Việt Nam/** Lê Minh Thái// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 2 .- Tr. 72-82.

**Nội dung**: Nghiên cứu các quy định pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường tại khu công nghiệp. Tổng hợp, đánh giá cả những ưu điểm và tồn tại trong thực trạng quy định pháp luật lĩnh vực này và quá trình thực thi. Sauk hi đánh giá, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường khu công nghiệp và nâng cao hiệu quả thực hiện trong thực tiễn.

**Từ khóa:** Kiểm soát ô nhiễm môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường khu công nghiệp, luật học

**51. Pháp luật về kinh tế tuần hoàn của Nhật Bản và một số gợi ý cho Việt Nam**/ Kiều Thị Phương Hoa, Trần Thị An Tuệ// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 181-184.

**Nội dung**: Nhật Bản là quốc gia thứ hai trên thế giới ban hành luật điều chỉnh kinh tế tuần hoàn. Đến nay, việc thực hiện luật này đã đem lại nhiều thành tựu cho nền kinh tế Nhật Bản, giúp nước này chuyển đổi thành công từ một nền kinh tế tuyến tính để dần dần đạt đến nền kinh tế tuần hoàn. Quá trình chuyển đổi của Nhật Bản đã để lại cho thế giới nhiều bài học trong việc xây dựng chính sách, đặc biệt là trong việc xây dựng hệ thống pháp luật điều chỉnh kinh tế tuần hoàn. Tại Việt Nam, kinh tế tuần hoàn còn khá mới mẻ, vẫn chưa tạo được hành lang pháp lý đảm bảo việc thực hiện hiệu quả mô hình này. Bài viết này cung cấp hiểu biết về hệ thống pháp luật kinh tế tuần hoàn tại Nhật Bản và từ đó đưa ra một số khuyến nghị, gợi ý trong việc xây dựng, hoàn thiện về mô hình kinh tế này tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Pháp luật, kinh tế tuần hoàn, Nhật Bản, bài học kinh nghiệm

**52. Pháp luật về phá sản doanh nghiệp: Thực tiễn áp dụng và kiến nghị hoàn thiện/** Hồ Trung Hải// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 6 .- Tr. 69-78.

**Nội dung**: Tập trung vào việc đánh giá hiệu quả và những hạn chế của hệ thống pháp luật hiện hành, đồng thời đề xuất các kiến nghị nhằm nâng cao hiệu lực và đáp ứng tốt hơn với thực tiễn kinh doanh cũng như góp phần trong việc tạo ra một môi trường kinh doanh ổn định, minh bạch và hỗ trợ sự phát triển bền vững cho cộng đồng doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Phá sản doanh nghiệp, pháp luật về phá sản doanh nghiệp, thực tiễn áp dụng

**53. Quản lý nhà nước đối với các trường đại học tư thục trong bối cảnh chuyển đổi số/** Nguyễn Thị Ngọc Uyển, Hồ Hồng Nhung// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 8(488) .- Tr. 36 – 41.

**Nội dung**: Hiện nay, các trường đại học tư thục ngày càng có vị thế cao trong cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cho xã hội ở Việt Nam. Xu hướng phát triển của trường đại học tư thục ở Việt Nam trong tương lai là tất yếu và phù hợp với xu thế các nước trên thế giới. Đặc biệt, trong bối cảnh chuyển đổi số, việc quản lý nhà nước đối với nhóm trường đại học cần thay đổi để phù hợp với tình hình phát triển mới. Trong bài viết này, các tác giả tập trung phân tích những quy định hiện hành của pháp luật về việc quản lý đối với các trường đại học tư thục và kiến nghị hoàn thiện.

**Từ khóa:** Quản lý nhà nước; trường đại học tư thục; chuyển đổi số

**54. Quản trị quốc gia ở Canada và giá trị tham khảo cho Việt Nam/** Trần Thị Hải Yến// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 12(491) .- Tr. 47 – 54.

**Nội dung**: Canada là một trong những quốc gia có chỉ số quản trị tốt đứng đầu thế giới. Họ xây dựng hệ thống các nguyên tắc, tiêu chí phù hợp với các giá trị của quản trị tốt. Quản trị nhà nước giúp các cơ quan nhà nước đi đúng hướng bằng cách ra quyết định hiệu lực và hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết vấn đề và giúp cho các nhà lãnh đạo định hướng giải quyết các dự án. Với tư duy quản trị nhà nước tốt giúp Canada là một quốc gia phát triển và nằm trong số các quốc gia giàu có nhất trên thế giới. Trong bài viết này, tác giả trình bày về quản trị quốc gia ở Canada và rút ra những giá trị tham khảo cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Quản trị quốc gia, Canada; quản lý công mới; quản trị nhà nước tốt.

**55. Quyền định đoạt di chúc và xung đột pháp luật về thừa kế có yếu tố nước ngoài/** Nguyễn Tiến Lâm// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 10(489) .- Tr. 3 – 11.

**Nội dung**: Về mặt nguyên tắc, pháp luật của mỗi quốc gia điều chỉnh các quan hệ trong lãnh thổ của mình. Tuy nhiên, với xu hướng toàn cầu hoá trong giai đoạn hiện nay, các  
quan hệ sở hữu của một cá nhân đặt ra nhiều thách thức cho pháp luật với việc nó đã không còn bị giới hạn trong lãnh thổ của riêng một quốc gia. Vụ án mới đây được xét xử bởi Tòa án Hoa Kỳ đã cho thấy sự xung đột pháp luật trong giải quyết thừa kế mà người quá cố để lại di chúc. Điều này được xuất phát từ hai học thuyết trái ngược về quyền định đoạt di sản theo di chúc: nguyên tắc thừa kế bắt buộc và nguyên tắc tự do di chúc. Trong bài viết này, các tác giả tập trung phân tích một số vấn đề pháp lý trong giải quyết xung đột pháp luật về thừa kế theo di chúc từ vụ án Walker v. Ryker, làm rõ nguyên nhân xung đột từ sự khác biệt trong hai hệ thống dân luật và thông luật đối với việc định đoạt theo di chúc. Cuối cùng, các tác giả đưa ra những đánh giá và gợi mở cho Việt Nam đối với việc giải quyết xung đột pháp luật về thừa kế theo di chúc có yếu tố nước ngoài

**Từ khóa:** Di chúc; thừa kế; thừa kế có yếu tố nước ngoài; thừa kế bắt buộc; tự do di chúc; xung đột pháp luật

**56. Quyền tài sản và việc đăng ký quyền tài sản theo pháp luật Việt Nam hiện nay/** Nguyễn Thị Hường, Phạm Thị Thúy Nga// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 6 .- Tr. 60-68.

**Nội dung**: Bàn luận về quyền tài sản, phân tích các quy định của pháp luật Việt Nam về đăng ký quyền tài sản, chỉ ra một số bất cập trong các quy định của pháp luật về vấn đề này, từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về đăng ký quyền tài sản ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Tài sản, quyền tài sản, đăng ký quyền tài sản

**57. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của hội đồng trọng tài và ảnh hưởng đối với bên thứ ba/** Huỳnh Quang Thuận Nguyễn Thái Ngự Chiêu// Luật học .- 2024 .- Số 6 .- Tr. 85 – 97.

**Nội dung**: Pháp luật trọng tài thương mại Việt Nam không có quy định về thẩm quyền áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của hội đồng trọng tài đối với bên thứ ba cũng như cách thức xử lí nếu quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của hội đồng trọng tài ảnh hưởng đến bên thứ ba. Thông qua việc phân tích quy định của pháp luật Việt Nam, đối chiếu với quy định và thực tiễn trọng tài quốc tế, bài viết đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật trong việc mở rộng thẩm quyền áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của hội đồng trọng tài, đồng thời bổ hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của hội đồng trọng tài khi xâm phạm lợi ích hợp pháp của bên thứ ba.

**Từ khóa:** Biện pháp khẩn cấp tạm thời; hội đồng trọng tài; bên thứ ba

**58. Sự phát triển quan điểm của đảng cộng sản việt nam về quyền tham gia của người dân trong tiến trình đổi mới đất nước/** Chu Mạnh Hùng Lương Thị Thu Hương// Luật học .- 2024 .- Số 6 .- Tr. 3 – 12.

**Nội dung**: Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Việt Nam đã thực hiện thành công công cuộc Đổi mới nhờ các chính sách có tính hệ thống, bền vững dựa trên nguyên tắc Đảng lãnh đạo được kiên định duy trì, đồng thời linh hoạt để thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của tình hình thế giới và khu vực. Bài viết làm rõ sự thay đổi trong nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về quyền tham gia của người dân - đây là cơ sở chính trị để hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu đổi mới đất nước; phù hợp với các cam kết quốc tế, góp phần thúc đẩy tiến trình hội nhập của Việt Nam cùng cộng đồng quốc tế.

**Từ khóa:** Sự tham gia của người dân; Đảng Cộng sản Việt Nam; thay đổi nhận thức

**59. Sự sáng tạo của trí tuệ nhân tạo trong nối liên hệ với pháp luật về quyền tác giả/** Lê Thị Minh// Luật học .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 63 – 79.

**Nội dung**: Cho đến nay, người ta vẫn nhận thức rộng rãi rằng chỉ có con người mới có thể sáng tạo. Nhận thức hiển nhiên này đang bị thách thức bởi công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI). Bài viết trình bày quan điểm của pháp luật sở hữu trí tuệ truyền thống cho rằng sáng tạo là hoạt động của con người tự nhiên và do đó chỉ tác phẩm được tạo ra bởi con người mới xứng đảng được bảo hộ. Bên cạnh đó, bài viết cũng trình bày các quan điểm khác nhau trong việc việc xem xét AI có thể tham gia vào quá trình sáng tạo ở một mức độ nhất định. Qua đó bài viết xác định rằng để giải quyết vấn đề bảo hộ đối với tác phẩm do AI tạo ra, phải làm rõ mối liên hệ giữa quá trình tạo ra tác phẩm của AI với nhận thức lấy con người làm trung tâm của pháp luật quyền tác giả truyền thống.

**Từ khóa:** Trí tuệ nhân tạo; tỉnh sáng tạo; tác phẩm tạo ra bởi Al; trí thông minh; quyền tác giả

**60. Suy luận tương tự dưới góc độ một phương pháp tư duy pháp lí và ý nghĩa đối với thực tiễn áp dụng luật**/ Đào Lệ Thu// Luật học .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 3 – 12.

**Nội dung**: Bài viết cung cấp những nội dung lí luận về suy luận pháp lí tương tự - một trong các phương pháp tư duy pháp lí quan trọng và được sử dụng khá phổ biến trong thực tiễn áp dụng pháp luật ở các nước theo truyền thống common law và cũng đang dần được vận dụng ở những nước theo truyền thống civillaw. Cụ thể bài viết phân tích các vấn đề về bản chất của phép suy luận pháp lí tương tự, các bước suy luận pháp lí tương tự và ý nghĩa của việc sử dụng phương pháp này trong thực tiễn áp dụng luật.

**Từ khóa:** Tư duy pháp lí; suy luận tương tự, suy luận pháp lí tương tự, lập luận pháp lí

**61. Thiết kế và vận hành khung thể chế thử nghiệm có kiểm soát ở vương quốc anh và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam/** Phan Thị Hà Linh// Luật học .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 110 – 127.

**Nội dung**: Bằng cách nghiên cứu khung thể chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) ở Vương quốc Anh - được cho là quốc gia đầu tiên trên thế giới ban hành sanbox, bài viết phân tích kinh nghiệm thiết kế và vận hành sandbox ở Vương quốc Anh, đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế, vướng mắc từ đó gợi mở một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam như: xây dựng luật hoặc nghị định về sandbox; xác định các lĩnh vực có thể xây dựng sandbox, làm rõ và công khai, minh bạch các khía cạnh của sandbox phù hợp với đặc thù của từng ngành nghề; công khai quy trình thử nghiệm; đề cao sự hợp tác giữa cơ quan quản lí và doanh nghiệp; xây dựng chế độ báo cáo công khai sau khi kết thúc thử nghiệm; đảm bảo nguồn lực để vận hành sandbox, chủ trọng hợp tác liên ngành và hợp tác quốc tế.

**Từ khóa:** Khung thể thế; khung thể chế thử nghiệm có kiểm soát; Vương quốc Anh; công nghệ tài chính

**62. Thủ tục tranh tụng tại phiên tòa hình sự: nghiên cứu so sánh giữa Việt Nam và Hoa Kỳ/** Võ Minh Kỳ// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 11(490) .- Tr. 50 – 58.

**Nội dung**: Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 là một nguyên tắc mới, đặt cơ sở pháp lý quan trọng cho việc chuyển hướng tích cực của tố tụng hình sự, có tính đột phá theo tinh thần của cải cách tư pháp. Tuy nhiên, việc thiết kế thủ tục tranh tụng tại phiên tòa như thế nào để nâng cao tính tranh tụng của phiên tòa hình sự lại là một vấn đề không dễ giải đáp. Trong bài viết này, các tác giả phân tích thủ tục tranh tụng tại phiên tòa hình sự Việt Nam, đồng thời so sánh với phiên tòa hình sự Hoa Kỳ, nơi mà mô hình tố đặc điểm của tố tụng tranh tụng, nhằm mục đích tìm ra quy trình tranh tụng phù hợp, góp phần nâng cao tính tranh tụng tại phiên tòa hình sự Việt Nam.

**Từ khóa:** Tranh tụng; phiên tòa hình sự, tố tụng hình sự, tố tụng trang tụng

**63. Thúc đẩy trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp thông qua thực hành kinh doanh có trách nhiệm ở Việt Nam/** Nguyễn Mạnh Tuân// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 10(489) .- Tr. 39 – 45.

**Nội dung**: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và thực hành kinh doanh có trách nhiệm đã trở thành những tiêu chuẩn và mối quan tâm toàn cầu. Trong bài viết này, tác giả đưa ra sự nhận diện về nội hàm, khái quát hoá, phân tích so sánh những tiêu chuẩn quốc tế về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và thực hành kinh doanh có trách nhiệm. Trên cơ sở đó, tác giả liên hệ, đánh giá và đưa ra một số gợi mở để xây dựng, thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động quốc gia về thực hành kinh doanh có trách nhiệm ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Doanh nghiệp; trách nhiệm xã hội; trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp; kinh doanh có trách nhiệm.

**64. Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình/** Phan Thị Luyện// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 5 .- Tr. 20-30.

**Nội dung**: Trên cơ sở phân tích thực trạng thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình hiện nay.

**Từ khóa:** Pháp luật, bình đẳng giới, gia đình, phân công lao động

**65. Thực trạng nhận thức, áp dụng luật mềm ở việt nam và một số khuyến nghị/** Nguyễn Minh Tuấn - Tổng Thị Phương// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 12(491) .- Tr.3 – 9.

**Nội dung**: Trên thế giới đương đại và đặc biệt trong xu thế mở rộng nguồn của pháp luật hiện nay, “luật mềm” ngày càng trở nên phổ biến. Thuật ngữ này được sử dụng để nói đến các công cụ không chính thức xác lập hiệu lực pháp lý, nhưng trên thực tế có thể đem lại những ảnh hưởng pháp lý nhất định khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thừa nhận và áp dụng. Trong bài viết này, các tác giả phân tích các quan niệm hiện nay về luật mềm, thực trạng nhận thức, áp dụng luật mềm ở Việt Nam và đề xuất một số khuyến nghị.

**Từ khóa:** Luật mềm; áp dụng luật mềm; nguồn của pháp luật

**66. Thực trạng pháp luật và tính pháp lý của tiền ảo ở Việt Nam hiện nay**/ Vũ Thùy Linh// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 3 .- Tr. 99-107.

**Nội dung**: Trình bày khái niệm và đặc điểm của tiền ảo. Phân tích tình hình thực hiện pháp luật về tiền ảo ở Việt Nam. Một số khuyến nghị hoàn thiện hệ thống pháp luật và tính pháp lý của tiền ảo ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Luật học, tiền ảo, pháp luật, tính pháp lý của tiền ảo, Việt Nam

**67. Tiếp cận chức năng của pháp luật dữ liệu và gợi mở cho Việt Nam/** Huỳnh Thiên Tử, Lê Thùy Khanh// Luật học .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 44 – 62.

**Nội dung**: Nhu câu phát triển kinh tế số và xã hội số đòi hỏi khung pháp lí tạo điều kiện để các chủ thể trao đổi dữ liệu số với rào cản tối thiểu. Bài viết giới thiệu cơ sở lí luận và ý nghĩa thực tiễn của mô hình tiếp cận chức năng đối với pháp luật dữ liệu. Trên cơ sở khảo sát, phân tích khung pháp lí hiện hành và chỉ ra một số hạn chế các quy phạm quyền đối với dữ liệu trong pháp luật Việt Nam, bài viết chỉ ra rằng việc nhìn nhận dữ liệu thông qua chức năng và lợi ích mà nó mang lại cho chủ thể, thay vì dựa trên tính chất của các loại dữ liệu sẽ giúp giải quyết các hạn chế của khung pháp lí hiện tại. Qua đó, bài viết đưa ra một số định hướng để giải quyết các hạn chế và hướng tới việc đồng bộ hoá lĩnh vực pháp luật điều chỉnh các quan hệ liên quan đến dữ liệu ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Dữ liệu; dữ liệu điện tử; dữ liệu cá nhân; quyền đối với dữ liệu; tiếp cận chức năng

**68. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước đối với chính quyền đô thị không tổ chức Hội đồng nhân dân ở quận, phường/** Hoàng Minh Hội// Nghiên cứu lập pháp .- 2024 .- Số 8(488) .- Tr. 57 – 64.

**Nội dung**: Sau gần ba năm, việc thực hiện mô hình chính quyền đô thị không tổ chức Hội đồng nhân dân ở một số địa phương đã đạt được những kết quả tích cực. Tuy nhiên, việc không tổ chức Hội đồng nhân dân cũng đang đặt ra những yêu cầu và nhiệm vụ cần hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước. Trong bài viết này, tác giả phân tích, đánh giá thực trạng cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước đối với chính quyền địa phương ở đô thị nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân và đề xuất một số kiến nghị.

**Từ khóa:** Kiểm soát quyền lực nhà nước; chính quyền đô thị; Hội đồng nhân dân.

**69. Tòa án trực tuyến thúc đẩy việc tiếp cận công lý/** Dương Quỳnh Hoa// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 4 .- Tr. 75-84.

**Nội dung**: Quyền tiếp cận tòa án là quyền cơ bản của con người, tuy nhiên trong bối cảnh nền kinh tế số với các quy định pháp luật hiện hành các bên tranh chấp thương mại điện tử và vi phạm bản quyền lại rất khó để tiếp cận tòa án. Bài viết sẽ lần lượt trả lời các câu hỏi này và lập luận rằng công lý thực sự không chỉ theo đuổi sự đúng đắn tuyệt đối mà còn phải tạo ra sự cân bằng giữa tính đúng đắn và tính hiệu quả.

**Từ khóa:** Luật học, tranh chấp thương mại, tiếp cận công lý, chứng cứ dựa trên công nghệ blockchain

**70. Truyền thông về quyền con người – Một số nhận thức mới và kinh nghiệm/** Nguyễn Thị Thu Hường// Thông tin & truyền thông.- 2024 .- Số 6.- Tr. 96-101

**Nội dung**: Phân tích sự chuyển biến trong công tác truyền thông quyền con người từ "đấu tranh" sang "xây là chính", "lấy xây để chống". Nghiên cứu kinh nghiệm khai thác báo chí, đổi mới tiếp cận và khuyến khích truyền thông công dân và số. Khuyến nghị cơ quan nhà nước, báo chí và chức năng về cách tiếp cận nhân đạo, nhân văn và đấu tranh theo pháp luật.

**Từ khóa:** Báo chí, quyền con người (QCN), chính sách, truyền thông pháp lý.

**71. Upholding the rule of law at the United Nations : international law boundaries to the security council/** Phan Duy Hao// Journal of international studies.- 2023 .-No. 48&49 .- p. 249-270.

**Nội dung**: This paper examines the legal constraints on UN Security Council powers and proposes a mechanism to ensure its resolutions comply with international law. It suggests using the General Assembly as a check-and-balance body and the International Court of Justice as a review body to uphold the rule of law within the UN system.

**Từ khóa:** International law, United Nations, Security Council, General Assembly, UN Charter.

**GIÁO DỤC**

### **1. Ảnh hưởng của lo âu trí tuệ nhân tạo đến ý định học tập trí tuệ nhân tạo của sinh viên khối ngành Kinh tế tại Hà Nội/** Nguyễn Hồng Châu Linh, Nguyễn Thúy Quỳnh, Chu Thị Như Quỳnh// Quản lý giáo dục **.- 2024 .- số 5.- Tr. 17-23.**

**Nội dung**: Nghiên cứu tập trung khai thác các khía cạnh của trạng thái tâm lý lo âu trí tuệ nhân tạo hay lo âu AI (Arrtificial Intelligence Anxiety - AIA) và xác định mức độ ảnh hưởng của từng khía cạnh đối với ý định học tập AI của sinh viên khối ngành kinh tế tại Hà Nội. Các thành tố để lựa chọn phân tích lo âu AI bao gồm: Lo âu học tập AI; Lo âu cấu hình AI; Lo âu thay thế công việc; Mù kỹ thuật xã hội.

**Từ khóa:** Giáo dục, lo âu trí tuệ nhân tạo, ý định học tập, sinh viên kinh tế

**2. Biện pháp quản lý hoạt động tự học của học sinh ở các trường trung học cơ sở huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội = Management measures of students' self-directed learning activities in secondary schools of Chuong My district, Hanoi City/** Trần Văn Hùng, Phạm Thị Hà// Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2024 .- Số 03(64) .- Tr. 164-172.

**Nội dung:** Đề xuất 5 biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động tự học của học sinh ở các trường THCS huyện Chương Mỹ (Thành phố Hà Nội) trên cơ sở nghiên cứu lý luận hoạt động tự học của học sinh THCS, thực tiễn về hoạt động tự học của học sinh và quản lý hoạt động tự học của học sinh ở các trường THCS huyện Chương Mỹ.

**Từ khóa**: Hoạt động tự học, quản lý giáo dục, học sinh, trường trung học cơ sở, Hà Nội

**3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức hướng dẫn tự học cho sinh viên ngành Quản lý giáo dục, Học viện Quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đào tạo theo học chế tín chỉ**/ Lê Vũ Hà, Lê Đức Anh, Phạm Thị Thơ// Quản lý giáo dục .- 2024 .- Số 4 .- Tr. 11-21.

**Nội dung:** Nghiên cứu này với mục tiêu xác định các yếu tổ ảnh hướng đến hiệu quả tổ chức hướng dẫn tự học cho sinh viên ngành Quản lý giáo dục, Học viện Quản lý giáo dục bằng phương pháp điều tra chọn mẫu với 135 sinh viên. Sau khi kiểm định độ tin cậy của thang đo; phân tích nhân tố khám phá; phân tích tương quan và phân tích hồi quy; kết quả chứng minh 6\8 biến độc lập có ảnh hưởng tới hiệu quả tổ chức hướng dẫn tự học cho sinh viên.

**Từ khóa:** Tự học, tổ chức, hướng dẫn, sinh viên

**4. Chính sách giáo dục “đóng cửa, sáp nhập trường” ở nông thôn Trung Quốc và bài học kinh nghiệm/** Từ Kiến Ngưu// Nghiên cứu Trung Quốc.- 2024 .- số 4(272) .- Tr. 14-22.

**Nội dung**: Trình bày quá trình thực thi và điều chỉnh chính sách giáo dục “đóng cửa, sáp nhập trường” ở nông thôn. Nghiên cứu về Lô-gic hành động trong thực thi chính sách của chính quyền các cấp. Nêu lên tác động xã hội của chính sách “đóng cửa, sáp nhập trường”.

**Từ khóa:** Chính sách giáo dục, Trung Quốc, đóng cửa, sáp nhập trường

**5. Cơ sở pháp lý và thực trạng đánh giá viên chức ở các đơn vị sự nghiệp công lập hiện nay**/ Đặng Minh Cường// Quản lý giáo dục .- 2024 .- Số 4 .- Tr. 55-66.

**Nội dung:** Bài báo tập trung nghiên cứu thực trạng đánh giá viên chức ở một số đơn vị sự nghiệp công lập trong thời gian gần đây, trên cơ sở đó đề xuất một số biện pháp nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập, giúp công tác này ngày càng đi vào thực chất, hiệu quả.

**Từ khóa**: Đánh giá, viên chức, đơn vị sự nghiệp

**6. Đào tạo chất lượng cao của các trường đại học khối Kinh tế: Nhìn từ góc độ hài lòng của người học và người sử dụng lao động**/ Lương Thu Hà// Khoa học giáo dục Việt Nam .- 2024 .- Số 4 .- Tr. 9-18.

**Nội dung:** Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá mức độ hài lòng của hai đối tượng là sinh viên và người sử dụng lao động đối với chương trình chất lượng cao thuộc khối ngành Kinh tế.

**Từ khóa**: Giáo dục đại học, chất lượng đào tạo, sự hài lòng, người sử dụng lao động, người học, chương trình đào tạo

**7. Đề xuất một số hình thức học tập tại nơi làm việc**/ Nguyễn Thị Hài, Phạm Văn Thành// Khoa học giáo dục Việt Nam .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 34-40.

**Nội dung**: Bài viết đề cập đến thực trạng các hình thức tổ chức, phương pháp và cách thức học tập tại nơi làm việc. Từ đó, đề xuất giải pháp đa dạng hóa hình thức học tập tại nơi làm việc nhằm nâng cao năng lực tự học cho người lao động.

**Từ khóa**: Đơn vị học tập, hình thức học tập, học tập tại nơi làm việc, năng lực tự học, nguồn nhân lực

**8. Học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về phong cách gắn lý luận với thực tiễn trong hoạt động giảng dạy các môn Lý luận Chính trị**/ Trương Tất Thắng, Nguyễn Thị Nhung// Quản lý giáo dục .- 2024 .- Số 4 .- Tr. 68-73.

**Nội dung:** Tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện trong mọi lĩnh vực sống và hoạt động của Người, tạo thành một “di sản” đồ sộ, sâu sắc, toàn diện về tư tưởng, đạo đức và phong cách, trong đó có phong cách luôn gắn lý luận với thực tiễn. Bác rất am tường về thực tiễn, vững vàng về lý luận và không ngừng tự nghiên cứu để làm rõ hơn những vấn đề lý luận mà cách mạng Việt Nam đòi hỏi phải giải quyết. Đến nay, phong cách đó vẫn còn nguyên giá trị, là cơ sở quan trọng để mỗi giảng viên giảng dạy lý luận chính trị học tập và vận dụng.

**Từ khóa:** Học tập, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận, thực tiễn, giảng dạy, lý luận chính trị

### **9.** **Khó khăn tâm lý trong giao tiếp giữa sinh viên với giảng viên Học viện Quản lý giáo dục – Thực trạng và giải pháp**/ Lê Thị Thủy// Quản lý giáo dục .- 2024 .- số 5.- Tr. 38-44.

**Nội dung**: Nghiên cứu các khó khăn tâm lý mà sinh viên Học viện Quản lý Giáo dục gặp phải khi giao tiếp với giảng viên ngoài giờ học như: Sợ làm phiền giảng viên; Ngại ngùng khi giao tiếp; Không biết cách tổ chức cuộc tiếp xúc phù hợp. Từ đó, đề xuất các giải pháp giúp sinh viên vượt qua trở ngại tâm lý nhằm đảm bảo quá trình học tập diễn ra suôn sẻ và hiệu quả.

**Từ khóa:** Tâm lý học, kỹ năng giao tiếp, quản lý giáo dục, Hiệu quả học tập.

### **10. Kiểm định, đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội –Những khó khăn và thách thức để thực thi tự chủ đại học**/ Đỗ Hồng Cường, Vũ Thị Thu Hường, Phạm Tuấn Anh// Quản lý giáo dục .- 2024 .- số 5.- Tr. 115-123.

**Nội dung**: Nghiên cứu các hoạt động kiểm định, đảm bảo chất lượng hoạt động giáo dục của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội để nhận diện những khó khăn, thách thức. Đồng thời, đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động này trong bối cảnh tự chủ đại học.

**Từ khóa:** Giáo dục, kiểm định, đảm bảo chất lượng, tự chủ đại học.

### **11. Kinh nghiệm và giải pháp thực hiện mô hình học tập kết hợp trong giáo dục nghề nghiệp**/ Đỗ Thị Vân, Nguyễn Văn Hạnh// Quản lý giáo dục .- 2024 .- số 5.- Tr. 149-154.

**Nội dung**: Nghiên cứu chia sẻ kinh nghiệm và giải pháp liên quan đến mô hình học tập kết hợp trong giáo dục nghề nghiệp tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh. Góp phần tăng sự chủ động và cơ hội được học tập của người học. Đồng thời, giúp người dạy nâng cao tính linh động và đa dạng hơn các phương pháp giảng dạy để thu hút người học trong giáo dục hiện nay.

**Từ khóa:** Giáo dục, mô hình học tập kết hợp, bài giảng trực tuyến.

**12. Liêm chính học thuật trong môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học/** Nguyễn Phạm Duy Linh, Huỳnh Đăng Chính, Nguyễn Ngọc Anh, Nguyễn Kim Dung, Hoàng Xuân Trung// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 4 .- Tr. 3-20.

**Nội dung**: Phân tích các định nghĩa liêm chính học thuật ở các trường đại học và cơ sở giáo dục trên thế giới. Đánh giá thực trạng liêm chính học thuật ở Việt Nam. Tiếp đến, bài viết sẽ thảo luận và đưa ra các gợi ý chính sách để thúc đẩy liêm chính học thuật ở Việt Nam, từ đó thúc đẩy hoạt động nghiên cứu của Việt Nam.

**Từ khóa:** Liêm chính, học thuật, giáo dục, khoa học

**13. Nâng cao chất lượng giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên Trường Đại học Đại Nam**/ Phạm Thị Huế// Quản lý giáo dục .- 2024 .- Số 4 .- Tr. 172-178.

**Nội dung:** Bài viết tập trung vào đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng sống của sinh viên trường Đại học Đại Nam, từ đó đề xuất một số biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên trường Đại học Đại Nam trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa**: Chất lượng, kỹ năng sống, giáo dục, sinh viên

**14. Nâng cao năng lực giao tiếp liên văn hóa trong phát triển kĩ năng viết tiếng Việt cho học viên Trung Quốc/** Nguyễn Thị Thu Hoài// Nghiên cứu Trung Quốc.- 2024 .- số 4(272) .- Tr. 76-86.

**Nội dung**: Trên cơ sở quan sát việc học kĩ năng viết của học viên Trung Quốc. Qua việc phân tích mục tiêu, chuẩn đầu ra và những yêu cầu cụ thể, những dạng bài tập, nhũng chủ đề trong thực hành kĩ năng viết. Bài viết đề xuất các biện pháp khắc phục và các hướng chủ yếu để việc dạy kĩ năng viết nói riêng, việc học tiếng Việt nói chung của học viên Trung Quốc đạt hiệu quả cao.

**Từ khóa:** Phát triển kĩ năng viết, năng lực giao tiếp liên văn hóa, tiếng Việt, học viên Trung Quốc

**15. Năng lực dữ liệu của giáo viên về người học và những định hướng nghiên cứu trong giáo dục: Một đánh giá kết hợp có hệ thống**/ Hoàng Phước Lộc, Trần Thị Thanh Huyền, Trịnh Đình Hải, Lê Anh Phương, Nguyễn Thế Dũng, Lê Thanh Huy// Khoa học giáo dục Việt Nam .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 12-19.

**Nội dung**: Nghiên cứu, xem xét và đánh giá một cách có hệ thống các kết quả công bố trên thế giới liên quan đến năng lực dữ liệu của giáo viên trong vòng hai thập kỉ qua. Từ đó, đưa ra những vấn đề cần thiết về năng lực dữ liệu người học của giáo viên, đồng thời chỉ ra những định hướng nghiên cứu rõ hơn về lĩnh vực này và vận dụng trong bối cảnh giáo dục ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Năng lực dữ liệu, dữ liệu học tập, giáo viên

**16. Nghiên cứu vai trò của người dạy và người học trong mô hình đào tạo kết hợp Blended-learning tại lớp Kĩ năng thuyết trình/** Nghiêm Thị Bích Diệp// Ngôn ngữ.- 2024 .- số 5(403) .- Tr. 26-32.

**Nội dung**: Trình bày về vai trò và kĩ năng cần thiết của người dạy và người học trong mô hình đào tạo kết hợp blended-learning. Những đề xuất mang tính sư phạm trong bài viết được rút ra từ nghiên cứu trường hợp (a case study) tại lớp kĩ năng thuyết trình.

**Từ khóa:** Người dạy, người học, kĩ năng thuyết trình, Blended-learning

### **17. Những vấn đề lý luận về phát triển chương trình đào tạo đại học ngành Giáo dục thể chất đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018**/ Nguyễn Văn Hưng// Quản lý giáo dục .- 2024 .- số 5.- Tr. 53-58.

**Nội dung**: Đề cập, phân tích những vấn đề lý luận về phát triển chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đó là tiền đề để tác giả nghiên cứu thực tiễn và đề ra các giải pháp ở các nghiên cứu tiếp theo.

**Từ khóa:** Giáo dục đại học, chương trình đào tạo, chương trình giáo dục phổ thông 2018.

**18. Nội dung giáo dục lí tưởng cách mạng cho sinh viên các trường đại học trong giai đoạn hiện nay**/ Vũ Thị Minh Tâm// Khoa học giáo dục Việt Nam .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 46-49.

**Nội dung:** Bài viết tập trung bàn về nội dung giáo dục lí tưởng cách mạng cho sinh viên các trường đại học trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa**: Giáo dục, lí tưởng cách mạng,niềm tin, sinh viên, trường đại học

**19. Phát triển năng lực đội ngũ giảng viên tại các trường đại học ngoài công lập nhằm thích ứng với bối cảnh của giáo dục 4.0**/ Trần Ái Cầm// Khoa học giáo dục Việt Nam .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 20-27.

**Nội dung:** Nghiên cứu này nhằm phân tích, đánh giá thực trạng đội ngũ giảng viên tại một số trường đại học ngoài công lập hiện nay, từ đó đề xuất một số chính sách phát triển đồng bộ dựa trên kinh nghiệm và góc nhìn của một nhà quản lí giáo dục công tác tại trường đại học ngoài công lập, đáp ứng với bối cảnh giáo dục 4.0 hiện nay.

**Từ khóa**: Trường đại học, giảng viên, năng lực, giáo dục 4.0

**20. Phong cách giảng dạy: Mô hình và các yếu tố ảnh hưởng**/ Trần Dương Quốc Hòa// Khoa học giáo dục Việt Nam .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 28-33.

**Nội dung:** Bài viết khái quát năm mô hình phong cách giảng dạy tiêu biểu cũng như làm rõ các yếu tố tác động đến phong cách giảng dạy của giáo viên.

**Từ khóa**: Phong cách giảng dạy, yếu tố ảnh hưởng, hành vi

**21. Rào cản thực hiện nghiên cứu khoa học đối với các nhà giáo lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp Y tế: Nghiên cứu cắt ngang tại Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa**/ Trần Thị Mỹ Tuyết, Nguyễn Hoàng Mỹ Thuyên// Khoa học giáo dục Việt Nam .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 65-70.

**Nội dung:** Bài viết tập trung đánh giá những rào cản thực hiện nghiên cứu khoa học của các nhà giáo Giáo dục nghề nghiệp Y tế đáp ứng tiêu chí nghiên cứu và đề xuất giải pháp khắc phục. Số liệu được thu thập sử dụng bộ câu hỏi khảo sát 05 mức độ đánh giá gồm 51 câu bao phủ 06 nhóm rào cản: Cá nhân, nghề nghiệp, cơ sở vật chất, tài chính, chuyên môn nghiệp vụ nghiên cứu khoa học và rào cản thuộc về quản lí - tổ chức.

**Từ khóa**: Nghiên cứu khoa học, giáo dục nghề nghiệp, y tế, kĩ năng

### **22. Tăng cường biện pháp quản lý sinh viên nội trú tại Trường Đại học Đại Nam trong bối cảnh đổi mới giáo dục**/ Nguyễn Minh Phúc// Quản lý giáo dục .- 2024 .- số 5.- Tr. 92-98.

**Nội dung**: Tập trung đánh giá thực trạng quản lý sinh viên nội trú tại trường Đại học Đại Nam. Từ đó, đề xuất năm biện pháp nhằm nâng cao quản lý và chất lượng đào tạo sinh viên nội trú của nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

**Từ khóa:** Giáo dục, quản lý sinh viên, nội trú.

**23. Teaching culture and developing intercultural communicative competence in high schools in the mekong delta: from perceptions to practice/** Nguyen Van Long// Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa.- 2023 .- Vol. 7-No. 2 .- Tr. 166-176.

**Nội dung**: English language teaching (ELT) in the era of globalization does not simply equip learners with linguistic competence. English language learners need to develop intercultural communicative competence (ICC) - one of the indispensable skills in the 21st century. To develop ICC for learners, teachers should incorporate intercultural attitudes, knowledge, and skills into the language classroom. For this purpose, the current study was conducted to explore EFL high school teachers’ perceptions of ICC in language teaching and investigate their practices of ICC integration in EFL.

**Từ khóa:** Intercultural communicative competence, High school EFL, perceptions

**24. The use of information and communication technology for assessment in pre-serviceteacher program: video and e-portfolio/** Nguyen Thi Nhi// Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa.- 2023 .- Vol. 7-No. 2 .- Tr. 191-204.

**Nội dung**: This paper addresses the challenges and opportunities while using digital artifacts like videos and e-portfolio as tools for assessment in pre-service teacher training programs. A case study was conducted at a hogeschool in Brussels. The aim was to explore how videos and e-portfolio are applied to assess student teachers’ performance and how beneficial or challenging these tools are if applied in the teaching and learning process.

**Từ khóa:** Pre-service teacher evaluation, ICT, assessment, video, e-portfolio

**25. Thực trạng năng lực nghề nghiệp của đội ngũ chuyên viên trường đại học trong bối cảnh hiện nay**/ Phạm Đình Mạnh// Khoa học giáo dục Việt Nam .- 2024 .- Số 4 .- Tr. 19-26.

**Nội dung:** Khảo sát ở 05 trường đại học cho thấy, bên cạnh những mặt mạnh, năng lực nghề nghiệp của đội ngũ chuyên viên còn có những hạn chế nhất định: Năng lực thực tế còn thấp hơn nhiều so với năng lực kì vọng; các năng lực tham mưu; năng lực phân tích, tổng hợp, xử lí thông tin... là những năng lực thành phần đặc thù trong năng lực nghề nghiệp của chuyên viên trường đại học còn thấp... Nguyên nhân chính của những hạn chế này là do các trường đại học còn chưa quan tâm đầy đủ đến việc bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ chuyên viên.

**Từ khóa**: Năng lực nghề nghiệp, chuyên viên, trường đại học, thực trạng, bối cảnh

### **26. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên Học viện Quản lý giáo dục**/ Hồ Công Kính// Quản lý giáo dục .- 2024 .- số 5.- Tr. 161-165.

**Nội dung**: Đề cập đến thực trạng hoạt động và quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên Học viện Quản lý giáo dục cùng các yếu tố ảnh hưởng. Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo của Học viện trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

**Từ khóa:** Kỹ năng mềm, giáo dục kỹ năng mềm, sinh viên.

### **27. Trắc lượng khoa học về học tập kết hợp của sinh viên trong giai đoạn hiện nay**/ Nguyễn Thị Duyên// Quản lý giáo dục .- 2024 .- số 5.- Tr. 1-6.

**Nội dung**: Nghiên cứu chỉ ra rằng việc học tập kết hợp có thể cải thiện điều kiện làm việc, dạy và học. 5 cách dạy học kết hợp có thể cải thiện việc giảng dạy được đề xuất bao gồm: Nghiên cứu và đánh giá ban đầu về người học; Phân tích, theo dõi sự tiến bộ của người học; Tiếp cận với nhiều người học; Lập kế hoạch linh động, phù hợp với người học; Tập trung vào các kĩ năng bậc cao.

**Từ khóa:** Giáo dục, học tập kết hợp, sinh viên, trắc lược khoa học

### **28. Ứng dụng thực tế ảo tăng cường trong dạy học trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay**/ Phạm Sỹ Nam, Lê Công Phước// Quản lý giáo dục .- 2024 .- số 5.- Tr. 110-114.

**Nội dung**: Nghiên cứu công nghệ thực tế ảo tăng cường (Augmented Reality) lồng ghép thông tin ảo vào thế giới thực, giúp người dùng tương tác với nội dung số. Xây dựng mô hình thao tác động trong dạy học tích phân giúp học sinh giải quyết vấn đề thực tế hiệu quả hơn.

**Từ khóa:** Thực tế ảo tăng cường, tích phân, công nghệ, giáo dục, giải quyết vấn đề thực tế.

**29. Văn hóa giao tiếp trong học tập trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh**/ Đỗ Thùy Trang, Nguyễn Thị Phượng// Quản lý giáo dục .- 2024 .- Số 4 .- Tr. 79-87.

**Nội dung:** Dựa trên tình hình hiện tại của giáo dục trực tuyến và dữ liệu khảo sát từ 757 sinh viên tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, bài viết phân tích văn hóa trong giao tiếp của sinh viên khi học trực tuyến tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

**Từ khóa**: Giáo dục trực tuyến, giáo dục trực tuyến, quy tắc mạng, văn hóa trong giao tiếp

**30. Vietnamese tertiary efl students' reflection on using self-assessment checklist in learning writing/** Huynh Ai, Tran Quang Ngoc Thuy// Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa.- 2023 .- Vol. 7-No. 2 .- Tr. 146-164.

**Nội dung**: There has been a scarcity of research on how EFL students employ the selfassessment checklist in the higher education setting of Vietnam. This study focuses on investigating second-year English major students’ reflection on the role and the use of selfassessment checklists in their writing process. The use of self-assessment checklists was reported to enhance the students' self-assessment abilities and facilitated the identification of strengths and weaknesses in their writing. The study suggests integrating self-assessment checklists in EFL writing instruction, emphasizing the advantages of promoting self-regulated learning and empowering students to enhance their writing skills.

**Từ khóa:** Self-assessment, checklists, writing skill

**31. Xây dựng môi trường văn hóa sư phạm ở trường đại học hiện nay – tiếp cận từ vai trò của giảng viên/** Lê Xuân Thủy, Nguyễn Quang Bình// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 1 .- Tr. 99-108.

**Nội dung**: Phân tích và làm rõ nội hàm môi trường văn hóa sư phạm ở trường Đại học và vai trò của giảng viên trong xây dựng môi trường văn hóa sư phạm ở trường Đại học hiện nay. Trên cơ sở đánh giá khái quát yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, tác giải đề xuất một số biện pháp chính nhằm tiếp tục phát huy vai trò giảng viên trong xây dựng môi trường văn hóa sư phạm ở trường Đại học trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa:** Giảng viên, môi trường văn hóa, sư phạm, trường đại học

**32. Yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Đại Nam**/ Phan Mỹ Linh// Quản lý giáo dục .- 2024 .- Số 4 .- Tr. 103-109.

**Nội dung:** Bài viết tập trung phân tích làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, làm cơ sở cho việc đề xuất biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên ở trường Đại học Đại Nam trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa**: Nghiên cứu khoa học, yếu tố ảnh hưởng, sinh viên

**NGÔN NGỮ**

**1. Ẩn dụ “lửa” trong các diễn ngôn về dịch bệnh covid-19/** Nguyễn Thị Bích Hạnh// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 5(353) .- Tr. 5-15.

**Nội dung**: Nghiên cứu sự xuất hiện của ẩn dụ có miền nguồn “Lửa” trong các bài viết về dịch bệnh Covid-19 trên báo điện tử trực tuyến tiếng Việt. Bài viết đã chỉ ra kiểu tư duy đặc thù trong cấu trúc ý niệm về dịch bệnh Covid-19 và góp phần làm sáng tỏ cách truyền thông Việt Nam tư duy về đại dịch, đối phó với đại dịch Covid-19 như 1 thảm họa toàn cầu.

**Từ khóa:** Ẩn dụ ý niệm, Covid-19, dịch bệnh, ánh xạ, lửa

**2. Ẩn dụ ý niệm “kinh tế là bệnh tật” trên ngữ liệu báo điện tử tiếng Việt/** Ngô Tuyết Phượng// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 6A(354) .- Tr. 23-29.

**Nội dung**: Vận dụng lí thuyết về Ẩn dụ ý niệm và trên cơ sở tìm hiểu cấu trúc ngữ nghĩa của phạm trù Bệnh tật, tác giả bước đầu chỉ ra một số mô hình ý niệm về Bệnh tật trong diễn ngôn báo chí tiếng Việt. Về cơ bản, sự chuyển di ý niệm từ các miền nguồn khác nhau sang miền đích bệnh tật chủ yếu theo cơ chế ẩn dụ.

**Từ khóa:** Ẩn dụ ý niệm, kinh tế, báo điện tử

**3. Analyzing children’s oral language in an English language arts classroom/** Tran Thi Thuy Hang// Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa.- 2024 .- Vol. 7-No. 3 .- p. 263-273.

**Nội dung**: Grounded on theories of language (Blair, 2000; Britton, 1970; Halliday, 1991; Vygotsky, 1978), this research aims at analyzing and understanding children’s oral language in an English Language Arts classroom at an elementary public school in western Canada. Proximal Development. This research also showcased that respectfulness for cultural diversity in classrooms and teacher’s pedagogies and support are beneficial for children’s language development.

**Từ khóa:** Children’s oral language, English Language Arts, language function, Zone of Proximal Development

### **4. Application of AI in enhancing speaking performance of students in Hanoi/** Phan Tu Lan// Vietnam social sciences review.- 2024 .-No. 1(218) .- p. 105-128.

**Nội dung**: This paper examines AI's impact on English speaking performance in Hanoi. While AI implementation faces challenges like plagiarism and time consumption, its effectiveness suggests potential for future pedagogical applications.

**Từ khóa:** Artificial intelligence (AI), speaking performance, English language teaching, student motivation.

**5. Biểu thức ngôn ngữ so sánh và hành động tái hiện để tả người/** Trần Thị Oanh// Ngôn ngữ.- 2024 .- số 3(401) .- Tr. 15-23.

**Nội dung**: Trình bày một số nội dung về biểu thức ngôn ngữ so sánh và hành động tái hiện để tả người. So sánh là thao tác của tư duy. Kết quả của thao tác so sánh sẽ được thể hiện cụ thể bằng biểu thức ngôn ngữ. Biểu thức ngôn ngữ thể hiện kết quả của thao tác so sánh trong tư duy gọi là biểu thức ngôn ngữ so sánh.

**Từ khóa:** Biểu thức ngôn ngữ, ngôn ngữ so sánh, hành động tái hiện để tả người

**6. Blended learning for vietnamese-english specialised translation: an exploratory case study at a university in Vietnam/** Tran Thi Thao Phuong// Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa.- 2023 .- Vol. 7-No. 2 .- Tr. 218-232.

**Nội dung**: This study paper provides a complete analysis of the integration of the blended learning model in a Vietnamese-English specialized translation course in a university context. The study dives into the perspectives of 75 participants about the success of the blended learning strategy, using a qualitative case study design, thematic data analysis, and the Community of Inquiry (CoI) framework as a lens. Importantly, the research holds implications for pedagogical practices in translation education, emphases on the significance of technology integration, utilization of diverse learning resources, and adoption of student-centered approaches to maximize the benefits of blended learning in this area.

**Từ khóa:** Blended learning, specialized translation, qualitative research, Community of Inquiry, language education

**7. Cách giải thích nghĩa của các danh từ chứa quan hệ thuộc tính trong từ điển tiếng Việt/** Lê Thị Hương Lan// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 6A(354) .- Tr. 30-35.

**Nội dung**: Khảo sát, tìm hiểu cách giải thích nghĩa/ định nghĩa các danh từ chứa quan hệ thuộc tính trong từ điển tiếng Việt. Tư liệu khảo sát là “Từ điển tiếng Việt”, Hoàng Phê chủ biên (1997) và “Đại từ điển tiếng Việt” Nguyễn Như Ý chủ biên, 1999. Bài viết có thể đóng gớp được một phần vào công việc nghiên cứu và định vị quan hệ thuộc tính với tư cách một quan hệ ngữ nghĩa chính danh của hệ thống từ vựng tiếng Việt, góp phần vào biên soạn từ điển tiếng Việt.

**Từ khóa:** Danh từ, quan hệ thuộc tính, từ điển tiếng Việt

**8. Câu hỏi trong tiếng Khơ Mú ở Việt Nam/** Tạ Quang Tùng// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 6A(354) .- Tr. 170-177.

**Nội dung**: Tìm hiểu những đặc điểm các dạng câu hỏi trong tiếng Khơ Mú ở Việt Nam, cụ thể là miêu tả các phương tiện từ vựng – ngữ pháp được sử dụng để cấu tạo nên các loại cây hỏi trong tiếng Khơ Mú ở Việt Nam. Câu hỏi (còn gọi là “câu nghi vấn” ) là một loại câu khá phổ biến trong hoạt động giao tiếp hàng ngày, thường gặp khi bắt đầu cuộc thoại và đặc biệt trong quá trình học ngôn ngữ.

**Từ khóa:** Ngôn ngữ, tiếng Khơ Mú, ngữ pháp, loại hình ngôn ngữ

**9. ChatGPT và khả năng hiểu ngữ cảnh, hồi đáp lời than phiền gián tiếp của người Việt**/ Lại Thị Minh Đức// Khoa học HUFLIT .- 2023 .- Tập 7(Số 4) .- Tr. 01-08.

**Nội dung**: Bài báo này nghiên cứu việc liệu ChatGPT có hiểu được những phát ngôn than phiền gián tiếp (có tiền giả định và hàm ý thái độ, mang đặc trưng văn hóa Việt Nam trong đó) và cách ChatGPT ho i đa pcác phát ngôn than phiền ấy (reponse to indirect complaints). Đối với các công ty đang ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI (chat robo) vào dịch vụ chăm sóc khách hàng, việc cần phải giải quyết than phiền từ khách hàng một cách chuyên nghiệp và lịch sự là rất quan trọng.

**Từ khóa**: ChatGPT, khả năng hiểu ngữ cảnh, khả năng hồi đáp, than phiền gián tiếp, indirect complaints

**10. Đặc điểm cấu tạo ngữ pháp của một số động từ ghép đẳng lập (chủ hoạt động của mắt, miệng, tay, chân) dưới góc nhìn của quan hệ cách/** Nguyễn Bích Diệp// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 6A(354) .- Tr. 36-44.

**Nội dung**: Tập trung tìm hiểu và làm rõ một số đặc điểm cấu tạo ngữ pháp của các động từ ghép đẳng lập trong nhóm động từ chỉ hoạt động của mắt, miệng, tay, chân dưới góc nhìn của quan hệ cách. Qua đó, bài viết góp phần làm rõ hơn về quan hệ ngữ nghĩa này trong động từ tiếng Việt.

**Từ khóa:** Quan hệ cách, từ bao, từ cách, quan hệ ngữ nghĩa, từ cùng cách

**11. Đặc điểm của từ phương vị 東 tiếng Hán trong sự so sánh với từ phương vị “đông” tiếng Việt/** Nguyễn Phương Thùy// Ngôn ngữ.- 2024 .- số 5(403) .- Tr. 58-62.

**Nội dung**: Đi sâu nghiên cứu từ phương vị tiếng Hán nói chung và từ 東 đông nói riêng trong so sánh với tiếng Việt, thành quả nghiên cứu là tài liệu tham khảo có giá trị cho việc nâng cao hiệu quả dạy học từ vựng tiếng Việt cũng như tiếng Hán.

**Từ khóa:** Phương vị, tiếng Hán, tiếng Việt

**12. Đặc diểm liên kết trong diễn ngôn quảng cáo du lịch/** Nguyễn Thị Huyền My, Nguyễn Thị Hồng Ngân// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 5(353) .- Tr. 33-40.

**Nội dung**: Vận dụng lí thuyết phân tích diễn ngôn để xem xét đặc điểm liên kết trong diễn ngôn quảng cáo du lịch – một kiểu diễn ngôn đặc biệt trong thời đại công nghệ số. Bài báo này sẽ đi sâu nghiên cứu đặc điểm liên kết trong các diễn ngôn quảng cáo du lịch, qua đó thấy được mối quan hệ nội tại trong kiểu diễn ngôn này cũng như sự khác biệt giữa loại diễn ngôn quảng cáo du lịch với các loại diễn ngôn quảng cáo trong lĩnh vực du lịch.

**Từ khóa:** Diễn ngôn, phân tích diễn ngôn, liên kết, quảng cáo, du lịch

**13. Đặc điểm ngôn ngữ và hình ảnh trong báo cáo thường niên của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ Ngân hàng tại Việt Nam/** Lê Thị Phương Mai// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 5(353) .- Tr. 53-61.

**Nội dung**: Báo cáo thường niên ngày càng có vai trò to lớn trong việc truyền tải thông điệp về văn hóa doanh nghiệp và có tính thuyết phục ngày càng cao, trở thành một kênh giao tiếp hấp dẫn và khách quan đối với những đối tượng liên quan như khách hàng, đối tác, nhân viên hay cổ đông. Do đó, nghiên cứu này nhằm làm rõ hơn việc sử dụng các phương tiện ngôn ngữ để xây dựng hình ảnh doanh nghiệp thông qua các diễn ngôn về tài chính và phát triển bền vững – cũng như là những nội dung quan trọng trong báo cáo thường niên.

**Từ khóa:** Ngôn ngữ, hình ảnh, báo cáo thường niên, thể loại

**14. Đặc điểm ngữ nghĩa của lớp từ ngữ chỉ thực vật trong đồng dao người Việt/** Lê Thị Thuận// Ngôn ngữ.- 2024 .- số 4(402) .- Tr. 59-63.

**Nội dung**: Sử dụng phương pháp miêu tả với thủ pháp chính là thống kê, phân loại. Bài viêt chỉ ra đặc điểm của thế giới thực vật xuất hiện trong đồng dao người Việt (tần số xuất hiện và ý nghĩa biểu trưng) nhằm làm nổi bật những nét độc đáo của thế giới thực vật trong đồng dao người Việt.

**Từ khóa:** Ngôn ngữ, ngữ nghĩa, lớp từ ngữ, đồng dao người Việt

**15. Đặc trưng văn hóa – dân tộc của thành ngữ Tày có các thành tố chỉ bộ phận cơ thể biểu thị trí tuệ của con người/** Trịnh Thị Hà// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 6A(354) .- Tr. 162-169.

**Nội dung**: Đi sâu và nghiên cứu nhóm thành ngữ Tày có thành tố chỉ bộ phận cơ thể biểu thị trí tuệ con người. Từ đó góp phần giới thiệu, tôn vinh, bảo tồn và phát huy nền văn hóa của dân tộc Tày, làm phong phú thêm bản sắc văn hóa của dân tộc nói chung.

**Từ khóa:** Dân tộc Tày, thành ngữ, ngôn ngữ, ý nghĩa biểu trưng

**16. Đặc trưng văn hóa – dân tộc của thành ngữ Tày có thành tố chỉ bộ phận cơ thể biểu thị hình thức của con người/** Trịnh Thị Hà// Ngôn ngữ.- 2024 .- số 5(403) .- Tr. 18-25.

**Nội dung**: Nghiên cứu về đặc trưng văn hóa – dân tộc của thành ngữ Tày có thành tố chỉ bộ phận cơ thể biểu thị hình thức của con người. Việc nghiên cứu thành ngữ Tày trước hết là để hiểu rõ hơn về văn hóa Tày, góp phần giới thiệu, tôn vinh, bảo tồn và phát huy nền văn hóa của dân tộc Tày, làm phong phú thêm bản sắc văn hóa của các dân tộc nói chung.

**Từ khóa:** Ngôn ngữ, ngữ nghĩa, đặc trưng văn hóa, thành ngữ Tày

**17. Đánh giá tác động của chính sách về ngôn ngữ dân tộc thiểu số đối với ngành giáo dục tại tỉnh Đắk Lắk/** Nguyễn Thị Thanh Huyền// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 6A(354) .- Tr. 178-186.

**Nội dung**: Thống kê các văn bản liên quan đến chính sách của Đẳng và Nhà nước Việt Nam về ngôn ngữ dân tộc thiểu số. Từ đó, bài viết làm rõ một số vấn đề về những tác động của chính sách ngôn ngữ dân tộc thiểu số đến ngành giáo dục tỉnh Đắk Lắk. Đó là việc hình thành các đề tài khoa học về ngôn ngữ Êđê, Mnông, xây dựng chương trình đào tạo đội ngũ giáo viên dạy tiếng Êđê cho các đối tượng.

**Từ khóa:** Chính sách ngôn ngữ, ngôn ngữ dân tộc thiểu số, giáo dục Đắk Lắk

**18. Dạy học tiếng Việt ở vùng dân tộc thiểu số Việt Nam: Một số vấn đề đặt ra/** Vũ Thị Sao Chi, Nguyễn Đức Tồn// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 1 .- Tr. 86-98.

**Nội dung**: Bàn thảo về những vấn đề liên quan trực tiếp đến hoạt động dạy học tiếng Việt ở vùng dân tộc thiểu số. Từ đó nhằm góp phần tư vấn chính sách giáo dục ngôn ngữ vùng dân tộc thiểu số, trong đó có vấn đề dạy tiếng Việt cho con em đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Chính sách ngôn ngữ, giáo dục ngôn ngữ, dạy học tiếng Việt, ngôn ngữ học

**19. Đối chiếu ẩn dụ ý niệm về “hạnh phúc” và “nổi đau” trong lời bài hát Nobody told me của nhạc John Lennon và cát bụi của nhạc si Trinh Công Sơn/** Vương Hữu Vĩnh// Ngôn ngữ.- 2024 .- số 5(403) .- Tr. 50-57.

**Nội dung**: Đối chiếu ẩn dụ ý niệm về “hạnh phúc” và “nổi đau” trong hai nhạc phẩm Nobody told me của nhạc John Lennon và cát bụi của nhạc si Trinh Công Sơn, nhằm tìm ra các miền chiếu xạ lên hai miền đích trên đồng thời tìm ra sự giống và khác nhau giữa việc sử dụng các ẩn dụ ý niệm về “hạnh phúc” và “nổi đau” qua hai nhạc phẩm đặc trưng này từ đó tìm hiểu đặc trưng tư duy của hai tác giả.

**Từ khóa:** Ẩn dụ ý niệm, John Lennon, nhạc si Trinh Công Sơn

**20. Đối chiếu đặc điểm ngữ dụng của một số hư từ đánh giá về số lượng trong tiếng Anh và tiếng Việt/** Trần Thị Lệ Dung// Ngôn ngữ.- 2024 .- số 5(403) .- Tr. 42-49.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp. Phương pháp này cho phép nghiên cứu một số dãy từ đồng nghĩa tiêu biểu trong hai ngôn ngữ đối chiếu. Dãy từ được lựa chọn theo tiêu chí: Có các từ trung tâm của dãy từ đồng nghĩa, nghĩa gốc có cùng nghĩa và số lượng đơn vị trong dãy đủ lớn để có thể so sánh và chỉ ra những điểm giống và khác nhau về ngữ nghĩa, ngữ dụng giữa hai ngôn ngữ theo yêu cầu của ngôn ngữ học so sánh và đối chiếu.

**Từ khóa:** Ngữ dụng, hư từ, tiếng Anh, tiếng Việt

**21. Đối chiếu nghĩa của từ chỉ kích thước “高” trong tiếng Hán và “cao” trong tiếng Việt/** Trần Thị Ngọc Mai// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 5(353) .- Tr. 159-166.

**Nội dung**: Nghiên cứu, khảo sát nghĩa của từ 高 trong tiếng Hán và “cao” trong tiếng Việt. Kết quả nghiên cứu cho thấy, ẩn dụ kích thước “cao” trong hai ngôn ngữ chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực: Số lượng, đẳng cấp, đánh giá và tâm lý. Từ đó phân tích đối chiếu sâu hơn thấy, ẩn dụ của từ “cao” trong hai ngôn ngữ với những điểm giống nhau, thể hiện được sự tương đồng trong mô hình nhận thức của con người nhưng cũng có những điểm khác biệt, do sự khác biệt về tư duy và văn hóa tạo nên.

**Từ khóa:** 高,cao, từ chỉ kích thước, nghĩa của từ, ẩn dụ, đối chiếu, tiếng Hán, tiếng Việt

**22. EFL high school teachers’ perceptions and practices of project-based learning in teaching speaking skill/** Vo Thi Le Hang, Tran Quang Ngoc Thuy// Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa.- 2024 .- Vol. 7-No. 3 .- Tr. 330-342.

**Nội dung**: This research aimed to investigate teachers’ perceptions and practices of project-based learning (PBL) in teaching speaking skill at some high schools in a Central Vietnam province. Despite the perceived benefits, EFL teachers reported that they did not apply this method frequently in their actual practices. Another finding showed teachers’ most encountered difficulties, including teachers’ lack of knowledge and experience of using PBL in teaching speaking, time pressure, and students’ low level of English proficiency.

**Từ khóa:** Project-based learning, teaching speaking skill

**23. EFL students’ perceptions of case-based learning in an english public speaking course/** Tran Quang Ngoc Thuy// Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa.- 2023 .- Vol. 7-No. 2 .- Tr. 233-239.

**Nội dung**: This article reports on a study that investigated EFL undergraduate students' perceptions of the effectiveness of case-based learning in an English public speaking course at a Vietnamese university. These findings suggest that case-based learning can be a valuable pedagogical method for teaching English public speaking courses in Vietnamese universities and may potentially be adopted in other educational contexts to improve students’ critical thinking and communication skills.

**Từ khóa:** Case-based learning, critical thinking, speaking course, EFL students

**24. Giải mã một truyện cười từ góc độ ngữ nghĩa học diễn ngôn/** Trần Kim Phượng// Ngôn ngữ.- 2024 .- số 4(402) .- Tr. 3-13.

**Nội dung**: Phân tích diễn ngôn là một đường hướng nghiên cứu thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà Việt ngữ học. Trong bài báo này, chúng tôi tiếp tục lựa chọn một truyện cười ngắn, với mục đích triển khai thật triệt để hai lí thuyết cơ bản của phân tích diễn ngôn, trong đó có chú ý khai thác ngữ vực theo quan điểm của M. Halliday, J. Martin và tính quan yếu của diễn ngôn theo quan điểm của Dan Sperber và Deirdre Wilson.

**Từ khóa:** Ngôn ngữ học, diễn ngôn, ngữ nghĩa học

**25. Giảng dạy ngữ cố định cho người nước ngoài học tiếng Việt/** Lê Thị Thùy Vinh// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 6A(354) .- Tr. 71-79.

**Nội dung**: Trong hệ thống từ vựng tiếng Việt, để phản ánh các sự vật, hiện tượng và các thuộc tính của chúng trong thế giới bên ngoài và thế giới nội tâm của con người, bên cạnh các từ dời thì người Việt còn sử dụng các ngữ cố định. Bài viết đề cập một số biện pháp dạy học ngữ cố định cho người nước ngoài, từ đó góp phần định hướng giảng dạy bộ phận từ vựng này giúp người nước ngoài có thể sử dụng tiếng Việt như người Việt.

**Từ khóa:** Ngữ cố định, tiếng Việt, học tiếng Việt, thành ngữ, quán ngữ

**26. Hiện tượng đa miền trong ẩn dụ ý niệm về giấc mơ: tiếp cận từ mô hình ATT-Meta/** Quang Thị Hoàn// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 6A(354) .- Tr. 15-22.

**Nội dung**: Giới thiệu khái luận mô hình ATT-Meta của Lee&Barnden (2016) trong nhiệm vụ phân tích các kiểu loại hòa kết đa miền trong ẩn dụ hỗn hợp ý niệm. Áp dụng các nguyên tắc tiếp cận, phân tích da miền trong kiểu loại kết cấu hòa kết của ATT-Meta, nghiên cứu tập trung vào làm rõ những kết cấu hòa kết và miền ý niệm trong ẩn dụ hỗn hợp ý niệm giấc mơ từ ngữ liệu là 100 dẫn dụ văn học tiếng Anh và tiếng Việt.

**Từ khóa:** Ẩn dụ hỗn hợp, ý niệm hóa, miền ý niệm, ATT-Meta, giấc mơ

**27. Hiện tượng phóng chiếu trong tiếng Anh và tiếng Việt/** Giã Thị Tuyết Nhung, Phan Văn Hào, Mai Thị Thúy Diễm// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 5(353) .- Tr. 81-94.

**Nội dung**: Khái quát về khái niệm phóng chiếu và qua khảo sát, mô tả và phân tích, sẽ xây dựng các phương thức biểu đạt của hiện tượng phóng chiếu, lưu ý đến những diễn đạt tương thích và diễn đạt ẩn dụ. Cuối cùng đề xuất ứng dụng các phương thức biểu đạt phóng chiếu trong giảng dạy ngôn ngữ.

**Từ khóa:** Ngôn ngữ học, phức thể mệnh đề, tiếng Anh, tiếng Việt

**28. Kết hợp phương pháp dạy viết theo thể loại và dạy viết theo tiến trình trong giảng dạy viết thư tín thương mại tiếng Trung Quốc cho sinh viên Việt Nam/** Phạm Thùy Dương// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 5(353) .- Tr. 152-158.

**Nội dung**: Nghiên cứu và đi sâu vào việc phân tích phương pháp dạy viết thư thương mại, khẳng định tầm quan trọng của việc áp dụng phương pháp giảng dạy theo tiến trình và thể loại. Phương pháp này mang lại hiệu quả cao cho việc cải thiện kĩ năng viết và hiểu biết thực tiễn của sinh viên, đồng thời mở rộng khả năng áp dụng kiến thức vào thực tế giao tiếp thương mại.

**Từ khóa:** Thư tín thương mại, kĩ năng viết, phương pháp tiến trình, phương pháp thể loại

**29. Khả năng tham gia tạo thành ngữ, tục ngữ của các từ biểu thị số “hai” trong tiếng Thái/** Kiều Thanh Thảo// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 6A(354) .- Tr. 187-195.

**Nội dung**: Khái quát về từ, từ biểu thị con số, khảo sát và phân tích khả năng cấu tạo ngữ pháp và biểu đạt nội dung ngữ nghĩa của từ biểu thị con số “hai” trong thành ngữ, tục ngữ Thái. Từ đó xác định những đặc điểm ngữ pháp, ngữ nghĩa căn bản của con số này một cách hệ thống.

**Từ khóa:** Từ biểu thị con số, thành ngữ, tục ngữ Thái

**30. Khảo sát đặc điểm ngôn ngữ dùng trên không gian mạng xã hội của thế hệ Gen Z/** Vũ Thị Kim Hoa, Nguyễn Ngọc Anh// Ngôn ngữ.- 2024 .- số 4(402) .- Tr. 14-26.

**Nội dung**: Ngôn ngữ mạng xã hội của Gen Z được nhìn nhận như một biến thể ngôn ngữ với các hình thức biểu hiện, biến đổi cụ thể, khác biệt với ngôn ngữ chuẩn mực toàn dân. Phạm vi khảo sát chủ yếu ở cấp độ từ ngữ với bình diện ngữ âm – chữ viết, ngữ nghĩa, cấu tạo từ, bên cạnh đó là một số hiện tượng ngữ pháp đáng chú ý.

**Từ khóa:** Gen Z, ngôn ngữ, mạng xã hội

**31. Khuynh hướng bộc lộ bản thân của học viên Quốc tế trong giờ học tiếng Nhật/** Võ Tuấn Vũ, Nguyễn Văn Tường// Ngôn ngữ.- 2024 .- số 3(401) .- Tr. 51-63.

**Nội dung**: Nghiên cứu về khuynh hướng bộc lộ bản thân của học viên Quốc tế trong giờ học tiếng Nhật. Trong nghiên cứu này, tác giả muốn tập trung vaog “sự bộc lộ bản thân” trong cách thể hiện bản thân, đồng thời phân tích những ảnh hưởng của nó đến kết quả học tiếng Nhật của học viên Quốc tế trong giờ học tiếng Nhật.

**Từ khóa:** Tiếng Nhật, học viên Quốc tế

**32. Kiêng kị ngôn ngữ trong tiếng Việt và tiếng Hàn**/ Trần Văn Tiếng, Nguyễn Thị Kim Ngọc// Khoa học HUFLIT .- 2023 .- Tập 8(Số 1) .- Tr. 19-25.

**Nội dung**: Kiêng kị ngôn ngữ (language taboo) là hiện tượng phổ biến trong mọi ngôn ngữ. Biểu hiện của hiện tượng này là trong khi giao tiếp, người ta cần kiêng kị, cần tránh nói ra những từ ngữ có thể làm người nghe bị xúc phạm, khó chịu. Những từ ngữ kiêng kị khi dùng có thể làm cho cuộc thoại chuyển sang hướng tiêu cực, bất lợi, do vậy người ta cần phải nói tránh đi bằng cách sử dụng một từ ngữ khác. Kiêng kị ngôn ngữ là một hiện tượng ngôn ngữ khá phức tạp có liên quan đến các yếu tố văn hóa dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán. Việc tránh dùng những từ ngữ kiêng kị thể hiện cách ứng xử ngôn từ trong các tình huống giao tiếp. Tìm hiểu từ ngữ kiêng kị trong tiếng Việt và tiếng Hàn giúp ta thấy được những điểm tương đồng và dị biệt về văn hóa dân tộc, về cách sử dụng từ ngữ thay thế các từ kiêng kị trong tiếng Việt và tiếng Hàn, tránh được những "cú sốc văn hóa” khi giao tiếp.

**Từ khóa**: Tiếng Hàn, tiếng Việt, kiêng kị ngôn ngữ, giao tiếp, từ ngữ kiêng kị, cám kị, uyển ngữ

**33. Kính ngữ tiếng Nhật được biểu thị bằng phương thức phụ tố trong một số tác phẩm văn học của Natsume Souseki/** Ngyễn Thị Hằng Nga// Ngôn ngữ.- 2024 .- số 5(403) .- Tr. 33-41.

**Nội dung**: Nghiên cứu khảo sát các phương thức phụ tố thể hiện kính ngữ tiếng Nhật trong ba tác phẩm nổi tiếng của Natsume Souseki. Tiếng Nhật là ngôn ngữ chắp dính, đó là một trong những nguyên nhân dẫn đến phương thức phụ tố đóng vai trò chủ đạo đối với việc hình thành các dạng kính ngữ tiếng Nhật.

**Từ khóa:** Kính ngữ, tiếng Nhật, phương thức phụ tố, tác phẩm văn học, Natsume Souseki

**34. Lỗi phát âm phụ âm cuối trong tiếng Anh của sinh viên Việt Nam/** Nguyễn Thị Chung, Vũ Thị Phương Thảo// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 5 .- Tr. 108-117.

**Nội dung**: Phát âm đóng vai trò quan trọng trong việc dạy và học tiếng Anh, lĩnh vuwch này đã nhận được nhiều sự quan tâm các học giả ở Việt Nam cũng như trên thế giới. Bài viết đề cập đến những lỗi thường gặp khi phát âm ba cặp phụ âm cuối trong tiếng Anh là /s/ và /z/; /s/ và /f/ và /v/ và nguyên nhân gây ra vấn đề của sinh viên năm thứ nhất tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội và Trường Cao đẳng Thủy lợi Bắc bộ.

**Từ khóa:** Phụ âm cuối, video bài nói, chiến lược, lỗi phát âm

**35. Miền nguồn “bão” trong diễn ngôn ẩn dụ về dịch bệnh Covid-19 trên báo điện tử trực tuyến tiêng Việt/** Nguyễn Thị Bích Hạnh// Ngôn ngữ.- 2024 .- số 5(403) .- Tr. 3-10.

**Nội dung**: Khảo sát và nghiên cứu ẩn dụ có miền nguồn “bão” trong các bài viết liên quan đến dịch bệnh Covid-19 trên báo điện tử trực tuyến tiếng Việt. Bài viết đã sử dụng tổng hợp phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính mà chủ yếu là phân tích diễn ngôn, kết hợp với thủ pháp thống kê, phân loại để đạt được mục tiêu nghiên cứu đặt ra.

**Từ khóa:** Ngôn ngữ, diễn ngôn ẩn dụ, báo điện tử, tiếng Việt

**36. Một số đặc điểm ngữ nghĩa của liên từ “并” trong tiếng Hán và liên từ “và” trong tiếng Việt/** Ngô Thị Thu Hiền// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 5(353) .- Tr. 139-143.

**Nội dung**: Trên cơ sở so sánh Hán Việt, bài viết thống kê và phân tích những lỗi sai của học sinh Việt Nam khi sử dụng liên từ “并”, và đưa ra một số đề xuất trong giảng dạy để giúp người học tránh được những lỗi sai do chịu ảnh hưởng từ tiếng Việt.

**Từ khóa:** 并, “và”, ngữ nghĩa, so sánh, lỗi sai

**37. Một số vấn đề về dịch máy/** Nguyễn Ngọc Hải// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 5(353) .- Tr. 72-80.

**Nội dung**: Giới thiệu về lịch sử hình thành, phát triển của dịch máy và phương pháp dịch máy cũng như phân tích những điểm mạnh và điểm yếu của dịch máy và một số biện pháp khắc phục.

**Từ khóa:** Dịch máy, phương pháp dịch máy, sử dụng dịch máy

### **38. Một số vấn đề về trí tuệ nhân tạo và ứng dụng trong dạy và học Tiếng Anh hiện nay**/ Nguyễn Hoàng Yến, Hoàng Thị Ái Vân// Quản lý giáo dục .- 2024 .- số 5.- Tr. 24-29.

**Nội dung**: Bàn luận về các ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong dạy và học Tiếng Anh hiện nay như: Công nghệ nhận diện giọng nói, Công nghệ dịch máy, Công nghệ xử lý ngôn ngữ tự nhiên,… Chỉ ra một số thách thức giữa việc sử dụng trí tuệ nhân tạo với sự tương tác của con người, đồng thời giới thiệu một số ứng dụng học Tiếng Anh được sử dụng phổ biến trên thế giới, nhằm bảo đảm trải nghiệm học ngôn ngữ toàn diện.

**Từ khóa:** Giáo dục, trí tuệ nhân tạo, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dạy và học Tiếng Anh.

**39. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố gây khó khăn trong việc học kĩ năng nghe của sinh viên không chuyên tiếng Anh tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội/** Phạm Mai Khánh, Đỗ Thanh Loan// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 6A(354) .- Tr. 119-129.

**Nội dung**: Tìm hiểu mức độ ảnh hưởng của các yếu tố gây khó khăn trong việc học kĩ năng nghe của sinh viên không chuyên tiếng Anh tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Từ đó, bài viết đề xuất một số giải pháp đễ hỗ trợ sinh viên cải thiện kĩ năng nghe tiếng Anh và nâng cao khả năng giao tiếp tiếng Anh.

**Từ khóa:** Kĩ năng nghe tiếng Anh, tiếng Anh, kĩ năng nghe

**40. Nét đặc trưng văn hóa qua thành ngữ miêu tả cảm xúc chứa từ chỉ bộ phận cơ thể người trong tiếng Anh và tiếng Việt/** Ngô Thị Khánh Ngọc// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 6A(354) .- Tr. 87-96.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm mục đích so sánh đối chiếu các thành ngữ miêu tả cảm xúc có chứa từ chỉ bộ phận cơ thể người trong tiếng Việt và tiếng Anh từ góc độ văn hóa. Bài viết được mong đợi là sẽ có thể cung cấp cho người đọc những kiến thức cơ bản về đặc trưng văn hóa hai nước. Việc hiểu về văn hóa sẽ giúp người học ngôn ngữ có thể sử dụng được tục ngữ hay ngôn ngữ nói chung một cách tự nhiên và linh hoạt trong các tình huống giao tiếp thường ngày.

**Từ khóa:** Thành ngữ miêu tả cảm xúc, ngôn ngữ học, phân tích đối chiếu, đặc trưng văn hóa

**41. Nghệ thuật chơi chữ trong tiêu đề báo chí tiếng Việt và tiếng Anh/** Nguyễn Mai Hoa// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 5(353) .- Tr. 167-173.

**Nội dung**: Nghiên cứu về nghệ thuật chơi chữ trong tiêu đề báo chí tiếng Việt và tiếng Anh, giúp người đọc có một cái nhìn cụ thể hơn về chơi chữ, làm phong phú thêm vốn hiểu biết ở cả hai ngôn ngữ. Chơi chữ là một nghệ thuật dân gian độc đáo trong ngôn ngữ Việt, được sử dụng rộng rãi trong văn chương và cả trong lời ăn tiếng nói hàng ngày của người Việt.

**Từ khóa:** Chơi chữ, báo chí tiếng Anh và tiếng Việt, so sánh đối chiếu, tiêu đề

**42. Nghĩa tình thái của câu đặc biệt tiếng Việt/** Trịnh Quỳnh Đông Nghi// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 5(353) .- Tr. 41-52.

**Nội dung**: Phân tích nghĩa tình thái khách quan và nghĩa tình thái chủ quan của câu đặc biệt tiếng Việt. Ở bài viết này tác giả trình bày nghĩa tình thái của câu đặc biệt tiếng Việt, thông qua việc khảo sát, thống kê các phương tiện biểu thị tình thái và phân tích nghĩa tình thái của câu đặc biệt tiếng Việt.

**Từ khóa:** Phương tiện biểu thị tình thái, nghĩa tình thái, câu đặc biệt, nghĩa tình thái khách quan, nghĩa tình thái chủ quan

**43. Nghiên cứu cấu trúc thể loại diễn ngôn của phần mở đầu trong luận văn thạc sỹ kinh tê tại Việt Nam/** Lương Thị Minh Phương// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 5(353) .- Tr. 62-71.

**Nội dung**: Nghiên cứu về cấu trúc thể loại của phần mở đầu trong luận văn thạc sĩ ngành Kinh tế tại Việt Nam cũng như các phương pháp tiếp cận dựa trên thể loại nhằm xác định các bước (moves) và động tác (steps) tu từ được sủ dụng. Từ đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng các công trình nghiên cứu khoa học như luận văn, luận án và hướng tới mục tiêu cao hơn là có các công bố quốc tế có chất lượng cao.

**Từ khóa:** Ngôn ngữ, diễn ngôn, phần giới thiệu, đào tạo sau đại học

**44. Nghiên cứu nhận thức của sinh viên về hệ thống nguyên âm tiếng Hàn**/ Đỗ Thị Kiều Diễm// Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa.- 2024 .- Vol. 7-No. 3 .- Tr. 321-329.

**Nội dung**: Bảng chữ cái trong tiếng Hàn có tên gọi là Hangeul. Hangeul bao gồm hệ thống nguyên âm và phụ âm, trong đó có 21 nguyên âm và 19 phụ âm. Trong đó, 21 nguyên âm tiếng Hàn được chia thành 10 nguyên âm đơn và 11 nguyên âm đôi. Trên thực tế, trong quá trình giảng dạy, tác giả nhận thấy sinh viên năm thứ nhất sau khi đã được học về Hangeul đều chưa nhận thức đúng đắn về hệ thống nguyên âm, đặc biệt là chưa phân biệt được nguyên âm đơn và nguyên âm đôi. Qua đó, tác giả đề xuất một số khuyến nghị giúp các nhà nghiên cứu, người dạy, người học, người biên soạn giáo trình tiếng Hàn nói chung phiên bản tiếng Việt nói riêng có thể rút ra được những phương pháp nghiên cứu, dạy, học và biên soạn giáo trình phù hợp, thống nhất với giáo trình tiếng Hàn, góp phần giúp người học có cái nhìn thống nhất hơn về hệ thống nguyên âm tiếng Hàn.

**Từ khóa:** Hangeul, hệ thống nguyên âm tiếng Hàn, tiếng Hàn

**45. Nghiên cứu so sánh các phương pháp giáo dục hiện đại trong đào tạo tiếng Anh pháp lí/** Nguyễn Nhân Ái, Phạm Công Thiên Đỉnh// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 5(353) .- Tr. 103-110.

**Nội dung**: Trình bày các vấn đề chung về phương pháp giáo dục hiện đại trong đào tạo tiếng Anh pháp lí, đánh giá những điểm tương đồng và khác biệt về các phương pháp này tại Anh – Mỹ và Việt Nam. Bên cạnh đó, từ những kinh nghiệm của hai nước có quốc ngữ là tiếng Anh nêu trên, nhóm tác giả sẽ phân tích việc ứng dụng các phương pháp phù hợp trong đào tạo tiếng Anh pháp lí cho sinh viên luật tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Ngôn ngữ học, phức thể mệnh đề, tiếng Anh, tiếng Việt

**46. Nghiên cứu việc sử dụng ngôn ngữ thận trọng trong viết học thuật bằng tiếng Anh và tiếng Việt/** Vũ Thị Thanh Hoa// Ngôn ngữ.- 2024 .- số 4(402) .- Tr. 51-58.

**Nội dung**: Nghiên cứu về việc sử dụng ngôn ngữ thận trọng trong bối cảnh khác nhau nhưng nghiên cứu về ngôn ngữ thận trọng được sử dụng trong văn bản học thuật tiếng Anh chưa nhiều. Vì thế nghiên cứu này được thực hiện để so sánh việc sử dụng ngôn ngữ thận trọng trong văn bản học thuật bằng tiếng Anh và tiếng Việt và trả lời các câu hỏi nghiên cứu.

**Từ khóa:** Ngôn ngữ, học thuật, tiếng Anh, tiếng Việt

**47. Nghiên cứu xây dựng từ điển địa danh tâm linh/** Hoàng Thị Nhung// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 4 .- Tr. 117-128.

**Nội dung**: Tìm hiểu những cơ sở lý luận và thực tiễn về Từ điển địa danh tâm linh và nghiên cứu trường hợp cụ thể về địa danh tâm linh tỉnh Quảng Bình. Từ đó, đề xuất mô hình biên soạn một số cuốn Từ điển địa danh tâm linh.

**Từ khóa:** Ngôn ngữ học, địa danh, địa danh tâm linh, từ điển địa danh tâm linh

**48. Ngôn ngữ trong thơ Trần Hùng (qua tập Mắt mắt khuya từng đàn)/** Hoàng Kim Ngọc// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 2 .- Tr. 101-107.

**Nội dung**: Từ cách tiếp cận liên ngành: ngôn ngữ nghệ thuật, lí luận phê bình văn học, kí hiệu học, văn hóa học, với các thủ pháp thống kê, so sánh, đối chiếu. Bước đầu tìm hiểu một số yếu tố ngôn ngữ độc đáo, góp phần tạo nên sức hấp dẫn của tập thơ Mắt mắt khuya từng đàn – một tập thơ hay, được xác định vị trí như một điểm nhấn trong dòng chảy của thơ đương đại Việt Nam.

**Từ khóa:** Ngôn ngữ học, ngôn ngữ thơ đương đại, nhà thơ Trần Hùng

**49. Ngữ nghĩa và hàm ý văn hóa của chữ 家 (gia)/** Nguyễn Anh Thục// Ngôn ngữ.- 2024 .- số 5(403) .- Tr. 11-17.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng phương pháp thống kê, mô tả, phân tích, tìm hiểu mối quan hệ giữa hình, âm và nghĩa của 家 (gia), từ đó làm rõ nội hàm văn hóa cũng như quan niệm về gia đình tiềm ẩn trong chữ Hán này, nhằm góp một tài liệu tham khảo cho công tác dạy học ngôn ngữ kết hợp với thành tố văn hóa cho sinh viên chuyên ngành tiếng Trung Quốc ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Ngôn ngữ, ngữ nghĩa, hàm ý văn hóa, 家

**50. Ngữ nguyên của “qua”, “bậu” trong phương ngữ Trung, phương ngữ Nam/** Bùi Trọng Ngoãn// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 6A(354) .- Tr. 5-14.

**Nội dung**: Trên cơ sở các thông tin đa diện, đa chiều. Bài viết nêu chủ kiến của tác giả về từ nguyên của “qua”, “bậu” hầu như chỉ hiện diện trong phương ngữ Trung và phương ngữ Nam và chủ yếu là từ Quảng Nam – Đà Nẵng trở vào, đồng thời xác tín: “qua” có khả năng là một từ tiếng Chăm “kau” (“tôi”, “tao”) được việt hóa, trong khi đó “bậu” là một từ cổ có nguồn gốc tiền Mon - Khmer.

**Từ khóa:** Từ nguyên, qua, bậu, phương ngữ Trung, phương ngữ Nam

**51. Nguyên nhân áp lực tâm lí về bài thi Vstep: Nghiên cứu trên đối tượng sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh/** Nguyễn Hồ Hoàng Thủy// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 6A(354) .- Tr. 51-60.

**Nội dung**: Nghiên cứu này tập trung khai thác nguyên nhân áp lực tâm lí của bài thi đánh giá năng lực tiếng Anh bậc 3-5 (Vstep) đối với sinh viên chuyên ngữ tại một cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam. Nghiên cứu cũng đã đưa ra một số giải pháp để giảm áp lực tâm lí của sinh viên với bài thi Vstep, giúp sinh viên đối mặt và vượt qua những áp lực tâm lí này.

**Từ khóa:** Bài thi Vstep, tiếng Anh, áp lực tâm lý, bài kiểm tra ngoại ngữ

**52. Nhận thức của sinh viên về câu bị động và bị động từ tiếng Hàn**/ Dương Thảo Tiên// Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa.- 2024 .- Vol. 7-No. 3 .- Tr. 309-320.

**Nội dung**: Câu bị động trong tiếng Hàn được sử dụng phổ biến ở cả hình thức nói và viết, tuy nhiên nó lại được xem là cấu trúc khá phức tạp và khó sử dụng. Bài báo này phân tích, đánh giá mức độ ghi nhớ và ứng dụng về ‘bị động từ của câu bị động’ thông dụng và được biết đến nhiều nhất trong các giáo trình tiếng Hàn như bị động với hậu tố (-이/히/리/기), bị động với cú pháp (-아/어지다) và bị động với từ vựng (-되다/받다/당하다) của sinh viên năm 2 Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế bằng việc khảo sát nhận thức về độ khó, tần suất xuất hiện, khả năng ứng dụng, tầm quan trọng của câu bị động thông qua bảng hỏi. Sau khi thu thập và xử lý số liệu, tác giả đã đưa ra các đề xuất dành cho giảng viên, sinh viên phương pháp dạy và học hiệu quả. Qua đó, tác giả hy vọng rằng, có thể góp phần giúp sinh viên Việt Nam học tiếng Hàn có cái nhìn rõ nét hơn về cách hình thành của bị động từ trong câu bị động tiếng Hàn.

**Từ khóa:** Câu bị động, bị động từ, nhận thức, tiếng Hàn

**53. Nhóm phó từ chỉ mức độ trong tiếng Việt/** Đỗ Phương Lâm// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 5(353) .- Tr. 17-22.

**Nội dung**: Phân tích những đặc trưng về ngữ pháp, ngữ nghĩa của các phó từ chỉ mức độ của tiêng Việt. Bên cạnh việc khái quát những vấn đề lí thuyết, bài viết còn hướng tới việc hệ thống hóa cách sử dụng từng phó từ, nhằm giúp cho việc dạy học tiếng Việt được thuận lợi hơn.

**Từ khóa:** Phó từ chỉ mức độ, những đặc điểm ngữ pháp, ngữ nghĩa, tiếng Việt

**54. Nhóm từ ngữ nói biểu thị ý nghĩa giải thích – minh họa trong bài báo khoa học tiếng Việt (có đối chiếu với tiếng Anh)/** Ngô Thị Thu Hiền// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 5(353) .- Tr. 131-138.

**Nội dung**: Tìm hiểu một số đặc điểm về cấu tạo và chức năng liên kết của loại từ ngữ nối được thể hiện trong văn bản khoa học, cụ thể là trong một số bài báo khoa học tiếng Việt và tiếng Anh, qua đó cho thấy vai trò của chúng như là những dấu hiệu hình thức để tường minh, làm sang rõ mối quan hệ ngữ nghĩa giữa các câu, các phần trong văn bản.

**Từ khóa:** Từ ngữ, từ nối, tiếng Việt, tiếng Anh, bài báo khoa học

**55. Những từ ngữ địa phương Nam bộ trong các tác phẩm văn xuôi từ cuối thế kỷ 19 đến nửa đầu thế kỷ 20**/ Trần Văn Tiếng// Khoa học HUFLIT .- 2023 .- Tập 8(Số 1) .- Tr. 34-39.

**Nội dung**: Văn xuôi Nam Bộ cuối thế kỷ 19 đến nửa đầu thế kỷ 20 là một bộ phận quan trọng trong văn học Việt Nam thời cận đại. Các tác phẩm văn xuôi Nam Bộ ra đời trong giai đoạn này đánh dấu bước chuyển tiếp từ lối hành văn cũ sang cách thể hiện mới của chữ Quốc ngữ.

**Từ khóa**: Văn xuôi, Nam Bộ, từ ngữ địa phương, từ đa tiết, từ vay mượn, từ ngữ cũ

### **56. Perception of foreign language learning output in Vietnam : a case study in Hanoi/** Doan Thi Nuong// Vietnam social sciences review.- 2024 .-No. 1(218) .- p. 87-104.

**Nội dung**: This study examines VNU students' perceptions of foreign language output standards and associated motivational factors. It contributes to the ongoing discourse on effective language education practices, emphasizing the importance of clear standards and addressing challenges to maintain a motivating learning environment at VNU.

**Từ khóa:** Foreign language learning, student perception, learning output, Vietnam

**57. Phản hồi của sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh về việc học kỹ năng nói qua nền tảng zoom meetings/** Huỳnh Nhật Uyên, Lê Châu Kim Khánh// Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa.- 2023 .- Vol. 7-No. 2 .- Tr. 241-255.

**Nội dung**: Nghiên cứu này tìm hiểu phản hồi của sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh về những thuận lợi và khó khăn khi học kỹ năng Nói qua nền tảng trực tuyến Zoom Meetings. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng nền tảng này vừa mang những thuận lợi đặc trưng của lớp học trực tiếp vừa mang những tiện ích riêng của lớp học trực tuyến. Ngoài ra, những khó khăn xuất phát từ sinh viên và nền tảng Zoom Meetings cũng được đề cập trong nghiên cứu này. Từ đó, một số đề xuất được đưa ra nhằm phát huy hiệu quả của việc dạy và học kỹ năng Nói trực tuyến qua nền tảng Zoom Meetings trong tương lai.

**Từ khóa:** Nền tảng Zoom Meetings, học trực tuyến, kỹ năng Nói, sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh

**58. Phân tích lỗi sai của sinh viên khi sử dụng bổ ngữ xu hướng kép theo nghĩa mở rộng trong tiếng Hán/** Lê Thị Thanh Nhàn// Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa.- 2023 .- Vol. 7-No. 2 .- Tr. 177-190.

**Nội dung**: Bổ ngữ là một điểm ngữ pháp quan trọng đối với việc học và dạy tiếng Hán, trong đó bổ ngữ xu hướng kép có thể được xem là một điểm ngữ pháp khó đối với sinh viên khi sử dụng nó. Việc nắm bắt nghĩa gốc của bổ ngữ xu hướng kép không hề khó khăn, nhưng nghĩa mở rộng rất dễ nhầm lẫn nên sinh viên hoặc là tránh sử dụng, hoặc là sử dụng sai. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu những lỗi sai thường gặp của sinh viên năm thứ ba ngành ngôn ngữ Trung Quốc, từ đó tìm ra nguyên nhân giúp sinh viên khắc phục được những khó khăn khi sử dụng nghĩa mở rộng của loại bổ ngữ này. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập qua bảng hỏi trực tuyến. Kết quả nghiên cứu cho thấy tỉ lệ sai nhiều nhất tập trung ở 4 loại 起来 (qilai)，过来(guolai)，下来 (xialai)，过去 (guoqu).

**Từ khóa:** Nghĩa mở rộng, bổ ngữ xu hướng kép, phân tích lỗi sai

**59. Phủ định siêu ngôn ngữ, từ phiếm định và quán ngữ tiếng Việt/** Nguyễn Thùy Nương// Ngôn ngữ.- 2024 .- số 3(401) .- Tr. 64-80.

**Nội dung**: Nghiên cứu và xác định những phương tiện biểu đạt hành vi phủ định siêu ngôn ngữ đặc trưng trong tiếng Việt. Từ đó chỉ ra các khuôn cấu trúc trừu tượng là có chứa các từ phiếm định, mà có thể gọi là các khuôn siêu ngôn ngữ.

**Từ khóa:** Tiếng Việt, siêu ngôn ngữ, phiếm định, quán ngữ

**60. Phương pháp thuyết trình tiếng Nhật và hiệu quả trong học tập tiếng Nhật của sinh viên ngành ngôn ngữ Nhật/** Trần Thị Thanh Trang, Nguyễn Thanh Hương// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 6A(354) .- Tr. 130-140.

**Nội dung**: Nghiên cứu tập trung tìm hiểu về thực trạng áp dụng phương pháp thuyết trình tiếng Nhật trong hoạt động học tập tiếng Nhật của sinh viên. Từ đó, bài viết đưa ra một số đề xuất cho việc nâng cao hiệu quả của phương pháp thuyết trình tiếng Nhật trong hoạt động học tập.

**Từ khóa:** Tiếng Nhật, kĩ năng nói, năng lực tự học

**61. Quyền ngôn ngữ và những nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn chữ viết của người dân tộc thiểu số: Trường hợp chữ Mông ở Việt Nam**/ Nguyễn Văn Hiệp// Khoa học & Công nghệ Việt Nam - B .- 2024 .- Số 4 .- Tr. 71-75.

**Nội dung**: Bài báo nêu và bàn luận các khía cạnh của quyền ngôn ngữ như một thành tố của quyền con người. Bài báo cũng phân tích những điểm cốt lõi về quyền ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số, hướng đến việc bảo tồn các ngôn ngữ có nguy cơ mai một và tạo điều kiện để ngôn ngữ các dân tộc thiểu số có thể phát huy giá trị của mình trong việc bảo tồn bản sắc dân tộc, bảo tồn các giá trị văn hóa.

**Từ khóa**: Chữ viết Mông, dân tộc thiểu số, quyền con người, quyền ngôn ngữ, sự lựa chọn chữ viết

**62. Script issues of ethnic minorities in Vietnam/** Mai Ngoc Chu, Phan Thi Ngoc Le// Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa.- 2023 .- Vol. 7-No. 2 .- Tr. 131-145.

**Nội dung**: The purpose of the article is to provide a comprehensive overview of script issues of 52 ethnic minorities in Vietnam in five main areas: Truong Son Tay Nguyen, Tay Bac, Viet Bac, Central Vietnam, and Southern Vietnam. To achieve this aim, the researchers adopted an interdisciplinary approach, which is language-culturology, languageethnography/ anthropology, along with a sociolinguistic approach. With the combination of two main methods, namely Field Research Methods of Linguistics and Expert Interviews, the study analyzes the relationship between script and culture, the importance of script in preserving information and ethnic culture in Vietnam, the advantages as well as the limitations of traditional and new scripts existing among ethnic minorities in Vietnam.

**Từ khóa:** Language, scripts, ethnic groups, ethnic culture

**63. Siêu văn bản trong ngôn ngữ, văn hóa và văn học/** Trịnh Bá Đĩnh// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 1 .- Tr. 119-128.

**Nội dung**: Trình bày quan điểm của tác giả về khái niệm siêu văn bản và các biểu hiện của nó trong các lĩnh vực khác nhau. Trong ngôn ngữ, bài viết trình bày các quan điểm của R. Jakobson và A. Wierbicka. Từ đó, tác giả đưa ra một số định nghĩa khái quát: siêu văn bản là một thành phần của văn bản nhằm diễn giải, đánh giá về sự hình thành và các đặc điểm của văn bản chính.

**Từ khóa:** Văn bản, siêu văn bản, liên văn bản, tự sự học

**64. So sánh cách thức định danh thuật ngữ kinh tế thương mại giữa tiếng Trung Quốc và tiếng Việt/** Trần Thị Ánh Nguyệt, Hoàng Tuyết Minh, Nguyễn Minh Phương// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 5(353) .- Tr. 144-151.

**Nội dung**: Tập trung vào mô tả, so sánh cách thức định danh thuật ngữ kinh tế thương mại nhằm làm sáng tỏ những điểm giống và khác nhau trong cách thức định danh thuật ngữ kinh tế thương mại giữa tiếng Trung và tiếng Việt, giúp cho người học, các nhà nghiên cứu có thêm căn cứ lí thuyết để vận dụng trong việc học tập và nghiên cứu và dịch thuật ngôn ngữ Việt - Trung.

**Từ khóa:** Định danh ngôn ngữ, tiếng Trung Quốc, thuật ngữ kinh tế thương mại, so sánh

**65. So sánh cấu trúc mạng từ tiếng Việt (Vietnet) với mạng từ tiếng Anh (wordnet) trên các danh từ thực thể (entity)/** Phan Thị Mỹ Trang, Dương Thị An, Đinh Điền, Trần Thị Minh Phượng// Ngôn ngữ.- 2024 .- số 3(401) .- Tr. 3-14.

**Nội dung**: Phân tích kết quả để đánh giá mức độ tương đồng cấu trúc giữa VietNet và WordNet trên các danh từ thực thể. Đánh giá hiệu quả của việc áp dụng độ đo Resnik cho các cặp danh từ thực thể tiếng Việt và tiếng Anh. Những phát hiện này có ý nghĩa quan trọng và ứng dụng trong nhiều lĩnh vực của ngôn ngữ học, như đối chiếu Anh – Việt về mặt ngữ nghĩa học từ vựng hay tương đồng văn bản xuyên ngôn ngữ.

**Từ khóa:** Cấu trúc mạng từ, tiếng Việt, mạng từ tiếng Anh, danh từ thực thể

**66. Sự chuyển hóa ý nghĩa của từ vị giác 咸 (hàm) trong tiếng Hán và “mặn” trong tiếng Việt/** Bùi Thu Phương// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 6A(354) .- Tr. 150-156.

**Nội dung**: Nghiên cứu sự phát triển ngữ nghĩa của từ chỉ vị giác 咸 (hàm) trong tiếng Hán và từ “mặn” trong tiếng Việt dưới góc độ ngôn ngữ học tri nhận. Bài viết bước đầu tìm hiểu và so sánh đặc trưng ngữ nghĩa, cơ sở chuyển nghĩa và khả năng tạo tổ hợp của cặp từ vị giác 咸 (hàm)/ mặn.

**Từ khóa:** 咸 (hàm), mặn, ẩn dụ tri nhận, cơ chế chuyển nghĩa, ngôn ngữ học tri nhận

**67. Tác động của phản hồi đồng cấp trong lớp học thực hành dịch đến người học từ góc nhìn của sinh viên**/ Võ Thị Liên Hương// Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa.- 2024 .- Vol. 7-No. 3 .- Tr. 300-308.

**Nội dung**: Nghiên cứu tìm hiểu quan điểm của sinh viên về việc áp dụng phản hồi đồng cấp trong lớp học thực hành. Kết quả nghiên cứu mang lại những hàm ý cho việc áp dụng phản hồi đồng cấp trong lớp học như xây dựng danh mục kiểm tra, tập cho người học làm quen với phản hồi đồng cấp và nâng cao nhận thức của người học về lợi ích và trách nhiệm của người thực hiện và nhận phản hồi đồng cấp.

**Từ khóa:** Thực hành dịch, phản hồi đồng cấp, người học

**68. Tài liệu giảng dạy dịch áp dụng cho các học phần biên phiên dịch ngành ngôn ngữ Hàn Quốc tại các Trường Đại học Việt Nam: Thực trạng và đề xuất/** Nghiêm Thị Thu Hương// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 5(353) .- Tr. 117-124.

**Nội dung**: Nghiên cứu thực trạng về tài liệu giảng dạy dịch và một số ưu nhược điểm của tài liệu giảng dạy dịch hiện có. Từ đó đưa ra một số gợi ý về việc biên soạn giáo trình đào tạo Biên phiên dịch tiếng Hàn, nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ngành biên phiên dịch tiếng Hàn.

**Từ khóa:** Giảng dạy dịch, tiếng Hàn, tài liệu giảng dạy dịch

**69. Tần suất hiện thực hóa các loại ý nghĩa của trợ từ cách ‘의’ trong văn viết tiếng Hàn/** Lê Anh Phương// Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa.- 2023 .- Vol. 7-No. 2 .- Tr. 205-217

**Nội dung**: Cấu trúc “NP1 의 NP2” có thể được chia làm rất nhiều loại dựa trên mối quan hệ về mặt ý nghĩa của danh từ/ cụm danh từ đứng trước và đứng sau “의”. Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng thủ pháp bóc tách nguồn ngữ liệu, từ đó khảo sát và thống kê tần suất hiện thực hoá các loại quan hệ ý nghĩa giữa NP1 và NP2 trong cấu trúc “NP1 의 NP2” trong các đề kỹ năng Đọc TOPIK II dựa theo quan điểm của Park (2008). Qua nghiên cứu này, chúng tôi hy vọng cung cấp một nguồn tư liệu tham khảo hữu ích về cấu trúc “NP1 의 NP2” trong tiếng Hàn cho người dạy và người học, giúp họ nhận thức được những loại ý nghĩa thông dụng và thường được sử dụng nhất của cấu trúc này, từ đó có chiến lược sử dụng phù hợp và hiệu quả.

**Từ khóa:** Trợ từ trong tiếng Hàn, trợ từ cách, ‘의’

**70. Tăng cường động lực thực hành nói trong lớp học tiếng Anh/** Lê Thị Hoàn// Ngôn ngữ.- 2024 .- số 4(402) .- Tr. 73-80.

**Nội dung**: Trình bày một số biện pháp nhằm tăng cường động lực thực hành nói trong lớp học tiếng Anh. Kỹ năng nói luôn là một thách thức lớn đối với đa phần sinh viên thuộc các thế hệ khác nhau, dẫn đến việc sinh viên ngại luyện tập nói trong giờ học và cả ngoài giờ học.

**Từ khóa:** Ngôn ngữ, tiếng Anh, thực hành nói

**71. Thanh điệu một số thổ ngữ Lộc Hà – Hà Tĩnh/** Nguyễn Thị Lệ Hằng, Trương Thị Mai Hoa// Ngôn ngữ.- 2024 .- số 5(403) .- Tr. 63-70.

**Nội dung**: Nghiên cứu về thanh điệu một số thổ ngữ Lộc Hà – Hà Tĩnh, từ đó chỉ ra những khác biệt về hệ thống thanh điệu các thổ ngữ Lộc Hà. Tiếng Việt hiện nay được xem là một ngôn ngữ Nam Á có thanh điệu. Trong tiếng Việt, thanh điệu được xác định là một bộ phận cấu thành của các âm tiết đồng thời là từ.

**Từ khóa:** Phương vị, tiếng Hán, tiếng Việt

**72. Thành ngữ chứa từ “boдa”, “3emдя” trong tiếng Nga và từ “nước”, “đất” trong tiếng Việt xét trên bình diện ngôn ngữ - văn hóa học/** Đoàn Thục Anh// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 6A(354) .- Tr. 80-86.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu về các đặc điểm của thành ngữ chứa từ “boдa”, “3emдя” trong tiếng Nga và “nước”, “đất” trong tiếng Việt từ góc độ ngôn ngữ - văn học hóa. Nghiên cứu sử dụng phương pháp so sánh, đối chiếu, phân tích thành tố ngữ nghĩa, mô tả và thống kê khi tiến hành xem xét một cách tổng thể các nét đặc trưng về ngôn ngữ, văn hóa trong các thành ngữ Nga – Việt chứa từ “boдa” - “nước”, “3emдя” - “đất”.

**Từ khóa:** Thành ngữ, ngôn ngữ văn hóa học, boдa, 3emдя, đất, nước

**73. Thực trạng chuyển dịch thuật ngữ luật tố tụng hình sự Anh – Việt/** Nguyễn Viết Dũng// Ngôn ngữ.- 2024 .- số 4(402) .- Tr. 33-40.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng chuyển dịch thuật ngữ luật tố tụng hình sự Anh – Việt. Dịch thuật là quy trình chuyển dịch, thay thế một văn bản trong ngôn ngữ nguồn bằng một văn bản trong ngôn ngữ đích trên cơ sở xem xét đến các yếu tố ngôn ngữ, điều kiện ngữ dụng, văn bản và phong cách ở phía người tiếp nhận.

**Từ khóa:** Thuật ngữ, chuyển dịch thuật ngữ, luật tố tụng hình sự, Anh, Việt

**74. Tiếp thu kết cấu vận động trong tiếng Việt: Trường hợp sinh viên Hàn Quốc và sinh viên Trung Quốc/** Chu Phong Lan// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 6A(354) .- Tr. 97-104.

**Nội dung**: Nghiên cứu và chỉ ra sự ảnh hưởng của các yếu tố ngôn ngữ đến quá trình tiếp thu kết cấu vận động trong tiếng Việt. Từ đó có thể nhận thức sâu sắc hơn, sự tương đồng và khác biệt về loại hình ngôn ngữ giữa ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích đưa đến những thuận lợi và khó khăn gì cho người nước ngoài học tiếng Việt.

**Từ khóa:** Tiếng Việt, tiếng Hàn, tiếng Việt cho người Trung Quốc, tiếng Việt cho người Hàn, thành tố hướng

**75. Tìm hiểu một số lỗi ngứ pháp tiếng Việt của sinh viên Trung Quốc qua các bài viết luận/** Lưu Huyền Trang// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 6A(354) .- Tr. 141-149.

**Nội dung**: Tìm hiểu lỗi ngữ pháp của các sinh viên Trung Quốc thông qua việc tiến hành khảo sát các bài viết luận của 60 sinh viên Trung Quốc trình độ trung cấp đang học tập tại Khoa Việt Nam học – Trường Đại học Hà Nội. Từ đó tiến hành phân tích, tìm nguyên nhân của những khó khăn và xây dựng giải pháp giúp sinh viên có thể lĩnh hội tiếng Việt một cách hiệu quả hơn.

**Từ khóa:** Ngữ pháp, tiếng Việt, tiếng Trung Quốc, phân tích lỗi, lỗi ngữ pháp

**76. Tính liên kết, mạch lạc trong diễn ngôn quảng cáo tiếng Việt/** Lương Bá Phương// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 5(353) .- Tr. 23-32.

**Nội dung**: Phân tích các đặc trưng liên kết, mạch lạc trong các quảng cáo cụ thể trên các phương tiện thông tin truyền thông đại chúng để thấy được vai trò của các phương thức kết nối này trong các diễn ngôn quảng cáo và đóng góp của các phương tiện này trong thành công của các chiến lược quảng cáo cũng như giúp người học ngôn ngữ nắm bắt được cách sử dụng ngôn từ, cấu trúc ngôn từ, từ vựng và ngữ pháp một cách hiệu quả trong quá trình tiếp thu kiến thức ngôn ngữ.

**Từ khóa:** Diễn ngôn, phân tích diễn ngôn, diễn ngôn quảng cáo, diễn ngôn phê phán

**77. Từ chuyên loại tuyệt đối trong tiếng Việt và tiếng Anh/** Võ Thị Ngọc Ân// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2024 .- số 6A(354) .- Tr. 61-70.

**Nội dung**: Trình bày về hiện tượng chuyển loại tuyệt đối của từ trong tiếng Việt và tiếng Anh, cho thấy các kiểu chuyển loại cũng như những tương đồng và dị biệt của từ chuyển loại giữa hai ngôn ngữ này. Việc này giúp gia tăng vốn từ vựng cho người học, tăng cường kĩ năng phân tích ngữ nghĩa – từ vựng, ngữ nghĩa – cú pháp trong quá trình học tập, giảng dạy tiếng Việt và tiếng Anh như một ngoại ngữ.

**Từ khóa:** Chuyển loại tuyệt đối, từ chuyển loại, ngữ nghĩa, từ vựng, cú pháp

**78. Ứng dụng phương pháp chiết tự trong giảng dạy chữ Hán cho sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc ở Việt Nam/** Nguyễn Thị Thu Trang// Ngôn ngữ.- 2024 .- số 3(401) .- Tr. 32-43.

**Nội dung**: Nghiên cứu về ứng dụng phương pháp chiết tự trong giảng dạy chữ Hán cho sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc ở Việt Nam. Bài viết này sẽ đưa ra một số ý kiến cần chú ý trong quá trình áp dụng phương pháp chiết tự trong giảng dạy chữ Hán và tiếng Hàn, nhằm nâng cao chất lượng dạy học tiếng Hán cho sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc tại Việt Nam

**Từ khóa:** Phương pháp chiết tự, chữ Hán, ngôn ngữ Trung Quốc

**79. Uyển ngữ trong tiếng Nhật**/ Huỳnh Thanh Long, Trần Văn Tiếng// Khoa học HUFLIT .- 2023 .- Tập 8(Số 1) .- Tr. 62-69.

**Nội dung**: Uyển ngữ (euphemism) là một hiện tượng thú vị trong ngôn ngữ; chúng được hình thành trong hoạt động nói năng, mang yếu tố văn hoá, tâm lý xã hội. Uyển ngữ là những từ ngữ được dùng để thay thế cho những từ ngữ có nghĩa tiêu cực, không nhã, có thể xúc phạm hoặc làm mất thể diện của người nghe. Uyển ngữ làm phong phú thêm các đơn vị trong hệ thống ngôn ngữ và đa dạng trong cách biểu đạt ngôn từ. Nghiên cứu này mô tả, phân tích và giải thích những nguyên nhân hình thành nên các uyển ngữ trong tiếng Nhật, đồng thời nêu ra những cách biểu đạt ý nghĩa của uyển ngữ trong những tình huống giao tiếp bằng ngôn bản hay văn bản.

**Từ khóa**: Uyển ngữ, từ ngữ kiêng kị, tiếng Nhật, giao tiếp ngôn ngữ

**80. ベトナム人日本語学習者に対する音声学の試み―正の転移を使ったfootリズム教授－**/ 坂田恒// Khoa học HUFLIT .- 2023 .- Tập 8(Số 1) .- Tr. 13-18.

**Nội dung**: Bài báo tập trung vào việc phân tích chuyển di ngôn ngữ tích cực và nhịp điệu trong tiếng Nhật và tiếng Việt, từ đó giới thiệu phương pháp giảng dạy ngữ âm tiếng Nhật phù hợp cho người Việt Nam học tiếng Nhật.

**Từ khóa**: Giảng dạy tiếng Nhật, nhịp điệu, chuyển di ngôn ngữ, âm tiết

**81. 베트남인 학습자를 위한 한국어 연결어미 ‘-은데/는데’ 교육 방안 연구**/ Hoàng Nguyên Phương, Huỳnh Mỹ Nhật// Khoa học HUFLIT .- 2023 .- Tập 8(Số 2) .- Tr. 39-54.

**Nội dung**: 본 연구는 초급 단계 한국어 베트남인 학습자를 위한 연결어미 ‘-은데/는데’를 정확하게 사용할 수 있는 제안을 제시하는 것을 목적으로 한다. 먼저 선행 연구들을 통해 연결어미 ‘-은데/는데’의 의미와 기능, 제약 등을 체계적으로 다시 정리하였다. 연결어미 ‘-은데/는데’가 갖는 기능과 의미가 다양하며 여러 유형의 상황에서 사용됨으로 한국어 학습자들이 그 기능과 의미들을 제대로 이해하지 못해 활용 중 여러 오류가 생기는 것이 자주 보인다. 그러므로 초급 단계 한국어 베트남인 학습자를 대상으로 설문조사를 진행하였다. 설문조사의 결과를 분석한 후 학습자가 ‘-은데/는데’에 대한 오류를 해소할 수 있게 하기 위해 적절한 교육방안을 제시하였다.

**Từ khóa**: 연경어미‘-은데/는데’, 교수법제안

**KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

**1. Tích hợp công nghệ vào phương pháp dạy học Toán học ở trường đại học: Thách thức và cơ hội**/ Đặng Việt Chung, Bùi Văn Minh// Quản lý giáo dục .- 2024 .- Số 4 .- Tr. 123-129.

**Nội dung:** Nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của công nghệ trong tạo ra môi trường học tập tích cực và tương tác giữa giáo viên và sinh viên. Nó cũng đề cập đến cơ hội mà công nghệ mang lại trong việc truy cập vào tài nguyên giáo dục đa dạng và phong phú, thúc đẩy sự sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề của sinh viên. Để giải quyết những thách thức này, nghiên cứu đề xuất các chiến lược như đào tạo liên tục cho giáo viên, nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ và tạo điều kiện cho việc chia sẻ kinh nghiệm giữa giáo viên và sinh viên.

**Từ khóa**: Tích hợp công nghệ, dạy học, toán học, trường đại học, thách thức, cơ hội

**2. Ứng dụng Số phức giải toán chứng minh trong Hình học phẳng**/ Hoàng Thúy Sinh, Dương Hồng Huệ// Khoa học giáo dục Việt Nam .- 2024 .- Số 4 .- Tr. 45-48.

**Nội dung**: Bằng cách biểu diễn tọa độ của các điểm trong Hình học phẳng thông qua Số phức, có thể biểu diễn các điều kiện của đề bài hình học và các kết luận hình học về dạng các đẳng thức đại số. Như vậy, các bài toán chứng minh Hình học có thể đưa về việc kiểm tra một hằng đẳng thức.

**Từ khóa:** Số phức, hình học phẳng, bài toán, kiểm tra

**3. Sử dụng mô hình học sâu dự đoán hàm lượng vi chất của thực phẩm sau chế biến**/ Nguyễn Hoàng Vũ, Đào Ngọc Bích, Trần Thanh Hương, Phạm Minh Triển// Khoa học & Công nghệ B .- 2024 .- Số 66(6) .- Tr. 01-08.

**Nội dung**: Thực tế, việc thu thập thông tin vi lượng của thực phẩm trước và sau chế biến đặt ra nhiều thách thức do sự biến đổi sinh học, sự tương tác của các thành phần trong món ăn. Cách tiếp cận hiện nay là thu thập dữ liệu từng thành phần dinh dưỡng trước và sau khi chế biến. Sau đó, các mô hình học máy thông thường sẽ sử dụng dữ liệu này để đưa ra kết quả dự báo tốt nhưng độ ổn định còn hạn chế. Do đó, nghiên cứu này đề xuất sử dụng mô hình học sâu để huấn luyện trên bộ dữ liệu với 27 thành phần dinh dưỡng thay đổi qua hai quá trình chế biến nhiệt ẩm (luộc) và nhiệt khô (chiên) trích xuất từ bộ dữ liệu tham chiếu tiêu chuẩn của Hoa Kỳ.

**Từ khóa:** Chế biến thực phẩm, chất dinh dưỡng, học sâu, mô hình dự đoán

**4. Tổng hợp copolyme cấu trúc liên hợp poly(3-hexylthiophene-random-benzoyl dithieno[3,2-b:2’,3’-d]pyrrole) bằng phương pháp điện hóa**/ Hoàng Duy Minh, Trần Lê Hải, Nguyễn Quốc Việt, Trần Đức Châu, Lưu Hoàng Tâm, Trương Thu Thủy, Nguyễn Trần Hà// Khoa học & Công nghệ B .- 2024 .- Số 66(6) .- Tr. 20-25.

**Nội dung**: Tổng hợp copolyme bằng phương pháp điện hóa của benzoyl dithieno[3,2-b:2’,3’-d]pyrrole và 3-hexylthiophene (3HT), hứa hẹn sẽ tạo ra một dạng polyme mới có mức năng lượng HOMO và LUMO cải tiến phù hợp với mức năng lượng HOMO và LUMO của hợp chất nhận điện tử như là Fullerene (C60), hoặc các chất nhận điện tử hữu cơ thế hệ mới trong cấu trúc dị thể của pin mặt trời hữu cơ. Tổng hợp điện hóa copolyme (3-hexylthiophene-random-benzoyl dithieno[3,2-b:2’,3’-d]pyrrole bằng phương pháp quét thế tuyến tính đã được nghiên cứu và ứng dụng cho tổng hợp copolyme dẫn điện sử dụng cực điện hóa, bao gồm điện cực làm việc là tấm đế ITO (kính phủ oxit thiếc indi), điện cực so sánh Ag/AgCl trong KCl bão hòa và điện cực đếm platinum. Copolyme tổng hợp được phân tích và đánh giá thông qua phép đo điện hóa, quang phổ hồng ngoại biến đổi Fourier (FT-IR), kính hiển vi điện tử quét (SEM) và quang phổ tử ngoại khả kiến (UV-Vis). Copolyme tổng hợp có mức bandgap 2,09 eV và mức năng lượng HOMO, LUMO lần lượt là -5,21 và -3,12 eV. Mức năng lượng HOMO - LUMO của copolyme bán dẫn phù hợp với mức năng lượng của hợp chất nhận điện tử Fullerene, vì vậy copolyme dẫn điện phù hợp cho ứng dụng chế tạo pin mặt trời hữu cơ với cấu trúc dị thể.

**Từ khóa:** Copolyme, điện trùng hợp, pin mặt trời, polyme dẫn điện

**5. Cấu trúc nano xốp trật tự 3 chiều CdS/ZnO cho hiệu suất cao trong ứng dụng quang điện hóa tách nước**/ Hoàng Nhật Hiếu, Nguyễn Ngọc Khoa Trường, Nguyễn Văn Nghĩa, Nguyễn Lệ Hiền, Đỗ Tiến Quang, Đặng Xuân Kỳ// Khoa học & Công nghệ B .- 2024 .- Số 66(6) .- Tr. 45-50.

**Nội dung**: Trong nghiên cứu này, cấu trúc CdS/ZnO xốp trật tự 3 chiều được chế tạo theo phương pháp khuôn cứng: Đầu tiên những quả cầu polystyrene (PS) được lắng đọng trên đế dẫn ITO (oxit thiếc indi), sau đó vật liệu ZnO được điền đầy vào những khe hở giữa những hạt cầu sử dụng phương pháp lắng đọng điện hóa, tiếp theo các hạt cầu PS được loại bỏ bởi nhiệt độ tại 500oC để hình thành cấu trúc xốp trật tự 2 chiều. Cuối cùng, các hạt nano CdS được lắng đọng trên bề mặt của ZnO theo phương pháp hóa ướt để hình thành cấu trúc CdS/ZnO xốp trật tự 3 chiều. Thuộc tính quang điện hóa tách nước của những cấu trúc chế tạo được nghiên cứu và so sánh một cách có hệ thống.

**Từ khóa:** Cấu trúc xốp CdS/ZnO, năng lượng H2, quang điện hóa tách nước

**6. Định lý kiểu Liouville cho bất phương trình elliptic suy biến = Liouville type theorem for a degenerate elliptic inequality**/ Phan Quốc Hưng// Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2024 .- Số 03(64) .- Tr. 20-24.

**Nội dung:** Đưa ra một cách tiếp cận mới để chứng minh định lí kiểu Liouville khi p ≤ 1.

**Từ khóa**: Định lí kiểu Liouville, toán tử Grushin, bất phương trình elliptic suy biến

**7. Sàng lọc và dự đoán các chất nguồn gốc thiên nhiên tiềm năng ức chế enzyme polysaccharide monooxygenase bằng các công cụ tính toán = Screening and predicting potential natural inhibitors of polysaccharide monooxygenase using computational tools**/ Nguyễn Minh Hùng, Vũ Văn Vân// Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2024 .- Số 03(64) .- Tr. 25-31.

**Nội dung**: Sử dụng các công cụ tính toán để sàng lọc các hợp chất thiên nhiên ức chế enzyme PMO MGG\_06069 (AA9) từ cơ sở dữ liệu Vietherbs của hơn 4600 các hợp chất thiên nhiên khác nhau. Kết quả mô phỏng động lực học phân tử và mô phỏng docking phân tử cho thấy có 41873 cấu hình docking với AA9, trong đó có 03 hợp chất (Pubchem ID 164630, 5322012, và 6325833) tạo ái lực liên kết mạnh nhất với AA9.

**Từ khóa**: Magnaporthe oryzae, bệnh đạo ôn, enzyme PMO, mô phỏng, docking

**KHOA HỌC SỨC KHỎE**

**1. Acute and sub-chronic toxicities of phatra tricholes capsule in experimental animals**/ Tran Thanh Tung, Nguyen Thanh Binh, Dang Thi Thu Hien// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Vol 177(4E) .- P. 115-123.

**Nội dung:** Phatra Tricholes capsule is a multiplant production planned for dyslipidemia patients. Herein, we assessed the potential toxicity of Phatra Tricholes, applying the protocol of acute and sub-chronic oral administration in experimental animal models. According to the WHO guidelines, the acute toxicity study was conducted on Swiss mice.

**Từ khóa**: Phatra Tricholes, acute toxicity, sub-chronic toxicity, experimental animals

**2. Ảnh hưởng của vận chuyển khí nén tới chỉ số huyết tán của bệnh phẩm máu tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội**/ Nguyễn Thị Ngọc Lan, Hà Thị Phương Dung, Nguyễn Đức Tuấn// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 24-30.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát ảnh hưởng của vận chuyển khí nén tới chỉ số huyết tán của bệnh phẩm máu tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. Nghiên cứu là nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 1663 mẫu bệnh phẩm máu được chống đông bằng Heparin.

**Từ khóa**: Vận chuyển khí nén, Serum Indices, vỡ hồng cầu

**3. Áp dụng tiêu chuẩn Yamaguchi trong chẩn đoán sớm viêm khớp thiếu niên tự phát thể hệ thống: Báo cáo ca bệnh**/ Lê Khánh Minh, Nguyễn Thị Diệu Thuý, Nguyễn Thị Thanh Mai, Ngô Thị Huyền Trang, Lương Thị Liên, Trần Duy Mạnh, Phạm Văn Dương, Nguyễn Thị Dung, Trần Vân Anh, Nguyễn Thị Hà// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 349-356.

**Nội dung**: Viêm khớp thiếu niên tự phát thể hệ thống (Systemic Juvenile Idiopathic Arthritis-sJIA) là một bệnh tự viêm hiếm gặp ở trẻ em, với các triệu chứng sốt, viêm khớp và ít nhất một trong các biểu hiện sau: phát ban, nổi hạch toàn thân, gan to và/hoặc lách to, và viêm thanh mạc. Tuy nhiên, các triệu chứng lâm sàng ban đầu thường không đặc hiệu, dễ nhầm lẫn với các tình trạng bệnh lý khác. Tiêu chuẩn chẩn đoán sJIA của Hiệp hội Thấp khớp học Quốc tế năm 2001 đang được sử dụng hiện nay còn nhiều hạn chế trong chẩn đoán các ca bệnh không điển hình do đó gần đây, tiêu chuẩn Yamaguchi đã được áp dụng để chẩn đoán sớm sJIA. Chúng tôi báo cáo một trường hợp bệnh nhân 14 tuổi với biểu hiện sốt kéo dài kèm tổn thương ban da điển hình. Bệnh nhân được loại trừ các căn nguyên gây sốt khác và đủ tiêu chuẩn chẩn đoán sJIA theo tiêu chuẩn Yamaguchi.

**Từ khóa**: Viêm khớp, tiêu chuẩn Yamaguchi, chẩn đoán sớm, khớp học nhi khoa

**4. Assessment of mobility and related factors among older patients with osteoporosis**/ Tran Viet Luc, Nguyen Thi Thu Huong, Nguyen Trung Anh// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Vol 177(4E) .- P. 24-31.

**Nội dung**: This cross-sectional study was conducted to assess mobility and related factors among older people with osteoporosis treated at the National Geriatric Hospital. Mobility was assessed using the Time Up and Go test (TUG test).

**Từ khóa**: Mobility, elderly, osteoporosis

**5. Báo cáo ca bệnh: Chẩn đoán trước sinh biến thể gen ALPL gây bệnh giảm phosphat máu ở thai nhi có bất thường hệ xương**/ Đào Thị Trang, Lương Thị Lan Anh, Tăng Xuân Hải, Trần Anh Tú, Nguyễn Xuân Chung, Ngô Văn Cảnh, Đinh Thị Quỳnh, Nguyễn Thị Hảo// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 231-238.

**Nội dung**: Xét nghiệm khí máu động mạch được chỉ định thường quy ở những bệnh nhân (BN) nặng, được điều trị tại các Khoa Hồi sức tích cực và cấp cứu. Tuy nhiên, khí máu động mạch là kỹ thuật lấy mẫu xâm lấn, khó lấy và thậm chí gây một số biến chứng cho bệnh nhân. Ngược lại, khí máu tĩnh mạch lấy mẫu đơn giản hơn và ít gây biến chứng. Mục tiêu của nghiên cứu là phân tích mức độ tương quan và sự tương đồng giữa giá trị khí máu động mạch và giá trị ước tính từ khí máu tĩnh mạch (sau đây gọi là UT) dựa trên một công thức cụ thể, áp dụng trên cùng một nhóm bệnh nhân tại một thời điểm. Nghiên cứu mô tả, trên 74 bệnh nhân có chỉ định khí máu động mạch tại Khoa Hồi sức tích cực.

**Từ khóa**: Hypophosphatasia, gen ALPL, di truyền lặn, bất thường hệ xương, chẩn đoán trước sinh, rối loạn di truyền

**6. Báo cáo ca lâm sàng sử dụng hai ống thông và dụng cụ bảo vệ huyết khối trong can thiệp tổn thương mạch vành phức tạp ở bệnh nhân nhồi máu cơ tim cấp có ST chênh lên**/ Hoàng Văn// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 341-348.

**Nội dung**: Việc kiểm soát huyết khối trong can thiệp mạch vành cho bệnh nhân nhồi máu cơ tim cấp có ST chênh lên đòi hỏi phải sử dụng linh hoạt và hợp lý các thiết bị khác nhau. Sử dụng hai ống thông (kỹ thuật ping-pong) đã được báo cáo trong việc kiểm soát các biến chứng cũng như can thiệp đối với các tổn thương chia nhánh. Ở đây, chúng tôi mô tả một trường hợp nam 77 tuổi nhập viện vì nhồi máu cơ tim cấp ST chênh lên có biến chứng sốc tim. Chụp động mạch vành cho thấy tắc nghẽn hoàn toàn cấp tính của động mạch liên thất trước do huyết khối, tắc nghẽn hoàn toàn mãn tính của động mạch vành phải, hẹp mức độ vừa đoạn xa thân chung động mạch vành trái và tổn thương ở lỗ của động mạch vành mũ. Hai stent phủ thuốc đã được triển khai thành công bằng kỹ thuật DK-Crush với sự hỗ trợ của thiết bị bảo vệ huyết khối đoạn xa và hai ống thông can thiệp. Trường hợp lâm sàng này minh họa rõ tầm quan trọng của việc sử dụng linh hoạt, phối hợp các dụng cụ khác nhau trong quá trình tái thông động mạch vành nhằm tối ưu hóa thủ thuật và đảm bảo an toàn cho người bệnh.

**Từ khóa**: Nhồi máu cơ tim cấp, Dụng cụ bảo vệ huyết khối đoạn xa, Ping-pong guiding catheter, DK-crush

**7. Báo cáo ca lâm sàng tổn thương não cấp sau chụp động mạch vành qua da**/ Hoàng Văn// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 82-87.

**Nội dung**: Trong bài cáo cáo ca lâm sàng này, chúng tôi mô tả một trường hợp có biến chứng thần kinh ngay sau thủ thuật chụp động mạch vành qua da. Do chưa đủ bằng chứng rõ ràng, chúng tôi không thể đưa ra chẩn đoán xác định nguyên nhân của biến chứng thần kinh trong trường hợp này.

**Từ khóa**: Biến chứng thần kinh, tắc mạch khí, bệnh não do thuốc cản quang

**8. Biến thể gen FSHR và kết quả kích thích nhẹ buồng trứng ở bệnh nhân Poseidon nhóm 3 và 4**/ Hoàng Thị Thanh Thủy, Trịnh Thế Sơn, Nguyễn Việt Quang, Hồ Nguyệt Minh , Nguyễn Phương Trâm, Ngô Thị Ngân, Nguyễn Thúy Hằng, Hồ Sỹ Hùng// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 95-103.

**Nội dung**: Nghiên cứu can thiệp tiến cứu thực hiện trên 60 bệnh nhân đáp ứng buồng trứng kém Poseidon 3, 4, được kích thích buồng trứng nhẹ và xét nghiệm biến thể gen FSHR Rs6165, Rs6166 nhằm đánh giá kết quả kích thích buồng trứng. Kết quả cho thấy tần suất xuất hiện gen GG của biến thể Rs6165 là 10%, Rs6166 là 8,3%.

**Từ khóa**: Phụ sản, poseidon 3, 4, , kích thích buồng trứng nhẹ, biến thể gen FSHR, rs6165, rs6166

**9. Bronchopulmonary dysplasia in extremely preterm infants: Prevalence and related factors**/ Nguyen Thi Van, Tran Dieu Linh, Le Minh Trac// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Vol 177(4E) .- P. 91-97.

**Nội dung**: Infants born extremely preterm are defined as a birth under 28 weeks gestational age. Bronchopulmonary dysplasia (BPD) is the most common lung complication in this population and manyfactors can contribute to the development of BPD. The objective of this study was to identify the prevalence of BPD and to analyse the related factors of BPD in extremely preterm infants. Seventy two infants who met the inclusion criteria were included in the study. BPD was diagnosed according to Jobe and Bancalari definition. The prevalence of BPD was 79.2%. There was an inverse relationship between the percentage of BPD, the severity of BPD and the gestational age and birth weight. Invasive ventilation requirement of more than 7 days was the independent factor of BPD.

**Từ khóa**: Bronchopulmonary dysplasia, extremely preterm infants, related factors

**10. Bước đầu đánh giá kết quả của can thiệp đa yếu tố trên chức năng thể chất của người bệnh mắc sa sút trí tuệ tại viện dưỡng lão**/ Nguyễn Xuân Thanh, Đỗ Đức Huy, Trần Viết Lực, Nguyễn Trung Anh// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 170-178.

**Nội dung**: Mục tiêu nghiên cứu nhằm đánh kết quả của can thiệp đa yếu tố (thể chất, nhận thức, theo dõi và quản lý chuyên sâu các yếu tố nguy cơ chuyển hóa và mạch máu) trên chức năng thể chất của người bệnh mắc sa sút trí tuệ tại một số Viện dưỡng lão. Nghiên cứu thử nghiệm can thiệp ngẫu nhiên có nhóm chứng trên 60 người bệnh từ 60 tuổi trở lên, được chẩn đoán sa sút trí tuệ mức độ nhẹ - trung bình theo tiêu chuẩn DSM V. Chức năng thể chất được đánh giá bằng trắc nghiệm đo cơ lực và trắc nghiệm 30 giây.

**Từ khóa**: Can thiệp đa yếu tố, sa sút trí tuệ, chức năng thể chất, viện dưỡng lão, người cao tuổi

**11. Các tiếp cận quản lý danh sách người bệnh chờ ghép thận**/ Hoàng Giang, Trịnh Hồng Sơn, Phạm Việt Cường// Khoa học và Công nghệ Việt Nam B .- 2024 .- Tập 66, số 5 .- Tr. 34-39.

**Nội dung**: Mô tả tổng quan hoạt động quản lý danh sách người bệnh chờ ghép thận (NBCGT) trên thế giới và đề xuất mô hình quản lý danh sách NBCGT tại Việt Nam. Tiếp cận tổng quan tài liệu và phân tích những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong công tác quản lý danh sách NBCGT.

**Từ khóa**: Ghép thận, danh sách chờ, người bệnh, quản lý

**12. Các yếu tố liên quan đến tỷ lệ tái nhập viện trong 30 ngày ở bệnh nhân đột quỵ não cấp tại Cần Thơ năm 2022**/ Phạm Kiều Anh Thơ, Phạm Văn Phương, Lê Văn Minh, Nguyễn Thanh Tân// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 188-197.

**Nội dung**: Tỷ lệ tái nhập viện trong 30 ngày được sử dụng như một chỉ số đánh giá chất lượng và hiệu quả điều trị đột quỵ não cấp của bệnh viện. Nghiên cứu này với mục tiêu xác định tỷ lệ tái nhập viện sau 30 ngày và một số yếu tố liên quan tỷ lệ tái nhập viện sau 30 ngày ở bệnh nhân đột quỵ tại Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ. Qua phân tích 224 đột quỵ não cấp ghi nhận.

**Từ khóa**: Tái nhập viện, 30 ngày, đột quỵ não cấp, Cần Thơ

**13. Căng thẳng học tập, chất lượng giấc ngủ ở học sinh THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu, thành phố Long Xuyên, An Giang và các yếu tố liên quan**/ Nguyễn Huỳnh Thùy Trang, Lê Trường Vĩnh Phúc, Huỳnh Hồ Ngọc Quỳnh// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 286-295.

**Nội dung**: Nghiên cứu cắt ngang nhằm xác định tỉ lệ học sinh THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu, thành phố Long Xuyên, An Giang có căng thẳng học tập trung bình - nặng, chất lượng giấc ngủ kém và các yếu tố liên quan. 447 học sinh trường THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu, TP. Long Xuyên, An Giang được chọn tham gia nghiên cứu. Tình trạng căng thẳng học tập được xác định bằng thang đo ESSA và chất lượng giấc ngủ được đánh giá bằng thang đo PSQI.

**Từ khóa**: Căng thẳng học tập, chất lượng giấc ngủ, học sinh THPT, ESSA, PSQI, sức khỏe cộng đồng

**14. Clinical outcomes and risk factors for mortality in diabetic patients with staphylococcus aureus pneumonia: A case-control study**/ Vo Pham Minh Thu, Nguyen Thuy Quyen, Tran Cong Dang, Nguyen The Bao// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Vol 177(4E) .- P. 196-203.

**Nội dung:** The study was conducted to investigate the clinical outcomes and mortality risk factors related to Staphylococcus aureus pneumonia in patients with and without diabetes mellitus (DM). This was a case-control study on 118 patients with S. aureus pneumonia hospitalized between April 2021 and May 2023.

**Từ khóa**: Staphylococcus aureus, pneumonia, diabetic mellitus, mortality

**15. Clinical, subclinical characteristics and treatment outcomes of patients with community - acquired pneumonia at risk of pes infection**/ Dang Duy Thanh, Cao Thi My Thuy, Nguyen Thi Hong Tran, Truong Thi Nhu Hao, Vo Nhat Khoa, Nguyen Vu Hien, Nguyen The Bao// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Vol 177(4E) .- P. 48-56.

**Nội dung**: This study aims to describe the clinical and subclinical characteristics and evaluate treatment outcomes of community-acquired pneumonia (CAP) patients at risk of Pseudomonas aeruginosa, extended-spectrum beta-lactamases-producing Enterobacteriaceae, methicillin-resistant Staphylococcus aureus (PES) infection. A cross-sectional descriptive study was conducted on 90 CAP patients with potential PES infection admitted to the Respiratory Department of Can Tho Central General Hospital in 2023.

**Từ khóa**: Community-Acquired Pneumonia, Pseudomonas aeruginosa, Extended-spectrum beta-lactamases- producing Enterobacteriaceae, methicillin-resistant Staphylococcus aureus

**16. Đặc điểm chất lượng giấc ngủ ở sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng trong năm học 2023 - 2024**/ Nguyễn Tuấn Anh, Dương Quý Sỹ, Đào Xuân Vinh// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 276-285.

**Nội dung**: Chất lượng giấc ngủ kém là tình trạng phổ biến trong số sinh viên và có liên quan đến tình trạng sức khỏe, hiệu suất học tập giảm đi. Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 492 sinh viên trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng từ tháng 1 đến tháng 3/2024 với mục tiêu nghiên cứu đánh giá chất lượng giấc ngủ của sinh viên trường. Thu thập số liệu thông qua bộ câu hỏi PSQI bằng hình thức trả lời phát vấn. Xử lý phân tích số liệu bằng phần mềm STATA 17.0.

**Từ khóa**: Rối loạn giấc ngủ, chất lượng giấc ngủ, PSQI, sinh viên

**17. Đặc điểm của khối huyết tương giàu tiểu cầu trong điều trị bệnh lý khớp tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội**/ Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Đức Tuấn, Đỗ Thị Huyền Trang// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 16-23.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá đặc điểm thành phần tế bào và tính an toàn của khối huyết tương giàu tiểu cầu (PRP) trong điều trị bệnh lý cơ xương khớp tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. Nghiên cứu là nghiên cứu mô tả tiến cứu trên 31 đối tượng nghiên cứu.

**Từ khóa**: Huyết tương giàu tiểu cầu, tính an toàn, TDKMM

**18. Đặc điểm kháng kháng sinh của các vi khuẩn gây nhiễm khuẩn huyết thường gặp tại Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Trung ương năm 2022 - 2023**/ Trần Văn Giang, Nguyễn Quốc Phương// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 419-428.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện nhằm mô tả đặc điểm kháng kháng sinh của các vi khuẩn gây nhiễm khuẩn huyết thường gặp tại Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương, từ 1/2022 đến 12/2023. Có 117 bệnh nhân được chẩn đoán là nhiễm khuẩn huyết và xác định được căn nguyên vi khuẩn trong thời gian nghiên cứu.

**Từ khóa**: Vi khuẩn, nhiễm khuẩn huyết, kháng kháng sinh

**19. Đặc điểm lâm sàng và miễn dịch của bệnh Lupus ban đỏ hệ thống ở trẻ em theo tiêu chuẩn EULAR/ACR 2019**/ Mai Thành Công, Tạ Minh Quang, Phạm Thị Thảo, Trần Thị Oanh, Nguyễn Thị Thúy Liên, Phạm Văn Đếm, Nguyễn Thành Nam// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 134-142.

**Nội dung**: Tiêu chuẩn phân loại của EULAR/ACR 2019 là tiêu chuẩn phân loại mới cho lupus ban đỏ hệ thống với ngưỡng ≥ 10 điểm. Nghiên cứu cắt ngang trên 83 trẻ được chẩn đoán lupus ban đỏ hệ thống mới tại Trung tâm Nhi khoa, Bệnh viện Bạch Mai nhằm mô tả đặc điểm lâm sàng và miễn dịch của bệnh theo tiêu chuẩn EULAR/ACR 2019.

**Từ khóa**: Lâm sàng, miễn dịch, lupus, trẻ em, EULAR/ACR 2019

**20. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của răng cối sữa ở trẻ em từ 4 - 8 tuổi có chỉ định phục hồi thân răng bằng chụp Bioflx tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt Thành phố Hồ Chí Minh**/ Bùi Trung Tín, Nguyễn Minh Tuấn, Vũ Quốc Vương, Võ Trương Như Ngọc, Nguyễn Thị Mai Phương// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 88-94.

**Nội dung**: Một nghiên cứu cắt ngang được tiến hành trên 48 răng của 23 trẻ nhằm khảo sát các đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của những răng cối sữa ở trẻ em từ 4 - 8 tuổi có chỉ định phục hồi thân răng bằng chụp Bioflx tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 10/2023 đến tháng 3/2024.

**Từ khóa**: Sâu răng sữa, răng cối sữa, trẻ em, chụp Bioflx, nha khoa

**21. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và căn nguyên vi khuẩn gây viêm phổi thùy ở trẻ em tại Khoa Nội Nhi tổng hợp, Bệnh viện E**/ Đào Thúy Quỳnh, Trương Văn Quý , Nguyễn Thị Hường, Lê Văn Mạnh, Chu Thị Thanh Hoa// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 80-88.

**Nội dung**: Viêm phổi thùy là bệnh lý khá thường gặp ở trẻ em và có thể gây ra các biến chứng nặng nếu không được phát hiện và điều trị sớm. Nghiên cứu mô tả tiến cứu trên 125 bệnh nhân từ 2 tháng đến 15 tuổi chẩn đoán viêm phổi thùy điều trị nội trú tại Khoa Nội Nhi Tổng hợp Bệnh viện E.

**Từ khóa**: Viêm phổi, viêm phổi thùy, trẻ em

**22. Đặc điểm lâm sàng, vi sinh của nhiễm khuẩn huyết do Staphylococcus aureus ở trẻ em tại Bệnh viện Nhi Trung ương**/ Nguyễn Thị Hà, Tạ Anh Tuấn, Phạm Hồng Nhung// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 52-60.

**Nội dung**: Nhiễm khuẩn huyết do Staphylococcus aureus là một trong các bệnh nhiễm trùng thường gặp và quan trọng ở trẻ em. Panton -Valentine Leukocidin (PVL) là độc tố của Staphylococcus aureus có khả năng gây hoại tử mô và phá huỷ bạch cầu, đóng vai trò quan trọng trong cơ chế bệnh sinh và làm giảm đáng kể hiệu quả điều trị nhiễm khuẩn huyết ở trẻ em. Chúng tôi tiến hành nghiên cứu trên 145 trẻ được chẩn đoán nhiễm khuẩn huyết do Staphylococcus aureus tại Bệnh viện Nhi Trung ương từ tháng 09/2022 tới tháng 09/2023 bằng phương pháp mô tả tiến cứu loạt ca bệnh với mục tiêu: mô tả đặc điểm lâm sàng, kháng sinh đồ và xác định tỷ lệ chủng Staphylococcus aureus mang gen pvl gây nhiễm khuẩn huyết trẻ em.

**Từ khóa**: Nhiễm khuẩn huyết, Trẻ em, Staphylococcus aureus

**23. Đặc điểm mẫu máu cuống rốn thu thập tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội từ 2021 - 2023**/ Tưởng Thị Vân Thùy, Nguyễn Mạnh Trí, Đào Văn Toán, Trần Thị Nguyệt, Nguyễn Trọng Phúc, Trần Ngọc Quế, Nguyễn Bá Khanh, Nguyễn Hà Thanh, Nguyễn Văn Hoàng, Nguyễn Văn Long, Trương Thị Thu Huyền// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 31-43.

**Nội dung**: Máu cuống rốn (MCR) là nguồn tế bào gốc giá trị cho y học tái tạo. Việc thu thập máu cuống rốn luôn có nguy cơ thể tích thấp và nhiễm nấm khuẩn, ảnh hưởng khả năng sử dụng sau này. Nghiên cứu được thực hiện nhằm mô tả đặc điểm mẫu máu cuống rốn được thu thập tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội. Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 434 mẫu máu cuống rốn thu thập theo yêu cầu từ tháng 10/2021 đến tháng 6/2023.

**Từ khóa**: Máu cuống rốn, ngân hàng máu cuống rốn, thể tích máu cuống rốn, mẫu nhiễm

**24. Đánh giá của sinh viên về công tác hỗ trợ người học tại Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định**/ Vũ Thị Bích Hảo, Nguyễn Thị Bích Ngọc// Quản lý giáo dục .- 2024 .- Số 4 .- Tr. 164-171.

**Nội dung**: Nắm bắt được tâm lý, cảm nhận của người học về công tác hỗ trợ người học là điều cần thiết để qua đó đưa ra giải pháp nâng cao dịch vụ giáo dục và chất lượng đào tạo. Vì thế chúng tôi thực hiện nghiên cứu đánh giá của sinh viên về công tác hỗ trợ người học tại trường Đại học Điều dưỡng Nam Định năm 2023.

**Từ khóa**: Sinh viên, người học, hỗ trợ người học, điều dưỡng

**25. Đánh giá tác dụng giảm đau của cao đặc chiết xuất từ Bìm bịp, Ngũ trảo, Thanh táo và Lá lốt trên thực nghiệm**/ Nguyễn Thị Phương Thuỳ, Hứa Hoàng Oanh// Khoa học và Công nghệ Việt Nam B .- 2024 .- Tập 66, số 5 .- Tr. 24-28.

**Nội dung**: Khảo sát tác dụng giảm đau của cao đặc chiết xuất từ Bìm bịp, Ngũ trảo, Thanh táo và Lá lốt (cao BNTL) trên chuột nhắt trắng. Nghiên cứu bước đầu cung cấp cơ sở khoa học làm tiền đề cho các nghiên cứu tiếp theo về tác dụng của bài thuốc có nguồn gốc tự nhiên được dùng tại chỗ. Nghiên cứu Chuột nhắt trắng, chủng Swiss albino, trọng lượng 20±2 g, cung cấp bởi Viện Pasteur TP Hồ Chí Minh; đánh giá tác dụng giảm đau của cao BNTL trên 2 mô hình thực nghiệm là phương pháp mâm nóng và gây đau cơ học.

**Từ khóa**: Dược học, bìm bịp, giảm đau, lá lốt, mô hình gây đau cơ học, mô hình mâm nóng, ngũ trảo, thanh táo

**26. Đánh giá tác dụng giảm đau, chống viêm của chế phẩm hoàn khớp trên thực nghiệm**/ Hoàng Thị Kim Mười, Phạm Xuân Phong, Đặng Hồng Hoa// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 173-180.

**Nội dung**: Nghiên cứu thực hiện nhằm đánh giá tác dụng giảm đau và chống viêm của chế phẩm Hoàn khớp trên mô hình thực nghiệm. Tác dụng giảm đau của viên Hoàn khớp được đánh giá trên mô hình gây đau quặn bằng acid acetic, tác dụng chống viêm được đánh giá trên mô hình gây phù chân chuột bằng carrageenin và mô hình gây u hạt thực nghiệm.

**Từ khóa**: Hoàn khớp, giảm đau, chống viêm, động vật thực nghiệm

**27. Đánh giá tác dụng kích thích mọc tóc của cao chiết cỏ nhọ nồi trên động vật thực nghiệm**/ Trần Thị Hồng Ngọc, Đỗ Thị Hồng Khánh, Hồ Mỹ Dung, Nguyễn Thái Hà Dương, Trần Tiến Đạt, Bùi Thị Mỹ Hằng, Mai Phương Thanh, Phan Hồng Minh// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 163-172.

**Nội dung**: Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá tác dụng kích thích mọc tóc của cao chiết cỏ nhọ nồi (CCCNN) trên động vật thực nghiệm. Chuột cống trắng chủng Wistar được cạo lông và tiêm màng bụng cyclophosphamid liều 150 mg/kg để gây mô hình ức chế mọc lông. Chuột cống trắng được chia ngẫu nhiên thành 5 lô gồm lô chứng sinh học, lô mô hình, lô chứng dương (uống finasterid), các lô uống cao chiết cỏ nhọ nồi liều 50 mg/kg và 150 mg/kg. Các chỉ tiêu đánh giá bao gồm mức độ rụng lông và chiều dài sợi lông sau ngày 19, ngày 26 và hình ảnh đại thể, vi thể vùng cạo lông.

**Từ khóa**: Cỏ nhọ nồi, Eclipta prostrata (L.), rụng tóc, mô hình thực nghiệm

**28. Dấu ấn sinh học mới trong phát hiện sớm biến chứng thận do đái tháo đường**/ Hồ Thị Bảo Châu// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 32-42.

**Nội dung**: Gánh nặng toàn cầu về bệnh thận đái tháo đường ngày càng gia tăng và đây vẫn là nguyên nhân chính gây ra bệnh thận giai đoạn cuối. Mặc dù, có những tiến bộ lớn trong điều trị bệnh thận và đái tháo đường, các công cụ chẩn đoán lâm sàng cổ điển trong bệnh thận đái tháo đường vẫn chưa đầy đủ và toàn diện. Microalbumin niệu là dấu hiệu sớm của bệnh thận đái tháo đường và được sử dụng như một xét nghiệm thường quy trong sàng lọc, nhưng tổn thương thận vẫn có thể xảy ra ngay cả khi không có sự xuất hiện của microalbumin niệu. Các hạn chế về giá trị chẩn đoán và tiên lượng của microalbumin niệu chứng tỏ sự cần thiết của các dấu ấn sinh học mới có thể thay thế và có ý nghĩa lâm sàng, cho phép điều trị bệnh đái tháo đường có mục tiêu và hiệu quả hơn, nhằm giảm gánh nặng của bệnh thận do đái tháo đường. Do đó, tổng quan này tập trung vào các dấu ấn sinh học giúp phát hiện sớm, đặc biệt với hy vọng mở rộng cửa sổ chẩn đoán để xác định bệnh nhân ở các giai đoạn tiến triển bệnh thận do đái tháo đường khác nhau.

**Từ khóa**: Bệnh thận do đái tháo đường, đái tháo đường, dấu ấn sinh học mới

**29. Điều trị sa sinh dục bằng cố định trục treo đáy chậu trước vào dải chậu lược hai bên qua phẫu thuật nội soi**/ Trần Ngọc Dũng, Trần Bảo Long, Lưu Quang Dũng, Nguyễn Đức Phan, Nguyễn Thu Vinh, Hoàng Đình Âu// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 112-120.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm đánh giá kết quả ban đầu của phương pháp khâu treo và cố định trục treo đáy chậu vào dải chậu lược hai bên bằng phẫu thuật nội soi trong điều trị sa sinh dục. Trong thời gian 18 tháng, chúng tôi thực hiện kỹ thuật trên cho 32 bệnh nhân sa sinh dục độ 3, 4.

**Từ khóa**: Sa sinh dục, phẫu thuật nội soi, dải chậu lược, phụ khoa

**30. Điều trị tụt huyết áp bằng ephedrin và phenylephrin sau gây tê tủy sống để phẫu thuật lấy thai**/ Huỳnh Thị Ngọc Hiền, Trần Tiến Đạt, Phan Thị Thu Trâm, Nguyễn Thị Ngọc Tú, Hoàng Lê Phi Bách// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 411-418.

**Nội dung**: Nghiên cứu của chúng tôi so sánh hiệu quả dự phòng và điều trị tụt huyết áp bằng ephedrin và phenylephrin tiêm tĩnh mạch sau gây tê tủy sống trong phẫu thuật lấy thai. 100 sản phụ được chỉ định phẫu thuật lấy thai được bốc thăm ngẫu nhiên thành 2 nhóm được dự phòng tụt huyết áp ngay sau gây tê tủy sống và điều trị khi có tụt huyết áp bằng ephedrin 5mg và phenylephrin 50µg. Các chỉ số huyết áp tâm thu, huyết áp tâm trương, huyết áp trung bình và nhịp tim được ghi nhận tại các thời điểm từ khi bắt đầu tiêm thuốc đến sau khi kết thúc phẫu thuật được 2 giờ.

**Từ khóa**: Tụt huyết áp, phẫu thuật lấy thai, ephedrin, phenylephrin

**31. Độ nhạy của tiêu chuẩn EULAR/ACR 2019, SLICC 2012 và ACR 1997 trong chẩn đoán Lupus ban đỏ hệ thống trẻ em**/ Mai Thành Công, Trịnh Bình Minh, Phạm Thị Thảo, Trần Thị Oanh, Nguyễn Thị Thúy Liên, Phạm Văn Đếm, Nguyễn Thành Nam// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 8-15.

**Nội dung**: Nghiên cứu cắt ngang trên 83 bệnh nhi được chẩn đoán lupus ban đỏ hệ thống mới tại Trung tâm Nhi khoa, Bệnh viện Bạch Mai từ tháng 01/2021 đến hết tháng 12/2023 nhằm so sánh độ nhạy của tiêu chuẩn EULAR/ACR 2019, SLICC 2012, ACR 1997 và một số yếu tố liên quan trong chẩn đoán lupus ban đỏ hệ thống ở trẻ em.

**Từ khóa**: Lupus, EULAR/ACR 2019, SLICC 2012, ACR 1997, độ nhạy, trẻ em

**32. Dydrogesterone-primed ovarian stimulation versus gnrh antagonist protocol in in-vitro fertilization for poor responders: A pilot study**/ Than Trong Thach, Nguyen Manh Ha, Le Hoang// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Vol 177(4E) .- P. 7-17**.**

**Nội dung**: This study aimed to evaluate the effect of PPOS protocol on the chance of success throughout the IVF process in patients with POR (POSEIDON group III & IV) undergoing IVF/ICSI in Vietnam. This was a randomized controlled trial involving 120 infertile women with POR. PPOS or GnRH-ant protocol was randomly applied to the participants of either group (n = 60 in each group).

**Từ khóa**: Progestin-primed ovarian stimulation, GnRH antagonist, controlled ovarian stimulation, poor ovarian response, dydrogesterone

**33. Early diagnostis of splenic ectopic pregnancy: A case report and review literature**/ Pham Hong Duc, Pham Huu Khuyen// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Vol 177(4E) .- P. 1-6.

**Nội dung**: Splenic ectopic pregnancy is extremely rare but carries a high risk of life-threatening intraperitoneal bleeding. Here, we present a 40-year-old woman presenting with vaginal bleeding. Although the intrauterine device (IUD) had been in place for 6 years, urinary and serum tests were positive for pregnancy. However, transvaginal ultrasound showed an empty uterus, no apparent adnexal masses or free fluid. An abdominal ultrasound was subsequently performed, which revealed a viable gestational sac in the spleen. An MRI that did not induce ionizing radiation was also performed, confirming the diagnosis of this splenic pregnancy. The gastrointestinal surgeon completed a laparotomy which successfully removed the spleen's superior pole containing an ectopic pregnancy.

**Từ khóa**: Splenic pregnancy, ectopic pregnancy, ultrasound, MRI, partial splenectomy

**34. Evaluation of acute and subchronic toxicity of “Huyet Phu Truc U Hoan” in experimental animals**/ Dang Cong Thai, Trinh Hoai Nam, Nguyen Minh Hien, Dang Thi Thu Hien// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Vol 177(4E) .- P. 139-148.

**Nội dung**: This research was carried out to evaluate the acute and sub-chronic toxicity of ‘‘Huyet phu truc u hoan’’ (HPTUH) in experimental animals. The acute toxicity was defined on Swiss mice by the Litchfield – Wilcoxon’s method and the sub-chronic toxicity on Wistar rat’s hematopoietic function, liver, and kidney functions according to the World Health Organization Guidance.

**Từ khóa**: “Huyet phu truc u hoan”, acute toxicity, sub-chronic toxicity, experimental animals

**35. Evaluation of antitumor activity of saphia alkali K90 on dmba-induced carcinogenesis in swiss mice**/ Pham Thi Van Anh, Nguyen Phuong Dung, Mai Phuong Thanh// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Vol 177(4E) .- P. 106-114.

**Nội dung**: The present study aimed to initially evaluate the anti-tumor effect of orally administered Saphia Alkali K90 in 7,12-dimethylbenz(a)anthracene (DMBA)-induced carcinogenesis in Swiss mice. Mice exposed to DMBA (total dose of 6 mg, p.o.) were treated with SAK90 at 15 ml/kg BW and 45 ml/kg BW daily. The vehicle was given to both normal and diseased controls. The change in body weight, mortality rate, tumor incidence, tumor burden, tumor yield, histopathology, and hematological and biochemical parameters were evaluated after 16 weeks of treatment.

**Từ khóa**: Saphia Alkali K90, tumor, DMBA, mice

**36. Evaluation of subchronic toxicity of diabetna capsules in experimental animals**/ Le Hong Oanh, Hoang Minh Chau, Khuat Van Manh, Phuong Thien Thuong, Dau Thuy Duong, Tran Quynh Trang, Pham Thi Van Anh, Dinh Thi Thu Hang, Nguyen Thi Thuy// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Vol 177(4E) .- P. 149-157.

**Nội dung**: This research aimed to evaluate the subchronic toxicity of Diabetna capsules through oral administration in experimental animals. The subchronic toxicity was studied in Wistar rats with oral doses of 0.72 g/kg/day (equal to recommended human dose) and 2.16 g/kg/day (3 times as high as recommended human dose) in consecutive 12 weeks, following guidance from the World Health Organization and Organisation for Economic Co-operation and Development.

**Từ khóa**: Diabetna capsules, subchronic toxicity, Wistar rats

**37. Experimental animal research on the subchronic toxicity of “Dứa Tre Lão Nhà Quê” extract**/ Pham Thi Van Anh, Vu Viet Hang, Nguyen Thi Thuy, Dau Thuy Duong// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Vol 177(4E) .- P. 124-131.

**Nội dung**: “Dứa tre Lão nhà quê” extract (DTLNQ extract) was intended to treat several diseases such as dyslipidemia and venous insufficiency. To provide information on the its safety, this study evaluated the subchronic toxicity of DTLNQ extract. Wistar rats were divided into three groups and were given orally for 12 weeks. General conditions and body weight change, hematological and biochemical parameters, and hepatic and renal histological examinations were evaluated in treated rats compared with the control group and baseline.

**Từ khóa**: DTLNQ extract, Wistar rats, subchronic toxicity, Ananas comosus, Bambusa bambos (L.)

**38. Factors related to risk of falls among older post-stroke patients**/ Tran Viet Luc, Nguyen Trung Anh, Nguyen Thi Thu Huong// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Vol 177(4E) .- P. 32-38.

**Nội dung**: This study was conducted to identify factors related to fall risk among older post-stroke patients. A cross-sectional study was conducted on 107 post-stroke patients aged ≥ 60 years old treated at the National Geriatric Hospital. Fall risk was assessed using the 21-item Fall Risk Index. This study showed two in three participants have a high risk of falls. Disability levels, instrumental activities of daily living, and depression were associated with a high risk of falls.

**Từ khóa**: Related factors, risk of fall, post-stroke, elderly

**39. Factors that related with sleep disturbance among older nursing home residents with dementia**/ Tran Viet Luc, Nguyen Xuan Thanh, Nguyen Ngoc Tam, Vu Thi Thanh Huyen// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Vol 177(4E) .- P. 57-63.

**Nội dung**: This study aimed to identify factors that related with sleep disturbance among older people with dementia in nursing homes. This cross-sectional study included 140 participants aged 60 years old and over, who were diagnosed with dementia (according to DSM 5 criteria) from November 2022 through January 2023 in 3 nursing homes in Hanoi, Vietnam. Sleep quality was assessed by the Pittsburgh Sleep Quality Index (PSQI) questionnaire.

**Từ khóa**: Sleep disturbance, related factors, dementia, nursing homes, older adult

**40. Ghép thận cha-con ở trẻ nam mắc hội chứng alport liên kết X với đột biến COL4A5: Báo cáo ca bệnh**/ Lương Thị Phượng, Trương Thùy Linh, Thái Thiên Nam, Nguyễn Thu Hương// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 370-377.

**Nội dung**: Hội chứng Alport là bệnh thận di truyền do đột biến gen collagen loại IV, thường dẫn đến bệnh thận giai đoạn cuối. Các báo cáo trên thế giới cho thấy ghép thận ở bệnh nhân hội chứng Alport thường có kết quả rất tốt. Chúng tôi báo ca bệnh trẻ nam 8 tuổi được chẩn đoán viêm cầu thận - hội chứng Alport có đột biến gen COL4A5 liên kết X, tiến triển đến bệnh thận mạn giai đoạn cuối sau 5 năm. Trẻ được điều trị thẩm phân phúc mạc trong 6 tháng.

**Từ khóa**: Hội chứng Alport, ghép thận, đột biến gen COL4A5

**41. Giá trị của định lượng tín hiệu MRI 3.0T trong chẩn đoán ung thư tuyến tiền liệt**/ Nguyễn Đình Minh, Vũ Ngọc Dương// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 1-8.

**Nội dung**: Nghiên cứu mô tả cắt ngang dựa trên định lượng tín hiệu cộng hưởng từ 3 tesla (MRI 3.0T) để phân biệt ung thư tuyến tiền liệt (UTTTL) và và các tổn thương lành tính. Nghiên cứu trên 84 bệnh nhân có PSA tăng > 4 ng/ml được chụp MRI 3.0 và sinh thiết tuyền tiền liệt qua siêu âm trực tràng có kết quả giải phẫu bệnh, từ tháng 1/2023 - 10/2023 tại Bệnh viện Việt Đức.

**Từ khóa**: Cộng hưởng từ, MRI 3.0T, ung thư tuyến tiền liệt, PI-RADS

**42. Giá trị của tiêu chuẩn Amsel trong chẩn đoán xác định viêm âm đạo do vi khuẩn**/ Dương Thị Thu, Lê Hữu Doanh, Lê Hạ Long Hải, Phạm Quỳnh Hoa, Đỗ Thị Thu Hiền, Trần Thị Huyền, Định Hữu Nghị, Nguyễn Thị Hà Vinh// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 1-7

**Nội dung**: Nghiên cứu tiến hành trên 290 bệnh nhân đến khám tại Bệnh viện Da liễu Trung ương vì hội chứng tiết dịch âm đạo, sử dụng thang điểm Nugent và tiêu chuẩn Amsel để chẩn đoán viêm âm đạo do vi khuẩn (Bacterial vaginosis - BV). Khảo sát độ nhạy, độ đặc hiệu, giá trị dự đoán dương tính và giá trị dự đoán âm tính của tiêu chuẩn Amsel sử dụng thang điểm Nugent làm tiêu chuẩn vàng.

**Từ khóa**: Bacterial vaginosis, thang điểm Nugent, tiêu chuẩn Amsel, nhuộm Gram

**43. Giá trị thang điểm hệ thống phân tầng PIRO trong tiên đoán bệnh nặng nhiễm khuẩn huyết trẻ em**/ Nguyễn Hữu Châu Đức, Phạm Thị Ngọc Bích// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 188-194.

**Nội dung**: Nhiễm khuẩn huyết là một trong những nguyên nhân chính gây tử vong toàn cầu ở trẻ em. Hệ thống PIRO gồm bốn thành phần: cơ địa, nhiễm khuẩn, phản ứng của vật chủ và rối loạn chức năng cơ quan, được xem là công cụ phân tầng lý tưởng cho những bệnh nhân nhiễm khuẩn huyết. Nghiên cứu của chúng tôi trên 87 bệnh nhi nhiễm khuẩn huyết tại Trung tâm Nhi, Bệnh viện Trung ương Huế từ năm 2022 đến 2023.

**Từ khóa**: PIRO, nhiễm khuẩn huyết, trẻ em, nhiễm trùng

**44. Hiệu quả của tiêm thuốc tê ngắt quãng theo chương trình vào khoang ngoài màng cứng trong giảm đau chuyển dạ**/ Nguyễn Toàn Thắng, Hoàng Văn Tuấn, Nguyễn Văn Hoàng// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 179-187.

**Nội dung**: Mục tiêu nghiên cứu nhằm đánh kết quả của can thiệp đa yếu tố (thể chất, nhận thức, theo dõi và quản lý chuyên sâu các yếu tố nguy cơ chuyển hóa và mạch máu) trên chức năng thể chất của người bệnh mắc sa sút trí tuệ tại một số Viện dưỡng lão. Nghiên cứu thử nghiệm can thiệp ngẫu nhiên có nhóm chứng trên 60 người bệnh từ 60 tuổi trở lên, được chẩn đoán sa sút trí tuệ mức độ nhẹ - trung bình theo tiêu chuẩn DSM V. Chức năng thể chất được đánh giá bằng trắc nghiệm đo cơ lực và trắc nghiệm 30 giây.

**Từ khóa**: Gây tê ngoài màng cứng, bolus ngắt quãng theo chương trình, truyền liên tục, giảm đau trong chuyển dạ

**45. Hiệu quả điều trị bệnh nấm da thân mức độ vừa và nặng bằng uống terbinafine so với uống griseofulvin**/ Phạm Thị Minh Phương, Vũ Thị Mùi, Nguyễn Thị Hà Vinh, Lê Hữu Doanh, Trần Thị Huyền// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 96-104.

**Nội dung**: Thử nghiệm lâm sàng mở, có nhóm chứng trên 60 bệnh nhân bị bệnh nấm da thân mức độ vừa đến nặng nhằm so sánh hiệu quả điều trị giữa terbinafine uống và griseofulvin uống.

**Từ khóa**: Bệnh nấm da thân, griseofulvin, nấm sợi, terbinafine

**46. Hiệu quả nuôi ăn qua sonde bằng súp nhỏ giọt cho người bệnh tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An**/ Nguyễn Đức Phúc, Nguyễn Quỳnh Anh// Khoa học và Công nghệ Việt Nam B .- 2024 .- Tập 66, số 5 .- Tr. 07-11.

**Nội dung**: Nuôi ăn qua sonde nhằm duy trì dinh dưỡng đường tiêu hóa, bảo vệ chức năng sinh lý hệ tiêu hóa, cung cấp dinh dưỡng sớm cho người bệnh nặng. Đây là biện pháp hiệu quả được khuyến nghị áp dụng trong vòng 48 giờ sau nhập viện. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá hiệu quả nuôi ăn qua sonde bằng súp nhỏ giọt cho người bệnh tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An. Nghiên cứu sử dụng phương pháp tiến cứu và mô tả trên 255 người bệnh từ tháng 4/2022 đến tháng 6/2022 tại các Khoa: Hồi sức Tích cực, Hồi sức Tích cực Ngoại khoa, Chống độc, Nhiễm khuẩn Tổng hợp, Bỏng, Ngoại tiêu hóa và Trung tâm Đột quỵ.

**Từ khóa**: Y học lâm sàng, người bệnh nặng, nuôi ăn qua sonde, suy dinh dưỡng

**47. Kết quả điều trị afatinib bước 1, liều khởi trị 30 mg/ngày trên ung thư phổi không tế bào nhỏ, giai đoạn muộn, có đột biến EGFR**/ Vũ Hà Thanh, Tạ Văn Tờ, Nguyễn Thị Thái Hòa, Trương Công Minh, Bùi Xuân Thắng// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 105-113.

**Nội dung**: Afatinib là một thuốc ức chế tyrosine kinase được bộ y tế phê duyệt để điều trị ung thư phổi không tế bào nhỏ (UTPKTBN) giai đoạn muộn. Nghiên cứu mô tả hồi cứu trên bệnh nhân UTPKTBN giai đoạn IIIC/IV (AJCC 8th), mô học là ung thư biểu mô tuyến, có đột biến EGFR, điều trị bằng afatinib khởi trị 30 mg/ngày, tại Bệnh viện K từ 4/2018 đến 10/2023 nhằm mục tiêu đánh giá đáp ứng, sống thêm không bệnh tiến triển và tác dụng không mong muốn.

**Từ khóa**: Ung thư phổi không tế bào nhỏ, giai đoạn muộn, đột biến EGFR, afatinib, liều 30mg

**48. Kết quả điều trị ở người bệnh mắc COVID-19 đồng nhiễm HIV/AIDS tại Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Trung ương (1/2022 - 6/2023)**/Trần Văn Giang, Ngô Thị Mai Khanh// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 403-410.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện nhằm mô tả kết quả điều trị người bệnh mắc COVID-19 đồng nhiễm HIV/AIDS tại Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương, từ 1/2022 đến 6/2023. Có 97 người bệnh đủ tiêu chuẩn vào nghiên cứu.

**Từ khóa**: COVID-19, HIV/AIDS, kết quả điều trị

**49. Kết quả điều trị viêm tụy cấp có rối loạn đông máu ở trẻ em tại Bệnh viện Nhi Trung ương**/ Nguyễn Thị Việt Hà, Ninh Quốc Đạt, Nguyễn Hoài Thương// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 142-150.

**Nội dung**: Viêm tụy cấp là tình trạng tổn thương viêm nhu mô tuyến tụy cấp tính, xảy ra ở nhiều mức độ khác nhau, có khả năng tự giới hạn nhưng có thể tiến triển nặng với nhiều biến chứng tại chỗ và toàn thân. Sự thay đổi của các yếu tố đông máu đã được báo cáo ở nhiều bệnh nhân mắc viêm tụy cấp. Mục tiêu của nghiên cứu là nhận xét kết quả điều trị viêm tụy cấp có rối loạn đông máu ở trẻ em. Nghiên cứu mô tả loạt ca bệnh trên 53 trẻ được chẩn đoán viêm tụy cấp theo tiêu chuẩn Atlanta sửa đổi năm 2012 và có ít nhất một xét nghiệm đông máu nằm ngoài giới hạn bình thường theo tuổi điều trị tại Bệnh viện Nhi Trung ương từ tháng 01/2022 đến tháng 07/2023.

**Từ khóa**: Viêm tụy cấp, trẻ em, rối loạn đông máu, điều trị

**50. Kết quả gần phẫu thuật nội soi cắt khối tá tụy theo hướng tiếp cận từ phía bên trái động mạch mạc treo tràng trên trước tiên**/ Nguyễn Hàm Hội, Nguyễn Thành Khiêm, Lê Văn Duy, Đỗ Văn Minh, Lương Tuấn Hiệp, Nguyễn Đăng Vững, Trịnh Hồng Sơn// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 121-132.

**Nội dung**: Ứng dụng phẫu thuật nội soi cắt khối tá tụy và tiếp động mạch mạc treo tràng trên trước tiên từ phía bên trái trong mổ mở cắt khối tá tụy đã được chứng minh hiệu quả giúp người bệnh hồi phục sớm sau mổ, đạt tỷ lệ R0 cao hơn. Mục đích của nghiên cứu là đánh giá kết hợp tiếp cận động mạch mạc treo tràng trên trước tiên trong phẫu thuật nội soi cắt khối tá tụy liệu có khả thi không. Nghiên cứu tiến cứu, can thiệp không đối chứng kết quả gần của 37 người bệnh ung thư biểu mô vùng tá tràng đầu tụy giai đoạn có thể cắt bỏ từ 1/2021 - 12/2023 ứng dụng phẫu thuật nội soi cắt khối tá tụy có tiếp cận động mạch mạc treo tràng trên trước từ phía bên trái.

**Từ khóa**: Tiếp cận động trước tiên mạch mạc treo tràng trên, lấy toàn bộ mạc treo tụy, cắt khối tá tụy nội soi

**51. Kết quả hình ảnh siêu âm và chụp vú một số tổn thương trên những bệnh nhân ung thư biểu mô tuyến vú không sờ thấy u tại Bệnh viện K**/ Phạm Hồng Khoa, Trần Nguyên Tuấn// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 54-61.

**Nội dung**: Với sự phát triển của các phương tiện chẩn đoán hình ảnh, tỷ lệ phát hiện ung thư vú ở giai đoạn sớm, ngay cả khi u chưa sờ thấy trên lâm sàng ngày một cao. Nghiên cứu này đánh giá vai trò của siêu âm và chụp vú trên những bệnh nhân bị ung thư vú mà các tổn thương không phát hiện được qua thăm khám lâm sàng với mục tiêu: nhận xét một số đặc điểm lâm sàng và kết quả tổn thương trên siêu âm và chụp vú của nhóm bệnh nhân nghiên cứu. Phương pháp nghiên cứu mô tả hồi cứu trên 55 bệnh bệnh nhân được chẩn đoán ung thư vú không sờ thấy u trên lâm sàng tại Bệnh viện K từ tháng 1/2018 đến tháng 6/2023.

**Từ khóa**: Không sờ thấy, chẩn đoán hình ảnh, đặc điểm tổn thương, ung thư vú

**52. Kết quả phẫu thuật kéo giãn xương hàm dưới điều trị Hội chứng Pierre Robin thể nặng**/ Đặng Hoàng Thơm, Vũ Ngọc Lâm, Trần Thiết Sơn// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 267-275.

**Nội dung**: Nghiên cứu của chúng tôi tập trung vào đánh giá kết quả của phương pháp phẫu thuật kéo giãn xương hàm dưới (MDO) trong điều trị Hội chứng Pierre Robin (PRS) thể nặng tại Bệnh viện Nhi Trung ương từ năm 2019 đến 2023. Phương pháp này đã được sử dụng như một phương thức thay thế cho phẫu thuật mở khí quản trước đó. Đối tượng nghiên cứu là những bệnh nhân PRS thể nặng, khó thở nghiêm trọng do tắc nghẽn, bú khó, cần nuôi dương hỗ trợ, có chênh lệch hàm trên dưới lớn trên 10mm. Nghiên cứu được thiết kế can thiệp lâm sàng không đối chứng có đánh giá trước sau với 102 bệnh nhân từ 2 tuần đến 6 tháng tuổi được theo dõi trong thời gian từ 6 đến 36 tháng.

**Từ khóa**: Đặc điểm lâm sàng, phẫu thuật kéo giãn xương hàm dưới, hội chứng Pierre Robin thể nặng

**53. Kết quả phẫu thuật nội soi cắt túi mật do viêm túi mật cấp có sử dụng ống hút nội soi để phẫu tích: Hồi cứu 198 ca bệnh tại Bệnh viện Bạch Mai**/ Trần Quế Sơn, Nguyễn Ngọc Hùng, Trần Hiếu Học, Vũ Thị Phương Anh, Lường Văn Quý, Trần Thu Hương// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 204-215.

**Nội dung**: Nhiễm khuẩn huyết là một trong những nguyên nhân chính gây tử vong toàn cầu ở trẻ em. Hệ thống PIRO gồm bốn thành phần: cơ địa, nhiễm khuẩn, phản ứng của vật chủ và rối loạn chức năng cơ quan, được xem là công cụ phân tầng lý tưởng cho những bệnh nhân nhiễm khuẩn huyết. Nghiên cứu của chúng tôi trên 87 bệnh nhi nhiễm khuẩn huyết tại Trung tâm Nhi, Bệnh viện Trung ương Huế từ năm 2022 đến 2023.

**Từ khóa**: Viêm túi mật cấp, phẫu thuật nội soi, ống hút nội soi, biến chứng, rò mật, chảy máu, ngoại khoa

**54. Khảo sát độ dày ngà chân răng, trên răng vĩnh viễn hàm lớn thứ nhất hàm dưới**/ Nguyễn Ngọc Linh Chi, Lê Hồng Vân// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 216-222.

**Nội dung**: Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên hình ảnh phim chụp cắt lớp chùm tia hình nón của 90 răng hàm lớn thứ nhất hàm dưới chụp tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội, nhằm khảo sát độ dày ngà và xác định vùng nguy hiểm của chân răng vĩnh viễn gần và xa.

**Từ khóa**: Độ dày ngà, vùng nguy hiểm, răng hàm lớn thứ nhất hàm dưới, nha khoa

**55. Khảo sát kháng thể kháng nhân của bệnh nhân mắc COVID-19 trong giai đoạn cấp**/ Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Đức Tuấn, Tạ Thị Diệu Ngân// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 89-95.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát đặc điểm của kháng thể kháng nhân (ANA) ở bệnh nhân COVID-19 trong giai đoạn cấp bằng kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang gián tiếp. Nghiên cứu là nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 100 đối tượng nghiên cứu mắc COVID-19 và 25 đối tượng nghiên cứu chưa mắc COVID-19.

**Từ khóa**: COVID-19, ANA, miễn dịch huỳnh quang gián tiếp

**56. Khảo sát tình trạng hội chứng dễ bị tổn thương và các yếu tố liên quan trên bệnh nhân cao tuổi điều trị tại Khoa Lão khoa, Bệnh viện E**/ Nguyễn Thị Mai Hương, Nguyễn Hồng Hạnh, Chu Thị Hải Yến, Lê Thanh Thuỷ, Đào Tuấn Linh, Võ Hoàng Long// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 222-231.

**Nội dung**: Mô tả thực trạng hội chứng dễ bị tổn thương ở người cao tuổi, và xác định một số yếu tố liên quan. Nghiên cứu mô tả cắt ngang được tiến hành trên 287 bệnh nhân cao tuổi đến khám và điều trị tại Khoa Lão khoa, Bệnh viện E. Hội chứng dễ bị tổn thương được chẩn đoán theo tiêu chuẩn Fried sửa đổi.

**Từ khóa**: Hội chứng dễ bị tổn thương, người cao tuổi, yếu tố liên quan

**57. Kiến thức, thái độ về hiến, ghép mô, bộ phận cơ thể của sinh viên y dược Đại học Quốc gia Hà Nội**/ Dương Văn Quân, Phạm Đức Công// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 198-205.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá kiến thức, thái độ về hiến, ghép mô, bộ phận cơ thể người của sinh viên Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc Gia Hà Nội. Thiết kế nghiên cứu cắt ngang được tiến hành trên 417 sinh viên y dược Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc Gia Hà Nội từ tháng 10/2023 đến tháng 2/2024.

**Từ khóa**: Bộ phận cơ thể, hiến ghép, mô, sinh viên y dược

**58. Kiến thức, thái độ về vi rút và các bệnh do HPV của nam sinh viên khối y học dự phòng năm 2024**/ Đỗ Viết Hải Nam, Nguyễn Thị Ngát, Bùi Huyền Trang, Lê Vũ Hương Giang, Lê Thị Thanh Xuân, Nguyễn Văn Thành// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 296-305.

**Nội dung**: Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 161 nam sinh viên khối Y học Dự phòng Trường Đại học Y Hà Nội thông qua phỏng vấn trực tiếp bằng bộ câu hỏi được thiết kế sẵn nhằm mô tả kiến thức, thái độ về vi rút và các bệnh do HPV năm 2024 và một số yếu tố liên quan.

**Từ khóa**: Kiến thức, Thái độ, HPV, nam giới, sinh viên

**59. Lower limb strength and associated factors among older patients with dementia**/ Tran Viet Luc, Nguyen Trung Anh, Nguyen Thi Thu Huong// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Vol 177(4E) .- P. 39-47.

**Nội dung:** This cross-sectional study was conducted to assess lower limb strength and related factors among older people with dementia examined and treated at the National Geriatric Hospital. Lower limb strength was assessed using the 30-Second Chair Stand Test.

**Từ khóa**: Lower limb strength, older adults, dementia

**60. Mô hình bệnh tật tại Khoa Y học Cổ truyền một số bệnh viện huyện tỉnh Quảng Bình**/ Nguyễn Tuấn Linh, Đoàn Quang Huy// Khoa học và Công nghệ Việt Nam B .- 2024 .- Tập 66, số 5 .- Tr. 40-42.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu mô tả mô hình bệnh tật của người bệnh điều trị nội trú tại Khoa Y học Cổ truyền của 3 bệnh viện huyện tỉnh Quảng Bình năm 2019-2021 theo phương pháp mô tả cắt ngang. Đối tượng nghiên cứu bao gồm tất cả các bệnh nhân điều trị nội trú tại Khoa Y học Cổ truyền của 3 bệnh viện: Bệnh viện Đa khoa huyện Bố Trạch, Bệnh viện Đa khoa huyện Lệ Thủy và Bệnh viện Đa khoa huyện Tuyên Hóa trong thời gian từ tháng 1/2019 đến hết tháng 12/2021. Số liệu sau thu thập được xử lý bằng thuật toán thống kê y sinh học dưới sự hỗ trợ của phần mềm SPSS 20.0.

**Từ khóa**: Y học cổ truyền, bệnh tật, khám chữa bệnh, y tế dự phòng

**61. Mối liên quan giữa đột biến gen BRAF V600E với một số đặc điểm tiến triển trong ung thư biểu mô tuyến giáp thể nhú ≤1,5 cm**/ Trần Thị Lan, Nguyễn Thị Trang, Phạm Văn Tuyến, Phạm Cẩm Phương, Nguyễn Thuận Lợi, Đào Thị HuyềnTrang, Dương Danh Bộ, Hoàng Xuân Cường, Biện Văn Hoàn// Khoa học & Công nghệ B .- 2024 .- Số 66(6) .- Tr. 63-66.

**Nội dung**: Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và tỷ lệ một số tự kháng thể trong bệnh xơ cứng bì hệ thống (XCBHT) bằng kỹ thuật Immunoblot (ANA 23 Profile). Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 57 bệnh nhân được chẩn đoán xác định XCBHT theo tiêu chuẩn chẩn đoán của Hội Thấp khớp học Hoa Kỳ và Liên đoàn chống Thấp khớp châu Âu (ACR/EULAR) năm 2013 và được làm xét nghiệm tìm tự kháng thể bằng kỹ thuật Immunoblot (ANA 23 Profile) tại Bệnh viện Da liễu Trung ương.

**Từ khóa**: Đột biến BRAF V600E, ung thư biểu mô tuyến giáp thể nhú, ung thư biểu mô, kỹ thuật y học

**62. Mối liên quan giữa kháng thể kháng Topoisomerase I với tổn thương một số cơ quan trong bệnh xơ cứng bì hệ thống tại Bệnh viện Da liễu Trung ương**/ Đỗ Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Thị Kim Tiên// Khoa học và Công nghệ Việt Nam B .- 2024 .- Tập 66, số 5 .- Tr. 12-17.

**Nội dung**: Đánh giá mối liên quan giữa kháng thể kháng Topoisomerase I (Topo I) và tổn thương một số cơ quan trong bệnh xơ cứng bì hệ thống (XCBHT). Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 100 bệnh nhân được chẩn đoán xác định XCBHT và làm xét nghiệm tìm kháng thể kháng Topo I bằng kỹ thuật ELISA tại Bệnh viện Da liễu Trung ương.

**Từ khóa**: Da liễu, dày da, Topoisomerase I, xơ cứng bì hệ thống, xơ phổi

**63. Một số yếu tố liên quan đến thiếu máu ở trẻ đẻ non dưới 32 tuần tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương**/ Phạm Hoàng Thái, Nguyễn Thị Vân, Lê Minh Trác// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 195-203.

**Nội dung**: Thiếu máu ở trẻ sơ sinh được định nghĩa khi nồng độ hemoglobin hoặc hematocrit dưới 2 độ lệch chuẩn so với mức trung bình theo tuổi sau sinh của trẻ. Thiếu máu ở trẻ sơ sinh có thể là sinh lý hoặc bệnh lý. Thiếu máu ở trẻ đẻ non thường là thiếu máu bệnh lý. Thiếu máu ở trẻ đẻ non có nhiều yếu tố liên quan. Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 130 trẻ sơ sinh non tháng có tuổi thai dưới 32 tuần tại Trung tâm Chăm sóc và Điều trị sơ sinh, Bệnh viện Phụ Sản Trung ương trong thời gian từ tháng 09/2023 đến tháng 03/2024.

**Từ khóa**: Thiếu máu, trẻ đẻ non, Tỷ lệ, yếu tố liên quan

**64. Một số yếu tố liên quan đến thời gian cửa-kim ở bệnh nhân nhồi máu não cấp được điều trị tiêu huyết khối tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nghệ An**/ Hồ Sỹ Dương, Đặng Trung Anh , Nguyễn Ngọc Hòa, Hoàng Bùi Hải// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 126-133.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm mô tả thời gian cửa-kim, là thời gian từ khi bệnh nhân tiếp cận hệ thống y tế đến khi bệnh nhân được dùng thuốc tiêu huyết khối, ở các bệnh nhân đột quỵ nhồi máu não cấp và một số yếu tố liên quan đến khoảng thời gian này. Đây là nghiên cứu mô tả được thực hiện tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An trên 219 bệnh nhân nhồi máu não cấp được điều trị tiêu huyết khối. Phân tích số liệu bằng cách chia đối tượng nghiên cứu thành 2 nhóm: nhóm có thời gian cửa-kim dưới 60 phút và nhóm có thời gian cửa-kim từ 60 phút trở lên.

**Từ khóa**: Thời gian cửa–kim, đột quỵ nhồi máu não, tiêu huyết khối

**65. Mức độ đề kháng và tỉ lệ vi khuẩn dai dẳng với colistin của các chủng Klebsiella pneumoniae**/ Nguyễn Khắc Tiệp, Thân Thị Dung Nhi, Phạm Hồng Nhung// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 9-16.

**Nội dung**: 247 chủng Klebsiella pneumoniae phân lập từ Trung tâm Hồi sức tích cực (HSTC) - Bệnh viện Bạch Mai năm 2019 - 2021 được xác định giá trị nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) colistin bằng phương pháp vi pha loãng.

**Từ khóa**: Klebsiella pneumoniae, colistin, MIC, dai dẳng, kháng khuẩn, nhiễm trùng

**66. Mức độ nhạy cảm kháng sinh của một số loài vi khuẩn gây nhiễm trùng huyết thường gặp phân lập tại Bệnh viện Bạch Mai năm 2023**/ Phạm Hồng Nhung, Mai Thị Lan Hương// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 70-81.

**Nội dung**: Nhiễm trùng huyết là một trong những nhiễm trùng nặng, nguy hiểm đến tính mạng. Các tác nhân gây bệnh rất đa dạng và có khả năng thay đổi đặc tính đề kháng theo thời gian. Nghiên cứu thực hiện nhằm xác định tác nhân gây nhiễm trùng huyết thường gặp và mức độ nhạy cảm với kháng sinh của các tác nhân phân lập được tại Bệnh viện Bạch Mai năm 2023.

**Từ khóa**: Nhiễm trùng huyết, mức độ nhạy cảm kháng sinh

**67. Mức độ nhạy cảm với kháng sinh mới imipenem/relebactam của các chủng Klebsiella pneumoniae và Pseudomonas aeruginosa kháng carbapenem**/ Phạm Hồng Nhung, Nguyễn Thị Vân Anh// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 24-31.

**Nội dung**: 38 chủng Klebsiella pneumoniae sinh carbapenemase nhóm A và 42 chủng Pseudomonas aeruginosa sinh carbapenemase nhóm A hoặc đề kháng carbapenem theo cơ chế không sinh carbapenemase phân lập tại Bệnh viện Bạch Mai năm 2024 được xác định giá trị nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) imipenem/relebactam bằng phương pháp Etest.

**Từ khóa**: Nhiễm trùng, sức khỏe cộng đồng, Klebsiella pneumoniae, Pseudomonas aeruginosa, imipenem/relebactam

**68. Mức độ nhạy cảm với kháng sinh và kiểu gene carbapenemase của các chủng Pseudomonas aeruginosa phân lập tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội, 2019 - 2022**/ Nguyễn Thị Ánh, Vũ Ngọc Hiếu, Trần Thị Tuyết, Phạm Hồng Nhung// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 61-69.

**Nội dung**: 734 chủng Pseudomonas aeruginosa phân lập tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội năm 2019 - 2022 được làm kháng sinh đồ bằng hệ thống tự động Vitek2 compact. 143 chủng kháng carbapenem được xác định 5 kiểu gene mã hóa carbapenemase thường gặp (blaKPC, blaNDM, blaVIM, blaIMP, blaOXA-48) bằng kỹ thuật PCR.

**Từ khóa**: P. aeruginosa, kiểu gene carbapenemase, vi khuẩn, nhiễm trùng, chăm sóc y tế

**69. Nasal irritation of Mui Xoang Nhat Nhat spray in experimental animals**/ Pham Thi Van Anh, Nguyen Thi Thuy, Nguyen Quoc Hoai, Dau Thuy Duong// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Vol 177(4E) .- P. 132-138.

**Nội dung**: Mui xoang Nhat Nhat (MXNN) spray is a herbal combination of Angelica dahurica, Xanthium strumarium L., Ageratum conyzoides L, which is intended to use as the supportive treatment of stuffy nose, runny nose in some upper respiratory diseases such as rhinitis and sinusitis. This study was carried out to evaluate the nasal mucosa irritation of MXNN spray in experimental animals.

**Từ khóa**: Mui Xoang Nhat Nhat, nasal spray, irritation, nasal mucosa, rabbits

**70. Nghiên cứu chế tạo kít LAMP chẩn đoán sán lá gan nhỏ Clonorchis sinensis nhiễm trên người**/ Phạm Thị Hà Trang, Trương Văn Hạnh, Trần Thanh Dương, Hoàng Đình Cảnh// Khoa học và Công nghệ Việt Nam B .- 2024 .- Tập 66, số 5 .- Tr. 18-23.

**Nội dung**: Clonorchis sinensis là một trong ba loài sán lá gan nhỏ gây bệnh trên người, lưu hành chủ yếu ở châu Á và miền Bắc Việt Nam. LAMP (Loop-mediated isothermal amplification) có độ nhạy, đặc hiệu tương đương với PCR nhưng yêu cầu về trang thiết bị xét nghiệm đơn giản hơn so với PCR. Nghiên cứu thực nghiệm chế tạo kít LAMP chẩn đoán C. sinensis, đánh giá kít LAMP tại phòng thí nghiệm và thực địa hẹp với 150 mẫu phân thu thập từ người dân sống trong vùng dịch tễ sán lá gan nhỏ.

**Từ khóa**: Sán lá gan, kít LAMP, real-time PCR

**71. Nghiên cứu độc tính bán trường diễn của cao dây thìa canh (Gymnema sylvestre) trên thực nghiệm**/ Trần Gia Trang, Lê Hồng Oanh, Phương Thiện Thương, Nguyễn Thùy Dương, Hoàng Minh Châu, Đậu Thùy Dương, Trần Quỳnh Trang, Nguyễn Thị Thúy, Phạm Thị Vân Anh, Đinh Thị Thu Hằng// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 259-267.

**Nội dung**: Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá độc tính bán trường diễn của cao Dây thìa canh (Gymnema sylvestre) theo đường uống trên động vật thực nghiệm. Nghiên cứu độc tính bán trường diễn được tiến hành theo hướng dẫn của WHO, chuột cống trắng chủng Wistar được uống liên tục cao Dây thìa canh với mức liều 50 mg/kg/ngày và 250 mg/kg/ngày trong vòng 12 tuần liên tục.

**Từ khóa**: Cao Dây thìa canh, bán trường diễn, chuột cống trắng chủng Wistar

**72. Nghiên cứu độc tính cấp và bán trường diễn của ung dịch uống EATWELLB trên động vật thực nghiệm**/ Nguyễn Thị Thanh Loan, Trần Thanh Tùng// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 239-249.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá độc tính cấp và bán trường diễn theo đường uống của dung dịch EATWELLB trên động vật thực nghiệm. Nghiên cứu độc tính cấp được tiến hành trên chuột nhắt trắng chủng Swiss theo đường uống và xác định liều gây chết 50% chuột (lethal dose, LD50) theo phương pháp Litchfied-Wilcoxon. Nghiên cứu độc tính bán trường diễn tiến hành theo hướng dẫn của Tổ chức Y tế Thế giới.

**Từ khóa**: EATWELLB, độc tính cấp, độc tính bán trường diễn, động vật thực nghiệm, bào chế thuốc

**73. Nghiên cứu tổng quan hệ thống và phân tích gộp về độc tính của thuốc lá nung nóng so với thuốc lá thông thường**/ Trần Khánh Toàn, Đinh Huỳnh Linh, Hồ Thị Kim Thanh, Phạm Thị Ngọc Bích, Phạm Quỳnh Trang// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 378-391.

**Nội dung**: Độc tính của thuốc lá nung nóng là chủ đề đang được quan tâm trong thời gian gần đây. Nghiên cứu này nhằm mục tiêu tổng hợp kết quả các thử nghiệm lâm sàng ngẫu nhiên có đối chứng đánh giá độc tính của thuốc lá nung nóng so với thuốc lá thông thường dựa trên các chỉ điểm sinh học phơi nhiễm. Mười bài báo gốc đã được tuyển chọn từ 187 bài báo theo tiêu chuẩn thuộc 3 cơ sở dữ liệu điện tử: PubMed, Sciencedirect và ProQuest từ 2010 - 2023 theo hướng dẫn PRISMA 2020.

**Từ khóa**: Thuốc lá nung nóng, thuốc lá thông thường, độc tính, chỉ điểm sinh học phơi nhiễm, phân tích gộp

**74. Nguy cơ hội chứng nuôi ăn lại và một số yếu tố liên quan ở người bệnh ung thư thực quản xét chỉ định xạ trị**/ Trần Trung Bách, Nguyễn Minh Nhật, Nguyễn Thị Thanh, Nguyễn Quang Duy, Vũ Xuân Huy, Võ Văn Xuân// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 133-141.

**Nội dung**: Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 132 bệnh nhân ung thư thực quản tại Khoa Xạ trị Tổng hợp Tân Triều, Bệnh viện K từ tháng 3/2022 đến tháng 3/2024 nhằm đánh giá nguy cơ phát triển hội chứng nuôi ăn lại tại thời điểm xét chỉ định điều trị xạ trị.

**Từ khóa**: Ung thư thực quản, hội chứng nuôi ăn lại, xạ trị

**75. Nhận thức về ảnh hưởng của thuốc lá đối với sức khỏe răng miệng và thái độ tiếp nhận tư vấn cai thuốc từ bác sĩ răng hàm mặt của người bệnh tại Bệnh viện Đa khoa Đống Đa**/ Nguyễn Anh Chi, Lê Hưng, Phan Thị Bích Hạnh, Lê Linh Chi// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 213-221.

**Nội dung**: Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 60 người bệnh đi khám tại Bệnh viện Đa khoa Đống Đa Hà Nội nhằm đánh giá nhận thức về ảnh hưởng của hút thuốc lá đối với sức khỏe răng miệng và thái độ tiếp nhận tư vấn cai thuốc từ bác sĩ răng hàm mặt của đối tượng trên.

**Từ khóa**: Sức khoẻ răng miệng, nhận thức, thái độ, hút thuốc lá

**76. Nhiễm trùng do các trực khuẩn Gram âm thường gặp tại Trung tâm Hồi sức tích cực, Bệnh viện Bạch Mai năm 2023**/ Phạm Hồng Nhung, Nguyễn Tuấn Linh// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 43-51.

**Nội dung**: Nhiễm trùng do các trực khuẩn Gram âm đa kháng tại Trung tâm Hồi sức tích cực là vấn đề đáng quan ngại. Nghiên cứu thực hiện nhằm xác định vai trò của căn nguyên trực khuẩn Gram âm gây bệnh và mức độ nhạy cảm với kháng sinh của chúng trong năm 2023. A. baumannii, K. pneumoniae và P. aeruginosa là các căn nguyên gây bệnh hàng đầu, chiếm 49,7% tổng số căn nguyên phân lập được. Các trực khuẩn này đều có mức độ nhạy cảm với các kháng sinh thấp kể cả với kháng sinh mới như ceftazidime/avibactam. Nghiên cứu cung cấp dữ liệu giúp các bác sĩ lâm sàng có thể lựa chọn được kháng sinh điều trị theo kinh nghiệm phù hợp cho các nhiễm trùng do một số nhóm trực khuẩn Gram âm có nguy cơ kháng carbapenem khi chưa có kết quả kháng sinh đồ.

**Từ khóa**: Trực khuẩn Gram âm, hồi sức tích cực, nhiễm trùng

**77. Nutritional status and activities of daily living of Vietnamese older adults**/ Nguyen Thi Ngoc Lan, Ta Thanh Nga, Tran Phuong Thao, Dam Thi Phuong Lan, Nguyen Thuy Linh// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Vol 177(4E) .- P. 158-166.

**Nội dung**: This study aimed to evaluate the nutritional status and activities of daily living of older adults in a Vietnamese nursing home. A cross-sectional study included 100 older pepole aged ≥ 60 years old in a nursing home in Northern Vietnam in 2023.

**Từ khóa**: Older adults, nutritional status, ADL, SNAQ, OHAT

**78. Nutritional status in older patients with parkinson’s disease and associated factors**/ Tran Viet Luc, Nguyen Ngoc Tam, Nguyen Trung Anh// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Vol 177(4E) .- P. 64-73.

**Nội dung**: This study was conducted to assess factors related to the nutrition status among older patients with Parkinson’s disease (PD) in 2023. A cross-sectional study was conducted on participants aged over 60 years old having PD at the National Geriatric Hospital from February 2023 to October 2023. The nutritional status was assessed using Mini Nutritional Assessment Short Form (MNA – SF) questionnaires.

**Từ khóa**: MNA-SF, Parkinson disease, nutritional status

**79. Phân lập, tuyển chọn và đánh giá đặc tính các chủng Bacillus tiềm năng ứng dụng cho chế phẩm probiotic**/ Đào Gia Bách, Đoàn Thị Thùy Linh, Lưu Thị Thủy Ngân, Lê Thị Hội// Khoa học và Công nghệ Việt Nam B .- 2024 .- Tập 66, số 5 .- Tr. 29-33.

**Nội dung:** Trong ống tiêu hóa của người có thường trú một hệ vi sinh vật với số lượng rất lớn, trong đó có hơn 400 loài vi khuẩn khác nhau. Probiotic được định nghĩa là các vi khuẩn sống khi đưa vào cơ thể với số lượng đủ sẽ sinh ra các hiệu quả có lợi cho sức khỏe; các chế phẩm probiotic (thường được gọi là men tiêu hóa) không phải là thuốc, mà được xếp vào nhóm chất bổ sung dinh dưỡng. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm khảo sát các đặc tính probiotic của 2 chủng vi khuẩn Bacillus phân lập từ mẫu phân của người khỏe mạnh, không sử dụng kháng sinh hay các chế phẩm probiotic trong vòng ít nhất 1 tháng. Các đặc tính cơ bản được khảo sát bao gồm khả năng gây tan máu của vi khuẩn, khả năng chịu axit dạ dày và muối mật, mức độ nhạy cảm với kháng sinh.

**Từ khóa**: Hệ tiêu hóa, Bacillus clausii, Bacillus subtilis, kháng sinh, muối mật, pH, probiotic

**80. Phân tích biểu hiện một số cytokine và yếu tố tăng trưởng tế bào trong dịch não tủy của bệnh nhân rối loạn cơ tròn, viêm tủy cắt ngang và liệt**/ Thân Thị Trang Uyên, Trịnh Phương Đông, Nguyễn Thu Huyền, Hoàng Hương Diễm, Trịnh Phương Đông, Nguyễn Thanh Liêm// Khoa học và Công nghệ Việt Nam B .- 2024 .- Tập 66, số 5 .- Tr. 01-06.

**Nội dung**: Các nghiên cứu gần đây cho thấy có sự liên quan giữa mức độ biểu hiện của cytokine và yếu tố tăng trưởng với các bệnh lý khác nhau, trong đó có tổn thương thần kinh. Trong nghiên cứu này, chúng tôi thu thập dịch não tủy (DNT) của các bệnh nhân viêm/tổn thương thần kinh gồm rối loạn cơ tròn (RLCT), viêm tủy cắt ngang (VTCN) và liệt để phân tích sự biểu hiện của 22 cytokine và yếu tố tăng trưởng bằng phương pháp phân tích miễn dịch đa mục tiêu (Luminex).

**Từ khóa**: Thần kinh, cytokine, liệt, rối loạn cơ tròn, viêm tủy cắt ngang, yếu tố tăng trưởng

**81. Phân tích một loạt ca bệnh thai phụ có thai chết lưu liên quan tới đái tháo đường tại Khoa Nội tiết - Đái tháo đường, Bệnh viện Bạch Mai**/ Nguyễn Đình Đức, Bùi Phương Thảo, Đặng Bích Ngọc, Nguyễn Thị Hương, Lưu Thị Thảo, Phạm Thị Mỹ Thuần// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 334-340.

**Nội dung**: Đái tháo đường có liên quan đến tăng nguy cơ thai chết lưu. Chúng tôi đã phân tích các đặc điểm của thai phụ có thai chết lưu liên quan tới đái tháo đường và tìm các yếu tố nguy cơ để dự phòng. Nghiên cứu hồi cứu, mô tả trên 20 thai phụ có thai chết lưu liên quan tới đái tháo đường từ 01/01/2020 đến 31/12/2023.

**Từ khóa**: Đái tháo đường, thai kì, thai chết lưu, toan ceton

**82. Phân tích một số chỉ số cận lâm sàng ở bệnh nhân COVID-19 nặng, nguy kịch được nhập viện điều trị lần đầu tại Bệnh viện Điều trị người bệnh COVID -19**/ Nguyễn Đức Tuấn, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Thị Hoài Thu// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 17-23.

**Nội dung:** Nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát đặc điểm một số chỉ số cận lâm sàng của bệnh nhân COVID-19 tại thời điểm nhập Khoa hồi sức tích cực và mối liên quan giữa chúng với tình trạng nặng của bệnh nhân. Nghiên cứu là nghiên cứu mô tả cắt ngang hồi cứu trên 384 bệnh nhân mắc COVID-19 mức độ nặng, nguy kịch được theo dõi, điều trị tại Bệnh viện điều trị người bệnh COVID-19.

**Từ khóa**: COVID-19, chỉ số cận lâm sàng, tình trạng nặng

**83. Phẫu thuật bắc cầu nối động mạch vành cho bệnh nhân cao tuổi tại Bệnh viện Bạch Mai**/ Ngô Phi Long, Dương Đức Hùng, Phan Thanh Nam, Phạm Thái Sơn, Dương Thị Hoan, Tạ Đình Đô, Vũ Công Hiếu, Lê Thanh Tùng, Nguyễn Văn Tạo, Lương Mạnh Tường, Ma Nguyễn Thái Hoàng, Phạm Quốc Đạt// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 71-79.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm đánh giá kết quả phẫu thuật bắc cầu nối động mạch vành ở nhóm bệnh nhân từ 75 tuổi trở lên, tại Bệnh viện Bạch Mai giai đoạn 2018 - 2023.

**Từ khóa**: Bắc cầu nối động mạch vành, bệnh nhân cao tuổi, 75 tuổi

**84. Phẫu thuật nội soi cắt thận do ung thư biểu mô tế bào thận kích thước lớn trên 10cm (T3a): Ca lâm sàng và điểm lại y văn**/ Trần Quế Sơn, Nguyễn Toàn Thắng, Trần Hiếu Học, Trần Thu Hương, Đỗ Quốc Việt, Đỗ Trung Kiên// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 258-266.

**Nội dung**: Với kỹ năng của bác sĩ phẫu thuật ngày càng tốt, sử dụng phẫu thuật nội soi (PTNS) cắt thận triệt căn các khối u thận lớn và tiến triển cục bộ (T3a) đang được ưa thích trong thực hành. Có rất ít nghiên cứu báo cáo kết quả phẫu thuật ở những nhóm người bệnh như vậy. Mục đích của thông báo là trình bày kỹ thuật mổ và bàn luận một số vấn đề liên quan đến mổ nội soi ở bệnh nhân có khối u thận lớn. Bệnh nhân nữ 43 tuổi, đi khám vì đau tức và sờ thấy khối ở mạng sườn trái.

**Từ khóa**: U thận lớn, phẫu thuật nội soi, kích thước lớn, an toàn, ung thư học

**85. Post operative care for patients with transoral endoscopic thyroidectomy vestibular at Hanoi Medical University Hospital**/ Nguyen Xuan Hau, Pham Thi Ngoc Anh// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Vol 177(4E) .- P. 18-23.

**Nội dung**: Thyroid nodules, including both benign and malignant lesions, are the most common endocrine neoplasms. Most thyroid tumours are benign, with slow progresssion over time. Although surgery is the primary treatment method for benign thyroid nodules, the transoral endoscopic thyroidectomy vestibular approach (TOETVA) has recently gained popularity due to its higher probability of concealing scarThe study was conducted using a prospective descriptive method, with a convenient sample size. The study subjects were patients with transoral endoscopic thyroidectomy vestibular approach at the Department of Oncology and Palliative care, Hanoi Medical University Hospital from February to November 2023.

**Từ khóa**: Benign thyroid nodules, TOEVA, postoperative

**86. Prevalence and associated factors of gestational diabetes mellitus: A multicenter, cross-sectional study in mekong delta region**/ Tran Khanh Nga, Cao Ngoc Thanh, Pham Van Linh, Vo Thi Anh Trinh// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Vol 177(4E) .- P. 83-90.

**Nội dung**: The purpose of this study was to determine the prevalence and associated factors of gestational diabetes mellitus (GDM) in the Mekong Delta region. A multicenter, cross-sectional descriptive study was conducted on 1727 pregnant women undergoing oral glucose tolerance testing (OGTT) at 4 major central hospitals of 4 provinces in the Mekong Delta region from 06/2017 to 06/2022.

**Từ khóa**: Gestational diabetes mellitus, prevalence, associated factors, oral glucose tolerance testing, 24-28 weeks of gestation

**87. Prevalence of insomnia and its association in COVID-19-recovered healthcare workers in some Hospitals of Vietnam**/ Hoang Thi Xuan Huong, Pham Do Nhat Vi, Nguyen Truong Giang, Le Tuyet Nhung, Vu Hoang Anh, Nguyen Thi Huyen Trang, Dang Thi Loan, Truong Quang Trung// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Vol 177(4E) .- P. 185-195.

**Nội dung**: Sleep problems in healthcare workers during the COVID-19 pandemic have been studied extensively. However, little is known about insomnia in COVID-19-recovered healthcare workers. This study aimed to explore the prevalence of insomnia and its related factors among healthcare workers after COVID-19 infection in Vietnam. A cross-sectional study was conducted among 212 healthcare workers who had recovered from COVID-19 within 6 months and did not require hospitalization.

**Từ khóa**: Post-COVID19, insomnia, healthcare worker, anxiety

**88. Propylene glycol gây ảnh hưởng đến khả năng sinh sản và tuổi thọ trên mô hình ruồi giấm thực nghiệm**/ Nguyễn Trọng Tuệ, Nguyễn Thu Thúy, Dương Thị Thu Thuỷ, Trần Quốc Đạt// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 268-275.

**Nội dung**: Propylene glycol (PG) là một chất phụ gia hiện đang được sử dụng rộng rãi làm dung môi, chất giữ ẩm, chất chống đông trong thực phẩm, dược phẩm và mỹ phẩm. Năm 1982, PG được FDA (Food and Drug Administration) xếp vào nhóm GRAS (Generally Recognized As Safe - được công nhận là an toàn), nhưng ngày càng có nhiều ghi nhận và báo cáo về độc tính của PG. Do đó, trong nghiên cứu này chúng tôi sử dụng mô hình ruồi giấm để đánh giá mức độ ảnh hưởng của PG đến sức khoẻ và khả năng sinh sản.

**Từ khóa**: Propylene glycol, ruồi giấm, gen EcR, ERR, hóa chất, sức khỏe cộng đồng

**89. Rối loạn tăng động giảm chú ý ở trẻ hen phế quản có ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ**/ Nguyễn Thị Thanh Mai, Nguyễn Thị Diệu Thúy, Dương Quý Sỹ, Nguyễn Ngọc Quỳnh Lê// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 104-111.

**Nội dung**: Nghiên cứu cắt ngang trên 84 bệnh nhi được chẩn đoán hen phế quản có ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ tại Khoa Miễn dịch - Dị ứng - Khớp, Bệnh viện Nhi Trung ương từ tháng 01/2021 đến tháng 12/2022 nhằm mô tả tần suất, đặc điểm lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến rối loạn tăng động giảm chú ý ở nhóm trẻ trên.

**Từ khóa**: Hô hấp, Hen phế quản, ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ, rối loạn tăng động giảm chú ý, trẻ em

**90. Safety investigation of “Thong Ta Yeu Phuong” capsules: Assessment of acute and subchronic toxicity in the experiment**/ Le Hong Phu, Nguyen Cong Thuc, Dinh Thu Thu Hang// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Vol 177(4E) .- P. 98-105.

**Nội dung**: “Thong ta yeu phuong” capsules contained natural materials including Atractylodes macrocephala Koidz., Paeonia lactiflora Pall., Pericarpium Citri Reticulatae, and Ligusticum brachylobum Franch. “Thong ta yeu phuong” capsules were intended to support treating gastrointestinal disorders. So far, the safety of this product, however, has not yet beenreported. Thus, this study aimed to investigate the acute and subchronic toxicities of “Thong ta yeu phuong” capsules through oral administration in experimental animals.

**Từ khóa**: “Thong ta yeu phuong” capsules, acute toxicity, subchronic toxicity, experimental animals

**91. Serum vascular endothelial growth factor levels and some characteristics of diabetic retinopathy patients**/ Vu Van Nga, Nguyen Thi Binh Minh, Dinh Thi My Dung, Nguyen Thi Lan Anh, Hoang Thi Thu Ha, Le Thi Minh Phuong, Do Thi Le Hang, Do Thi Quynh, Pham Thi Thuy An, Le Ngoc Thanh, Tran Van Khanh, Vu Thi Thom// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Vol 177(4E) .- P. 74-82.

**Nội dung**: Diabetic retinopathy (DR) is a dangerous microvascular complication of diabetes mellitus (DM). The escalating prevalence of diabetes increases the rate of DR patients in Vietnam. Numerous studies have indicated that serum vascular endothelial growth factor (VEGF) can be used as a marker for monitoring the progression of this disease. Our study included 150 diabetic patients and 75 healthy individuals in the control group. Our study included 150 diabetic patients and a control group of 75 healthy individuals. We investigated the association between serum VEGF levels and some characteristics in diabetic retinopathy patients. Clinical data (pulse, blood pressure, medical history, and body mass index) and paraclinical data (Glucose, HbA1c) were collected. Serum samples were analyzed to determine VEGF concentrations. Our study fond that serum VEGF levels were higher in the group with DR compared to the other two groups and exhibited a correlation with glucose levels in diabetic patients (p < 0.05).

**Từ khóa**: Diabetic retinopathy, diabetes mellitus, VEGF

**92. So sánh hiệu quả giảm đau cho bệnh nhân gãy xương dài chi dưới của gây tê thần kinh đùi và gây tê thần kinh hông to với chuẩn độ morphin tĩnh mạch**/ Vũ Đình Lượng, Vũ Minh Hải, Nguyễn Hữu Tú// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 162-169.

**Nội dung**: Gây tê thần kinh đùi (FNB) phối hợp gây tê thần kinh hông to (SNB) theo đường trước bệnh nhân nằm ngửa tránh thay đổi tư thế gây đau đớn, khó chịu, thậm chí có thể làm nặng thêm tổn thương gẫy xương ở người bệnh. Nghiên cứu được thực hiện nhằm so sánh hiệu quả của FNB và SNB đường trước dưới hướng dẫn của siêu âm với giảm đau bằng morphin tĩnh mạch cho 130 bệnh nhân gãy xương dài chi dưới. 65 bệnh nhân nhóm L thực hiện FNB và SNB, tư thế nằm ngửa; 65 bệnh nhân nhóm M sử dụng morphin tĩnh mạch. Không có sự khác biệt về tuổi, giới, chẩn đoán và nguyên nhân gãy xương.

**Từ khóa**: Gây tê thần kinh đùi - thần kinh hông to, levobupivacain, phong bế ngoại vi, gây tê vùng

**93. So sánh hiệu quả giữa kỹ thuật microfluidic và thang nồng độ trong chuẩn bị tinh trùng ở các trường hợp làm thụ tinh trong ống nghiệm**/ Đỗ Thuỳ Hương, Đỗ Thị Minh Tâm , Nguyễn Thanh Hoa, Nguyễn Mạnh Hà, Hồ Sỹ Hùng, Hồ Nguyệt Minh// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 114-125.

**Nội dung**: Nghiên cứu thử nghiệm so sánh trên 71 mẫu tinh dịch của các cặp vợ chồng làm thụ tinh trong ống nghiệm để đánh giá chất lượng tinh trùng trước và sau xử lý bằng 2 phương pháp: microfluidic và thang nồng độ. Nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng ngẫu nhiên có nhóm chứng để so sánh kết quả tạo phôi, tỷ lệ có thai giữa nhóm chuẩn bị tinh trùng bằng microfluidic và thang nồng độ. 92 cặp vợ chồng có chỉ định làm thụ tinh trong ống nghiệm vào nghiên cứu được phân nhóm ngẫu nhiên vào hai nhóm. Nhóm 1 là nhóm can thiệp, sử dụng kỹ thuật microfluidic để chuẩn bị tinh trùng, nhóm 2 là nhóm chứng, sử dụng kỹ thuật thang nồng độ để chuẩn bị tinh trùng.

**Từ khóa**: Microfluidic, thang nồng độ, chuẩn bị tinh trùng, thụ tinh trong ống nghiệm, DFI

**94. So sánh mức độ tương quan và tương đồng của một số giá trị thông số ước tính từ khí máu tĩnh mạch với khí máu động mạch ở các bệnh nhân hồi sức tích cực**/ Hồ Thị Bảo Châu, Lê Duy Phương// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 223-230.

**Nội dung**: Xét nghiệm khí máu động mạch được chỉ định thường quy ở những bệnh nhân (BN) nặng, được điều trị tại các Khoa Hồi sức tích cực và cấp cứu. Tuy nhiên, khí máu động mạch là kỹ thuật lấy mẫu xâm lấn, khó lấy và thậm chí gây một số biến chứng cho bệnh nhân. Ngược lại, khí máu tĩnh mạch lấy mẫu đơn giản hơn và ít gây biến chứng. Mục tiêu của nghiên cứu là phân tích mức độ tương quan và sự tương đồng giữa giá trị khí máu động mạch và giá trị ước tính từ khí máu tĩnh mạch (sau đây gọi là UT) dựa trên một công thức cụ thể, áp dụng trên cùng một nhóm bệnh nhân tại một thời điểm. Nghiên cứu mô tả, trên 74 bệnh nhân có chỉ định khí máu động mạch tại Khoa Hồi sức tích cực.

**Từ khóa**: Khí máu động mạch, khí máu tĩnh mạch, xét nghiệm, suy hô hấp

**95. Solitary metastasis to the pancreas from colon cancer treated with radical surgery: A case report and literature review**/ Pham The Anh, Truong Manh Cuong, Pham Tuan Anh// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Vol 177(4E) .- P. 204-211.

**Nội dung**: This report describes a rare case of pancreatic metastasis in a 56-year-old woman with a past medical history of malignancy. The patient initially presented with right breast cancer in 2008, which was treated with a modified radical mastectomy followed by adjuvant chemotherapy. Subsequently, she developed right colon cancer and underwent a right hemicolectomy with adjuvant chemotherapy in 2015. In October 2020, during a routine examination, a suspicious lesion was identified in the duodenum and head of the pancreas. A biopsy confirmed the presence of moderately differentiated adenocarcinoma. Following a comprehensive multidisciplinary consultation, the patient was recommended for exploratory surgery to assess the feasibility of a pancreatoduodenectomy (Whipple procedure) with subsequent ileocolic reanastomosis (reconnection of the ileum to the transverse colon), followed by systemic therapy.

**Từ khóa**: Metastasis, colon cancer, pancreatoduodenectomy, ileocolic reanastomosis

**96. Sử dụng đoạn mạch máu tự thân của người hiến tạo hình tĩnh mạch cửa trong ghép gan ở trẻ em: Báo cáo hai trường hợp**/ Phan Hồng Long, Phạm Duy Hiền, Vũ Mạnh Hoàn, Trần Đức Tâm, Nguyễn Phạm Anh Hoa , Phạm Thị Hải Yến// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 363-369.

**Nội dung:** Ghép gan cho trẻ em là phương pháp điều trị cuối cùng có hiệu quả cho trẻ em xơ gan, bệnh gan giai đoạn cuối, u gan và một số bệnh lý chuyển hóa. Đặc điểm tĩnh mạch cửa ở trẻ em xơ gan thường nhỏ và xơ cứng do hậu quả của tăng áp lực tĩnh mạch cửa kéo dài, lưu lượng máu qua tĩnh mạch cửa thấp hoặc những can thiệp phẫu thuật trước đó. Báo cáo hồi cứu hai trường hợp người bệnh 16 tháng và người bệnh 43 tháng với chẩn đoán: Xơ gan, bệnh gan giai đoạn cuối/ Teo mật đã phẫu thuật Kasai có hẹp tĩnh mạch cửa được phẫu thuật ghép gan sử dụng mảnh ghép gan trái từ người cho sống và thay thế tĩnh mạch cửa bằng đoạn tĩnh mạch chậu ngoài của người hiến.

**Từ khóa**: Ghép gan trẻ em, tạo hình tĩnh mạch cửa, ghép gan từ người hiến sống

**97. Sự hài lòng của người bệnh ngoại trú khi sử dụng dịch vụ tại Trung tâm Chẩn đoán hình ảnh và Can thiệp điện quang Bệnh viện Đại học Y Hà Nội năm 2023**/ Bùi Thị Mai, Nguyễn Thị Thúy Vân, Nguyễn Thị Sơn, Lê Tuấn Linh, Nguyễn Quang Trung, Nguyễn Ngọc Hải// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 315-323.

**Nội dung**: Nghiên cứu mô tả cắt ngang thực hiện trên 1108 người bệnh trong tháng 10 và 11/2023 với mục tiêu mô tả sự hài lòng của người bệnh và một số yếu tố liên quan trên người bệnh ngoại trú khi sử dụng dịch vụ tại Trung tâm Chẩn đoán hình ảnh và Can thiệp điện quang - Bệnh viện Đại học Y Hà Nội năm 2023. Nghiên cứu chỉ ra sự khác biệt có ý nghĩa thống kê sự hài lòng người bệnh với sử dụng giữa các loại dịch vụ chẩn đoán hình ảnh.

**Từ khóa**: Sự hài lòng, người bệnh ngoại trú, Trung tâm Chẩn đoán hình ảnh và Can thiệp điện quang (CĐHA & CTĐQ) Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

**98. Sự hài lòng của người dân về dịch vụ tiêm chủng mở rộng tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội năm 2023**/ Dương Văn Quân, Nguyễn Thị Thùy Trang// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 242-249.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện nhằm mô tả sự hài lòng về dịch vụ tiêm chủng mở rộng của người dân tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang được tiến hành trên 776 người đưa trẻ đến tiêm chủng tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội từ tháng 5/2023 đến tháng 1/2024.

**Từ khóa**: Tiêm chủng mở rộng, huyện Sóc Sơn, sự hài lòng

**99. Sức khỏe tâm thần của học sinh tiểu học tại Hà Nội: Thực trạng và khuyến nghị**/ Phạm Thị Phương Thức// Khoa học giáo dục Việt Nam .- 2024 .- Số 4 .- Tr. 63-68.

**Nội dung**: Bài viết phân tích vấn đề sức khỏe tâm thần của 1.317 học sinh tiểu học tại Hà Nội. Phương pháp chính sử dụng là nghiên cứu tài liệu và điều tra bằng bảng hỏi, trong đó, Thang đo Điểm mạnh và Khó khăn - SDQ phiên bản dành cho cha mẹ học sinh được nhóm nghiên cứu lựa chọn. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy hoạt động chăm sóc sức khỏe tâm thần cho học sinh tiểu học tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Sức khỏe tâm thần, điểm mạnh, khó khăn, lâm sàng, học sinh

**100. Tác dụng của viên nang cứng từ bài thuốc “Dạ dày HĐ” trên bệnh nhân viêm loét dạ dày tá tràng có Helicobacter pylory dương tính**/ Nghiêm Thị Thanh Hường, Dương Hồng Quân, Nguyễn Thị Thanh Tú// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 250-258.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá tác dụng điều trị bệnh viêm loét dạ dày tá tràng có Helicobacter pylori dương tính bằng viên nang cứng từ bài thuốc “Dạ dày HĐ” và theo dõi tác dụng không mong muốn của chế phẩm trên lâm sàng và cận lâm sàng. Nghiên cứu can thiệp lâm sàng mở, so sánh trước sau điều trị trên 72 bệnh nhân được chẩn đoán viêm loét dạ dày - tá tràng có Helicobacter pylori dương tính. Bệnh nhân được uống viên nang cứng từ bài thuốc “Dạ dày HĐ”, hàm lượng 500 mg/1 viên, 8 viên/ngày, uống liên tục trong 45 ngày.

**Từ khóa**: Viêm loét dạ dày tá tràng, Helicobacter Pylori, Dạ dày HĐ

**101. Tác dụng hạ glucose máu của cao chiết lá ổi trên chuột nhắt trắng bị đái tháo đường týp 2**/ Phan Hồng Minh, Đỗ Thị Hồng Khánh, Lê Anh Tuấn, Nguyễn Thị Thuý Mậu, Trần Tiến Đạt, Hà Thị Thuỳ Dung, Mai Phương Thanh// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 153-162.

**Nội dung**: Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá tác dụng hạ glucose máu của cao chiết lá ổi trên chuột nhắt trắng chủng Swiss bị đái tháo đường týp 2 gây ra bởi chế độ ăn giàu chất béo kết hợp với streptozocin (STZ).

**Từ khóa**: Lá ổi, đái tháo đường, streptozocin, chuột nhắt

**102. Tán sỏi qua da đường hầm nhỏ dưới hướng dẫn siêu âm cho bệnh nhân sỏi thận phức tạp: Lựa chọn đường vào và chiến lược phẫu thuật**/ Nguyễn Huy Hoàng, Đỗ Ngọc Sơn// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 151-161.

**Nội dung:** Viêm tụy cấp là tình trạng tổn thương viêm nhu mô tuyến tụy cấp tính, xảy ra ở nhiều mức độ khác nhau, có khả năng tự giới hạn nhưng có thể tiến triển nặng với nhiều biến chứng tại chỗ và toàn thân. Sự thay đổi của các yếu tố đông máu đã được báo cáo ở nhiều bệnh nhân mắc viêm tụy cấp. Mục tiêu của nghiên cứu là nhận xét kết quả điều trị viêm tụy cấp có rối loạn đông máu ở trẻ em. Nghiên cứu mô tả loạt ca bệnh trên 53 trẻ được chẩn đoán viêm tụy cấp theo tiêu chuẩn Atlanta sửa đổi năm 2012 và có ít nhất một xét nghiệm đông máu nằm ngoài giới hạn bình thường theo tuổi điều trị tại Bệnh viện Nhi Trung ương từ tháng 01/2022 đến tháng 07/2023.

**Từ khóa**: Sỏi thận, miniPCNL, siêu âm, nội khoa

**103. Thử nghiệm đánh giá an toàn và tác dụng của sản phẩm bào tử lợi khuẩn Bacillus trên trẻ em tiêu chảy kéo dài**/ Đặng Thuý Hà, Trần Minh Điển, Phùng Thị Bích Thuỷ, Nguyễn Thị Việt Hà, Bùi Thị Phương Anh, Lương Thị Minh, Nguyễn Thị Thu Trang, Phạm Thị Thanh Nga, Nguyễn Thị Ngọc Hồng, Lê Thị Hương, Nguyễn Văn Ngoan, Nguyễn Minh Hằng, Trịnh Thị Hương, Bùi Thị Huyền, Võ Thị Ngọc Hảo, Nguyễn Thị Vân Anh, Nguyễn Hoà Anh// Khoa học & Công nghệ B .- 2024 .- Số 66(6) .- Tr. 73-80.

**Nội dung**: Tiêu chảy kéo dài (TCKD) ở trẻ dưới 24 tháng tuổi cho đến nay vẫn đang là một vấn đề sức khỏe cộng đồng toàn cầu, trong đó có Việt Nam. Vì vậy, chúng tôi đã tiến hành một thử nghiệm lâm sàng ngẫu nhiên, mù đôi, có đối chứng, để đánh giá hiệu quả của 2 loại probiotic dạng bào tử lợi khuẩn Bacillus, gồm LiveSpo CLAUSY chứa B. clausii 2 tỷ CFU/ống 5 ml; LiveSpo DIA30 chứa B. subtilis, B. clausii và B. coagulans 5 tỷ CFU/ ống 5 ml, trong hỗ trợ điều trị cho trẻ em bị TCKD. Trẻ được phân nhóm ngẫu nhiên vào nhóm chứng (sử dụng nước RO) và 2 nhóm thử nghiệm là Clausy (sử dụng LiveSpo CLAUSY) và Dia30 (sử dụng LiveSpo DIA30), n=30/nhóm. Cả 3 nhóm đều được điều trị theo phác đồ thường quy tại bệnh viện bổ sung giả dược hay probiotic ở liều cao lên tới 4-6 ống/ngày.

**Từ khóa**: Bacillus, bào tử lợi khuẩn, probiotic, tiêu chảy, y học lâm sàng

**104. Thử nghiệm đo lường nồng độ phơi nhiễm bụi PM2.5 cá nhân tại thành phố Hồ Chí Minh**/ Trần Thị Anh Thư, Vũ Khánh Linh, Trần Khánh Huyền, Phan Thị Trúc Thủy, Vũ Anh Tuấn, Lê Thị Hương, Hồ Hoàng Vũ, Trần Ngọc Đăng// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 232-241.

**Nội dung:** Nghiên cứu nhằm đo lường nồng độ bụi PM2.5 phơi nhiễm cá nhân theo các nhóm yếu tố: đặc điểm nhân khẩu học, địa điểm, phương tiện di chuyển, hoạt động, tình trạng thông khí, chất lượng không khí. Nghiên cứu thử nghiệm theo dõi dọc thực hiện trên 36 tình nguyện viên tại TP. Hồ Chí Minh.

**Từ khóa**: Bụi PM2.5, phơi nhiễm cá nhân, yếu tố liên quan, TP. Hồ Chí Minh

**105. Thực trạng bệnh viêm mũi họng ở người lao động mỏ than Na Dương, Lạng Sơn năm 2022**/ Lê Thị Thanh Hoa, Trương Thị Thùy Dương, Nguyễn Ngọc Anh// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 181-187.

**Nội dung:** Nghiên cứu được thực hiện trên 408 người lao động làm việc tại mỏ than Na Dương, Lạng Sơn nhằm mô tả thực trạng bệnh viêm mũi họng ở người lao động mỏ than Na Dương, Lạng Sơn năm 2022. Số liệu được thu thập thông qua phỏng vấn trực tiếp và khám sức khỏe định kì trong đó có khám tai mũi họng cho người lao động.

**Từ khóa**: Người lao động, mỏ than, viêm mũi họng

**106. Thực trạng hoạt động hội chẩn, hỗ trợ chuyên môn từ xa của các bác sĩ và những khó khăn trong quá trình thực hiện tại một số tỉnh**/ Tạ Đăng Hưng, Mai Xuân Thu, Nguyễn Thị Minh Hiếu , Đỗ Thị Thanh Toàn, Lưu Ngọc Hoạt// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 324-333.

**Nội dung**: Nghiên cứu mô tả cắt ngang 217 bác sĩ tham gia hội chẩn từ xa từ tháng 9/2021 - 9/2022 với mục tiêu mô tả thực trạng hoạt động hội chẩn, hỗ trợ chuyên môn từ xa của bác sĩ tại 10 bệnh viện tuyến tỉnh/huyện của 03 tỉnh Sơn La, Quảng Ninh, Hà Tĩnh.

**Từ khóa**: Hội chẩn từ xa, hỗ trợ chuyên môn từ xa, y tế từ xa

**107. Thực trạng kém khoáng hoá men răng hàm răng cửa của học sinh Trường Trung học cơ sở Hoàng Long, Phú Xuyên, Hà Nội**/ Lê Hưng, Nguyễn Thị Hạnh, Phùng Hữu Đại, Lê Linh Chi, Đỗ Thị Thu Hằng, Nguyễn Ngọc Linh Chi , Hà Lan Hương, Phan Thị Bích Hạnh// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 306-314.

**Nội dung**: Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 161 nam sinh viên khối Y học Dự phòng Trường Đại học Y Hà Nội thông qua phỏng vấn trực tiếp bằng bộ câu hỏi được thiết kế sẵn nhằm mô tả kiến thức, thái độ về vi rút và các bệnh do HPV năm 2024 và một số yếu tố liên quan.

**Từ khóa**: Nha khoa, men răng, răng cửa, học sinh

**108. Thực trạng lệch lạc khớp cắn và nhu cầu điều trị chỉnh nha của học sinh 14 tuổi tại Trường trung học cơ sở Hoàng Long, Hà Nội năm học 2023**/ Lê Hưng, Nguyễn Thị Oanh, Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Ngọc Linh Chi, Lê Linh Chi, Bùi Diệu Linh, Phùng Hữu Đại, Phan Thị Bích Hạnh// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 250-257.

**Nội dung**: Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 98 học sinh 14 tuổi tại Trường THCS Hoàng Long, Phú Xuyên, Hà Nội nhằm đánh giá thực trạng lệch lạc khớp cắn và nhu cầu điều trị chỉnh nha của đối tượng trên

**Từ khóa**: Lệch lạc khớp cắn, nhu cầu điều trị, học sinh

**109. Thực trạng quản lí chất lượng bữa ăn bán trú cho trẻ ở các trường mầm non huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang**/ Nguyễn Thị Yên, Hoàng Thị Thái, Nguyễn Thị Tình// Khoa học giáo dục Việt Nam .- 2024 .- Số 4 .- Tr. 69-75.

**Nội dung**: Nghiên cứu này đánh giá toàn diện thực trạng quản lí chất lượng bữa ăn bán trú cho trẻ em tại các trường mầm non ở huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang với mục tiêu nâng cao hiệu quả công tác nuôi dưỡng và đảm bảo sức khỏe cho trẻ. Điều tra qua khảo sát, quan sát và phỏng vấn cho thấy những thách thức và cơ hội trong quản lí dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm. Mặc dù các nhà trường đã cố gắng cải thiện chất lượng bữa ăn và vệ sinh thực phẩm nhưng vẫn còn gặp một số khó khăn liên quan đến nguồn lực, cơ sở vật chất và năng lực của đội ngũ giáo viên, nhân viên cấp dưỡng. Nghiên cứu này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, đào tạo nâng cao năng lực cho giáo viên và nhân viên cấp dưỡng cũng như cải thiện hệ thống giám sát chất lượng bữa ăn bán trú để đáp ứng tốt nhất nhu cầu dinh dưỡng và sức khỏe của trẻ.

**Từ khóa**: Quản lí chất lượng, bữa ăn bán trú, mầm non, dinh dưỡng trẻ em, suy dinh dưỡng

**110. Thực trạng stress và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân tim mạch tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội**/ Dương Văn Quân, Bạch Thị Thảo// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 198-205.

**Nội dung**: Nghiên cứu thực hiện nhằm mô tả thực trạng stress và một số yếu tố liên quan của bệnh nhân tim mạch tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang được tiến hành trên 418 bệnh nhân mắc bệnh tim mạch tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội từ tháng 5/2023 đến tháng 1/2024.

**Từ khóa**: Stress, bệnh nhân tim mạch, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

**111. Tính an toàn và kết quả tức thời của kỹ thuật triệt đốt bằng nhiệt lạnh để cô lập tĩnh mạch phổi trong điều trị rung nhĩ kịch phát**/ Phan Đình Phong, Đỗ Doãn Lợi, Phạm Minh Tuấn, Trần Song Giang, Phạm Trần Linh, Trần Tuấn Việt , Lê Võ Kiên, Đặng Việt Phong, Nguyễn Duy Linh// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 392-402.

**Nội dung**: Nhằm bước đầu đánh giá tính an toàn và kết quả cô lập tĩnh mạch phổi của kĩ thuật triệt đốt bằng nhiệt lạnh trong khởi trị rung nhĩ kịch phát, chúng tôi tiến hành thủ thuật trên 15 người bệnh. Tính an toàn được xác định dựa trên sự xuất hiện của các biến cố bất lợi.

**Từ khóa**: Rung nhĩ, triệt đốt, năng lượng sóng có tần số radio, nhiệt lạnh, cô lập tĩnh mạch phổi

**112. Tình hình biến chứng phẫu thuật thẩm mỹ vào điều trị tại Khoa Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ, Bệnh viện Bạch Mai**/ Nguyễn Hoàng Đăng, Phan Tuấn Nghĩa, Phạm Thị Việt Dung, Tạ Thị Hồng Thuý// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 62-70.

**Nội dung**: Phẫu thuật thẩm mỹ dần trở nên phổ biến tại Việt Nam. Tuy nhiên, tỷ lệ biến chứng sau phẫu thuật thẩm mỹ cũng gia tăng về cả số lượng và mức độ. Chúng tôi đã tiếp nhận và điều trị rất nhiều trường hợp biến chứng sau phẫu thuật thẩm mỹ và đặc biệt do các yếu tố ngoài chuyên môn, và cũng chưa có thống kê cụ thể về các trường hợp này ở Việt Nam. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm thống kê các trường hợp biến chứng sau phẫu thuật thẩm mỹ vào điều trị tại khoa Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ, Bệnh viện Bạch Mai từ tháng 1/2021 tới tháng 12/2023.

**Từ khóa**: Phẫu thuật thẩm mỹ, biến chứng, chất làm đầy

**113. Ứng dụng hệ thống cảnh báo thần kinh trong phẫu thuật u trong tủy tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức**/ Trần Sơn Tùng, Dương Đại Hà, Lê Hồng Nhân// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 143-152.

**Nội dung**: Cùng với những tiến bộ mới nhất trong kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh thần kinh và kỹ thuật vi phẫu, việc phẫu thuật cắt bỏ khối u tủy sống vẫn còn là một thách thức đối với phẫu thuật viên. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển và tiến bộ trong phương pháp theo dõi thần kinh trong mổ (IONM) ngày nay dần dần đã trở thành một phương pháp hỗ trợ quan trọng trong việc theo dõi sinh lý điện dẫn truyền thần kinh nhất là đối với các tổn thương nội tủy, trong đó có u trong tủy. Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 1/2022 đến tháng 2/2024 với 39 bệnh nhân được chẩn đoán là u trong tủy sống.

**Từ khóa**: U trong tủy sống, cảnh báo thần kinh trong mổ

**114. Ứng dụng kỹ thuật Immunoblot (ANA 23 Profile) trong xét nghiệm phát hiện tự kháng thể trên bệnh nhân xơ cứng bì hệ thống**/ Đỗ Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Thảo Nhi// Khoa học & Công nghệ B .- 2024 .- Số 66(6) .- Tr. 58-62.

**Nội dung**: Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và tỷ lệ một số tự kháng thể trong bệnh xơ cứng bì hệ thống (XCBHT) bằng kỹ thuật Immunoblot (ANA 23 Profile). Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 57 bệnh nhân được chẩn đoán xác định XCBHT theo tiêu chuẩn chẩn đoán của Hội Thấp khớp học Hoa Kỳ và Liên đoàn chống Thấp khớp châu Âu (ACR/EULAR) năm 2013 và được làm xét nghiệm tìm tự kháng thể bằng kỹ thuật Immunoblot (ANA 23 Profile) tại Bệnh viện Da liễu Trung ương.

**Từ khóa**: ANA 23 Profile, Immunoblot, tự kháng thể, xơ cứng bì hệ thống, kỹ thuật y học, xét nghiệm

**115. Using Birleson Depression Self-Rating Scale to Measure Depressive Symptoms among Urban Adolescents in Hanoi, Vietnam**/ Ngo Anh Vinh, Nguyen Thi Ut// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Vol 177(4E) .- P. 176-184.

**Nội dung**: This study was conducted to assess the prevalence of depressive symptoms among adolescents using the Birleson Depression Self-Rating Scale (DSRS) and to explore how demographic factors such as gender, grade level, and academic performance influence these symptoms. This is a cross-sectional study involving 996 students from two secondary schools in Hanoi, Vietnam. Participants completed the DSRS, and data were analyzedto calculate the prevalence of depressive symptoms. Associations between depressive symptoms and demographic factors were examined using odds ratios and regression analysis.

**Từ khóa**: Depression, adolescents, birleson depression self-rating scale, mental health screening

**116. Vai trò cộng hưởng từ khuếch tán trong đánh giá độ mô học ung thư nội mạc tử cung trước phẫu thuật**/ Nguyễn Văn Thi, Trần Thị Hà Trang, Dương Đức Hữu// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 176(3) .- Tr. 44-53.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm xác định vai trò của chụp cộng hưởng từ khuếch tán định lượng trong dự báo độ mô học của ung thư biểu mô tuyến dạng nội mạc tử cung trước phẫu thuật. Nghiên cứu mô tả cắt ngang được tiến hành trên 57 bệnh nhân ung thư biểu mô tuyến dạng nội mạc tử cung từ 01/2022 đến 05/2023 tại Bệnh viện K.

**Từ khóa**: Cộng hưởng từ khuếch tán, ung thư nội mạc tử cung, ung thư biểu mô tuyến dạng nội mạc, độ mô học

**117. Viêm ruột là biểu hiện ban đầu của Lupus ban đỏ hệ thống: Báo cáo ca bệnh**/ Lương Thị Phượng, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Nguyễn Thu Hương// Nghiên cứu Y học .- 2024 .- Số 178(5) .- Tr. 357-362.

**Nội dung**: Viêm ruột lupus là một biến chứng nghiêm trọng, hiếm gặp của lupus ban đỏ hệ thống (SLE). Chẩn đoán rất khó khăn, đặc biệt khi không có các triệu chứng khác của SLE đang hoạt động. Chúng tôi báo cáo ca bệnh trẻ nữ 11 tuổi đến khám vì đau bụng, nôn nhiều, đại tiện phân lỏng 3 - 4 lần/ ngày, không có nhày máu, khám trẻ tỉnh, bụng mềm không có phản ứng thành bụng, X-quang bụng bình thường, siêu âm bụng có hình ảnh dày thành một số quai ruột, ít dịch. Sau 1 tuần, trẻ nôn nhiều hơn, nôn dịch xanh, vàng, đại tiện phân tóe nước có ít nhày không máu 12 - 15 lần/ ngày và sốt.

**Từ khóa**: Lupus ban đỏ hệ thống, viêm ruột lupus, viêm thận lupus

**ĐIỆN – ĐIỆN TỬ**

**1. 5 yếu tố tiền đề của tương tác giữa người và máy trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo**/ Hồ Mạnh Tùng, Nguyễn Tô Hồng Kông// Thông tin & Truyền thông .- 2024 .- Số 4 .- Tr. 84-91.

**Nội dung:** Bài viết giới thiệu 5 yếu tố tiền đề với mục đích gia tăng nhận thức về quan hệ giữa người và máy trong bối cảnh công nghệ ngày càng thay đổi cuộc sống thường nhật. Trên cơ sở giải thích rõ về 5 tiền đề, bài viết đã đưa ra ba gợi ý cho Việt Nam về việc phát triển, ứng dụng và quản lý trí tuệ nhân tạo.

**Từ khóa**: Trí tuệ nhân tạo, ứng dụng công nghệ, người máy, quản lý

**2. AI đáng tin cậy và các nguyên tắc thực thi**/ Chu Thị Thắm, Nguyễn Đức Thủy// Thông tin & Truyền thông .- 2024 .- Số 4 .- Tr. 38-45.

**Nội dung**: Đánh giá, thẩm định sự tin cậy của AI, đề xuất các hướng dẫn và chính sách hướng tới mục tiêu đảm bảo rằng các hệ thống, sản phẩm, dịch vụ AI được sử dụng mạng tính tin cậy.

**Từ khóa**: Trí tuệ nhân tạo, nguyên tắc, đáng tin cậy

**3. Leveraging AI for higher education: The role and implications of chatGPT**/ Nguyen Ngoc Vu, Nguyen Thi Hong Lien// Khoa học HUFLIT .- 2023 .- Vol 7 (No.4) .- P. 29-34.

**Nội dung:** This review paper examines the possible uses, advantages, and difficulties of ChatGPT, an advanced language model created by OpenAI, in the context of higher education. We examine how ChatGPT is used to improve teaching and learning, support professional development, and streamline administrative chores like generating quality assurance reports using a wide range of academic literature. We also take into account any potential negative effects, such as challenges with data privacy, difficulties comprehending complicated ideas, possible false information, and accessibility problems. Finally, we suggest potential uses for ChatGPT in higher education as well as future avenues for research, highlighting its potential as a teaching assistant, a resource for educators' professional growth, and a means of improving administrative effectiveness.

**Từ khóa**: ChatGPT, higher education, artificial intelligence, professional development, educational technology

**4. Lượng tử: Công nghệ của tương lai**/ Đoàn Đại Đình, Tạ Minh Tuấn, Trương Đình Dũng, Nguyễn Hữu Dương// Khoa học và công nghệ Việt Nam A .- 2024 .- Số 6 .- Tr. 61-63.

**Nội dung:** Bài viết khái quát về lịch sử phát triển, ứng dụng điển hình, tiềm năng cũng như những thách thức trong nghiên cứu và ứng dụng công nghệ này

**Từ khóa**: Lượng tử, công nghệ

**5. Một số đề xuất ban hành bộ quy tắc về sử dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo ở Việt Nam**/ Tô Hồng Nam// Thông tin & Truyền thông .- 2024 .- Số 4 .- Tr. 46-53.

**Nội dung:** Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của AI ứng dụng trong giáo dục, cũng như phân tích, tham khảo các hướng dẫn, quy định được ban hành của các quốc gia. Từ đó đề xuất xây dựng một số quy tắc, hướng dẫn sử dụng AI cho giáo dục Việt Nam.

**Từ khóa**: Trí tuệ nhân tạo, ứng dụng công nghệ, giáo dục

**6. Những triết lý nhân văn trong tầm nhìn xã hội 5.0 tại Nhật Bản và một vài gợi ý cho Việt Nam**/ Hồ Mạnh Tùng, Lưu Phương Thảo// Thông tin & Truyền thông .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 64-70.

**Nội dung:** Bài viết này tóm lược các điểm quan trọng và những triết lý xã hội trong Tầm nhìn Xã hội 5.0 (Society 5.0) của Nhật Bản, đồng thời đưa ra bài học cho Việt Nam trong việc hình thành một xã hội “lấy dân làm gốc”, được hiện thực hoá bởi trí tuệ nhân tạo (AI). Nhằm tiến tới một xã hội nơi con người được đặt làm trung tâm đồng thời chung sống hài hoà với công nghệ ngày càng thông minh, năm gợi ý cụ thể cho Việt Nam đã được đưa ra: Tầm nhìn lấy con người làm trung tâm; Góc nhìn đa chiều về mối quan hệ giữa người và máy; Lấy AI làm động lực phát triển kinh tế-xã hội; Cách tiếp cận từ dưới lên trên và thúc đẩy tính tham gia trong việc thiết lập tầm nhìn; và Tính bền vững và bao quát trong các ứng dụng của AI.

**Từ khóa**: Trí tuệ nhân tạo, lấy con người làm trung tâm, tầm nhìn xã hội 5.0, Nhật Bản, Việt Nam

**7. Theoretical and experimental studies of heat recovery from exhaust gases of an automotive engine to generate electricity in a thermoelectric generator = Nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm về thu hồi nhiệt từ khí thải của động cơ ô tô để tạo ra điện trong máy phát nhiệt điện**/ Vu Duong, Nguyen Ha Hiep, Nguyen Cong Doan// Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2024 .- No 03(64) .- P. 11-19.

**Nội dung**: The article introduces the thermoelectric module and its applications, the model of the thermoelectric generator, and some experimental results investigating the application of the generator installed on the exhaust pipe of the Toyota 7K-E engine to take advantage of exhaust heat energy turned into electricity, creating additional power for the vehicle's electrical system.

**Từ khóa**: Heat recovery, exhaust gas, thermoelectric module, thermoelectric generator, automotive engine, cold side, hot side

**8. Thị trường viễn thông Việt Nam: Chọn dư địa nào để phát triển bền vững?**/ Lê Minh Toàn// Thông tin & Truyền thông .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 78-87.

**Nội dung**: Thị trường viễn thông Việt Nam năm 2023: Thị trường viễn thông truyền thống bị thu hẹp; Sự lãng phí nguồn lực nhìn từ điểm cung cấp. Các xu hướng định hình thị trường viễn thông Australia; Triển khia nhiều công nghệ IoT. Khuyễn nghị cho thị trường viễn thông Việt Nam: Đầu tư mạnh hạ tầng để mở rộng không gian tăng trưởng; Đẩy mạnh triển khai 5G tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Viễn thông, kinh tế số, phát triển bền vững

**XÂY DỰNG**

**1. Hạ tầng xanh trong đô thị : kinh nghiệm quốc tế, thực trạng và giải pháp cho các đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu/** Nguyễn Hồng Diệp// Quy hoạch Xây dựng .- 2024 .- Số 129 .- Tr. 66-71.

**Nội dung:** Trước thực trạng ô nhiễm và biến đổi khí hậu toàn cầu, hạ tầng xanh là một xu hướng tạo nên những đô thị xanh và cuộc sống tốt hơn. Hạ tầng xanh đang nhanh chóng trở thành một công cụ trong việc thiết kế và xây dựng các thành phố bền vững.

**Từ khóa**: Hạ tầng xanh, đô thị, biến đổi khí hậu, phát triển bền vững

**2. Hiện trạng quản lý chất thải nhựa và ô nhiễm vi nhựa ở Đông Nam Á/** Đỗ Thu Nga// Quy hoạch Xây dựng .- 2024 .- Số 129 .- Tr. 78-85.

**Nội dung:** Nghiên cứu trình bày tổng quan các vấn đề liên quan tới hiện trạng quản lý chất thải nhựa đại dương và ô nhiễm vi nhựa tại một vài quốc gia ở Đông Nam Á điển hình, dựa trên hơn 40 nghiên cứu đã được công bố trên thế giới.

**Từ khóa**: Chất thải nhựa, ô nhiễm vi nhựa, quản lý chất thải nhựa, Đông Nam Á

**3. Mô hình phát triển và các thách thức suy giảm trung tâm đô thị tại các đô thị trung bình ở Pháp/** Nguyễn Đức Thịnh// Quy hoạch Xây dựng .- 2024 .- Số 129 .- Tr. 90-95.

**Nội dung:** Trình bày về mô hình phát triển của các đô thị ở Pháp và thảo luận về hiện tượng sụt giảm đô thị và suy kiệt trung tâm thành phố ở Pháp. Đưa ra các nhân tố chính như xã hội, kinh tế, dân số và chính sách công để mong muốn định hình lại trung tâm thành phố với khó khăn trong việc kêu gọi đầu tư và quản lý tài chính. Đề xuất những phương pháp linh hoạt và tùy chỉnh để giải quyết những thách thức cụ thể của từng đô thị.

**Từ khóa**: Đô thị, quản lý đô thị

**4. Phát triển nhà ở xanh và thay đổi tư duy quy hoạch, quản lý hệ sinh thái lưu vực sông tại các đô thị Việt Nam/** Nguyễn Hữu Dũng// Quy hoạch Xây dựng .- 2024 .- Số 129 .- Tr. 62-65.

**Nội dung:** Các lưu vực sông trong đô thị và điểm dân cư nông thôn là những hệ sinh thái quan trọng đang cần được coi trọng để khắc phục tình trạng ô nhiễm mặt nước, ứ đọng dòng chảy, xói lở hai bên bờ sông và hiểm họa lũ lụt. Cần thay đổi tư duy và tập quán cũ để có giải pháp quy hoạch và quản lý vận hành hiệu quả hệ sinh thái này trước tác động ngày càng nặng nề của biến đổi khí hậu. Đây là hai khu vực chức năng hạ tầng quan trọng phục vụ phát triển đô thị bền vững.

**Từ khóa**: Nhà ở xanh, hệ sinh thái lưu vực sông, đô thị Việt Nam

**5. Sử dụng mô hình hồi quy mạng lưới nơ ron sâu để dự đoán cường độ chịu nén của bê tông tự lèn = Using deep neural network regression model to predict compressive strength of self-compacting concrete/** Trần Thu Hiền, Phan Ngọc Trung, Hoàng Nhật Đức// Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2024 .- Số 03(64) .- Tr. 3-10.

**Nội dung:** Mô hình hồi quy mạng lưới nơ ron sâu (DNNR) đã được sử dụng để dự đoán cường độ chịu nén của bê tông tự lèn. Mô hình được đào tạo và kiểm tra trên tổng số 327 điểm dữ liệu. Các biến số đầu vào bao gồm 6 hàm lượng thành phần và tuổi của bê tông theo ngày. Mô hình DNNR đã cho thấy khả năng xác định được các ánh xạ phức tạp giữa biến đầu vào và đầu ra. Kết quả dự đoán cường độ chịu nén của bê tông tự lèn có độ chính xác cao so với kết quả thực nghiệm.

**Từ khóa**: Mô hình hồi quy mạng lưới nơ ron sâu, cường độ chịu nén, bê tông tự lèn

**6. Tổng hợp các công cụ kiểm soát phát triển đô thị ở Việt Nam/** Đoàn Ngọc Hiệp// Quy hoạch Xây dựng .- 2024 .- Số 129 .- Tr. 86-89.

**Nội dung:** Tổng quan về phát triển và kiểm soát xây dựng phát triển đô thị tại Việt Nam; Những cơ sở lý luận về kiểm soát phát triển các đô thị; Kết luận các công cụ kiểm soát phát triển đô thị.

**Từ khóa**: Quy hoạch đô thị, phát triển đô thị

**KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**1. Ảnh hưởng của chuyển đổi số đến công tác kế toán hiện nay ở Việt Nam/** Đinh Thị Kim Xuyến// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 249 .- Tr. 20-30.

**Nội dung:** Bài viết này chia sẻ những đánh giá về những ảnh hưởng của công cuộc chuyển đổi số mang lại đối với lĩnh vực kế toán.

**Từ khoá**: Chuyển đổi số, số hóa, internet

**2. Ảnh hưởng của sử dụng các thực hành kế toán quản trị môi trường tới hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp xây dựng Việt Nam**/ Phạm Thị Ngọc Thu, Phạm Lê Thy Uyên// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 264 .- Tr. 68-72.

**Nội dung:** Kết quả nghiên cứu cho thấy cả ba yếu tố được đề xuất bởi lý thuyết các bên liên quan đều có ảnh hưởng mạnh mẽ và tích cực tới ý định áp dụng các thực hành EMA. Bên cạnh đó, việc sử dụng các thực hành EMA của doanh nghiệp xây dựng cải thiện mạnh mẽ hiệu suất MT, do đó, nâng cao hiệu quả tài chính của doanh nghiệp. Cuối cùng, nghiên cứu cung cấp một vài hàm ý quan trọng trong việc thúc đấy doanh nghiệp xây dựng Việt Nam áp dụng các thực hành EMA.

**Từ khóa**: Kế toán quản trị môi trường, hiệu suất môi trường, hiệu quả tài chính, lợi thế cạnh tranh kỳ vọng, nhận thức mối quan tâm của các bên liên quan, cam kết môi trường của nhà quản lý, doanh nghiệp xây dựng

**3. Ảnh hưởng của vốn trí tuệ đến ý định sử dụng kế toán đám mây trong doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh/** Trịnh Hiệp Thiện// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 249 .- Tr. 31-37.

**Nội dung:** Nghiên cứu này khám phá mối quan hệ giữa vốn con người (HC), vốn tổ chức (SC), và vốn quan hệ (RC) đối với khả năng tiếp nhận và áp dụng kế toán đám mây (IAC) trong doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tại TP.HCM. Thông qua việc sử dụng kỹ thuật phân tích PLS-SEM kết quả cho thấy, không có liên kết mạnh mẽ giữa HC, SC và RC, nhưng có mối quan hệ tích cực giữa các loại vốn này và IAC. Điều này cho thấy rằng, vốn con người, vốn tổ chức và vốn quan hệ đóng vai trò trung tâm trong việc thúc đẩy khả năng tiếp nhận và áp dụng kế toán đám mây trong DNNVV. Từ đó, cung cấp góc nhìn quan trọng cho các nhà lãnh đạo doanh nghiệp (DN) cần tận dụng và phát triển các loại vốn này để tối ưu hóa lợi ích từ công nghệ kế toán đám mây. Đồng thời, mở ra hướng nghiên cứu mới cho cộng đồng học thuật về mối quan hệ giữa các loại vốn và tiếp nhận công nghệ.

**Từ khoá**: Kế toán đám mây, vốn con người, vốn tổ chức, vốn quan hệ, PLS-SEM

**4. Bàn về các mô hình nhận diện khả năng gian lận BCTC: trường hợp mô hình Beneish’s M-Score và mô hình F-Score/** Dương Bá Vũ Thi// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 249 .- Tr. 38-45.

**Nội dung:** Bài viết tập trung giới thiệu hai mô hình nhận diện khả năng gian lận BCTC phổ biến hiện nay. Qua ví dụ minh họa đối với BCTC của Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam (PNC) năm 2023, thì kết luận đưa ra từ hai mô hình đều nhất quán. Đóng góp của hai mô hình trong việc nhận diện khả năng gian lận BCTC là rất giá trị, tuy nhiên vẫn còn tồn tại những hạn chế đối với hai mô hình. Trên cơ sở những hạn chế, bài viết đề xuất một số kiến nghị nhằm góp phần nâng cao chất lượng nhận diện khả năng gian lận BCTC.

**Từ khoá**: Báo cáo tài chính, gian lận, mô hình

**5. Bàn về vấn đề đạo đức của việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong kiểm toán**/ Trần Nguyễn Bích Hiền, Vũ Thị Thu Huyền, Lương Thị Hồng Ngân// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 264 .- Tr. 36-39.

**Nội dung:** Nghiên cứu nhằm mục đích dự đoán các khía cạnh đạo đức của việc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong kiểm toán. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích trắc lượng thư mục, phương pháp suy luận diễn dịch, kết hợp hai khuôn khổ đạo đức tương lai là ETICA và ATE để làm rõ khái niệm AI, dự đoán ý nghĩa đạo đức của việc sử dụng AI trong kiểm toán dựa trên các đặc điểm, bản chất và chức năng dự định vốn có của AI, đồng thời đưa ra khuyến nghị về trách nhiệm, chính sách và quản lý AI trong kiểm toán.

**Từ khóa**: Đạo đức, trí tuệ nhân tạo, kiểm toán

**6. Bộ kỹ năng của kế toán chuyên nghiệp trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0**/ Trần Thị Thanh Huyền, Lê Thị Mỹ Nương// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 265 .- Tr. 33-36.

**Nội dung:** Nghiên cứu này dựa trên việc tổng hợp các nghiên cứu trước để phân tích và xác định các kĩ năng cần thiết của kế toán viên nhằm khuyến nghị các giải pháp phù hợp tới các bên liên quan.

**Từ khóa**: Công nghiệp 4.0, kĩ năng kế toán, kế toán, giáo dục kế toán

**7. Các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán tại các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh/** Trần Văn Tùng, Dương Thị Mai Hà Trâm// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 249 .- Tr. 5-10,30.

**Nội dung:** Xác định và đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến tổ chức công tác kế toán (CTKT) tại các đơn vị sử dụng Ngân sách Nhà nước (NSNN) trên địa bàn TP.HCM. Để thực hiện nghiên cứu, nhóm tác giả đã sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng với mô hình hội quy đa biến. Kết quả nghiên cứu đã xác định, có 6 nhân tố tác động đến tổ chức CTKT tại các đơn vị sử dụng NSNN trên địa bàn TP.HCM bao gồm: Khuôn khổ pháp lý về kế toán, Đội ngũ nhân viên kế toán, Tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), Nhu cầu sử dụng thông tin kế toán và Hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB).

**Từ khoá**: Công tác kế toán, ngân sách Nhà nước, Thành phố Hồ Chí Minh

**8. Các nghiên cứu liên quan đến mức độ công bố thông tin kế toán môi trường của doanh nghiệp**/ Lê Thị Huyền Trâm, Đinh Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Quỳnh Giao// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 158-160.

**Nội dung**: Việc hiểu rõ về kế toán môi trường cũng như các nhân tố tác động đến việc công bố thông tin kế toán môi trường sẽ giúp doanh nghiệp xác định được vai trò quan trọng của vấn đề môi trường đối với phát triển bền vững của doanh nghiệp. Bài viết này hệ thống hóa, phân tích và đánh giá nghiên cứu của các tác giả trên thế giới đã thực hiện có liên quan đến công bố thông tin môi trường, các nhân tố tác động đến mức độ công bố thông tin môi trường của các doanh nghiệp.

**Từ khóa**: Kế toán, kế toán doanh nghiệp, thông tin kế toán, môi trường

**9. Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ gian lận và sai sót của kế toán viên ở các DN sản xuất ngành dược trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh/** Bùi Thị Vân Anh// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 249 .- Tr. 50-56.

**Nội dung:** Kết quả nghiên cứu đã xác định, có 6 nhân tố đều tác động cùng chiều đến mức độ gian lận và sai sót của kế toán viên ở các DNSX ngành Dược trên địa bàn TP.HCM, đó là: Đạo đức nghề nghiệp; năng lực nghề nghiệp; chế độ, chính sách của Nhà nước, của hội nghề nghiệp; hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB); ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và sức ép bất thường lên doanh nghiệp (DN).

**Từ khoá**: Kế toán quản trị chi phí, doanh nghiệp sản xuất, ngành Dược, Thành phố Hồ Chí Minh

**10. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tại các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM/** Trần Văn Tùng, Ngô Ngọc Nguyên Thảo, Phan Văn Hùng, Nguyễn Thị Nam Phương, Trần Thảo Trân, Bùi Nguyễn Diễm Kiều, Nguyễn Trúc Quỳnh// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 248 .- Tr. 13-19,38.

**Nội dung:** Nghiên cứu khảo sát đại diện lãnh đạo của các công ty này bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện với kích thước mẫu hợp lệ là 612, dữ liệu thu thập được kiểm định thông qua mô hình phân tích cấu trúc tuyến tính (Structural Equation Modelling – SEM). Kết quả nghiên cứu đã xác định có 5 nhân tố ảnh hưởng cùng chiều đến sự hữu hiệu của các doanh nghiệp (DN), đó là: Môi trường kiểm soát, Đánh giá rủi ro, Hoạt động giám sát, Thông tin, truyền thông và Giám sát. Đồng thời, kết quả nghiên cứu cũng khẳng định sự hữu hiệu của hệ thống KSNB càng cao thì hiệu quả hoạt động của các công ty niêm yết trên SGDCK TP.HCM sẽ càng được nâng cao.

**Từ khoá**: Sự hữu hiệu, hệ thống kiểm soát nội bộ, hiệu quả hoạt động, công ty niêm yết

**11. Các nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng kế toán quản trị tại các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn Thành Phố Hồ Chí Minh/** Trần Duy Thức// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 249 .- Tr. 66-72.

**Nội dung:** Nghiên cứu tiến hành phân tích, xây dựng và kiểm định mô hình về các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng kế toán quản trị (KTQT) tại các doanh nghiệp thương mại (DNTM) trên địa bàn TP.HCM. Để nghiên cứu đề tài, nhóm tác giả đã sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng với việc sử dụng mô hình hồi quy đa biến. Kết quả nghiên cứu đã xác định được 5 nhân tố tác động đến việc vận dụng KTQT cho các DMTM trên địa bàn TP.HCM, đó là nhận thức của nhà quản lý; quy mô doanh nghiệp (DN); đặc điểm ngành nghề; trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên và chi phí thực hiện.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị, doanh nghiệp thương mại, Thành phố Hồ Chí Minh

**12. Các nhân tố ảnh hưởng tới áp dụng kế toán quản trị môi trường theo lý thuyết hành vi có kế hoạch TPB trong các doanh nghiệp xây dựng Việt Nam/** Phạm Thị Ngọc Thu, Phạm Lê Thy Uyên// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 263 .- Tr. 46-49.

**Nội dung:** Kết quả nghiên cứu cho thấy thái đọ, chuẩn mực chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi có ảnh hưởng mạnh mẽ và tích cực tới ý định áp dụng các thực hành EMA. Bên cạnh đó, chuẩn mực chủ quan cũng ảnh hưởng tích cực tới ý định THỰC HIỆN EMA thông qua hai biến tring gian là thái độ và kiểm soát hành vi nhận thức. Cuối cùng, nghiên cứu cũng cung cấp một vài hàm ý quan trọng trong việc thúc đẩy doanh nghiệp xây dựng Việt Nam áp dụng các thực hành EMA reong x u hướng áp dụng các thực hành thân thiện với môi trường hiện nay.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị môi trường, EMA, lý thuyết hành vi có kế hoạch, TPB, doanh nghiệp xây dựng

**13. Cần sớm áp dụng kế toán điều tra vào Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế/** Ngô Thế Chi, Đinh Thị Kim Xuyến// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 263 .- Tr. 18-21.

**Nội dung:** Bài viết trao đổi về sự cần thiết và vai trò, nhiệm vụ, kỹ năng và kỹ thuật của kế toán điều tra, qua đó đề xuất khuyến nghị áp dụng điều tra vào Việt Nam.

**Từ khoá**: Kế toán điều tra, hội nhập quốc tế về kế toán, dịch vụ kế toán điều tra

**14. Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp - Những quy định mới/** Đặng Văn Quang// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 249 .- Tr. 46-49,72.

**Nội dung:** Ngày 17/4/2024, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư (TT) số 24/2024/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp (HCSN) có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025 và áp dụng từ năm tài chính 2025, thay thế cho TT số 107/2017/TT-BTC. Chế độ kế toán này có nhiều thay đổi để phù hợp với cơ chế tài chính hiện hành của đơn vị sự HCSN; vận dụng nhiều nội dung của Chuẩn mực kế toán công Việt Nam và Chuẩn mực kế toán công quốc tế để hướng dẫn các đơn vị thực hiện công tác kế toán nhằm nâng cao chất lượng thông tin kinh tế, tài chính phục vụ cho yêu cầu quản lý tài chính Nhà nước, trên cơ sở phù hợp với thông lệ quốc tế.

**Từ khoá**: Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, đơn vị kế toán, kế toán công

**15. Công bố thông tin tài chính liên quan đến tính bền vững của các DN trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa - Thực trạng và giải pháp/** Nguyễn Văn Hương, Lê Thị Thanh Huệ// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 249 .- Tr. 157-166.

**Nội dung:** Bài viết tập trung vào việc đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp cho việc công bố thông tin tài chính liên quan đến tính bền vững của các DN (DN) tại tỉnh Khánh Hòa. Kết quả khảo sát lãnh đạo của các DN trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa cho thấy, rất ít DN có công bố thông tin tài chính liên quan đến tính bền vững trong thời gian qua. Một số thách thức đối với các DN khi thực hiện công bố thông tin tài chính liên quan đến tính bền vững như: sự giới hạn về nguồn lực tài chính và con người, sự thiếu rõ ràng và đồng bộ trong môi trường pháp lý, cũng như nhận thức về sự cần thiết của DN trong việc công bố thông tin tài chính liên quan đến tính bền vững trong thời gian qua. Cuối cùng, bài viết đề xuất các giải pháp như hoàn thiện môi trường pháp lý, tăng cường ý thức và năng lực lãnh đạo, đầu tư vào khả năng tài chính và kỹ thuật. Đồng thời, việc thúc đẩy văn hóa DN bền vững cũng được đề cập như một phần quan trọng trong việc đảm bảo sự thành công của các DN trong tương lai.

**Từ khoá**: Thông tin tài chính, sự bền vững, rủi ro, cơ hội, công bố

**16. Công nghệ chuỗi khối: Cơ hội và thách thức trong lĩnh vực kế toán tại Việt Nam/** Chim Thị Tiền// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 248 .- Tr. 39-43.

**Nội dung:** Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính để tìm hiểu về blockchain, cũng như những cơ hội và thách thức của công nghệ blockchain trong lĩnh vực kế toán. Qua đó, đề ra một số khuyến nghị để vượt qua những thách thức mà công nghệ blockchain mang đến trong lĩnh vực kế toán tại Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Công nghệ chuỗi khối, cơ hội và thách thức, ngành kế toán

**17. Cơ hội và thách thức trong việc ứng dụng công nghệ mới trong kiểm toán nội bộ nhằm phát hiện hành vi gian lận kế toán tại các doanh nghiệp tại Việt Nam/** Phạm Huy Hùng// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 248 .- Tr. 95-101.

**Nội dung:** Bằng phương pháp nghiên cứu định tính, trên cơ sở khảo cứu các tài liệu có liên quan, kết quả nghiên cứu cho thấy, các công nghệ như: phân tích dữ liệu, AI, Blockchain và tự động hóa quy trình bằng robot, mang lại tiềm năng đáng kể để cải thiện khả năng phát hiện gian lận. Tuy nhiên, những thách thức như: nhận thức hạn chế, hạn chế về nguồn lực, vấn đề chất lượng dữ liệu, quy định phức tạp, khả năng chống thay đổi và bảo trì liên tục cần phải được vượt qua. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, một số khuyến nghị được đưa ra đối với KTNB và các bên liên quan nhằm nâng cao khả năng phát hiện các hành vi gian lận kế toán. Qua đó, gia tăng tính liêm chính tài chính, bảo vệ khỏi rủi ro gian lận và góp phần vào sự phát triển bền vững của hệ sinh thái kinh doanh tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Công nghệ mới, gian lận kế toán, kiểm toán nội bộ

**18. Đánh giá khả năng kiểm soát rủi ro về thuế của doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa/** Đặng Lan Anh, Lê Hoàng Minh, Bùi Thị Thu// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 248 .- Tr. 145-150.

**Nội dung:** Nghiên cứu nhằm hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm soát rủi ro về thuế, xây dựng thang đo đo lường việc xác định mục tiêu kiểm soát, nhận diện và đánh giá rủi ro về thuế, đo lường các hoạt động kiểm soát. Dựa trên kết quả khảo sát các nhà quản lý tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, nhóm tác giả đánh giá khả năng kiểm soát rủi ro về thuế của các doanh nghiệp này, từ đó đề xuất một số kiến nghị giúp nâng cao hiệu quả kiểm soát, giảm thiểu rủi ro về thuế và các tổn thất cho các doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Kiểm soát rủi ro, rủi ro về thuế, doanh nghiệp nhỏ và vừa, Thanh Hóa

**19. Đào tạo kế toán, kiểm toán trong bối cảnh hội nhập**/ Nguyễn Thị Hồng Vân, Trương Thị Ngọc Anh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 264 .- Tr. 53-56.

**Nội dung:** Bài viết trình bày một số ý kiến về xu hướng hội nhập kế toán - kiểm toán quốc tế hiện nay, đồng thời đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo kế toán - kiểm toán nhằm phục vụ yêu cầu nhân lực trong thời đại số.

**Từ khóa**: Xu hướng đào tạo, kế toán - kiểm toán, hội nhập quốc tế

**20. Đào tạo kế toán trong bối cảnh nền kinh tế số: kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam/** Dương Thu Minh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 263 .- Tr. 88-91.

**Nội dung:** Bài viết tổng hợp kinh nghiệm đào tạo kế toán trong nền kinh tế số tại một số quốc gia tteen thế giới. Qua đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt nam nhằm nâng cao chất lượng đào tạo kế toán đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

**Từ khoá**: Đào tạo, kế toán, kinh tế số

**21. Giải pháp hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp vận tải đường bộ Việt Nam trong bối cảnh công nghệ số**/ Dương Thị Luyến// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 266 .- Tr. 72-75.

**Nội dung:** Bài viết này đưa ra góc nhìn tổng quan về hệ thống thông tin kế toán tại doanh nghiệp đường bộ trong bối cảnh công nghệ số đang được áp dụng sâu rộng, từ đó đưa ra quan điểm, định hướng và một số giải pháp hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp vận tải đường bộ trong bối cảnh công nghệ số.

**Từ khóa**: Hệ thống thông tin kế toán, doanh nghiệp vận tải đường bộ, công nghệ số, giải pháp hoàn thiện

**22. Giải pháp ứng dụng mô hình MFCA trong sản xuất thép tại Công ty trách nhiệm hữu hạn NatsteelVina/** Nguyễn Thị Kim Huyền// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 248 .- Tr. 72-77.

**Nội dung:** Kế toán chi phí dòng nguyên vật liệu (MFCA) là một trong những công cụ quản lý hiệu quả được sử dụng để giúp nhà quản lý hiểu rõ hơn về các khía cạnh tác động của quá trình sản xuất tới môi trường, đồng thời gia tăng lợi nhuận thông qua việc cải thiện năng suất vật liệu và giảm chi phí (CP). Bên cạnh đó, khi vận dụng mô hình MFCA vào quá trình sản xuất sẽ giúp kế toán tính đúng, tính đủ CP cho tất cả các sản phẩm đầu ra, bao gồm cả thành phẩm và phế phẩm, phát thải tạo thành. Bài viết nhằm mục tiêu, đề xuất giải pháp ứng dụng mô hình MFCA trong sản xuất thép tại công ty trách nhiệm hữu hạn NatsteelVina trên cơ sở phân tích thực trạng dòng chảy nguyên vật liệu tại công ty.

**Từ khoá**: Kế toán chi phí dòng nguyên vật liệu, MFCA, mô hình, giải pháp, sản xuất thép, ứng dụng

**23. Hoàn thiện chức năng kiểm soát trong quản trị tài chính các trường đại học công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh/** Nguyễn Tấn Lượng// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 249 .- Tr. 144-149.

**Nội dung:** Hoạt động quản trị nói chung, quản trị tài chính trường đại học nói riêng được thực hiện tương ứng với từng hoạt động trong nhà trường, nhằm thực hiện và hoàn thành mục tiêu chung mà nhà trường hướng đến. Có 4 chức năng quản trị tài chính, đó là: Lập kế hoạch (Planning), Tổ chức (Organizing), Lãnh đạo (Leading) và Kiểm soát (Controlling). Trong đó, chức năng kiểm soát giúp nâng cao hiệu quả hoạt động, ngăn ngừa, giảm thiểu các hành vi gian lận, rủi ro làm thất thoát tài sản của các trường. Dựa trên thực trạng kiểm soát tài chính tại các trường đại học công lập (ĐHCL) trên địa bàn TP.HCM, bài viết đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện chức năng này.

**Từ khoá**: Kiểm soát, quản trị tài chính, trường đại học công lập, kiểm soát nội bộ

**24. Kế toán doanh thu tại các doanh nghiệp xuất, nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**/ Phùng Thị Khang Ninh, Nguyễn Phi Hùng, Lê Quang Khải// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 264 .- Tr. 73-76.

**Nội dung:** Bài viết đã phản ánh thực trạng công tác kế toán doanh thu tại các doanh nghiệp xuất, nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và đưa ra một số giải pháp nhằm giải quyết các khó khăn mà các doanh nghiệp đang vướng phải. Các giải pháp đưa ra dựa trên cơ sở các chính sách về thuế và kế toán hiện hành, dựa trên sự hài hòa giữa chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 (VAS 14) và Báo cáo tài chính quốc tế số 15 (IFRS 15).

**Từ khóa**: Kế toán, doanh thu, xuất, nhập khẩu, VAS 14, IFRS 15

**25. Kế toán đám mây và chất lượng thông tin Báo cáo tài chính/** Nguyễn Ngọc Khánh Dung// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 248 .- Tr. 35-38.

**Nội dung:** Bài viết giới thiệu những lợi ích mà sử dụng công nghệ kế toán đám mây, sẽ mang lại cho thông tin BCTC đã được xác thực từ các nghiên cứu trên thế giới. Kế toán đám mây được cho là có giá trị đối với cả các DN vừa và nhỏ. Ngoài ra, bài viết cũng thể hiện sự đồng tình với các nghiên cứu trên thế giới khi cho rằng, ứng dụng kế toán đám mây là cần thiết cho các DN Việt Nam trong bối cảnh bùng nổ khoa học công nghệ, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế về kế toán ở Việt Nam như hiện nay, đặc biệt với những bất ổn đã xảy ra do sự xuất hiện của đại dịch Covid-19.

**Từ khoá**: Kế toán đám mây, báo cáo tài chính, chất lượng thông tin kế toán

**26. Kế toán bền vững: Khái niệm, lợi ích, các hướng dẫn/** Phùng Thị Thu Hương// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 248 .- Tr. 78-84.

**Nội dung:** Bài viết nêu lên khái niệm về PTBV và KTBV, lợi ích của việc thực hành KTBV trong DN. Bên cạnh đó, bài viết trình bày sơ lược về một số tiêu chuẩn quốc tế cũng như các hướng dẫn của Việt Nam về KTBV và báo cáo PTBV.

**Từ khoá**: Kế toán, kế toán bền vững, phát triển bền vững, báo cáo phát triển bền vững, xã hội và môi trường

**27. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế/** Phạm Thu Hương/ Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 658 .- Tr. 7-9.

**Nội dung**: Bằng việc hệ thống hóa chuẩn mực số 17- Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và các căn cứ hiện kế toán TNDN đã góp phần quan trọng trong việc huy động nguồn lực cho ngân sách ), và cũng như trong việc thực hiện các mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội của đất cùng với tiến trình phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế, chính sách thuế TNDN hiện hành sinh một số điểm hạn chế, bất cập cần được nghiên cứu để rà soát, sửa đổi cho phù hợp, đảm bộ của hệ thống pháp luật, đồng thời, xử lý được các yêu cầu đang đặt ra và đảm bảo phù cải cách chính sách thuế TNDN trên thế giới.

**Từ khóa**: Kế toán, thuế, thu nhập, doanh nghiệp, hội nhập kinh tế, kinh tế quốc tế

**28. Kiểm tra, giám sát kế toán doanh nghiệp trên thế giới và bài học cho Việt Nam**/ Nguyễn Thanh Thuỷ// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 167-169.

**Nội dung**: Sai phạm trên báo cáo tài chính trên thế giới cũng như tại Việt Nam đang ngày càng gia tăng và trở thành vấn đề nghiêm trọng ảnh hưởng đến các doanh nghiệp, chính phủ, các nhà đầu tư. Theo đó, vai trò kiểm tra, giám sát của Nhà nước đối với công tác kế toán trong doanh nghiệp ngày càng trở nên quan trọng. Bài viết nghiên cứu kinh nghiệm kiểm tra, giám sát của các nước trên thế giới đối với kế toán của doanh nghiệp nhằm đảm bảo chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính, từ đó rút ra bài học cho Việt Nam.

**Từ khóa**: Kiểm tra, giám sát, kế toán doanh nghiệp, kế toán, bài học kinh nghiệm

**29. Mối quan hệ giữa quyền lực cơ quan thuế và hành vi tuân thủ thuế tự nguyện - Tiếp cận theo lý thuyết độ dốc trơn trượt/** Nguyễn Thị Phương Hồng// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 249 .- Tr. 128-137.

**Nội dung:** Nghiên cứu này sẽ xem xét mối quan hệ tác động giữa quyền lực của cơ quan thuế và hành vi tuân thủ pháp luật thuế, dưới góc tiếp cận của lý thuyết độ dốc trơn trượt, đồng thời sử dụng số liệu thu thập được từ các doanh nghiệp (DN) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh để kiểm định cho mối quan hệ này.

**Từ khoá**: Quyền lực hợp pháp, quyền lực cưỡng chế, tuân thủ thuế tự nguyện, lý thuyết độ dốc trơn trượt

**30. Một số giải pháp nhằm tạo điều kiện thuận lợi thúc đấy áp dụng IFRS tại các doanh nghiệp ở Việt Nam/** Nguyễn Thị Anh Thư, Phạm Thị Phượng// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 249 .- Tr. 73-76,94.

**Nội dung:** Bài viết đề cập đến những thuận lợi, thách thức cho các DN Việt Nam khi áp dụng IFRS và đưa ra một số giải pháp, nhằm tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy việc áp dụng IFRS ở Việt Nam.

**Từ khoá**: IFRS, áp dụng, thuận lợi

**31. Ngành kế toán, kiểm toán trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0/** Võ Mỹ Linh, Lê Hồng Hạnh// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 22-24.

**Nội dung**: Trong những năm qua, Cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 với sức ảnh hưởng trên phạm vi toàn cầu và đang ảnh hưởng mạnh mẽ đến nhiều lĩnh vực và ngành nghề khác nhau, lĩnh vực kế toán, kiểm toán cũng không nằm ngoài xu thế đó. Lao động kế toán, kiểm toán đứng trước áp lực cạnh tranh rất lớn cùng với cầu phải nâng cao trình độ, tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ. Để có thể cạnh tranh được với nguồn lao động của các nước trong khu vực, Việt Nam cần chú trọng phát triển nguồn nhân lực về kế toán, kiểm toán đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng trên cơ sở đổi mới và tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu theo chuyên ngành và đào tạo nâng cao học vấn nhằm tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao.

**Từ khóa**: Cách mạng công nghiệp 4.0, kế toán, kiểm toán

**32. Nghiên cứu sai phạm báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp ở Việt Nam**/ Cao Thị Nhiên, Đặng Ngọc Hùng, Hoàng Thị Việt Hà// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 266 .- Tr. 40-44.

**Nội dung:** Kết quả nghiên cứu cho thấy, số lượng doanh nghiệp bị xử phạt sai phạm BCTC có xu hướng tăng, với tỷ lệ các doanh nghiệp sai phạm trung bình khoảng 2%. Nghiên cứu đã xác định các công ty thường có các hành vi sai phạm BCTC: Thứ nhất là sai phạm về công bố thông tin chiếm tỷ lệ 81%, đứng thứ hai là hành vi sai phạm về giải trình chênh lệch lợi nhuận cũng như sai phạm về giao dịch với bên liên quan, cùng chiếm tỷ lệ 35%. Độ trễ thời điểm doanh nghiệp bị xử phạt liên quan đến thời điểm sai phạm BCTC trung bình là 2 năm. Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng sai phạm BCTC, chúng tôi đã đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng BCTC và tính minh bạch của thị trường tài chính.

**Từ khóa**: Sai phạm, gian lận, sai sót, báo cáo tài chính

**33. Nghiên cứu về mức độ minh bạch thông tin tài chính của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Đặng Thị Hồng Hà, Vũ Thị Thanh Bình, Đậu Hoàng Hưng, Phạm Thu Huyền, Vương Thị Tuyên// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 264 .- Tr. 40-43.

**Nội dung:** Kết quả nghiên cứu đã cho thấy, sự minh bạch thông tin thể hiện trong các lĩnh vực kinh doanh khác nhau là khác nhau, trong đó, các lĩnh vực như xây dựng và bất động sản, công nghiệp, thương mại và dịch vụ, khai khoáng và năng lượng có giá trị thể hiện tính minh bạch thông tin thấp hơn các lĩnh vực kinh doanh khác. Kết quả nghiên cứu cũng thể hiện rõ rằng từ năm 2021, sau giai đoạn Covid-19, các doanh nghiệp thực hiện các hành vi điều chỉnh lợi nhuận nhiều hơn dẫn đến tính minh bạch thông tin cần được các nhà đầu tư và phân tích chú ý hơn để có thể ra các quyết định kinh doanh tốt.

**Từ khóa**: Minh bạch thông tin tài chính, báo cáo tài chính, công ty niêm yết

**34. Nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tránh thuế: Nghiên cứu thực nghiệm tại các doanh nghiệp niêm yết trên HOSE/** Bùi Thị Mến, Phạm Thị Hải Yến// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 249 .- Tr. 95-104,111.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá tác động của các nhân tố tài chính và phi tài chính đến hành vi tránh thuế của các doanh nghiệp (DN) với các yếu tố tài chính như quy mô, đòn bẩy, tài sản cố định và lợi nhuận và biến số phi tài chính gồm kiểm toán độc lập của DN. Mẫu quan sát từ các DN ngành sản xuất được niêm yết trên HOSE. Dữ liệu được xử lý theo phương pháp lấy mẫu có chủ đích. Bằng phương pháp ước lượng GLS chúng tôi nhận thấy, quy mô và hệ số nợ có tác động ngược chiều đến hành vi tránh thuế; trong khi ý kiến kiểm toán và các đặc điểm tài chính còn lại có tác động ngược chiều. Tuy nhiên, hệ số ước lượng cho thấy, mức độ tác động của các nhân tố này đến hành vi tránh thuế là không đáng kể.

**Từ khoá**: Hành vi tránh thuế, nhân tố tài chính, nhân tố phi tài chính, Thuế Thu nhập doanh nghiệp, thuế suất hiệu dụng

**35. Nội dung cơ bản về kiểm toán dự án đầu tư xây dựng trong bối cảnh hiện nay**/ Nguyễn Tiến Hoàng// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 266 .- Tr. 17-21.

**Nội dung:** Tập trung phân tích những nội dung cụ thể về kiểm toán dự án đầu tư xây dựng theo phương pháp tiếp cận dựa vào rủi ro trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

**Từ khóa**: Kiểm toán dự án, đầu tư xây dựng, ngân sách nhà nước, kiểm toán nhà nước, kiểm toán viên

**36. Sử dụng phương pháp dạy học bằng tình huống để nâng cao hiệu quả trong giảng dạy môn Kế toán tài chính/** Đinh Thị Lan// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 249 .- Tr. 150-156.

**Nội dung:** Bài viết đề cập đến việc vận dụng phương pháp nghiên cứu tình huống trong giảng dạy môn KTTC nhằm tạo ra nhiều hứng thú trong học tập, đồng thời giúp sinh viên có điều kiện gắn những kiến thức lý thuyết vào thực tế, có ý thức tự nghiên cứu, có khả năng làm việc nhóm, khả năng thuyết trình.

**Từ khoá**: Kế toán, kế toán tài chính, phương pháp, phương pháp dạy học

**37. Tác động của đa dạng giới đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính/** Phạm Quốc, Thuần Nguyễn Thị Trúc Đào// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 248 .- Tr. 20-26.

**Nội dung:** Nghiên cứu này hướng đến mục tiêu, tìm hiểu mối quan hệ giữa đa dạng giới trong bộ phận lãnh đạo DN và chất lượng thông tin báo cáo tài chính. Nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp khảo sát trên mẫu nghiên cứu bao gồm 290 DN tại Việt Nam có trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, chỉ số đa dạng giới càng cao thì chất lượng thông tin báo cáo tài chính của các DN càng được đảm bảo.

**Từ khoá**: Đa dạng giới, chất lượng thông tin báo cáo tài chính, IASB, Blau index

**38. Tác động của đặc điểm doanh nghiệp đến quản trị lợi nhuận: Trường hợp các doanh nghiệp sản xuất niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam/** Nguyễn Thị Thành Hà// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 248 .- Tr. 107-116.

**Nội dung:** Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ 373 DNSX niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, giai đoạn 2012 - 2022. Tác giả sử dụng mô hình Modified Jones của Dechow và cộng sự, (1995) và mô hình của Kothari và cộng sự, (2005) để đo lường QTLN. Kết quả nghiên cứu cho thấy, đòn bẩy tài chính và dòng tiền hoạt động có ảnh hưởng nghịch chiều, trong khi cơ hội tăng trưởng và khả năng sinh lời có ảnh hưởng thuận chiều đến QTLN. Ngoài ra, quy mô công ty với vai trò là biến kiểm soát cũng có ảnh hưởng đến QTLN, nhưng chiều hướng ảnh hưởng có sự khác biệt giữa hai mô hình.

**Từ khoá**: Quản trị lợi nhuận, đặc điểm doanh nghiệp, doanh nghiệp sản xuất

**39. Tác động của kế toán quản trị môi trường đến thực tiễn phát triển bền vững ở các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam/** Nguyễn Thị Hồng Duyên// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 248 .- Tr. 48-55.

**Nội dung:** Nghiên cứu xác định những thách thức và rào cản đối với việc triển khai EMA, nhấn mạnh sự cần thiết của các sáng kiến xây dựng nhận thức, hệ thống quản lý dữ liệu và chính sách hỗ trợ của các bên liên quan. Nhìn chung, nghiên cứu kết luận rằng, EMA có tiềm năng thúc đẩy các hoạt động phát triển bền vững trong các DNSX Việt Nam, nhưng cần nhiều nỗ lực hơn nữa để thúc đẩy việc áp dụng và hiểu rõ những tác động lâu dài của nó.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp sản xuất, kế toán quản trị môi trường, phát triển bền vững

**40. Tác động của trí tuệ nhân tạo đến công tác kế toán doanh nghiệp**/ Nguyễn Thị Kiều Thu// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 161-163.

**Nội dung**: Thông tin tài chính kế toán của doanh nghiệp có thể được sử dụng để phục vụ cho công tác quản trị điều hành, ra quyết định cũng như đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan, như cổ đông, các nhà đầu tư, các cơ quan quản lý thuế và các đối tác kinh doanh khác. Do vậy, công tác kế toán doanh nghiệp có vai trò hết sức quan trọng. Tuy nhiên, trước sự bùng nổ của công nghệ số nói chung và Trí tuệ nhân tạo nói riêng, công tác kế toán của doanh nghiệp cũng sẽ bị tác động. Bài viết trao đổi về những tác động của Trí tuệ nhân tạo đến công tác kế toán doanh nghiệp, từ đó đưa ra các hàm ý đối với nhà quản trị doanh nghiệp.

**Từ khóa**: Kế toán, kế toán doanh nghiệp, trí tuệ nhân tạo, công tác kế toán

**41. Tác động của ủy ban kiểm toán đến chất lượng báo cáo tài chính - Góc nhìn từ Việt Nam và tham chiếu thế giới**/ Trần Ngọc Hùng, Võ Thúy Hà// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 264 .- Tr. 22-26.

**Nội dung:** Nghiên cứu này nhằm phân tích tác động của các đặc điểm của ủy ban kiểm toán đến chất lượng báo cáo tài chính, từ đó đưa ra các gợi ý chính sách về giải pháp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giám sát của ủy ban kiểm toán nhằm nâng cao chất lượng báo cáo tài chính tại Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Ủy ban kiểm toán (UBKT), báo cáo tài chính, chất lượng, đặc điểm ủy ban kiểm toán

**42. Thực trạng áp dụng kế toán số trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa huyện Gia Lâm, Hà Nội/** Phí Thị Diễm Hồng, Trần Nguyễn Thị Yến// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 249 .- Tr. 11-19.

**Nội dung:** Kết quả nghiên cứu cho thấy, phần lớn các DNNVV trên địa bàn chưa thực sự sẵn sàng áp dụng kế toán số. Trong mẫu khảo sát, phản ánh hầu hết các DN đang ở giai đoạn bắt đầu ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản cho công tác kế toán và chưa có ý định phát triển ở mức cao hơn. Do đó, để thúc đẩy kế toán số trong DNNVV, cần ưu tiên thay đổi nhận thức từ phía DN và người làm kế toán về kế toán số. Từ đó, DN chủ động các điều kiện về nhân lực và vật chất để áp dụng kế toán số hiệu quả.

**Từ khoá**: Kế toán số, áp dụng kế toán số, doanh nghiệp nhỏ và vừa, huyện Gia Lâm

**43. Thực trạng và định hướng tăng cường áp dụng kế toán quản trị trong các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay**/ Nguyễn Tuấn Anh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 266 .- Tr. 62-66.

**Nội dung:** Bài viết đề cập một cách khái quát về thực trạng áp dụng các nội dung kế toán quản trị gắn với việc thực hiện các chức năng quản lý tại các doanh nghiệp Việt Nam trong khoảng 5 năm trở lại đây. Trên cơ sở những đánh giá sẽ đưa ra định hướng cơ bản với mục đích giúp cho các doanh nghiệp Việt Nam nhận thức đầy đủ hơn về vai trò của kế toán quản trị, từ đó tăng cường áp dụng hơn nữa các nội dung và công cụ của kế toán quản trị để nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành cho chính những doanh nghiệp này trong thời gian tiếp theo.

**Từ khóa**: Kế toán quản trị, doanh nghiệp Việt Nam

**44. Tiếp cận theo dòng lịch sử phát triển và gợi ý cho sự hình thành của kế toán quản trị tại các Quốc gia/** Đào Văn Hảo, Lê Thị Minh Nguyệt// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 248 .- Tr. 56-63.

**Nội dung:** Kế toán quản trị (KTQT) đóng vai trò quan trọng trong từng chức năng của quá trình quản lý, như lập kế hoạch, kiểm soát và tổ chức, giao tiếp và thúc đẩy. Tất cả các chức năng này đều có tác động đến quá trình ra quyết định và do đó, bất kỳ nhà quản lý nào cũng cần hiểu rõ hơn về cách sử dụng thông tin KTQT. Ra quyết định chiến lược là quá trình lựa chọn phương án hành động tốt nhất, để đạt được các mục tiêu và mục tiêu của DN. Qua đó, tổ chức sẽ dùng công cụ KTQT như một đòn bẩy cần thiết trong quá trình này, vì hệ thống sẽ cung cấp thông tin về hiệu quả tài chính của DN, điều này rất cần thiết để xác định các cơ hội và mối đe dọa, đánh giá các lựa chọn và đưa ra quyết định.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị lịch sử hình thành, quá trình phát triển, chi phí, nhà quản trị, kế toán viên

**45. Tình hình thanh tra, kiểm tra của nhà nước về thực hiện chính sách tiền lương trong các doanh nghiệp**/ Đoàn Thị Yến// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 265 .- Tr. 60-64.

**Nội dung:** Mục đích của bài viết là tìm hiểu và phân tích tình hình thanh tra, kiểm tra của nhà nước về thực hiện chính sách tiền lương trong các doanh nghiệp. Đồng thời, thanh tra, kiểm tra giúp nhà nước có thêm các thông tin về thị trường lao động. Qua đó thấy được những điểm hợp lý, không hợp lý của chính sách, góp phần hoàn thiện chính sách, để chính sách tiền lương của nhà nước đi vào thực tiễn.

**Từ khóa**: Thanh tra, kiểm tra, chính sách tiền lương, lao động, việc làm, doanh nghiệp

**46. Tổ chức công tác kế toán trong các hợp tác xã nông nghiệp ở nước ta**/ Ngô Thị Thu Hồng// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 265 .- Tr. 18-22.

**Nội dung:** Bài viết phân tích khái quát về thực trạng tổ chức công tác kế toán. Qua đó, đề xuất giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong trong các hợp tác xã nông nghiệp.

**Từ khóa**: HTX nông nghiệp, tổ chức công tác kế toán, giải pháp hoàn thiện

**47. Tổng quan các nghiên cứu có liên quan đến mức độ công bố thông tin kế toán môi trường của các tác giả tại Việt Nam/** Lê Thị Huyền Trâm, Đinh Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Quỳnh Giao// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 248 .- Tr. 85-89.

**Nội dung:** Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin (CBTT) kế toán môi trường (KTMT) trong các doanh nghiệp (DN) đóng vai trò hết sức quan trọng giúp các DN có những đánh giá về mức độ CBTT KTMT, cũng như truyền tải các thông điệp cụ thể về các hoạt động và biện pháp bảo vệ môi trường. Bài viết này nhóm tác giả hệ thống hóa, phân tích và đánh giá các nghiên cứu đã thực hiện có liên quan đến CBTT môi trường, các nhân tố tác động đến mức độ CBTT môi trường của các tác giả trong nước.

**Từ khoá**: Nhân tố, mức độ công bố, hệ thống thông tin, kế toán môi trường

**48. Trao đổi về chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp**/ Nguyễn Khánh Thu Hằng// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 152-154.

**Nội dung**: Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 24/2024/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp, trong đó, quy định về chứng từ kế toán, tài khoản kế toán, sổ kế toán, báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động, báo cáo tài chính; quy trình in, sắp xếp, đóng để lưu trữ tài liệu kế toán của các đơn vị. Bài viết này trao đổi những hướng dẫn mới về chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

**Từ khóa**: Kế toán hành chính, hành chính sự nghiệp, kế toán

**49. Trực quan tương tác trên dữ liệu lớn trong kế toán – Nghiên cứu tại Thành phố Hồ Chí Minh/** Trịnh Hiệp Thiện, Đặng Thị Minh Trang// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 248 .- Tr. 27-34.

**Nội dung:** Kết quả nghiên cứu cho thấy, có sự khác biệt khi kế toán sử dụng các loại trực quan tương tác đơn giản và nâng cao. Khi kế toán sử dụng các kỹ thuật tương tác càng ít, nhận thức về mức độ dễ sử dụng chúng của kế toán càng thấp. Mức độ quen thuộc của kế toán với các trực quan nâng cao càng thấp, việc sử dụng và nhận thức về mức độ dễ sử dụng chúng của kế toán viên càng thấp.

**Từ khoá**: Dữ liệu lớn, kế toán, trực quan dữ liệu, trực quan tương tác

**50. Ứng dụng công nghệ vào kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp khách sạn/** Nguyễn Thị Khánh Vân// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 248 .- Tr. 102-106.

**Nội dung:** Trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt và nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng về trải nghiệm dịch vụ cao cấp, các DN khách sạn (DNKS) ngày nay đang chú trọng đến việc áp dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả quản lý và kiểm soát nội bộ (KSNB). Bài báo này sẽ đề cập đến đặc điểm về KSNB trong DNKS và những ứng dụng tiêu biểu của công nghệ trong việc KSNB tại các DNKS.

**Từ khoá**: Kiểm soát nội bộ, công nghệ, doanh nghiệp khách sạn

**51. Vai trò lịch sử của giá trị hợp lý trong hệ thống kế toán/** Nguyễn Thị Bình// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 263 .- Tr. 10-13.

**Nội dung:** Giới thiệu khái quát về vị trí và vai trò của giá trị hợp lý trong IFRS, quá trình phát triển của cơ sở giá này từ đó có những khuyến nghị khi áp dụng cơ sở giá này tại các nền kinh tế đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

**Từ khoá**: Kế toán quốc tế, chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, báo cáo tài chính, giá trị hợp lý

**52. Vận dụng kế toán quản trị tại các công ty sản xuất ngành chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh Bình Dương/** Bùi Minh Anh// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 248 .- Tr. 64-71.

**Nội dung:** Nghiên cứu thực hiện phân tích 174 mẫu khảo sát là đại diện lãnh đạo của các công ty. Tác giả sử dụng kết hợp phương pháp định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng để thực hiện đề tài. Kỹ thuật phân tích bao gồm thống kê mô tả, kiểm tra độ tin cậy thang đo, phân tích EFA và hồi quy tuyến tính. Có 06 nhân tố có tác động cùng chiều đến vận dụng KTQT tại các công ty sản xuất ngành chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh Bình Dương, gồm: Chiến lược kinh doanh, Chi phí tổ chức, Quy mô công ty, Năng lực nhân viên kế toán, Sự quan tâm đến KTQT của chủ công ty và Mức độ cạnh tranh của thị trường.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị, công ty sản xuất, ngành chế biến gỗ, tỉnh Bình Dương

**53. Vận dụng kế toán quản trị chi phí tại trong các doanh nghiệp thương mại ngành mỹ phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh/** Phan Ngọc Chánh// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 249 .- Tr. 57-65.

**Nội dung:** Nghiên cứu này được thực hiện, nhằm đo lường các nhân tố ảnh hưởng việc vận dụng kế toán quản trị chi phí (KTQTCP) trong các doanh nghiệp thương mại (DNTM) ngành Mỹ phẩm trên địa bàn TP.HCM. Mẫu khảo sát gồm 186 cá nhân là cán bộ công nhân viên của các doanh nghiệp (DN) này. Tác giả đã sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng thông mô hình hồi quy đa biến để thực hiện đề tài. Kết quả khẳng định, các nhân tố Áp lực cưỡng ép; Quan điểm của nhà quản trị; Tính hiệu quả cung cấp thông tin kế toán; Phương pháp, kỹ thuật vận dụng; Trình độ nhân viên kế toán và Mức độ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) có ảnh hưởng cùng chiều đến việc vận dụng KTQTCP của các đơn vị.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị chi phí, doanh nghiệp thương mại, ngành mỹ phẩm, Thành phố Hồ Chí Minh

**54. Xây dựng định mức và dự toán chi phí sản xuất trong kế toán quản trị/** Dương Thị Vân Anh// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 248 .- Tr. 44-47.

**Nội dung:** Trong phạm vi bài viết này, tác giả quan tâm đến việc lập dự toán sản xuất và xây dựng định mức chi phí tiêu chuẩn. Đây chính là căn cứ quan trọng để các nhà quản trị giám sát tình hình thực hiện dự toán chi sản xuất của DN.

**Từ khoá**: Định mức chi phí, dự toán chi phí, phương pháp xác định định mức chi phí và dự toán chi phí

**55. Xây dựng mô hình kế toán trách nhiệm xã hội của trường đại học/** Phạm Thị Mai Anh// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 116-118.

**Nội dung**: Trong bối cảnh nhu cầu sử dụng báo cáo thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của các tổ chức chung và báo cáo thực hiện trách nhiệm xã hội của các trường đại học nói riêng của các bên hữu quan trường đại học đồng thời để nâng cao trách nhiệm giải trình và công bố thông tin về trách nhiệm xã hội trường đại học, bài viết khái quát các quan điểm chung về trách nhiệm xã hội của trường đại học từ đó dựng mô hình kế toán trách nhiệm xã hội của trường đại học bao gồm việc nhận diện, đo lường đối tượng kế toán trách nhiệm xã hội của các trường đại học, tổ chức hệ thống chứng từ kế toán, tài khoản kế toán sổ kế toán để làm cơ sở lập và trình bày báo cáo trách nhiệm xã hội của trường đại học.

**Từ khóa**: Kế toán, trách nhiệm xã hội, Đại học, Xây dựng mô hình

**56. Xử lý bút toán trùng trên phần mềm ứng dụng Excel**/ Vũ Thị Tuyết Mai// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 164-166.

**Nội dung**: Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán là xu hướng tất yếu hiện nay. Tuy nhiên, không phải doanh nghiệp nào cũng có điều kiện để sử dụng phần mềm kế toán. Vì vậy, việc sử dụng phần mềm ứng dụng sẵn có như Microsoft Excel hỗ trợ trong công tác kế toán là điều hết sức cần thiết nhằm giảm bớt khối lượng thời gian, tăng độ chính xác trong công tác đo lường cũng như tổng hợp báo cáo của kế toán, nhất là kế toán tổng hợp. Để góp phần giảm bớt thời gian trong công việc xử lý và cập nhật các bút toán điều chỉnh cuối kỳ mà kế toán tổng hợp phải thực hiện, bài viết đề xuất phương pháp xử lý bút toán trùng trên phần mềm ứng dụng Excel, với vai trò là một công cụ hỗ trợ đắc lực cho kế toán tổng hợp.

**Từ khóa**: Excel, phần mềm ứng dụng, công nghệ thông tin, hệ thống thông tin kế toán, phần mềm kế toán

**QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**1. Ảnh hưởng của bất ổn kinh tế đến chi phí vay ngân hàng/** Nguyễn Thành Công, Ngô Hồng Hạnh, Kiều Thị Vân Anh// Ngân hàng .- 2024 .- Số 10 .- Tr. 35-41.

**Nội dung:** Sử dụng dữ liệu từ 3.321 ngân hàng tại 113 quốc gia trong giai đoạn 2001 - 2022, nghiên cứu này phân tích tác động của bất ổn kinh tế đến chi phí vay ngân hàng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, bất ổn kinh tế làm tăng chi phí vay ngân hàng, xác nhận rằng việc ngân hàng tăng chi phí cho vay để bù đắp rủi ro có thể gặp phải trong giai đoạn bất ổn kinh tế tăng cao. Các ngân hàng có rủi ro phá sản càng cao thì càng tăng chi phí cho vay khi mức độ bất ổn kinh tế tăng lên.

**Từ khoá**: Bất ổn kinh tế, chi phí vay ngân hàng, rủi ro

**2. Ảnh hưởng của đặc điểm của hội đồng quản trị và cấu trúc sở hữu đến cấu trúc vốn của các công ty niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Thanh Tú, Nguyễn Văn Bảo// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 266 .- Tr. 32-34.

**Nội dung:** Kết quả cho thấy quy mô hội đồng quản trị, tính độc lập của hội đồng quản trị, CEO kiêm nhiệm, tính tập trung sở hữu, quy mô công ty tác động cùng chiều đến đòn bẩy tài chính; tỉ lệ sở hữu nhà nước và khả năng sinh lợi có tương quan ngược chiều với cấu trúc vốn. Từ đó giúp các doanh nghiệp nhận diện được nhân tố cốt lõi tác động đến cấu trúc vốn và có các quyết định phù hợp trong huy động nguồn tài trợ.

**Từ khóa**: Hội đồng quản trị, cấu trúc sở hữu, cấu trúc vốn, công ty niêm yết, thị trường chứng khoán

**3. Ảnh hưởng của điều chỉnh lợi nhuận đến hiệu quả tài chính của các công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội/** Nguyễn La Soa, Đỗ Thị Ly, Nguyễn Thị Phương Anh, Trần Thị Phương Anh, Hoàng Việt Hà, Lê Quỳnh Trang,Nguyễn Diệu Hà// Kinh tế và Phát triển .- 2024 .- Số 324 .- Tr. 98-108.

**Nội dung:** Áp dụng phương pháp nghiên cứu định lượng và xử lý số liệu theo dữ liệu bảng, nhóm nghiên cứu đã thực hiện các kiểm định để tìm ra sự phù hợp của các mô hình hồi quy Pool OLS, hồi quy với tác động cố định (FEM), hồi quy với tác động ngẫu nhiên (REM), từ đó lựa chọn mô hình phù hợp nhất. Kết quả nghiên cứu chỉ ra mối quan hệ nghịch biến giữa điều chỉnh lợi nhuận và hiệu quả tài chính. Từ kết quả, nhóm nghiên cứu đã đưa ra các khuyến nghị tới doanh nghiệp, cơ quan nhà nước về việc áp dụng mô hình phát hiện điều chỉnh lợi nhuận nhằm đảm bảo lợi ích của các bên liên quan.

**Từ khoá**: Điều chỉnh lợi nhuận, điều chỉnh lợi nhuận thực tế, hiệu quả tài chính, Việt Nam

**4. Ảnh hưởng của hình ảnh thương hiệu và chất lượng dịch vụ tới sự hài lòng và lòng trung thành của khách hàng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam/** Đặng Thành Cương// Kinh tế và Phát triển .- 2024 .- Số 324 .- Tr. 28-36.

**Nội dung:** Nghiên cứu đánh giá mối quan hệ giữa hình ảnh thương hiệu, chất lượng dịch vụ với sự hài lòng và lòng trung thành của khách hàng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam. Trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát 458 khách hàng từ các ngân hàng thương mại Việt Nam, tác giả đã sử dụng mô hình cấu trúc tuyến tính cùng sự hỗ trợ của Smart PLS 4 để xem xét các mối quan hệ này. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hình ảnh thương hiệu cải thiện thì sự hài lòng và lòng trung thành của khách hàng càng tăng và chất lượng dịch vụ là yếu tố quan trọng hàng đầu quyết định sự hài lòng và lòng trung thành của khách hàng. Đây chính là gợi ý để các ngân hàng thương mại Việt Nam có thể đưa ra những chính sách phù hợp nhằm gia tăng lòng trung thành của khách hàng.

**Từ khoá**: Hình ảnh thương hiệu, lòng trung thành, ngân hàng thương mại, sự hài lòng

**5. Ảnh hưởng của lãnh đạo phụng sự đến lợi thế cạnh tranh của các trường đại học Việt Nam: Vai trò trung gian của chia sẻ tri thức/** Hà Diệu Linh, Nguyễn Huy Công, Phạm Kiều Linh, Nguyễn Ngọc Ánh, Nguyễn Phương Nga, Nguyễn Việt Anh// Kinh tế và Phát triển .- 2024 .- Số 323 .- Tr. 90-100.

**Nội dung:** Bài viết tập trung xem xét ảnh hưởng của lãnh đạo phụng sự lên lợi thế cạnh tranh và vai trò trung gian của chia sẻ tri thức trong 111 cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi cả nước. Bài viết đồng thời kiểm định mức độ ảnh hưởng của yếu tố quy mô và tính chất công tư của các loại hình cơ sở giáo dục đại học lên các mối quan hệ thông qua phương pháp T-Test và One-way Anova. Kết quả chỉ ra rằng lãnh đạo phụng sự có tác động trực tiếp đến lợi thế cạnh tranh và hành vi chia sẻ tri thức, trong đó chia sẻ tri thức đóng vai trò trung gian một phần. Trên cơ sở này, bài viết đề xuất một số giải pháp liên quan đến hành vi của nhà lãnh đạo cũng như các cơ quan quản lý trực thuộc nhằm giúp các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam đạt được và duy trì lợi thế cạnh tranh bền vững trong bối cảnh đầy thách thức như hiện nay.

**Từ khoá**: Chia sẻ tri thức, giáo dục đại học Việt Nam, lãnh đạo phụng sự, lợi thế cạnh tranh

**6. Ảnh hưởng của tầm nhìn chiến lược đến hiệu quả tổ chức thông qua vai trò trung gian của lợi thế cạnh tranh - Thực nghiệm tại doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Nội**/ Trương Thanh Hằng, Đặng Thu Hà// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 264 .- Tr. 48-52.

**Nội dung:** Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng với sự trợ giúp của phần mềm SPSS và AMOS đã cho thấy các mối quan hệ có ý nghĩa thống kê. Lợi thế cạnh tranh có ảnh hưởng trực tiếp và cùng chiều đến hiệu suất của tổ chức. Tầm nhìn chiến lược có ảnh hưởng trực tiếp và cùng chiều đến lợi thế cạnh tranh. Bởi vậy, mặc dù tác động trực tiếp của tầm nhìn chiến lược đối với hiệu quả của tổ chức không có ý nghĩa thống kê với dữ liệu của nghiên cứu này nhưng nó lại có ảnh hưởng gián tiếp đến hiệu quả tổ chức thông qua vai trò trung gian của lợi thế cạnh tranh.

**Từ khóa**: Lợi thế cạnh tranh, tầm nhìn chiến lược, hiệu quả tổ chức

**7. Ảnh hưởng của trách nhiệm xã hội doanh nghiệp đến ý định nghỉ việc của nhân viên gen Z: Vai trò trung gian của quản trị nhân lực xanh/** Đỗ Vũ Phương Anh, Hoàng Thị Huệ, Đỗ Phương Linh, Ngô Thị Hồng Minh, Đặng Trần Châu Giang, Đỗ Phương Thanh// Kinh tế và Phát triển .- 2024 .- Số 323 .- Tr. 67-78.

**Nội dung:** Bài viết tập trung nghiên cứu mối quan hệ giữa trách nhiệm xã hội doanh nghiệp và ý định nghỉ việc của nhân viên gen Z tại Việt Nam, với vai trò trung gian của quản trị nhân lực xanh. Dựa trên dữ liệu thu thập được qua khảo sát trực tuyến 294 nhân viên gen Z từ nhiều doanh nghiệp khác nhau, kết quả phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) cho thấy trách nhiệm xã hội tác động trực tiếp, ngược chiều đến ý định nghỉ việc. Ngoài ra, vai trò trung gian của quản trị nhân lực xanh trong mối quan hệ trên cũng được khẳng định. Từ đó, bài viết đề xuất một số hàm ý cho các tổ chức nhằm giảm thiểu ý định nghỉ việc của nhân viên gen Z thông qua việc tăng cường tham gia các hoạt động xã hội, môi trường trong quá trình kinh doanh, tổ chức các buổi huấn luyện nâng cao ý thức cộng đồng trong nội bộ doanh nghiệp cũng như nhấn mạnh vào yếu tố xanh trong quản trị nhân lực.

**Từ khoá**: Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, gen Z, quản trị nhân lực xanh, ý định nghỉ việc

**8. Ảnh hưởng của truyền thông thương hiệu nội bộ đến cam kết thương hiệu của nhân viên các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Trần Sỹ// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 265 .- Tr. 48-51.

**Nội dung:** Bằng phương pháp khảo sát, nghiên cứu đã thu được 324 mẫu hợp lệ để đưa vào phân tích. Kết quả nghiên cứu cho thấy, truyền thông thương hiệu nội bộ có ảnh hưởng cùng chiều đến kiến thức thương hiệu, sự hài lòng truyền thông thương hiệu và cam kết thương hiệu. Kiến thức thương hiệu và sự hài lòng truyền thông thương hiệu có ảnh hưởng cùng chiều đến cam kết thương hiệu. Từ đó, nghiên cứu đưa ra một số hàm ý quản trị nhằm nâng cao cam kết thương hiệu của nhân viên.

**Từ khóa**: Truyền thông thương hiệu nội bộ, kiến thức thương hiệu, sự hài lòng truyền thông nội bộ, cam kết thương hiệu

**9. Áp lực các bên liên quan và thực hành quản trị bền vững/** Hồ Thị Vân Anh// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 249 .- Tr. 112-122.

**Nội dung:** Nghiên cứu này tiến hành xem xét mối quan hệ giữa áp lực các bên liên quan và thực hành quản trị bền vững (sử dụng phương pháp đánh giá tài liệu có hệ thống), với mục đích cung cấp cái nhìn toàn diện hơn về mối quan hệ này và đề xuất các cơ hội nghiên cứu tương lai. Kết quả, (i) đưa thêm yếu tố cá nhân và yếu tố cấp vĩ mô (biến điều tiết) vào yếu tố tổ chức; (ii) lý thuyết các bên liên quan và lý thuyết thể chế là hai lý thuyết được đề cập nhiều nhất; (iii) đối tượng nghiên cứu chính là ngành sản xuất; (iv) phương pháp nghiên cứu phổ biến là khảo sát; (v) khía cạnh môi trường được đề cập nhiều hơn là các khía cạnh xã hội; (vi) mối quan hệ giữa áp lực các bên liên quan và thực hành quản trị bền vững là không rõ ràng (nhiều kết quả khác nhau) nên rất khó thiết lập mối quan hệ trực tiếp giữa chúng.

**Từ khoá**: Trách nhiệm xã hội, thực tiễn quản trị bền vững và áp lực từ các bên liên quan

**10. Bộ câu hỏi nghiên cứu khám phá các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi chấp nhận vay nợ ngoài hệ thống ngân hàng cho tiêu dùng gia đình của người dân Việt Nam/** Nguyễn Tường Vân, Lê Văn Hinh// Ngân hàng .- 2024 .- Số 10 .- Tr. 59-68.

**Nội dung:** Bài viết xây dựng bộ câu hỏi cho nghiên cứu khám phá các nhân tố tiềm năng ảnh hưởng đến hành vi chấp nhận vay nợ ngoài hệ thống ngân hàng cho tiêu dùng gia đình của người dân Việt Nam. Trên cơ sở đó có một số hàm ý cho các bên có liên quan và cho việc nghiên cứu định lượng này.

**Từ khoá**: Hành vi nợ nần, lãi cao quá mức, tín dụng đen, nặng lãi

**11. Các giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong bảo hiểm nhằm nâng cao hiệu suất thực hiện**/ Bùi Thị Hồng Nhung// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 658 .- Tr. 10-12.

**Nội dung**: Với sự phát triển và phổ biến của học máy và trí tuệ nhân tạo (AI) đã thúc đẩy tiềm năng tự động hóa hoạt động trong các công ty bảo hiểm, từ đó cắt giảm chi phí và tăng năng suất. Tuy nhiên, các tổ chức có rất nhiều lý do để phản đối việc mở rộng AI như sợ thất nghiệp và sự thiếu tin tưởng vào hệ thống, nhưng đây không phải là những vấn đề cốt lõi. Bài báo này sẽ giới thiệu về những cơ hội chính của việc áp dụng Al trong ngành bảo hiểm.

**Từ khóa**: Giải pháp, trí tuệ nhân tạo, bảo hiểm, nâng cao hiệu suất

**12. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng lợi nhuận của các ngân hàng thương mại Việt Nam/** Nguyễn Thanh Tú, Nguyễn Mai Duy, Trần Thị Mỹ Trinh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 263 .- Tr. 31-34.

**Nội dung:** Nghiên xác định và đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến chất lượng lợi nhuận của 20 ngân hàng thương mại trong giai đoạn 2012-2022. Kết quả nghiên cứu không chỉ giúp các nhà quản trị ngân hàng đánh giá tình hình tài chính và hiệu quả hoạt động của các NH mà còn hỗ trợ cho các thành phần liên quan như Ngân hàng Trung ương, nhà hoạch định chính sách, nhà đầu tư.

**Từ khoá**: Chất lượng lợi nhuận, ngân hàng thương mại, báo cáo tài chính

**13. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp công lập tại Nghệ An/** Phạm Thị Thúy Hằng// Kinh tế và Phát triển .- 2024 .- Số 324 .- Tr. 70-77.

**Nội dung:** Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, xử lý số liệu thông qua công cụ phân tích dữ liệu với phần mềm SPSS 22. Kết quả chỉ ra rằng có 4 nhân tố tác động trực tiếp cùng chiều với hiệu quản lý, sử dụng tài sản công, bao gồm: (i) Cơ chế chính sách và quy trình quản lý, (ii) Năng lực đội ngũ cán bộ, (iii) Đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công, và (iv) Hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin về tài sản công. Dựa trên kết quả nghiên cứu, một số đề xuất được đưa ra nhằm nâng cao chất lượng quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp công lập tại Nghệ An.

**Từ khoá**: Hiệu quản quản lý, Nghệ An, nhân tố ảnh hưởng, tài sản công

**14. Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua bảo hiểm y tế tự nguyện trên địa bàn thành phố Hà Nội/** Nguyễn Thị Hải Đường, Lê Đức Lữ, Ngô Gia Tráng, Phùng Quang Anh, Nguyễn Thị Bảo Dương, Đào Lê Ngân// Kinh tế và Phát triển .- 2024 .- Số 324 .- Tr. 88-97.

**Nội dung:** Bài viết tập trung nghiên cứu các nhân ở tố ảnh hưởng đến ý định mua bảo hiểm y tế tự nguyện. Nhóm tác giả vận dụng thuyết hành vi có kế hoạch để xây dựng mô hình nghiên cứu và thực hiện khảo sát trên địa bàn Hà Nội. Kết quả nghiên cứu cho thấy các nhân tố thái độ, chuẩn chủ quan, kiểm soát ý định hành vi, hiểu biết, chất lượng dịch vụ và trách nhiệm sức khỏe đều có ảnh hưởng tích cực đến ý định tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện. Trên cơ sở kết quả phân tích, nhóm tác giả đề xuất một số khuyến nghị nhằm mở rộng khả năng tiếp cận tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện của người dân tại Hà Nội.

**Từ khoá**: Ý định mua, bảo hiểm y tế tự nguyện, Hà Nội

**15. Các nhân tố ảnh hưởng tới mức độ sử dụng dịch vụ y tế tại khu vực nông thôn Việt Nam**/ Bùi Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Tuyết// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 264 .- Tr. 18-21.

**Nội dung:** Nghiên cứu đã chỉ ra được các nhân tố quan trọng ảnh hưởng tới mức độ sử dụng dịch vụ y tế bao gồm bảo hiểm y tế, thu nhập, tình trạng nghèo, trình độ học vấn, điều kiện sống, giới tính, tuổi và tình trạng sức khỏe. Trong đó, bảo hiểm y tế được đánh giá có tác động tích cực, đặc biệt là đối với người nghèo và người cận nghèo. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đã đưa ra một số khuyến nghị cho các cơ quan liên quan.

**Từ khóa**: Dịch vụ y tế, VHLSS, nông thôn, poisson

**16. Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn sản phẩm trà của người tiêu dùng tại thị trường Hà Nội/** Trịnh Thùy Dương, Phùng Thế Vinh, Lê Đình Bình// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 2 .- Tr. 57-71.

**Nội dung**: Bằng cách phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn sản phẩm trà của người tiêu dùng tại thị trường Hà Nội gồm: Nhận thức về chất lượng, thương hiệu, chuẩn chủ quan, giá cả và thái độ. Bài viết cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp trong ngành trà, giúp doanh nghiệp hiểu rõ hơn những nhu cầu của khách hàng, từ đó tạo ra các chiến lược kinh doanh hiệu quả.

**Từ khóa:** Quyết định mua, sản phẩm trà, người tiêu dùng, Hà Nội

**17. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực sáng tạo của nhân viên: Nghiên cứu trong ngành công nghệ thông tin**/ Nguyễn Thị Việt Hà// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 266 .- Tr. 28-31.

**Nội dung:** Kết quả khảo sát hợp lệ thu về từ 269 bản trả lời bảng hỏi được phân tích bằng phần mềm Smart-PLS v3. Nghiên cứu cho thấy có bốn yếu tố chính ảnh hưởng tích cực và có ý nghĩa thống kê đến năng lực sáng tạo của nhân viên ngành công nghệ thông tin tại Việt Nam. Các yếu tố này gồm kỹ năng chuyên môn, kỹ năng tư duy sáng tạo, môi trường làm việc khuyến khích sáng tạo, và sự hỗ trợ của tổ chức. Tuy nhiên, nghiên cứu chưa tìm thấy bằng chứng đủ mạnh để khẳng định vai trò tác động của động lực làm việc lên năng lực sáng tạo của nhân viên. Nghiên cứu này cung cấp những bằng chứng thực nghiệm cho thấy ứng dụng lý thuyết đổi mới sáng tạo trong các công ty công nghệ tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Đổi mới sáng tạo, năng lực sáng tạo, nhân viên, kỹ năng, động lực, môi trường làm việc, sự hỗ trợ của tổ chức

**18. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng ví điện tử Momo của sinh viên tại TP. Hồ Chí Minh**/ Phạm Thị Bích Thảo// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 221-223.

**Nội dung**: Tại Việt Nam, tốc độ thanh toán không dùng tiền mặt ngày càng tăng cao và hoạt động thanh toán qua ví điện tử MoMo đang chiếm nhiều ưu thế trong các giao dịch không tiền mặt mà đối tượng thường xuyên sử dụng là sinh viên. Để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng MoMo của sinh viên TP. Hồ Chí Minh, bài viết đã sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá và ước lượng mô hình hồi quy từ 300 sinh viên tại TP. Hồ Chí Minh. Kết quả cho thấy, sự tin tưởng có ảnh hưởng đến quyết định sử dụng MoMo của sinh viên TP. Hồ Chí Minh nhiều nhất, tiếp đến là tính hữu ích, tính an toàn, tính dễ sử dụng, tính dễ nhận diện.

**Từ khóa**: Yếu tố ảnh hưởng, ví điện tử Momo, sinh viên, quyết định sử dụng

**19. Các yếu tố ảnh hưởng đến vốn trí tuệ tại các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam/** Bùi Đan Thanh, Nguyễn Thị Thu Thảo// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 263 .- Tr. 41-45.

**Nội dung:** Kết quả phân tích FGLS cho thấy rằng rào cản nhập cảnh, hiệu suất đầu tư vào VTT và sử dụng đòn bẩy tài chính đều có tác động tiêu cực đối với VTT tại các ngân hàng. Ngược lại, tỷ suất lợi nhuận lại có ảnh hưởng tích cực. Các biến như hệ thống CNTT và rủi ro ngân hàng không đạt được mức ý nghĩa thống kê trong mô hình nghiên cứu …

**Từ khoá**: Vốn trí tuệ, ngân hàng, FEM, Việt Nam

**20. Các yếu tố làm tăng chi phí kinh doanh của doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay**/ Trần Thị Hồng// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 110-112.

**Nội dung**: Chi phí kinh doanh là các khoản mà doanh nghiệp cần để vận hành hệ thống sản xuất kinh doanh. Chi phí này bao gồm tiền thanh toán cho nhà cung cấp, tiền lương nhân viên, tiền sửa chữa và bảo trì, tiền thuế, tiền thuê nhà xưởng, tiền mua thiết bị, lãi vay, chi phí vận chuyển… Để đạt được doanh thu và lợi nhuận mong muốn, doanh nghiệp cần nắm rõ các yếu tố làm tăng chi phí để kiểm soát chi phí kinh doanh, cắt

giảm những khoản không cần thiết. Việc tiết giảm chi phí kinh doanh cũng phụ thuộc nhiều vào các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ và cơ quan quản lý nhà nước.

**Từ khóa**: Chi phí kinh doanh, doanh nghiệp, yếu tố ảnh hưởng, kinh tế

**21. Các yếu tố tác động đến động lực làm việc của nhân viên văn thư lưu trữ của nhân viên văn thư lưu trữ**/ Đỗ Thị Bích Ngọc, Trần Thanh Tùng// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 92-94.

**Nội dung**: Bài báo này tập trung bàn luận các yếu tố tác động đến động lực làm việc của nhân viên văn thư lưu trữ. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ cuộc điều tra khảo sát 195 nhân viên văn thư lưu trữ ở các cơ quan quản lí Nhà nước cấp huyện trở lên thuộc các tỉnh miền Bắc. Kết quả nghiên cứu cho thấy ngoài các yếu tố phổ biến như đặc điểm công việc, lương thưởng đãi ngộ, cơ hội đào tạo và thăng tiến, yếu tố “mô hình tổ chức công tác tổ chức văn thư lưu trữ" và yếu tố “sự nhận biết về giá trị thông tin văn bản và tài liệu lưu trữ” có tác động đáng kể đến động lực làm việc của nhân viên văn thư lưu trữ. Đặc biệt, yếu tố “phong cách lãnh đạo” lại không có ảnh hưởng đáng kể đến động lực làm việc của nhân viên văn thư lưu trữ.

**Từ khóa**: Yếu tố tác động, động lực làm việc, nhân viên, văn thư lưu trữ

**22. Các yếu tố tác động đến ý định sử dụng lại dịch vụ lưu trú chia sẻ của khách du lịch tại Việt Nam**/ Vũ Hương Giang, Phan Thị Thùy, Nguyễn Mỹ Anh, Nguyễn Anh Thư// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 197-200.

**Nội dung**: Nghiên cứu này xác định các yếu tố tác động và mức độ tác động của từng yếu tố đến ý định sử dụng lại dịch vụ lưu trú chia sẻ của khách du lịch tại Việt Nam. Thông qua khảo sát 180 khách du lịch đã từng sử dụng dịch vụ lưu trú chia sẻ tại Việt Nam, kết quả nghiên cứu cho thấy, có 2 yếu tố tác động trực tiếp tới ý định sử dụng lại dịch vụ lưu trú chia sẻ của khách du lịch tại Việt Nam là: Nhận thức về tính hữu ích và thái độ khi sử dụng dịch vụ lưu trú chia sẻ. Trong đó, mức độ tác động của các yếu tố thái độ khi sử dụng dịch vụ tới ý định sử dụng lại dịch vụ lưu trú chia sẻ lớn hơn mức độ tác động của yếu tố nhận thức về tính hữu ích của dịch vụ.

**Từ khóa**: Yếu tố tác động, lưu trú, khách du lịch, dịch vụ lưu trú, du khách, du lịch

**23. Cảm nhận của hành khách về chất lượng dịch vụ của các hãng hàng không tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất**/ Nguyễn Ngọc Chánh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 265 .- Tr. 75-78.

**Nội dung:** Kết quả nghiên cứu cho thấy 4 biến: “Tin cậy”, “Đồng cảm”, “Giá cả”, và “Năng lực phục vụ” có ảnh hưởng đến sự hài lòng của hành khách. Qua kết quả nghiên cứu, một số hàm ý chính sách được gợi ý nhằm giúp cho các hãng hàng không nâng cao và hoàn thiện hơn nữa về chất lượng dịch vụ nhằm gia tăng sự hài lòng của hành khách.

**Từ khóa**: Hành khách, sự hài lòng, chất lượng dịch vụ

**24. Cấu trúc chuỗi giá trị toàn cầu dưới ảnh hưởng của đại dịch COVID-19**/ Trần Thị Thanh Hằng// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 174-177.

**Nội dung**: Nghiên cứu này phân tích sự thay đổi về cấu trúc của chuỗi giá trị toàn cầu (GVC) sau đại dịch COVID-19. Theo đó, những xu hướng thay đổi trong cấu trúc chuỗi giá trị toàn cầu bài viết chỉ ra được bao gồm: xu hướng đa dạng hóa và địa phương hóa trong chuỗi giá trị toàn cầu; xu hướng sử dụng công nghệ mới trong chuỗi giá trị toàn cầu; xu hướng hợp tác giữa các công ty và thay đổi danh mục sản phẩm trong chuỗi giá trị toàn cầu để giảm thiểu rủi ro và quản lý khủng hoảng. Từ thực trạng trên, tác giả đề xuất một số hàm ý đối với Việt Nam nhằm xây dựng phương án ứng phó với thay đổi cấu trúc chuỗi giá trị toàn cầu.

**Từ khóa**: Đại dịch Covid-19, cấu trúc, chuỗi giá trị, kinh tế toàn cầu

**25. Chiến lược ESG góp phần thúc đẩy tăng trưởng xanh kinh tế xanh trong ngành ngân hàng/** Phùng Thị Ngọc Ánh, Nguyễn Hoàng Mỹ Duyên// Ngân hàng .- 2024 .- Số Chuyên đề đặc biệt .- Tr. 34-40.

**Nội dung:** Bài viết cung cấp tình hình thực tế của các ngành ngân hàng, đồng thời xác định rõ ràng những khó khăn và thách thức trong việc thực thi ESG.

**Từ khoá**: Ngân hàng, ESG, phát triển bền vững

**26. Chính sách thúc đẩy thực hiện trách nhiệm xã hội doanh nghiệp tại Liên minh châu Âu và khuyễn nghị cho Việt Nam/** Nguyễn Chiến Thắng, Vũ Thanh Hà// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 1 .- Tr. 43-53.

**Nội dung**: Trình bày khái niệm xã hội doanh nghiệp. Phân tích bối cảnh hình thành và phát triển chính sách về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp tại Liên minh châu Âu. Nghiên cứu thực tiễn triển khai chính sách về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp ở Liên minh châu Âu.

**Từ khóa:** Trách nhiệm xã hội, doanh nghiệp, châu Âu

**27. Chính sách thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam : những bất cập và định hướng sửa đổi/** Lê Hà Trang// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 263 .- Tr. 5-9.

**Nội dung:** Bài viết tổng hợp những kinh nghiệm điều chỉnh chính sách thuế thu nhập cá nhân của một số quốc gia trên thế giới cũng như thực trạng thu thuế TNCN ở Việt Nam hiện nay nhằm chỉ ra những tồn tại trong chính sách thuế thu nhập cá nhân và đề xuất những kiến nghị nhằm hoàn thiện chính sách quản lý TNCN trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Thuế thu nhập cá nhân, chính sách

**28. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực quản trị tài sản trí tuệ : kinh nghiệm Trung Quốc và hàm ý cho Việt Nam/** Lê Tùng Sơn, Nguyễn Hữu Xuyên// Thông tin & truyền thông.- 2024 .- Số 6.- Tr. 111-117.

**Nội dung**: Nghiên cứu kinh nghiệm của Trung Quốc trong xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp quản trị tài sản trí tuệ. Trung Quốc đã thiết lập khung pháp lý, chiến lược quốc gia và tiêu chuẩn quản lý sở hữu trí tuệ. Đề xuất Việt Nam học hỏi để hoàn thiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Sở hữu trí tuệ, quản trị doanh nghiệp, quản trị tài sản trí tuệ, đổi mới sáng tạo.

**29. Cơ hội và thách thức trong việc áp dụng ESG vào hoạt động kinh doanh của ngành ngân hàng Việt Nam/** Nguyễn Thị Ngọc Trinh, Cao Thị Thanh Điền// Ngân hàng .- 2024 .- Số Chuyên đề đặc biệt .- Tr. 93-99.

**Nội dung:** Bài viết tập trung nghiên cứu về sự ảnh hưởng của tiêu chí môi trường, xã hội quản trị (ESG) đối với hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam; phân tích những thuận lợi trong áp dụng ESG bao gồm lợi thế cạnh tranh, tăng tinh minh bạch và giảm rủi ro trong hoạt động kinh doanh; bên cạnh đó đưa ra một số khó khan trong quá trình thực hiện, bao gồm những thách thức như hoạt động kinh doanh hiệu quả, thông tin công bố thiếu minh bạch, áp lực từ phía cổ đông và nhà đầu tư. Qua đó, đề xuất một số khuyến nghị nhằm hỗ trợ ngành Ngân hàng Việt Nam triển khai hiệu quả các tiêu chí ESG; đồng thời, tránh những rủi ro không mong muốn trong hoạt động kinh doanh.

**Từ khoá**: Ngân hàng, ESG, hoạt động kinh doanh

**30. Doanh nghiệp nhỏ và vừa trong hội nhập kinh tế quốc tế: Thực trạng, vấn đề và giải pháp đối với nhóm ngành dệt, sản xuất trang phục và điện tử/** Hồ Đình Bảo, Nguyễn Thanh Tùng// Kinh tế và Phát triển .- 2024 .- Số 323 .- Tr. 2-11.

**Nội dung:** Nghiên cứu này đánh giá các yếu tố khách quan ảnh hưởng tới khả năng tham gia thương mại quốc tế của DNNVV trong nhóm ngành dệt, sản xuất trang phục và điện tử. Phân tích định lượng cho thấy một số yếu tố thể chế như tiếp cận đất đai, chi phí không chính thức và chất lượng lao động có ảnh hưởng lớn tới quá trình tiếp cận thị trường quốc tế của DNNVV. Từ đó, nhóm nghiên cứu đưa ra những khuyến nghị chính sách nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và gia tăng sự hiện diện của DNNVV Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu.

**Từ khoá**: Môi trường thể chế, thương mại quốc tế, doanh nghiệp nhỏ và vừa

**31. Đánh giá chính quyền cấp tỉnh đối với xác định chiến lược liên kết du lịch tại các tỉnh Nam Đồng bằng sông Hồng**/ Nguyễn Thị Thu Phương, Hoàng Thị Hồng Hạnh, Nguyễn Văn Hậu, Nguyễn Chí Thiện// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 266 .- Tr. 84-87.

**Nội dung:** Bài viết kế thừa khung nghiên cứu của Simpson (2001), theo đó, tác giả sẽ sử dụng 05 nhóm tiêu chí để đánh giá. Kết quả cho thấy, Chiến lược LKDL đã được CQCT xác định phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương. Tuy nhiên, chưa có chiến lược riêng cụ thể và đảm bảo tính toàn diện cho LKDL, xác định tầm nhìn và giá trị của chiến lược LKDL chưa được xác định đầy đủ, cụ thể, ro ràng.

**Từ khóa**: Chiến lược liên kết du lịch, các tỉnh Nam Đồng bằng sông Hồng, liên kết du lịch

**32. Đào tạo nguồn nhân lực nhằm duy trì và phát triển bền vững tại các doanh nghiệp may Việt Nam/** Nguyễn Văn Dung, Nguyễn Thị Xuân// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 58-60.

**Nội dung**: Trong thời đại Công nghệ 4.0 với sự mở rộng ứng dụng thành tựu của công nghệ thông tin, điều khiển, động hóa. Sự phát triển của công nghệ và sự lan truyền của internet đã tạo ra môi trường kinh doanh đầy cạnh tranh. Các hệ thống sử dụng trí thông minh nhân tạo sẽ thay thế con người trong nhiều công đoạn hoặc trong toàn bộ dây chuyền sản xuất nhất là trong những ngành sử dụng nhiều lao động như ngành may. Chính vì các doanh nghiệp may cần phải nhập cuộc mạnh mẽ trong việc đào tạo và đào tạo lại lực lượng lao động đang có của mình nhằm hướng tới bộ máy hoạt động tinh gọn hơn để đáp ứng nhu cầu sản xuất thực tế hiện và xây dựng một nguồn nhân lực bền vững, có khả năng thích nghi và phát triển trong thời đại số.

**Từ khóa**: Đào tạo, nguồn nhân lực, phát triển bền vững, doanh nghiệp, dệt may

**33. Đẩy mạnh sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất**/ Hoàng Thị Thu Lan// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 11-13.

**Nội dung**: Tài sản công nhà, đất là cơ sở vật chất quan trọng phục vụ công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau (thay đổi quy hoạch, thay đổi về tổ chức bộ máy, mô hình hoạt động, biên chế được giao…), nhu cầu sử dụng nhà, đất có sự biến động, đòi hỏi phải được rà soát, sắp xếp lại nhằm bảo đảm quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, khai thác có hiệu quả nguồn lực này. Bài viết này đánh giá thực trạng sắp xếp lại, xử lý nhà, đất từ năm 2007 đến nay, từ đó đề xuất một số giải pháp để đẩy nhanh tiến độ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Tài sản công, nhà đất, xử lý tài sản

**34. Đặc điểm công ty có ảnh hưởng đến tránh thuế ở các công ty phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam?/** Nguyễn Công Phương// Kinh tế và Phát triển .- 2024 .- Số 324 .- Tr. 19-27.

**Nội dung:** Nghiên cứu này xem xét mối quan hệ giữa đặc điểm của công ty và hành vi tránh thuế thu nhập doanh nghiệp. Sử dụng dữ liệu bảng không cân bằng của 517 công ty phi tài chính niêm yết trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến 2022 với 1449 quan sát, phân tích hồi quy tuyến tính bội cho thấy quy mô công ty, khả năng sinh lời, mức độ đầu tư vốn vào tài sản cố định lớn thì khả năng tránh thuế càng lớn. Kết quả cũng tìm thấy ảnh hưởng của lĩnh vực hoạt động, mặc dù không hoàn toàn, đến tránh thuế. Những bằng chứng này gợi ý về tầm quan trọng của việc hiểu rõ vai trò của đặc điểm doanh nghiệp trong việc hình thành các hành vi tránh thuế, cung cấp những sự hiểu biết cho các nhà hoạch định chính sách và các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực thuế.

**Từ khoá**: Tránh thuế, Đo lường tránh thuế, Chênh lệch lợi nhuận kế toán và thu nhập tính thuế, Tỷ suất thuế thực tế, Đặc điểm công ty

**35. Định hướng ứng dụng marketing để phát triển các cơ sở giáo dục đại học ở Đại học Thái Nguyên/** Nguyễn Văn Hùng// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 80-82.

**Nội dung**: Đại học Thái Nguyên đang chuyển dần sang cơ chế tự chủ và hội nhập quốc tế. Các Trường Đại học thành viên của Đại học Thái Nguyên đứng trước những thách thức khổng hề nhỏ về sự cạnh tranh khi giáo dục đại học chuyển sang cơ chế tự chủ và hội nhập quốc tế. Điều này đòi hỏi các nhà quản lý cần có những phương thức phù hợp hơn trong việc quản lý điều hành các cơ sở giáo dục đại học. Bài viết này sẽ làm rõ các căn cứ để vận dụng các nguyên lý marketing vào lĩnh vực giáo dục đại học, để phát triển bền vững trong thời kỳ mới.

**Từ khóa**: Định hướng, marketing, giáo dục đại học, phát triển bền vững

**36. Đóng góp của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cho nền kinh tế Việt Nam**/ Nguyễn Thị Thanh Thủy// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 44-46.

**Nội dung**: Sau hơn 35 năm Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được Quốc hội ban hành, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã thể hiện là một nguồn lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế đất nước và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, đóng góp không nhỏ vào tăng trưởng kinh tế, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên thế giới. Trên cơ sở phân tích khái quát thực trạng thu hút nguồn vốn này trong 10 năm gần đây, bài viết này đánh giá những đóng góp của đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với nền kinh tế

Việt Nam trong thời kỳ hội nhập.

**Từ khóa**: Vốn đầu tư, đầu tư trực tiếp, đầu tư nước ngoài, kinh tế

**37. Đổi mới cơ chế quản lý tài sản công, thúc đẩy thương mại hóa, ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ**/ Nguyễn Thị Hà Giang// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 18-21.

**Nội dung**: Việc quản lý, xử lý tài sản hình thành thông qua việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thời gian vừa qua đã được các bộ, ngành, địa phương quan tâm và ngày càng chặt chẽ, dần đi vào nề nếp. Tuy nhiên, thực tiễn công tác này còn có sự lúng túng, tiến độ chậm, hiệu quả chưa cao, phát sinh vướng mắc, bất cập. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do cơ chế quản lý tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng

ngân sách nhà nước chưa thực sự phù hợp với đặc điểm của loại tài sản mang nhiều yếu tố đặc thù này. Vì vậy, đổi mới cơ chế quản lý tài sản công để thúc đẩy thương mại hóa, ứng dụng kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ là đòi hỏi bức thiết.

**Từ khóa**: Thương mại hóa, thúc đẩy thương mại, khoa học công nghệ, đổi mới cơ chế, cơ chế quản lý, tài sản công

**38. Đông Nam Á trong cạnh tranh quyền lực kinh tế giữa Mỹ và Trung Quốc/** Nguyễn Anh Cường, Trần Quang Khải// Nghiên cứu Đông Nam Á.- 2024 .- số 4(289) .- Tr. 3-11.

**Nội dung**: Tập trung vào các hành xử đối ngoại của Mỹ và Trung Quốc, qua đó đi tới kết luận là mối quan hệ giữa thúc đẩy cạnh tranh kinh tế tại khu vực Đông Nam Á chính là nguyên nhân góp phần gia tăng cuộc cạnh tranh toàn diện giữa hai cường quốc.

**Từ khóa:** Cạnh tranh quyền lực, lợi ích kinh tế, Đông Nam Á, quan hệ Mỹ - Trung

**39. Giải pháp thúc đẩy triển khai ESG trong hệ thống ngân hàng Việt Nam/** Lê Đình Nhân, Phan Hữu Thịnh// Ngân hàng .- 2024 .- Số Chuyên đề đặc biệt .- Tr. 100-107.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu thực trạng của quá trình triển khai ESG, từ đó đưa ra những giải pháp phù hợp để thúc đẩy quá trình triển khai ESG trong hệ thống ngân hàng tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Ngân hàng, môi trường, xã hội, quản trị, trái phiếu xanh

**40.** **Hành vi tuân thủ thuế bắt buộc của các doanh nghiệp trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh/ N**guyễn Thị Phương Hồng // Tài chính .- 2024 .- Số 823 .- Tr. 214-218.

**Nội dung**: Thông qua việc nghiên cứu các doanh nghiệp trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, nghiên cứu này xem xét các doanh nghiệp có đặc điểm khác nhau thì có sự khác biệt về hành vi tuân thủ thuế bắt buộc hay không. Tác giả đã sử dụng phân tích phương sai một yếu tố (ANOVA một yếu tố) để kiểm định sự khác biệt của các đặc điểm của doanh nghiệp bao gồm: Loại hình doanh nghiệp, lĩnh vực kinh doanh chính, thời gian hoạt động, quy mô doanh nghiệp và kiểm toán báo cáo tài chính đối với hành vi tuân thủ thuế bắt buộc của doanh nghiệp. Kết quả kiểm định cho thấy không có sự khác biệt về đặc điểm doanh nghiệp đến hành vi tuân thủ thuế bắt buộc của các doanh nghiệp trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

**Từ khóa**: Thuế, doanh nghiệp, hành vi

**41. Hoàn thiện chính sách quản lý tài sản công tại các thiết chế văn hóa, thể thao**/ Trần Nguyễn Thiện// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 22-33.

**Nội dung**: Theo cách hiểu chung nhất, thiết chế văn hóa, thể thao là một tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao do Nhà nước hoặc cộng đồng xã hội lập ra trong khuôn khổ pháp luật hoặc quy chế của ngành, đoàn thể nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo văn hóa, thể thao của người dân. Tổ chức này cần hội đủ các yếu tố: cơ sở vật chất - trang thiết bị - kinh phí; bộ máy tổ chức - nhân sự và quy chế - nội dung hoạt động. Tài sản công tại các thiết chế văn hóa, thể thao (cơ sở vật chất) là một bộ phận cấu thành không thể thiếu của các thiết chế văn hóa, thể thao. Do vậy, việc hoàn thiện chính sách quản lý, sử dụng tài sản công sẽ tác động đến hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao.

**Từ khóa**: Hoàn thiện chính sách, tài sản công, thể chế văn hóa, thể thao, quản lý tài sản

**42.** **Hoàn thiện chế độ quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước đầu tư, quản lý**/ Đỗ Thị Hằng// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 14-17.

**Nội dung**: Để tạo hành lang pháp lý cho công tác quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước đầu tư, quản lý, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 46/2018/NĐ-CP quy định về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia. Qua 6 năm, việc thực hiện Nghị định trên đã cho thấy những kết quả bước đầu, song cũng bộc lộ những hạn chế, bất cập cần được tháo gỡ để đáp ứng yêu cầu định hướng phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Kết luận số 49-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị.

**Từ khóa**: Kết cấu hạ tầng, đường sắt, nhà nước, quản lý, đầu tư công, hoàn thiện chế độ

**43. Hoạt động chuyển đổi số tại tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex: Bằng chứng thực nghiệm từ khảo sát khách hàng/** Bùi Quang Tuyến, Đặng Đình Tuyên// Kinh tế và Phát triển .- 2024 .- Số 324 .- Tr. 58-69.

**Nội dung:** Bài viết này trình bày kết quả nghiên cứu về hoạt động chuyển đổi số tại Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex (PJICO) từ góc độ tiếp cận của khách hàng. Khung phân tích của chúng tôi gồm 4 thang đo phản ánh: (1) khả năng đáp ứng dịch vụ số, (2) sự sẵn sàng sử dụng của khách hàng, (3) hoạt động truyền thông về dịch vụ số, (4) yêu cầu của khách hàng về dịch vụ số. Chúng tôi sử dụng dữ liệu khảo sát từ 200 khách hàng của PJICO để rút ra những nhận định về các hoạt động chuyển đổi số tại PJICO. Kết quả thống kê mô tả mẫu nghiên cứu và các biến nghiên cứu cho thấy khách hàng đánh giá tương đối tốt về hoạt động chuyển đổi số tại PJICO nhưng vẫn còn một số hạn chế cần điều chỉnh. Từ đó, chúng tôi đề xuất mô hình chuyển đổi số tại PJICO với 4 thành phần và 3 bước triển khai chuyển đổi số.

**Từ khoá**: Bảo hiểm, chuyển đổi số, khách hàng, Việt Nam

**44. Hoạt động kinh doanh quốc tế tại Việt Nam: Thực trạng và một số kiến nghị nâng cao hiệu quả/** Lê Thị Khánh Hòa// Ngân hàng .- 2024 .- Số 12 .- Tr. 48-52.

**Nội dung:** Bài viết tập trung nghiên cứu, làm rõ thực trạng của hoạt động kinh doanh quốc tế tại Việt Nam trong giai đoạn vừa qua, trình bày những khó khăn và đề xuất một số giải pháp để thúc đẩy hoạt động kinh doanh quốc tế tại Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Kinh doanh quốc tế, hội nhập kinh tế quốc tế, thực trạng, giải pháp

**45. Hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp tại Việt Nam: thực trạng và kiến nghị giải pháp/** Nguyễn Minh Trang// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 72-74.

**Nội dung**: Hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp là mối quan hệ giữa đào tạo và sử dụng, giữa nghiên ứng dụng. Trong nền kinh tế thị trường, trường đại học được xem như là một doanh nghiệp, “sản phẩmsinh viên phải được thị trường lao động chấp nhận chứ trường đại học không thể đào tạo theo những mình có. Tuy nhiên, trong những năm qua, sự phát triển các mô hình hợp tác giữa các TĐH và DN còn chế. Bài viết này sẽ đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh và phát huy hiệu quả mối liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp.

**Từ khóa**: Quan hệ hợp tác, doanh nghiệp, đại học, giải pháp phát triển

**46. Khám phá năng lực cạnh tranh động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại TP. Hồ Chí Minh/** Nguyễn Thị Hồng Nguyệt, Nguyễn Thị Đức Bình// Tài chính .- 2024 .- Số 823 .- Tr. 211-213.

**Nội dung**: Xu hướng toàn cầu hóa đã tạo ra nhiều cơ hội cũng như mức độ cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp địa phương, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa. Khám phá các yếu tố của năng lực động và xác định các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, nhóm tác giả đưa ra một số đề xuất, khuyến nghị nhằm góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn. Kết quả nghiên cứu sẽ là tài liệu tham khảo cho các bên liên quan đặc biệt là các nhà quản trị và quản lý trong khu vực.

**Từ khóa**: Năng lực cạnh tranh, doanh nghiệp nhỏ và vừa, toàn cầu hóa

**47. Lựa chọn dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán và các hành vi lệch lạc của nhà đầu tư cá nhân: Bằng chứng thực nghiệm tại sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/** Nguyễn Thị Ngọc Loan, Nguyễn Thị Mỹ Linh, Phan Chung Thủy// Kinh tế và Phát triển .- 2024 .- Số 324 .- Tr. 37-47.

**Nội dung:** Bằng kỹ thuật phân tích hồi quy Probit và tính toán tác động cận biên, hành vi lệch lạc tự bảo vệ, hiệu ứng ngược vị thế và hiểu biết tài chính có ảnh hưởng tích cực mạnh mẽ đến sự lựa chọn sử dụng dịch vụ. Bên cạnh đó, quá tự tin, lệch lạc tự bảo vệ có ảnh hưởng tích cực và hiểu biết tài chính có ảnh hưởng tiêu cực đến việc sử dụng dịch vụ ở mức gợi ý hay ủy thác các quyết định cho nhà tư vấn. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để chúng tôi đề xuất các khuyến nghị cho nhà đầu tư, đơn vị cung ứng dịch vụ nhằm phát triển dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán.

**Từ khoá**: Hiệu ứng ngược vị thế, lệch lạc nhận thức muộn, tính toán cảm tính, quá tự tin, tư vấn đầu tư chứng khoán, lệch lạc tự quy kết

**48. Mô hình, kinh nghiệm triển khai ESG của các ngân hàng và định chế tài một số quốc gia trên thế giới : bài học cho Việt Nam/** Đinh Ngọc Long, Đinh Thị Kim Phượng, Đào Thị Tuyết Nhi// Ngân hàng .- 2024 .- Số Chuyên đề đặc biệt .- Tr. 132-138.

**Nội dung:** Bài viết tìm hiểu và phân tích các mô hình, kinh nghiệm triển khai ESG của các ngân hàng và định chế tài chính trên thế giới, từ đó đề xuất những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam để triển khai ESG rộng rãi, hiệu quả hơn.

**Từ khoá**: Mô hình ESG, kinh nghiệm triển khai ESG, ngân hàng, định chế tài chính

### **49. Mô hình kinh doanh và cách sáng tạo để kiếm tiền từ nội dung báo chí/** Th.S. Nguyễn Thị Hồng Chi// Thông tin & truyền thông.- 2024 .- Số 6.- Tr. 32-36.

**Nội dung**: Phân tích tác động của Internet đến ngành báo chí truyền thống, bao gồm sự suy giảm độc quyền và doanh thu, sự phát triển của báo chí công dân, và thay đổi hành vi tiêu dùng tin tức. Các cơ quan báo chí đang tìm kiếm mô hình kinh doanh mới như quảng cáo và trả phí để thích ứng với thách thức này.

**Từ khóa:** Kinh tế, báo chí số, mô hình kinh doanh truyền thông, hành vi tiêu dùng tin tức.

**50. Mô hình lý thuyết phân tích hành vi lựa chọn trong hôn nhân**/ Trương Thành Hiệp, Nguyễn Thị Bích Hồng// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 101-103.

**Nội dung**: Nhằm bổ sung luận giải về hành vi ngoại tình trên cơ sở lý thuyết kinh tế, mục tiêu của bài viết dựng mô hình phân tích hành vi ngoại tình trên cơ sở lý thuyết tìm kiếm. Dựa trên việc xây dựng và hóa hàm lợi ích của ba lựa chọn trong đời sống vợ chồng gồm: sống chung thủy, ngoại tình, và ly hôn người mới; bài viết tiến hành xác định điểm ngưỡng, điều kiện tối ưu của ba hành vi này, qua đó chỉ điểm và điều kiện tồn tại của hành vi ngoại hình. Bài viết cũng đề ra một số gợi ý nhằm hạn chế ngoại tình, lựa chọn ngoại tình trở nên không tối ưu.

**Từ khóa**: Hôn nhân, hành vi lựa chọn, phân tích hành vi

**51. Mô hình tạo động lực làm việc cho giảng viên trong các trường đại học tại Việt Nam**/ Đinh Thị Mỹ Hạnh// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 242-244.

**Nội dung**: Tác giả đề xuất mô hình tạo động lực cho giảng viên trong các trường đại học dựa trên lý thuyết Tháp nhu cầu Maslow. Tác giả sử dụng phương pháp tổng hợp và kế thừa kết quả các nghiên cứu trước đó đề xuất mô hình. Mô hình tạo động lực cho giảng viên tại các trường đại học Việt Nam ảnh hưởng bởi các nhân tố dựa trên 5 bậc nhu cầu của Tháp nhu cầu Maslow tương ứng 5 nhóm biến trong mô hình kinh tế lượng và đo lường thông qua 22 biến thành phần. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các nhóm biến này có ảnh hưởng tích cực đến động lực làm việc của giảng viên tại các trường đại học tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Động lực làm việc, Đại học, giáo dục Đại học, giảng viên

**52**. **Mối quan hệ giữa hiệu suất sử dụng tài sản với khả năng sinh lời của các doanh nghiệp thủy sản**/ Nghiêm Văn Lợi// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 131-134.

**Nội dung**: Khả năng sinh lời của doanh nghiệp cho biết khả năng tạo ra lợi nhuận trên một đồng giá trị tài sản hoặc vốn chủ sở hữu. Nghiên cứu sử dụng phương pháp hồi quy dữ liệu bảng (Pooled OLS, FEM, REM và GLS) để phân tích dữ liệu gồm 255 quan sát thu được từ 15 doanh nghiệp thủy sản Việt Nam trong giai đoạn 2006 - 2022. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các biến quay vòng hàng tồn kho, quay vòng tài sản cố định và quay

vòng tổng tài sản, tỷ lệ tăng trưởng doanh thu và tuổi của doanh nghiệp ảnh hưởng đến tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE). Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) chỉ bị tác động của quay vòng hàng tồn kho và tuổi của doanh nghiệp.

**Từ khóa**: Tài sản, khả năng sinh lời, doanh nghiệp, thủy sản, mối quan hệ

**53.** **Mối quan hệ giữa khả năng thanh khoản và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp**/ Nguyễn Thị Hồng// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 113-115.

**Nội dung**: Trong môi trường kinh doanh biến động, doanh nghiệp luôn thực hiện quản trị khả năng thanh khoản một cách tốt nhất nhằm có khả năng tạo ra hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh như mong muốn. Nghiên cứu mối quan hệ giữa khả năng thanh khoản và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho rằng mối quan hệ này là phức tạp và kết quả tác động phụ thuộc vào bối cảnh kinh tế xã hội, ngành nghề, đặc thù của doanh nghiệp.

**Từ khóa**: Hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp, mối quan hệ, thanh khoản

**54. Mối quan hệ giữa thái độ, năng lực cá nhân và năng lực kiểm soát hành vi đến ý định khởi nghiệp của sinh viên**/ Trần Văn Hưng// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 264 .- Tr. 31-35.

**Nội dung:** Kết quả nghiên cứu cho thấy khi thái độ, khả năng kiểm soát hành vi và năng lực cá nhân của sinh viên càng tích cực thì sinh viên càng gia tăng nhận thức mong muốn thực hiện và nhận thức về tính khả thi của dự án khởi nghiệp, để từ đó gia tăng ý định khởi nghiệp cao hơn.

**Từ khóa**: Khởi nghiệp, sinh viên, hành vi, năng lực cá nhân

**55. Một số giải pháp quản trị nguồn nhân lực trong chương trình chuyển đổi số tại Vùng Đông Nam Bộ/** Trần Minh Thương// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 43-45.

**Nội dung**: Quản trị nguồn nhân lực là cả một quá trình tác động, quản lý những hoạt động của con người và thông qua con người để làm sao có thể hoàn thành công việc một cách có hiệu quả nhất. Nhưng quản trị nguồn nhân lực trong chương trình chuyển đổi số là một thách thức đối với nhà quản trị vì vậy cần phải có giải pháp căn cơ nhằm khai thác và sử dụng hợp lý nguồn nhân lực trong một tổ chức đạt được lợi ích tối ưu.

**Từ khóa**: Quản trị nguồn nhân lực, chuyển đổi số, giải pháp phát triển, Đông Nam Bộ

**56. Một số giải pháp tăng cường quản lý và kiểm soát chất lượng thực hiện các dự án đầu tư xây dựng/** Nguyễn Thị Nga// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 67-68.

**Nội dung**: Trong những năm gần đây, ngành xây dựng tại Việt Nam đã có những bước phát triển đáng kể, với hàng loạt dự án đầu tư xây dựng xuất hiện khắp nơi, từ các tòa nhà cao tầng sang trọng đến các cơ sở hạ tầng quan trọng. Tuy nhiên, việc quản lý chất lượng dự án đầu tư xây dựng vẫn còn gặp nhiều thách thức và hạn chế, đòi hỏi sự quan tâm và giải pháp hợp lý. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến sự thịnh vượng và bền vững của ngành công nghiệp xây dựng mà còn có tiềm năng gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho cả xã hội.

**Từ khóa**: Giải pháp phát triển, quản lý, kiểm soát chất lượng, dự án đầu tư, xây dựng

**57.** **Một số vấn đề về hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp Việt Nam hiện nay/** Bùi Như Hiển, Hoàng Mai Phương// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 75-76.

**Nội dung**: Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp là một trong những yêu tố quan trọng để năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Bài viết tiến hành phân tích sâu và thảo luận hiệu quả về hoàn thiện hệ kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp và mối tương quan của hệ thống này, hy vọng sẽ cung cấp tài liệu khảo hữu ích cho việc nâng cao hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp và nâng cao khả năng tranh của doanh nghiệp.

**Từ khóa**: Kiểm soát nội bộ, hoàn thiện hệ thống, doanh nghiệp

**58. Một số vấn đề về phát triển kinh tế biển xanh của Việt Nam/** Nguyễn Duy Lợi, Hoàng Việt Hà, Đồng Văn Chung// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 5 .- Tr. 57-68.

**Nội dung**: Tập trung tìm hiểu bằng các phương pháp nghiên cứu trong kinh tế như: Phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, ngoài ra nhóm tác giả cũng sử dụng các phương pháp phân tích thống kê mô tả, phân tích số liệu thứ cấp, khảo cứu tài liệu thu thập, phương pháp phân tích hệ thống, liên ngành, đa ngành để nhìn nhận vấn đề một cách nhiều chiều.

**Từ khóa:** Kinh tế, kinh tế biển xanh, phát triển bền vững, Việt Nam

**59. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý tài sản công**/ Nguyễn Tân Thịnh, Nguyễn Quỳnh Nga// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 6-10.

**Nội dung**: Tài sản công là cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công cho xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, đồng thời là nguồn lực tài chính để phát triển kinh tế - xã hội. Thời gian qua, đặc biệt là sau khi Quốc hội ban hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, công tác quản lý tài sản công đã đạt được những kết quả quan trọng nhưng cũng đặt ra những vấn đề cần tiếp tục đổi mới để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý đối với việc khai thác, huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế (trong đó có nguồn lực tài sản công) theo yêu cầu tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị.

**Từ khóa**: Hiệu quả quản lý, tài sản công, nâng cao năng lực

**60.** **Nâng cao năng lực quản trị trong các hợp tác xã tại tỉnh An Giang/** Trần Thị Hằng Ni// Tài chính .- 2024 .- Số 823 .- Tr. 222-224.

**Nội dung**: An Giang là tỉnh nông nghiệp lớn, có số lượng hợp tác xã chiếm tỷ lệ cao nhất trong tổng số các hợp tác xã ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, tỷ lệ kết quả các hợp tác xã ở tỉnh An Giang đạt loại “Trung bình- yếu kém” khá nhiều. Nhiều hợp tác xã đang trong giai đoạn chờ giải thể do năng lực lãnh đạo của Ban Giám đốc yếu và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh gặp khó khăn trong 2 năm gần đây sau đại dịch COVID-19. Trong rất nhiều giải pháp phát triển toàn diện cần triển khai trong thời gian tới, có một giải pháp để cải thiện kết quả kinh doanh của các hợp tác xã ở tỉnh An Giang là nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lãnh đạo của Ban Giám đốc.

**Từ khóa:** Nâng cao năng lực, quản trị, hợp tác xã, năng lực cạnh tranh

**61. Nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngân hàng thương mại và kinh nghiệm cho Sacombank**/ Võ Phúc Trường Thành// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 236-238.

**Nội dung**: Trong bối cảnh hiện nay, khả năng cạnh tranh không chỉ là yếu tố quyết định sự tồn vong của hệ thống ngân hàng, mà còn là đòn bẩy thúc đẩy sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Sức ép cạnh tranh ngày càng trở nên khốc liệt trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 đòi hỏi hệ thống ngân hàng Việt Nam phải cải tổ cơ cấu một cách mạnh mẽ để đa dạng về hình thức, có khả năng cạnh tranh cao, hoạt động an toàn và hiệu quả, huy động tốt các nguồn vốn trong xã hội và mở rộng đầu tư đáp ứng nhu cầu phát triển. Bài viết trao đổi về kinh nghiệm nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngân hàng thương mại trên thế giới, từ đó rút ra một số bài học cho hệ thống Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín trong cả nước.

**Từ khóa**: Ngân hàng Sacombank, nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh, ngân hàng thương mại

**62. Nghiên cứu ảnh hưởng của một số yếu tố ngẫu nhiên đến mức độ sử dụng các thước đo hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam/** Nghiêm Văn Lợi, Ngô Thị Trà// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 249 .- Tr. 50-56.

**Nội dung:** Đánh giá thực trạng sử dụng các thước đo đánh giá HQKD và xác định ảnh hưởng của một số yếu tố ngẫu nhiên đến mức độ sử dụng các thước đo HQKD trong các DN sản xuất Việt Nam. Bài viết cũng đưa ra một số khuyến nghị góp phần hoàn thiện hệ thống thước đo đánh giá HQKD trong các DN sản xuất Việt Nam.

**Từ khoá**: Thước đo tài chính, thước đo phi tài chính

**63. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên khối ngành kinh tế tại trường Đại học Quy Nhơn/** Trần Xuân Quân, Nguyễn Phước Lâm, Lê Thị Tiết Nhi, Lê Thị Huyền, Trần Nguyễn Yến Ngọc, Phạm Hồng Vân// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 248 .- Tr. 133-141.

**Nội dung:** Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 250 sinh viên chính quy của các khối, các ngành có liên quan với ngành kinh tế. Nguồn số liệu được nhóm nghiên cứu thu về bằng phương pháp nghiên cứu tổng hợp. Kết quả nhận lại được cho biết rằng, động cơ học tập, phương pháp học tập của sinh viên ảnh hưởng như thế nào, cách thức giảng dạy của giảng viên, mức độ ảnh hưởng cũng như là vai trò của gia đình tác động mạnh mẽ đến kết quả học tập của sinh viên. Dựa trên các số liệu đó, nhóm nghiên cứu đã đề ra một số giải pháp để sinh viên, giảng viên và khoa, cũng như là nhà trường có thể khắc phục, nhằm nâng cao chất lượng học tập, thành tích của sinh viên trong trường nói chung và chuyên ngành kinh tế nói riêng.

**Từ khoá**: Kết quả học tập, sinh viên, phương pháp học tập, phương pháp giảng dạy

**64. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định ứng dụng phân tích dữ liệu lớn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam**/ Trần Thanh Phương, Nguyễn Sơn Tùng, Lê Phương Linh, Phạm Thùy Duyên, Nguyễn Lương Hải Anh, Nguyễn Minh Trang, Nguyễn Hoàng Long// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 265 .- Tr. 37-41.

**Nội dung:** Kết quả chỉ ra lợi thế tương đối và ủng hộ của quản lý cấp cao là hai nhân tố hàng đầu thúc đẩy ý định ứng dụng của doanh nghiệp SMEs trong nước. Trái lại, mối quan ngại về bảo mật và môi trường pháp lý gây cản trở ý định ứng dụng BDA của các doanh nghiệp. Dựa vào kết quả phân tích, nhóm tác giả cũng đề xuất một số khuyến nghị giải pháp đối với Chính phủ và các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ BDA nhằm nâng cao ý định ứng dụng công nghệ này vào hoạt động của các doanh nghiệp SMEs tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs), phân tích dữ liệu lớn (BDA), ý định ứng dụng, Việt Nam

**65. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định vay tín dụng đến của sinh viên các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội**/ Nguyễn Thị Hồng Nga, Nguyễn Thị Mai Lan, Đồng Trung Chính, Nguyễn Thị Ngọc Ánh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 266 .- Tr. 45-48.

**Nội dung:** Dựa trên kết quả phân tích số liệu khảo sát của 300 sinh viên cho thấy hiệu quả kỳ vọng có tác động ngược chiều đến ý định vay tín dụng đen, chuẩn chủ quan, kiến thức tài chính và tính tiện lợi có tác động tích cực đến ý định vay tín dụng đen. Dựa trên kết quả nghiên cứu, bài nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm hạn chế ý định vay tín dụng đen của của sinh viên từ đó tránh những hậu quả tiêu cực có thể xảy ra.

**Từ khóa**: Kiến thức tài chính, tín dụng đen, chuẩn chủ quan, hiệu quả kỳ vọng, tính tiện lợi

**66. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển dịch vụ thẻ của ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh/** Nguyễn Minh Thảo// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 263 .- Tr. 26-30.

**Nội dung:** Nghiên cứu thu thập số liệu trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh vào năm 2023 nhằm nghiên cứu tác động của các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển dịch vụ thẻ của ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Từ đó, chỉ ra mô hình ảnh hưởng và đề xuất các giải pháp đối với ngân hàng trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Dịch vụ thẻ, ngân hàng, mô hình phát hiện nhân tố, nhân tố ảnh hưởng

**67. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi của người tiêu dùng Việt Nam đối với các sản phẩm xanh và đề xuất các mô hình nghiên cứu/** Lê Anh Tuấn, Nguyễn Trung Hạnh// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 61-63.

**Nội dung**: Thị trường Việt Nam là một thị trường mới nổi ở Châu Á (OECD, 2019) với đặc điểm là nền kinh tế tăng trưởng ổn định trong những năm gần đây (Ngân hàng Thế giới, 2019). Sự gia tăng của mức sống và mối quan tâm về các vấn đề sức khỏe và môi trường ở Việt Nam khiến nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm xanh và thực phẩm hữu cơ ngày càng tăng. Hành vi mua hàng xanh của khách hàng ở thị trường này vẫn chưa được khám phá, tìm hiểu kĩ lưỡng. Vì vậy, bài viết nghiên cứu thêm để có kiến thức sâu hơn về hành vi mua sản phẩm xanh của khách hàng trên thị trường này.

**Từ khóa**: Người tiêu dùng, yếu tố ảnh hưởng, hành vi người tiêu dùng, sản phẩm xanh, đề xuất

**68. Nghiên cứu các nhân tố tác động đến ý định sử dụng dịch vụ mua trước trả sau của Gen Z/** Mai Khánh Linh, Nguyễn Ngọc Duy, Bùi Nguyễn Đức Hoàng, Lê Huyền Thương, Vũ Thị Bích Ngọc// Ngân hàng .- 2024 .- Số 10 .- Tr. 42-49.

**Nội dung:** Kết quả từ mô hình hồi quy cấu trúc tuyến tính - SEM cho thấy, các nhân tố thái độ, chuẩn chủ quan và nhận thức rủi ro tác động đáng kể đến ý định sử dụng dịch vụ MTTS, trong khi nhân tố nhận thức kiểm soát hành vi ảnh hưởng không đáng kể. Nghiên cứu này cung cấp thông tin hữu ích cho các đơn vị cung cấp dịch vụ MTTS, giúp họ đưa ra những giải pháp kịp thời và nâng cao chất lượng dịch vụ. Các cơ quan quản lí nhà nước cũng có thể tận dụng những thông tin này để hiểu rõ hơn về thị trường MTTS, từ đó, đưa ra chính sách quản lí phù hợp đối với các đơn vị MTTS nhằm bảo vệ chính các nhà cung cấp dịch vụ và người tiêu dùng trong bối cảnh MTTS còn khá mới mẻ tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Dịch vụ mua trước trả sau, Gen Z, SEM, TPB

**69. Nghiên cứu cấu trúc phụ thuộc giữa giá một số cổ phiếu ngành dầu khí trên thị trường chứng khoán Việt nam và giá dầu thế giới – tiếp cận bằng wavelet coherence/** Nguyễn Thu Thủy// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 263 .- Tr. 22-25.

**Nội dung:** Bài viết mô tả cấu trúc phụ thuộc giữa giá một số cổ phiếu thuộc ngành dầu khí niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt nam gòm CNG, DPM, GAS và PVD với giá dầu Brent thế giới trong giai đoạn từ ngày 04/01/2020 đến 10/05/2023, sử dụng **wavelet coherence**. Kết quả cung cấp một bức tranh chi tiết về cấu trúc phụ thuộc trong đó thể hiện chủ yếu tương quan dương với độ trễ khác nhaugiữa giá từng cổ phiếu …

**Từ khoá**: Cấu trúc phụ thuộc, chứng khoán, giá dầu thế giới

**70. Nghiên cứu chuyển đổi số trong lĩnh vực logistics: bài học kinh nghiệm từ Nhật Bản**/ Trần Thị Hồng Nhung// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 107-109.

**Nội dung**: Chuyển đổi số giúp các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp kinh doanh logistics tận dụng nguồn tài nguyên hiện đại để tăng khả năng kiểm soát dữ liệu trong chuỗi cung ứng và nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu khách hàng. Bài báo đánh giá thực trạng chuyển đổi số trong lĩnh vực logistics của các doanh nghiệp Việt Nam, nghiên cứu kinh nghiệm chuyển đổi số trong lĩnh vực logistics của Nhật Bản và rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

**Từ khóa**: Chuyển đổi số, logistics, bài học kinh nghiệm, Nhật Bản

**71. Nghiên cứu kinh nghiệm quản lý hoạt động gia công xuất khẩu của hải quan quốc tế và bài học đối với quản lý hải quan Việt Nam/** Mai Thanh Huyền// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 263 .- Tr. 83-87.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu kinh nghiệm thành công trong quản lý hoạt động GCXK của các quốc gia có đặc điểm tương đồng với Việt Nam, từ đó đưa ra những bài học kinh nghiệm đối với hoạt động quản lý của cơ quan hải quan Việt Nam.

**Từ khoá**: Quản lý hải quan, gia công xuất khẩu, gian lận gia công xuất khẩu

**72. Nghiên cứu tác động của các nhân tố đến sự phát triển của kinh tế số ở Việt Nam/** Phan Huy Thành// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 263 .- Tr. 35-40.

**Nội dung:** Kết quả nghiên cứu cho thấy, tất cả 7 biến độc lập đều tác đôngh cùng chiều với biến phụ thuộc. Trong đó, “Năng lực của doanh nghiệp” là nhân tố có tác động mạnh nhất và “Hội nhập kinh tế quốc tế” là nhân tố có tác độngnhỏ nhất. Sau cùng, nghiên cứu đã đề xuất 9 hàm ý chính sách cho Việt nam nhằm thúc đẩy tác động tích cực của các nhân tố đến sựu phát triển của kinh tế số.

**Từ khoá**: Nhân tố ảnh hưởng, kinh tế số, phát triển kinh tế số, Việt Nam

**73. Nhận diện hành vi quản trị lợi nhuận thực tế: nghiên cứu thực nghiệm tại các doanh nghiệp ngành thủy sản đang niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Nguyễn Thị Mỹ Dung// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 266 .- Tr. 49-52.

**Nội dung:** Nghiên cứu được thực hiện nhằm cung cấp bằng chứng thực nghiệm về hành vi quản trị lợi nhuận thực tế trên báo cáo tài chính của 24 doanh nghiệp thuộc nhóm ngành thủy sản đang được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong giai đoạn từ năm 2017 đến 2022, sử dụng phương pháp ước lượng dữ liệu bảng Pooled OLS để kiểm chứng liệu các doanh nghiệp ngành thủy sản đang niêm yết có thực hiện hành vi quản trị lợi nhuận thực tế hay không. Kết quả kiểm định cho thấy nhóm doanh nghiệp này có thực hiện hành vi quản trị lợi nhuận thực tế.

**Từ khóa**: Ngành thủy sản, quản trị lợi nhuận, quản trị lợi nhuận thực tế

**74. Nhận diện và phân loại chi phí tại các doanh nghiệp taxi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**/ Trần Tuấn Anh, Đỗ Thị Thu Hằng// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 264 .- Tr. 85-88.

**Nội dung:** Bài viết tập trung phản ánh thực trạng phân loại chi phí tại các doanh nghiệp Taxi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Từ đó, đề xuất giải pháp hoàn thiện nhận diện và phân loại chi phí tại các doanh nghiệp taxi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**Từ khóa**: Chi phí, phân loại chi phí, doanh nghiệp taxi

**75. Nhân tố ảnh hưởng đến kế toán doanh thu trong doanh nghiệp tại Việt Nam**/ Nguyễn Ngọc Hiền, Nguyễn Thị Kim Chi// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 155-157.

**Nội dung**: Doanh thu là chỉ tiêu kinh tế quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Xác định đúng doanh thu và cung cấp thông tin chính xác về doanh thu là việc làm cần thiết góp phần nâng cao hiệu quả, uy tín của doanh nghiệp. Ghi nhận doanh thu hợp lý, khoa học sẽ giúp các nhà quản trị đưa ra các quyết định đúng đắn trong kinh doanh, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Tại Việt Nam, việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến kế toán doanh thu trong doanh

nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng, là cơ sở giúp các nhà hoạch định chính sách đưa ra giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, đặc biệt là trong giai đoạn chuẩn bị áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế hiện nay.

**Từ khóa**: Nhân tố ảnh hưởng, kế toán doanh thu, doanh nghiệp, kế toán

**76. Nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua bảo hiểm y tế tự nguyện của người dân tỉnh An Giang/** Lưu Thị Thái Tâm// Tài chính .- 2024 .- Số 823 .- Tr. 219-221.

**Nội dung**: Nghiên cứu này phân tích các nhân tố tác động đến ý định mua bảo hiểm xã hội tự nguyện của người dân tại An Giang. Dựa trên dữ liệu thu thập được từ 227 người dân đang sinh sống tại huyện Long Xuyên, tỉnh An Giang, kết quả phân tích tìm thấy các nhân tố gồm nhận thức tính hữu ích của bảo hiểm y tế tự nguyện, sự hiểu biết về bảo hiểm y tế tự nguyện, thái độ đối với bảo hiểm y tế tự nguyện và chuẩn chủ quan tác động thuận chiều với ý định mua bảo hiểm y tế tự nguyện của người dân An Giang. Dựa trên kết quả nghiên cứu, một số hàm ý quản trị được đề xuất nhằm gia tăng sự tham gia bảo hiểm y tế của người dân.

**Từ khóa**: Nhân tố ảnh hưởng, bảo hiểm y tế, người dân

**77. Nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua sản phẩm OCOP của khu vực miền núi phía Bắc**/ Nguyễn Bích Hồng, Trần Thị Tuyết, Đỗ Thị Thùy Linh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 264 .- Tr. 77-81.

**Nội dung:** Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố như: kiến thức sản phẩm, nguồn gốc sản phẩm, giá sản phẩm, chất lượng sản phẩm, quan tâm môi trường, thái độ với OCOP có ảnh hưởng đến ý định mua sản phẩm OCOP. Hơn nữa, thái độ với OCOP đóng vai trò quan trọng trung gian tác động mối quan hệ các biến trên với ý định mua sản phẩm này. Từ đó, khuyến nghị cho người nông dân và nhà quản lý các tỉnh MNPB chú ý đến yếu tố như chất lượng sản phẩm và nguồn gốc sản phẩm.

**Từ khóa**: Kiến thức sản phẩm, nguồn gốc sản phẩm, giá sản phẩm, chất lượng sản phẩm, quan tâm môi trường, ý định mua sản phẩm OCOP

**78. Nhân tố ảnh hưởng đến sự gắn bó lâu dài của nhân viên với doanh nghiệp du lịch tại Vĩnh Long**/ Võ Thanh Tuấn, Lê Hoàng Quyên, Phan Nhật Đăng// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 229-231.

**Nội dung**: Tỉnh Vĩnh Long nằm ở trung tâm khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, có nhiều tiềm năng phát triển du lịch. Bài viết đánh giá nhân tố ảnh hưởng đến sự gắn bó lâu dài của nhân viên ngành Du lịch đối với doanh nghiệp tại tỉnh Vĩnh Long, từ đó, nhóm tác giả đề xuất các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn Tỉnh thực hiện chiến lược nâng cao sự gắn bó lâu dài của nhân viên tại đơn vị.

**Từ khóa**: Nhân tố ảnh hưởng, nhân viên, doanh nghiệp, du lịch

**79. Nhân tố tác động đến sự thành công của hệ thống chi phí tại các doanh nghiệp khu vực phía Nam**/ Hoàng Huy Cường// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 189-192.

**Nội dung**: Để tồn tại và phát triển, doanh nghiệp phải thiết kế một hệ thống chi phí cung cấp những thông tin cần thiết cho công tác quản lý. Nghiên cứu này được thực hiện bằng phương pháp định lượng thông qua khảo sát 230 doanh nghiệp tại các tỉnh phía Nam Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các yếu tố tích hợp công nghệ thông tin, nhận thức của nhà quản lý về hệ thống chi phí và cường độ sử dụng hệ thống chi phí vào mục đích quản trị chi phí có tác động tích cực đến sự thành công của hệ thống chi phí. Kết quả nghiên cứu này sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích cho các doanh nghiệp nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc thiết kế hệ thống chi phí đối với việc ra quyết định trong doanh nghiệp.

**Từ khóa**: Nhân tố tác động, hệ thống chi phí, doanh nghiệp, khu vực phía Nam

**80. Nhân tố ảnh hưởng đến tỷ lệ nắm giữ tiền mặt của công ty niêm yết ngành hàng tiêu dùng Việt Nam**/ Đào Thị Hương// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 141-143.

**Nội dung**: Bài viết đánh giá những yếu tố ảnh hưởng đến việc nắm giữ tiền mặt của các công ty niêm yết ngành hàng tiêu dùng Việt Nam với dữ liệu được thu thập từ báo cáo tài chính kiểm toán từ năm 2010 đến 2022 của 68 công ty. Kết quả nghiên cứu chỉ ra tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) không tác động đến tỷ lệ nắm giữ tiền mặt (CASH), chi phí vốn (CAPEX) tác động ngược chiều, quy mô tổng tài sản (LnTTS), vốn lưu động ròng (NWC), dòng tiền từ hoạt động kinh doanh (CF) tác động cùng chiều đến tỷ lệ nắm giữ tiền mặt (CASH).

**Từ khóa**: Nhân tố ảnh hưởng, hàng tiêu dùng, tiền mặt, niêm yết

**81. Phát triển cơ sở hạ tầng logistics xanh trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh/** Nguyễn Ngọc Lan// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 16-18.

**Nội dung**: Logistics xanh bao gồm nhằm mục tiêu để tạo ra giá trị trong những yếu tố quan trọng logistics. tất cả các nỗ lực để giảm thiểu tác động sinh thái của hoạt động logistics bền vững khi cân bằng giữa hiệu quả kinh tế và bảo vệ mội trường. Một để phát triển hệ thống logistics xanh trên địa bàn tỉnh là cơ sở hạ tầng logistics.

**Từ khóa**: Logistics xanh, cơ sở hạ tầng, hệ thống logistics, phát triển hạ tầng

**82.** **Phát triển du lịch địa chất - giảm nghèo cho người dân một số địa phương tại Việt Nam/** Nguyễn Lan Hoàng Thảo// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 37-39.

**Nội dung**: Du lịch địa chất là một bộ phận quan trọng của ngành du lịch đang nhận được sự quan tâm tích cực tại nhiều quốc gia trên thế giới, bởi lẽ phát triển du lịch địa chất mang lại lợi ích cho du khách, người dân địa phương, các doanh nghiệp dịch vụ du lịch, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của các địa phương. Du lịch địa chất có điều kiện phát triển gắn với những đặc điểm địa chất tự nhiên, tại Việt Nam, loại hình du lịch này chủ yếu được phát triển tại các địa phương miền núi, có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Bài báo đề xuất một số giải pháp phát triển du lịch địa chất góp phần giảm nghèo cho người dân tại một số địa phương tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Du lịch, địa chất, phát triển du lịch, người dân, giảm nghèo

**83. Phát triển kinh tế du lịch bền vững vùng Đông Nam Bộ/** Trần Thu Hương, Lê Quốc Hồng Thi, Dương Thị Xuân Diệu// Tài chính .- 2024 .- Số 823 .- Tr. 200-202.

**Nội dung**: Phát triển kinh tế du lịch bền vững mang lại nhiều lợi ích cho các bên liên quan, thông qua việc khai thác hiệu quả các nguồn lực để tạo ra các sản phẩm du lịch chất lượng cao, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế - xã hội của Đất nước. Dựa vào nguồn dữ liệu định lượng ngành Du lịch Đông Nam Bộ trong những năm gần đây và trên cơ sở các tiêu chí đánh giá kinh tế du lịch bền vững nói chung, nhóm tác giả tiến hành phân tích thực trạng phát triển của kinh tế du lịch bền vững khu vực Đông Nam Bộ, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm thúc đẩy kinh tế du lịch khu vực này phát triển bền vững.

**Từ khóa**: Phát triển kinh tế, kinh tế du lịch, du lịch, Đông Nam Bộ

**84.** **Phát triển logistic trong chuỗi cung ứng thương mại điện tử hiện nay**/ Trần Văn Dũng// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 102-104.

**Nội dung**: Trong những năm qua, sự phát triển của thương mại điện tử thúc đẩy hành vi tiêu dùng của người mua, thay đổi từ mua sắm trực tiếp sang mua sắm qua các kênh thương mại điện tử. Sự gia tăng khối lượng giao dịch thương mại điện tử khiến nhu cầu vận tải, logistics và giao hàng tăng cao, điều này vừa là cơ hội, vừa là thách thức cho dịch vụ logistics. Để hoạt động logistic trong chuỗi cung ứng thương mại điện tử hoạt động hiệu quả thì cần nhiều giải pháp đồng bộ.

**Từ khóa**: Phát triển logistic, chuỗi cung ứng, thương mại điện tử

**85.** **Phát triển nguồn nhân lực du lịch: kinh nghiệm một số nước Châu Á và bài học cho tỉnh Thanh Hóa**/ Nguyễn Văn Hùng// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 95-97.

**Nội dung**: Phát triển nguồn nhân lực du lịch có ý nghĩa quan trọng, đóng vai trò quyết định trong sự phát triển của ngành du lịch trong bất kỳ quốc gia và địa phương nào. Nhân lực du lịch không chỉ là những người làm việc nền tảng, tạo ra các dịch vụ và trải nghiệm cho khách du lịch, mà còn là những đại diện tiếp xúc trực tiếp với khách hàng, chuyển tải hình ảnh và giá trị của quốc gia, văn hóa địa phương, và chính ngành du lịch. Vì vậy, việc nghiên cứu kinh nghiệm thành công trong phát triển nguồn nhân lực du lịch của một số quốc gia và rút ra bài học cho mình là vấn đề tất yếu của các nước cũng như các địa phương trong quá trình phát triển nguồn nhân lực du lịch của mình.

**Từ khóa**: Châu Á, nguồn nhân lực, du lịch bài học kinh nghiệm

**86. Phát triển nguồn nhân lực cho đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh**/ Đỗ Đình Long, Nguyễn Thu Thủy, Bùi Như Hiển// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 264 .- Tr. 82-84.

**Nội dung:** Bài viết đã sử dụng mô hình SWOT để phân tích và xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Đổi mới sáng tạo (ĐMST), nhân lực, khu công nghiệp (KCN)

**87. Phát triển thương mại điện tử với Cách mạng công nghiệp 4.0**/ Nguyễn Thị Cẩm Phú, Trần Ngọc Tú// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 99-101.

**Nội dung**: Tại Việt Nam thương mại điện tử ngày càng phát triển và trở thành phương thức kinh doanh phổ biến được doanh nghiệp, người dân biết đến. Sự đa dạng về mô hình hoạt động, đối tượng tham gia, quy trình hoạt động và chuỗi cung ứng hàng hóa, dịch vụ với sự hỗ trợ của hạ tầng Internet và ứng dụng công nghệ hiện đại đã đưa thương mại điện tử trở thành trụ cột quan trọng trong tiến trình phát triển kinh tế số của quốc gia. Bài viết phân tích thị trường thương mại điện tử với Cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay và đưa ra một số giải pháp nhằm đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Phát triển kinh tế, thương mại điện tử, Cách mạng công nghiệp 4.0

**88. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ dược tại các nhà thuốc Bệnh viện Trung ương Huế = Analyzing the factors influencing customer satisfaction with pharmaceutical service quality at hospital pharmacies - Hue Central Hospital**/ Ngô Thị Thu Hằng, Ngô Minh Trí// Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2024 .- Số 03(64) .- Tr. 142-152.

**Nội dung**: Xây dựng thang đo về chất lượng dịch vụ dược tại nhà thuốc Bệnh viện; Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về dịch vụ dược tại các nhà thuốc Bệnh viện.

**Từ khóa**: Chất lượng dịch vụ, dịch vụ dược, nhà thuốc bệnh viện, sự hài lòng, khách hàng

**89. Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Thành phố Hội An, năm 2022 = Analysis of drug list used at the Hoi An General hospital in 2022**/ Nguyễn Hữu Hoàng Anh, Nguyễn Trang Thúy// Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2024 .- Số 03(64) .- Tr. 153-163.

**Nội dung**: Phân tích cơ cấu về số lượng, giá trị sử dụng và những vấn đề có trong danh mục thuốc để từ đó đưa ra một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động lựa chọn và quản lý sử dụng thuốc tại Bệnh viện.

**Từ khóa**: Danh mục thuốc, sử dụng thuốc, Bệnh viện Đa khoa, Hội An

**90. Phân tích mạng lưới liên kết du lịch tại các tỉnh Nam đồng bằng sông Hồng/** Nguyễn Văn Hậu, Nguyễn Thị Thu Phương// Kinh tế và Phát triển .- 2024 .- Số 324 .- Tr. 48-57.

**Nội dung:** Bài viết sử dụng phương pháp phân tích mạng cùng với mô hình nghiên cứu của Ying (2010). Tác giả khảo sát 510 chủ thể là các tổ chức, cá nhân tham gia vào các hoạt động du lịch tại các tỉnh Nam Đồng bằng sông Hồng. Nghiên cứu đã đánh giá tổng thể mạng lưới liên kết du lịch tại các tỉnh, đã xác định được những chủ thể đóng vai trò là trung tâm trong mạng lưới liên kết du lịch tại các tỉnh Nam Đồng bằng sông Hồng. Dựa trên kết quả nghiên cứu, các tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy các hoạt động liên kết du lịch tại các tỉnh Nam Đồng bằng sông Hồng trong thời gian đến.

**Từ khoá**: Các tỉnh Nam Đồng bằng sông Hồng, phân tích các bên liên quan, liên kết du lịch

**91. Quản lý chỉ dẫn địa lý hướng đến gia tăng giá trị cho trái cây đặc sản/** Nguyễn Quốc Thịnh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 263 .- Tr. 75-78.

**Nội dung:** Bài viết dựa trên các nguồn dữ liệu thứ cấp kết hợp số liệu khảo sát tại một số vùng chỉ dẫn địa lý, đã phân tích và chỉ ra những hạn chế cần khắc phục trong quản lý chỉ dẫn địa lý hướng đến gia tăng giá trị cho trái cây đặc sản. Các giải pháp được nhấn mạnh là hoàn thiện cơ chế quản lý, liên kết các cơ sở sản xuất và kiểm soát thật tốt quá trình sản xuất, chung ứng sản phẩm ra thị trường.

**Từ khoá**: Quản lý chỉ dẫn địa lý, trái cây đặc sản, sản phẩm chỉ dẫn địa lý

**92. Quản lý nhà nước về phát triển nguồn nhân lực số ở Việt Nam**/ Đinh Thị Hương, Trần Văn Tran// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 95-98.

**Nội dung**: Cách mạng công nghiệp 4.0 đang thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi nền kinh tế từ dựa vào tài nguyên là chính sang nền kinh tế dựa trên tài nguyên tri thức với trụ cột là internet và kỹ thuật số. Nền kinh tế số ra đời thay thế nền kinh tế truyền thống. Vì vậy, cần phải có sự thay đổi về cơ cấu lao động mà theo đó phát triển nguồn nhân lực số phải được chú trọng. Bài viết làm rõ khái niệm, các tiêu chí đánh giá quản lý nhà nước về phát triển nguồn nhân lực số trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam thông qua mô hình Kano – IPA, từ đó, đề xuất một số kiến nghị trong quản lý nhà nước về phát triển nguồn nhân lực số trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam.; góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của Đảng, ngành Tài chính.

**Từ khóa**: Quản lý nhà nước, nguồn nhân lực, phát triển nhân sự, phát triển kinh tế

**93. Quản trị thanh khoản trong doanh nghiệp vận tải**/ Nguyễn Ngọc Sơn// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 266 .- Tr. 35-39.

**Nội dung:** Bài báo chỉ rõ những nội dung cần quan tâm trong việc quản trị thanh khoản của các doanh nghiệp vận tải. Trên cơ sở đó, Bài báo chỉ ra một số lưu ý quan trọng giúp tối ưu hóa công tác quản trị thanh khoản trong các doanh nghiệp vận tải.

**Từ khóa**: Thanh khoản, quản trị thanh khoản, doanh nghiệp vận tải

**94. Quyết định chọn lựa chuỗi cửa hàng bán lẻ của sinh viên trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh khi mua điện thoại thông minh**/ Phạm Hùng Cường, Nguyễn Huỳnh Quốc Thắng// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 266 .- Tr. 53-56.

**Nội dung:** Kết quả nghiên cứu kết luận rằng, cả năm nhân tố đề xuất trong mô hình đều có ảnh đến quyết định lựa chọn chuỗi cửa hàng bán lẻ khi mua điện thoại di động của sinh viên theo thứ tự từ cao xuống thấp bao gồm: (1) Giá cả; (2) Sự tiện lợi; (3) Truyền miệng; (4) Hình thức tiếp thị và cuối cùng là (5) Chất lượng cảm nhận.

**Từ khóa**: Điện thoại thông minh, cửa hàng bán lẻ, sinh viên

**95. Ràng buộc tài chính và năng suất nhân tố tổng hợp của doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo Việt Nam**/ Phùng Mai Lan// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 149-151.

**Nội dung**: Nghiên cứu này xem xét tác động của ràng buộc tài chính tới năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) của các doanh nghiệp ngành Công nghiệp chế biến chế tạo Việt Nam. Kết quả cho thấy, doanh nghiệp càng gặp phải vấn đề ràng buộc tài chính thì năng suất nhân tố tổng hợp của doanh nghiệp càng bị ảnh hưởng. Ngoài ra, lan tỏa vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), hoạt động xuất khẩu và mức độ chuyên môn hóa cao cũng có ảnh hưởng tích cực tới năng suất năng suất nhân tố tổng hợp của doanh nghiệp trong khi mức độ trang bị vốn trên lao động lại có ảnh hưởng tiêu cực.

**Từ khóa**: Tài chính, doanh nghiệp, công nghiệp chế biến, chế tạo, năng suất

**96.** **Sắp xếp, kiện toàn các tổ chức Đảng trực thuộc Đảng bộ Bộ Tài chính**/ Khổng Văn Ngư// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 91-94.

**Nội dung**: Sắp xếp, tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động là xu thế tất yếu, đồng thời đây là chủ trương lớn được Ðảng chỉ đạo tập trung thực hiện trong giai đoạn hiện nay. Bài viết tập trung nghiên cứu công tác sắp xếp, kiện toàn các tổ chức đảng trực thuộc Đảng bộ Bộ Tài chính nhằm góp phần hiện thực hóa chủ trương của Đảng, xây dựng Đảng bộ Bộ Tài chính trong sạch, vững mạnh, tinh giản và thu gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của Đảng, ngành Tài chính.

**Từ khóa**: Tổ chức Đảng, Bộ Tài chính, sự kiện, Bộ máy Nhà nước

**97. Sử dụng ma trận IFE - EFE nhằm xây dựng chiến lược marketing sản phẩm F&B Hotel Continental Sài Gòn**/ Vũ Quốc Quý, Châu Thành Chơn// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 264 .- Tr. 44-47.

**Nội dung:** Nghiên cứu này tập trung phân tích các yếu tố của môi trường nội bộ và môi trường bên ngoài nhằm làm rõ lợi thế cạnh tranh, sức hấp dẫn của thị trường để làm căn cứ lựa chọn các chiến lược marketing sản phẩm F&B phù hợp cho Hotel Continental SaiGon.

**Từ khóa**: Ma trận IFE-EFE, marketing sản phẩm, ẩm thực

**98. Tác động của các thuộc tính bao bì đến hành vi mua mặt hàng nước giải khát của giới trẻ tại Thành phố Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Xuân Minh, Hà Thị Thanh Xuân, Nguyễn Mỹ Hồng Thi, Nguyễn Xuân Viễn// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 264 .- Tr. 27-30.

**Nội dung:** Kết quả nghiên cứu kết luận rằng cả sáu yếu tố đề xuất trong mô hình đều có ảnh hưởng đo lường được lên hành vi mua hàng nước giải khát của giới trẻ theo thứ tự giảm dần gồm: (1) Kiểu dáng bao bì; (2) Đồ họa bao bì; (3) Kích cỡ bao bì; (4) Thương hiệu bao bì (5) Màu sắc bao bì; (6) Chất liệu bao bì.

**Từ khóa**: Bao bì sản phẩm, giới trẻ, hành vi người tiêu dùng

**99. Tác động của đại dịch Covid-19 đối với doanh nghiệp vừa và lớn ở Việt Nam và khuyễn nghị chính sách/** Trần Thị Lan Hương, Nguyễn Phương Thảo// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 4 .- Tr. 53-62.

**Nội dung**: Phân tích những tác động của đại dịch Covid-19 đối với các doanh nghiệp vừa và lớn tại một số khu vực của Việt Nam. Tìm hiểu khả năng ững phó của Doanh nghiệp cũng như đánh giá của doanh nghiệp về các nhóm chính sách hỗ trợ của Nhà nước trong thời gian qua, từ đó đưa ra một số kiến nghị nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, đồng thời tạo môi trường kết nối thuận lợi giữa khu vực Nhà nước và Doanh nghiệp trong bối cảnh sau đại dịch.

**Từ khóa:** Covid-19, chính sách hỗ trợ, doanh nghiệp vừa và lớn

**100. Tác động của phát triển công nghệ thông tin và truyền thông đến bất bình đẳng thu nhập: Bằng chứng thực nghiệm ở Việt Nam/** Nguyễn Thị Hoài Thu// Kinh tế và Phát triển .- 2024 .- Số 324 .- Tr. 2-100.

**Nội dung:** Nghiên cứu này sử dụng dữ liệu cấp tỉnh trong giai đoạn 2012-2020 và mô hình tác động cố định để đánh giá tác động của phát triển công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) đến bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam. Bằng cách xem xét phát triển ICT ở các địa phương thông qua các chỉ số khác nhau, kết quả cho thấy sự phát triển hạ tầng kỹ thuật ICT có tác động làm giảm chênh lệch thu nhập giữa nhóm dân số giàu nhất và nghèo nhất. Tuy nhiên, mức độ triển khai ứng dụng công nghệ thông tin của khu vực công lại đang làm gia tăng bất bình đẳng thu nhập. Nghiên cứu này không tìm thấy bằng chứng cho thấy mức độ phát triển hạ tầng nhân lực xã hội có tác động đến bất bình đẳng thu nhập. Bên cạnh ảnh hưởng của phát triển ICT ở các địa phương, tăng trưởng kinh tế và thay đổi cơ cấu ngành kinh tế cũng đang có tác động đến chênh lệch giàu nghèo ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Bất bình đẳng thu nhập, công nghệ thông tin và truyền thông, dịch vụ công trực tuyến, ICT

**101. Tác động của trách nhiệm xã hội doanh nghiệp tới lòng trung thành của khách hàng cá nhân sử dụng dịch vụ ngân hàng số/** Khúc Thế Anh, TS. Phùng Thanh Quang, Mai Đức Dương, Nguyễn Thị Mai Hương// Ngân hàng .- 2024 .- Số 10 .- Tr. 18-26.

**Nội dung:** Phương pháp nghiên cứu định lượng được thực hiện với mẫu nghiên cứu gồm 436 câu trả lời. Kết quả chỉ ra việc thực hiện CSR của các NHTM Việt Nam ở đa số khía cạnh có tác động trực tiếp, tích cực đến cả lòng trung thành nhận thức và lòng trung thành hành vi của khách hàng (ngoại trừ khía cạnh CSR đối với cổ đông và lòng trung thành hành vi), đồng thời, lòng trung thành nhận thức cũng tương tác tích cực với lòng trung thành hành vi của khách hàng. Từ đó, nhóm tác giả nêu một số khuyến nghị nhằm gia tăng hiệu quả của việc thực hiện CSR và duy trì lòng trung thành của khách hàng đối với dịch vụ ngân hàng số.

**Từ khoá**: CSR, lòng trung thành, ngân hàng số, khách hàng cá nhân

**102. Tác động truyền thông chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tới người tiêu dùng/** Nguyễn Tường Vân, ThS. Lê Văn Hinh, Lê Đức Minh, Vũ Thị Thu Thủy, Đỗ Ngọc Anh, Phạm Thị Hồng Ngọc, Phạm Trung Dũng, Nguyễn Minh Thủy Tiên// Ngân hàng .- 2024 .- Số 12 .- Tr. 9-13.

**Nội dung:** Kết quả nghiên cứu cho thấy, biến nhận thức tài chính của người tiêu dùng tại Việt Nam tương quan thuận chiều với biến phụ thuộc hành vi tài chính, nghĩa là nhận thức tài chính càng cao thì hành vi tài chính càng cao. Bên cạnh đó, kết quả cũng chỉ ra rằng, các biến như: Thu nhập, chuyên ngành, nội dung truyền thông và kênh truyền thông có tác động đáng kể tới hành vi tài chính. Dựa trên kết quả này, nhóm tác giả đề xuất một số khuyến nghị giúp khắc phục các hạn chế và nâng cao tầm ảnh hưởng của truyền thông CSTT đến người tiêu dùng Việt Nam.

**Từ khoá**: Truyền thông, chính sách tiền tệ, ngân hàng trung ương, nhận thức tài chính, hành vi tài chính, người tiêu dùng, mô hình hồi quy Logistic nhị phân

**103. Tác động từ sự đa dạng về giới tính trong hội đồng quản trị đến quản trị lợi nhuận**/ Lê Thị Mến, Trần Thị Nguyệt Nga// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 135-137.

**Nội dung**: Khả năng sinh lời của doanh nghiệp cho biết khả năng tạo ra lợi nhuận trên một đồng giá trị tài sản hoặc vốn chủ sở hữu. Nghiên cứu sử dụng phương pháp hồi quy dữ liệu bảng (Pooled OLS, FEM, REM và GLS) để phân tích dữ liệu gồm 255 quan sát thu được từ 15 doanh nghiệp thủy sản Việt Nam trong giai đoạn 2006 - 2022. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các biến quay vòng hàng tồn kho, quay vòng tài sản cố định và quay

vòng tổng tài sản, tỷ lệ tăng trưởng doanh thu và tuổi của doanh nghiệp ảnh hưởng đến tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE). Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) chỉ bị tác động của quay vòng hàng tồn kho và tuổi của doanh nghiệp.

**Từ khóa**: Lợi nhuận, hội đồng quản trị, giới tính, doanh nghiệp, tài sản

**104.** **Tác động từ quảng cáo “Tẩy xanh” đến ý định tiêu dùng xanh của thế hệ trẻ/** Đỗ Thị Hải Ninh// Tài chính .- 2024 .- Số 823 .- Tr. 230-233.

**Nội dung**: Quảng cáo xanh ngày càng thu hút được sự quan tâm của người tiêu dùng. Tuy nhiên, không ít trường hợp quảng cáo khẳng định sản phẩm xanh và đưa ra các cam kết bảo vệ môi trường, nhưng thực tế lại không đúng như vậy và hiện tượng này được gọi là tẩy xanh. Nghiên cứu này tìm hiểu về nhận thức “tẩy xanh” ảnh hưởng tới ý định tiêu dùng sản phẩm xanh của giới trẻ. Thông qua lý thuyết hành động hợp lý, nghiên cứu này kiểm chứng ảnh hưởng của tẩy xanh tới thái độ của người tiêu dùng đối với việc tiêu dùng các sản phẩm mang tính chất bền vững. Mẫu nghiên cứu gồm 352 người được thu thập bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Kết quả cho thấy, quảng cáo tẩy xanh có ảnh hưởng cả trực tiếp và gián tiếp tới ý định mua sản phẩm xanh của người tiêu dùng trẻ. Hơn thế nữa, thái độ đối với bền vững và cảm giác bị phản bội của người tiêu dùng cũng ảnh hưởng tới ý định tiếp tục mua của người tiêu dùng trẻ.

**Từ khóa**: Quảng cáo xanh, tiêu dùng xanh, thế hệ trẻ, người tiêu dùng

**105. Tài sản thương hiệu định hướng khách hàng: Nghiên cứu trường hợp các trường đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**/ Đặng Thị Bảo Trâm// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 265 .- Tr. 70-75.

**Nội dung:** Kết quả nghiên cứu cho thấy: giá trị tài sản thương hiệu các trường đại học tại Thành phố Hồ chí Minh bao gồm bốn thành phần (i) nhận biết thương hiệu, (ii) liên tưởng thương hiệu, (iii) chất lượng cảm nhận và (iv) lòng trung thành thương hiệu. Kiểm định Cronbach’s Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA) và hồi quy tuyến tính là các phương pháp được sử dụng để đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến tài sản thương hiệu của các trường Đại học trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Trong đó, lòng trung thành thương hiệu là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến Tài sản thương hiệu. Qua đó, một số giải pháp được đề xuất đẩy mạnh các biện pháp nâng cao lòng trung thành thương hiệu của khách hàng sử dụng các dịch vụ đào tạo của các trường đại học trên địa bàn TP. Hồ chí Minh.

**Từ khóa**: Nhận biết thương hiệu, liên tưởng thương hiệu, chất lượng cảm nhận, lòng trung thành thương hiệu, tài sản thương hiệu

**106. Thách thức cho phát triển hệ thống tài chính xanh tại Việt Nam**/ Ngô Hoàng Anh// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 55-57.

**Nội dung**: Tài chính xanh đóng vai trò quan trọng góp phần giúp các quốc gia đạt được mục tiêu phát triển bền vững. Tài chính xanh mang lại nhiều lợi ích cho cả cá nhân và doanh nghiệp như: khuyến khích phổ biến công nghệ và phát triển cơ sở hạ tầng thân thiện với môi trường, tạo ra lợi thế so sánh và nâng cao triển vọng kinh tế. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, nhiều thách thức trong việc phát triển tài chính xanh cũng đã nảy sinh. Bài viết được thực hiện nhằm xem xét lại các cơ sở lý thuyết của tài chính xanh, thách thức trong quá trình phát triển tài chính tại Việt Nam, cũng như đưa ra một số khuyến nghị cho việc phát triển tài chính xanh ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Tài chính xanh, phát triển kinh tế, hệ thống tài chính, thách thức

**107.** **Thái độ và sự sẵn sàng chi trả đối với sản phẩm tẩy rửa gia dụng hữu cơ/** Trương Thị Thu Hường// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 104-106.

**Nội dung**: Thúc đẩy tiêu dùng xanh là xu hướng tích cực trong xã hội, trong kinh doanh. Nghiên cứu tìm hiểu mối liên hệ giữa thái độ và sự sẵn sàng chi trả của người tiêu dùng đối với sản phẩm tẩy rửa gia dụng hữu cơ. Kết quả phân tích mô hình nghiên cứu bằng PLS-SEM với dữ liệu sơ cấp của 251 đơn vị mẫu đưa ra khẳng định thái độ tích cực cũng thúc đẩy sự sẵn sàng chi trả; tiếp đó, hai yếu tố này đều tác động tích cực đến ý định mua của người tiêu dùng. Những kết quả đó là căn cứ đưa ra các hàm ý quản trị cho cho các nhà sản xuất và những người quan tâm đến tiêu dùng xanh nhằm thúc đẩy người tiêu dùng có thái độ tích cực, vượt qua những rào cản về sự chi trả để dẫn tới ý định mua.

**Từ khóa**: Thái độ, tiêu dùng xanh, sản phẩm tẩy rửa, sản phẩm hữu cơ, ý định mua sắm

**108.** **Thị trường trang sức Việt Nam: thành công, thách thức và tiềm năng chuyển đổi số/** Phạm Thu Trang, Lục Thị Thu Hường// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 40-42.

**Nội dung**: Thị trường trang sức Việt Nam đang ở giai đoạn phát triển mạnh mẽ, dự báo đạt trên 4% mỗi năm giai đoạn 2024-2026. Qua nghiên cứu thị trường trang sức Việt Nam giai đoạn 2018-2023, bài viết tổng hợp những thành công và thách thức mà các doanh nghiệp phải đối mặt trong bối cảnh thị trường còn nhiều dư địa phát triển. Đồng thời đưa ra các thông tin hữu ích, bài học kinh nghiệm cho các doanh nghiệp trang sức Việt Nam thực hiện chuyển đổi số hiệu quả dựa trên tìm hiểu và phân tích thực trạng hoạt động này tại Công ty CP vàng bạc Phú Nhuận (PNJ).

**Từ khóa**: Thị trường, trang sức, thách thức, tiềm năng, chuyển đổi số, thành công

**109. Thực trạng chất lượng nguồn nhân lực - Những vấn đề đặt ra/** Nguyễn Trung Kiên// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 248 .- Tr. 142-144.

**Nội dung:** Việt Nam là quốc gia đông dân số, quy mô nguồn lao động lớn, dân số trẻ với nhiều lợi thế cạnh tranh. Vì thế, trong hơn 03 thập kỷ qua, cùng với hàng loạt cơ chế, chính sách phát triển kinh tế, ưu đãi đầu tư, lợi thế nguồn nhân lực cũng đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế đất nước. Đến nay, Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội, cơ cấu lao động có sự chuyển dịch đáng kể, từ chỗ phần lớn lao động nông nghiệp, đã dần chuyển sang khu vực công nghiệp, dịch vụ và nguồn lao động chất lượng cao. Nhưng, bên cạnh những kết quả tích cực thì vấn đề đặt ra là phải nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu đặt ra trong thời kỳ mới là công nghiệp hóa – hiện đại hóa (CNH – HĐH) đất nước, chuyển đổi số với nền tảng công nghệ 4.0 trên tất cả các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế.

**Từ khoá**: Nguồn nhân lực, chất lượng lao động, lao động, phát triển kinh tế xã hội

**110. Thực trạng phát triển của doanh nghiệp siêu nho, nho và vưa (MSMEs) tại Việt Nam trong bối cảnh kinh tế số**/ Nguyễn Hồng Hạnh, Nguyễn Trường Giang, Trương Thị Hà Ninh, Nông Thị Trang Nhung// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 266 .- Tr. 80-83.

**Nội dung:** Bài viết này nhằm mục đích phân tích và đánh giá quá trình phát triển, đặc điểm và thực trạng ứng dụng công nghệ số của các MSMEs tại Việt Nam, đồng thời nhấn mạnh vai trò của chuyển đổi số trong việc tạo lập một nền kinh tế sống động, bền vững.

**Từ khóa**: Công nghệ số, MSMEs, chuỗi giá trị đổi mới, đổi mới kỹ thuật số

**111. Thực trạng phát triển sản phẩm OCOP và marketing số sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**/ Nguyễn Thu Ngân// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 265 .- Tr. 65-69.

**Nội dung:** Kết quả cho thấy sau 5 năm triển khai, chương trình OCOP tỉnh Thái Nguyên đã đạt được một số kết quả tốt. Tuy nhiên, để chương trình ngày càng phát triển thì cần nhiều điều kiện trong đó sự chủ động của chủ thể OCOP trong việc áp dụng các công cụ kỹ thuật số vào hoạt động Marketing; tiếp thị, quảng cáo sản phẩm là vô cùng quan trọng. Bài viết đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả áp dụng Marketing số sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**Từ khóa**: Chủ thể OCOP, Thái Nguyên, marketing số, quảng cáo, tiếp thị

**112. Thực trạng kinh doanh và đề xuất giải pháp bán hàng trên sàn thương mại điện tử Amazon tại Việt Nam/** Nguyễn Thị Bắc Hải// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 83-85.

**Nội dung**: Bài viết này tập trung vào nghiên cứu về thực trạng kinh doanh và đề xuất giải pháp bán hàng trên sàn Amazon tại Việt Nam. Việc kinh doanh trên sàn Amazon tại Việt Nam vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức và hạn chế. Bài viết cung cấp cái nhìn tổng quan về thực trạng kinh doanh trên sàn Amazon tại Việt Nam, bao gồm sự gia tăng của doanh nghiệp tham gia, các thách thức và hạn chế đang tồn tại. Các giải pháp và chiến lược này bao gồm tối ưu hóa quảng cáo, cải thiện dịch vụ giao hàng, xây dựng mối quan hệ với khách hàng, và nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

**Từ khóa**: Thương mại điện tử, giải pháp phát triển, bán hàng, hoạt động kinh doanh, Amazon

**113.** **Thực trạng về đánh giá và sự hài lòng của doanh nghiệp đối với chính quyền tỉnh Hậu Giang/** Trần Thị Hà// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 69-71.

**Nội dung**: Tỉnh Hậu Giang những năm gần đây được đánh giá là môi trường đầu tư nhiều tiềm năng và hấp dẫn với doanh nghiệp. Chính quyền tỉnh đã và đang có các chính sách thu hút nhà đầu tư. Để tiếp tục có chính sách phù hợp cần hiểu rõ hơn về những đánh giá của doanh nghiệp. Trong nghiên cứu này nhóm giả dựa trên số liệu khảo sát được để đánh giá sự hài lòng của doanh nghiệp đối với chính quyền tỉnh để đó đề xuất các gợi ý chính sách.

**Từ khóa**: Sự hài lòng, doanh nghiệp, chính quyền, Hậu Giang

**114.** **Thực trạng và giải pháp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn thành phố Đồng Hới/** Mai Văn Luông// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 28-30.

**Nội dung**: Thành phố Đồng Hới là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và khoa học của tỉnh Quảng BìnhTrong những năm qua, Đảng, chính quyền và nhân dân thành phố Đồng Hới đã quan tâm thực hiện nhiều giải pháp tích cực và đạt được những kết quả nhất định trong việc nâng cao chất lượng nguồn lao động trên địa bàn. Tuy nhiên, những kết quả đạt được chưa cao, nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu của CNHHĐH, chưa thực sự là động lực để phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và tỉnh Quảng Bình. Bài viết này tập trung phân tích thực trạng NNL để đưa ra những giải pháp nhằm tạo ra sự phát triển mạnh mẽ NNL chất lượng cao của thành phố Đồng Hới hiện nay.

**Từ khóa**: Giải pháp phát triển, nguồn nhân lực, chất lượng

**115.** **Thực trạng và giải pháp phát triển du lịch Kiên Giang/** Nguyễn Thị Thúy An, Nguyễn Hoài Thương// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 13-15.

**Nội dung**: Du lịch là ngành có nhiều đóng góp quan trọng trong sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Kiên Giang. Những năm gần đây, du lịch Kiên Giang có những bước phát triển nhanh, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm và thúc đẩy kinh tế xã hội của tỉnh. Bài viết sau đây đưa ra phân tích về những thành tựu đạt được và những khó khăn, thách thức trong quá trình phát triển du lịch tại Kiên Giang, từ đó đề xuất giải pháp phát triển du lịch Kiên Giang trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Giải pháp phát triển, du lịch, phát triển du lịch

**116. Tổng quan nghiên cứu về ảnh hưởng của cấu trúc sở hữu đến thành quả hoạt động/** Lê Xuân Quỳnh, Nguyễn Lê Thùy Uyên, Lê Thị Mỹ Nhân, Nguyễn Thị Thanh Mai, Phan Thị Ngọc Mai, Lê Thị Thanh Tuyến// Kế toán và Kiểm toán .- 2024 .- Số 249 .- Tr. 138-143.

**Nội dung:** Sự tách biệt giữa quyền sở hữu và quyền kiểm soát được xác định là nguyên nhân chính của vấn đề người đại diện, dẫn đến sự chênh lệch giữa lợi ích của người đại diện và người được ủy quyền, từ đó ảnh hưởng đến thành quả hoạt động của công ty. Cơ chế quản trị công ty là phương thức chủ yếu để giải quyết vấn đề đại diện ở mọi cấp độ. Cấu trúc sở hữu đóng vai trò quan trọng trong cơ chế quản trị công ty để giải quyết chi phí đại diện phát sinh từ việc tách quyền sở hữu và quyền kiểm soát. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tổng quan tài liệu về ảnh hưởng của cấu trúc sở hữu đến thành quả hoạt động của công ty.

**Từ khoá**: Quản trị công ty, sở hữu thể chế, thành quả hoạt động, vấn đề đại diện, tổng quan nghiên cứu

**117. Tổng quan nghiên cứu về hành vi từ bỏ giỏ hàng trong quy trình mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng trên sàn thương mại điện tử/** Trần Thị Hoa, Phan Tố Uyên, Lê Thị Hương Đinh Thị Hải Yến, Trần Thị Thu Trà, Nguyễn Thanh Tùng// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 10-12.

**Nội dung**: Hành trình mua sắm trực tuyến tưởng chừng đơn giản nhưng lại ẩn chứa nhiều rủi ro khiến không ít khách hàng từ bỏ trước khi thanh toán. Hiện tượng từ bỏ giỏ hàng (Abandoned Cart) là nỗi lo đối với các nhà kinh doanh online, với tỷ lệ trung bình lên đến 70% trên toàn cầu, đồng nghĩa với việc doanh nghiệp mất đi lượng doanh thu tiềm năng khổng lồ. Hiện tượng này xảy ra khi người tiêu dùng đang tìm kiếm sản phẩm hoặc khi các mặt hàng đã được chọn và người tiêu dùng đang chuyển sang thanh toán sản phẩm thì do một hoặc một số nguyên nhân khiến người tiêu dùng loại bó hàng hóa, dịch vụ đó trước khi hoàn tất giao dịch mua. Trong quá trình nghiên cứu, nhóm tác giả đã tổng quan các tài liệu trong và ngoài nước với mục đích tìm ra khoảng trống và các câu hỏi nghiên cứu cần giải quyết.

**Từ khóa**: Hành vi người tiêu dùng, mua sắm trực tuyến, thương mại điện tử, người tiêu dùng

**118. Tổng quan nghiên cứu về hiệu quả kinh doanh tại các ngân hàng thương mại thông qua trắc lượng thư mục bằng phần mềm VOSviewer**/ Phạm Thị Hồng Nhung// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 264 .- Tr. 9-13.

**Nội dung:** Nghiên cứu này đã cung cấp bức tranh toàn cảnh về lịch sử các công trình nghiên cứu về chủ đề này trên thế giới. Nghiên cứu đã giới thiệu một công cụ giúp các học giả có thể sử dụng để phục vụ thu thập tài liệu với số lượng phong phú, tin cậy và truy cập mở.

**Từ khóa**: VOSviewer, hiệu quả kinh doanh, ngân hàng thương mại, trắc lượng thư mục

**119. Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp và tài sản thương hiệu: Nghiên cứu trường hợp ngành Khách sạn tại TP. Hồ Chí Minh**/ Phùng Tuấn Thành, Lê Đình Hạc, Trần Văn Đạt// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 217-220.

**Nội dung**: Trong bối cảnh toàn cầu hoá, bên cạnh chất lượng sản phẩm thì khách hàng ngày càng quan tâm đến những đóng góp thông qua trách nhiệm xã hội doanh nghiệp. Nghiên cứu này xem xét tác động của trách nhiệm xã hội đến tài sản thương hiệu nhằm nâng cao hiệu quả việc xây dựng tài sản thương hiệu đối với các doanh nghiệp ngành Khách sạn, bằng cách xây dựng mô hình tác động của trực tiếp trách nhiệm xã hội doanh nghiệp đối với tài sản thương hiệu (theo biến bậc hai) với mô hình PLS-SEM. Kết quả cho thấy, có mối quan hệ tích cực và trực tiếp giữa trách nhiệm xã hội doanh nghiệp và tài sản thương hiệu.

**Từ khóa**: Trách nhiệm xã hội, doanh nghiệp, tài sản, thương hiệu, Khách sạn

**120. Vai trò của chuyển đổi số trong giảng dạy các môn khoa học xã hội nhân văn ở Học viện Quân y hiện nay/** Nguyễn Đức Hưng Phùng Thị Hiền, Bùi Thị Bích Thảo// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 19-21.

**Nội dung**: Với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, chuyển đổi số đóng vai trò rất quan trọng, là xu thế tất yếu của sự phát triển xã hội, đặc biệt là trong bối cảnh của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ ở tất cả các ngành trong đó có Ngành Giáo dục - đào tạo. Chuyển đổi số ở Học viện Quân y thành công sẽ đem lại nhiều kết quả tốt trong giảng dạy của giảng viên, học tập của học viên và công tác quản lý giáo dục, đào tạo của các cơ quan chức năng trong Học viện.

**Từ khóa**: Chuyển đổi số, giảng dạy, khoa học xã hội, Học viện Quân y

**121.** **Vai trò của đổi mới sáng tạo đối với khởi sự kinh doanh/** Vũ Hoàng Mai, Trương Anh Tuấn// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 34-36.

**Nội dung**: Bài viết này nhằm mục đích nắm rõ hơn tình hình hệ sinh thái khởi nghiệp cấp tỉnh, dựa trên các mô hình hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đã và đang thành công trên thế giới, từ đó giúp cho các cơ quan chức năng, các ban, ngành, và các tổ chức lợi nhuận cũng như phi lợi nhuận có góc nhìn khoa học, đúng đắn, để có thể hỗ trợ, thúc đẩy việc xây dựng cơ chế, chính sách nhằm phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

**Từ khóa**: Đổi mới, sáng tạo, kinh doanh, khởi nghiệp

**122. Vai trò của chính sách thuế với phát triển chuỗi cung ứng gạo xuất khẩu Việt Nam**/ Nguyễn Trang Nhung// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 70-72.

**Nội dung**: Chính sách thuế có vai trò ngày càng quan trọng trong việc góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, làm gia tăng giá trị và hiệu quả của chuỗi cung ứng gạo xuất khẩu. Thời gian qua, chính sách thuế phát triển chuỗi cung ứng gạo xuất khẩu đã được quan tâm và tích cực triển khai. Bài viết này phân tích thực trạng và làm rõ hạn chế trong chính sách thuế phát triển chuỗi cung ứng gạo xuất khẩu của Việt Nam, từ đó, đề xuất một số giải pháp hoàn thiện chính sách thuế phát triển chuỗi cung ứng gạo xuất khẩu

của Việt Nam đến năm 2030.

**Từ khóa**: Chính sách, thuế, chuỗi cung ứng, gạo, xuất khẩu gạo, kinh doanh

**123.** **Vai trò của thuế sử dụng đất nông nghiệp và những vấn đề đặt ra**/ Đào Thanh Phương// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 73-76.

**Nội dung**: Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp được ban hành từ năm 1993 thay thế sắc thuế nông nghiệp đã được thực hiện 30 năm. Trong khi nền kinh tế đã có nhiều thay đổi và phát triển mạnh mẽ, đồng thời quá trình cải cách hệ thống thuế cũng đã được thực hiện nhiều lần để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế đất nước trong từng giai đoạn thực tiễn thì đến nay Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp vẫn chưa được sửa đổi hay thay thế. Do đó, cần có sự nhìn nhận, đánh giá vai trò của chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp để có

những đề xuất điều chỉnh phù hợp với những thay đổi của nền kinh tế trong thời gian tới đây.

**Từ khóa**: Luật thuế, đất nông nghiệp, pháp luật

**124. Vận dụng lý luận tuần hoàn, chu chuyển tư bản của C. Mác trong xu hướng phát triển dịch vụ logistics ở Việt Nam**/ Vũ Thị Vinh, Nguyễn Tạ Bình Minh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 264 .- Tr. 5-8.

**Nội dung:** Bài viết tập trung làm rõ: i) Khái quát lý luận tuần hoàn, chu chuyển tư bản của C. Mác; ii) Phát triển dịch vụ Logistics - khẳng định giá trị lý luận tuần hoàn và chu chuyển tư bản của C. Mác trong sự phát triển nền sản xuất xã hội hiện đại; iii) Xu hướng và những điều kiện cần thiết để phát triển dịch vụ Logistics trong bối cảnh hiện nay ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Tuần hoàn của tư bản, chu chuyển của tư bản, dịch vụ logistics

**125. Xây dựng danh tiếng của doanh nghiệp trên cơ sở nguồn lực tài chính**/ Hoàng Thị Ngọc Nghiêm// Tài chính .- 2024 .- Số 826 .- Tr. 116-119.

**Nội dung**: Xây dựng danh tiếng nhằm mục đích tạo vị trí, chỗ đứng vững chắc trên thương trường, đảm bảo sự tồn tại và phát triển trong thời đại số hiện nay là yêu cầu tất yếu, cần thiết đối với bất kỳ doanh nghiệp nào. Bài viết tập trung nghiên cứu về danh tiếng của doanh nghiệp, vai trò của nguồn lực tài chính tạo nên danh tiếng cho doanh nghiệp, cơ sở xây dựng danh tiếng cho doanh nghiệp, từ đó đề xuất giải pháp xây dựng danh tiếng cho doanh nghiệp.

**Từ khóa**: Doanh nghiệp, nguồn lực tài chính, tài chính, xây dựng danh tiếng

**126.** **Xây dựng, khai thác nguồn tài nguyên giáo dục mở trong giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế bền vững/** Nguyễn Thị Thanh Liên// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2024 .- Số 657 .- Tr. 49-51.

**Nội dung**: Ngày 25/09/2023, Thủ tướng chính phủ đã ban hành Quyết định số 1117/QĐ-TTg Phê duyệt Chương xây dựng mô hình nguồn tài nguyên giáo dục mở (TNGDM) trong giáo dục đại học với mục tiêu cụ thể đoạn 2023- 2026 là xây dựng và vận hành cổng truy cập tài nguyên giáo dục mở trong giáo dục đại học. viết dưới đây chia sẻ những thông tin tổng quan về tài nguyên giáo dục mở và lợi ích, thuận lợi, khó của các trường đại học trong xây dựng nguồn tài nguyên giáo dục mở. Từ đó, tác giả luận bàn về một giải pháp để xây dựng, khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên quý báu này trong trường đại học góp vào sự phát triển kinh tế bền vững.

**Từ khóa**: Tài nguyên giáo dục mở, giáo dục đại học, phát triển kinh tế, phát triển bền vững

**127. Xây dựng nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế số: Kinh nghiệm quốc tế và bài học rút ra cho Việt Nam**/ Trần Thị Lan// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2024 .- Số 266 .- Tr. 92-96.

**Nội dung:** Bài nghiên cứu sẽ tập trung làm ro đường lối, chính sách của một số quốc gia và vùng lãnh thổ trong quá trình xây dựng nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế số, từ đó rút ra những bài học quý báu để Việt Nam tham khảo, vận dụng.

**Từ khóa**: Kinh tế số, phát triển kinh tế số, cách mạng công nghiệp 4.0, nguồn nhân lực

**128. Yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư tiền mã hóa của thế hệ Gen Z trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh/** Hoàng Hải Yến, Vương Thúy Ngọc, Lê Ngọc Tố Uyên, Hoàng Hải Văn Kiều, Nguyễn Song Minh Nguyệt// Ngân hàng .- 2024 .- Số 10 .- Tr. 27-34.

**Nội dung:** Kết quả nghiên cứu cho thấy, thái độ dẫn đến hành vi, chuẩn chủ quan, nhận thức kiểm soát hành vi, hành vi bầy đàn, rủi ro cảm nhận, kinh nghiệm và triển vọng ảnh hưởng đến quyết định đầu tư tiền mã hóa của thế hệ Gen Z. Kết quả nghiên cứu đóng góp vào khung lí thuyết về quyết định đầu tư tài sản tài chính công nghệ cao, đặc biệt với thế hệ trẻ. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cũng cung cấp bằng chứng thực nghiệm cho các nhà quản lí trong quản trị rủi ro thị trường sản phẩm tài chính công nghệ và các nhà đầu tư cá nhân xem xét những yếu tố tác động đến hành vi đầu tư tiền mã hóa nhằm nhận định và dự báo chính xác hơn biến động thị trường.

**Từ khoá**: Tiền mã hóa, công nghệ chuỗi khối, hành vi nhà đầu tư, Gen Z

**KIẾN TRÚC**

**1. Cụm làng cổ Èze nơi trò chuyện của kiến trúc và nghệ thuật : kỳ 1: khám phá kiến trúc cổ ở Èze/** Tô Hải// Kiến trúc .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 82-85.

**Nội dung:** Quần thể kiến trúc mang đậm dấu ấn kiến trúc châu Âu cổ điển nằm trong một khung cảnh ngoạn mục, Èze được mệnh danh là “làng của nghệ sĩ” không phải chỉ bởi nơi đây là một ngôi làng đẹp, là di sản kiến trúc Pháp mà nó còn mang vai trò là điểm giao thoa, kết nối các hoạt động nghệ thuật từ văn chương, mỹ thuật, âm nhạc, thiết kế sáng tạo, thủ công truyền thống… giữa địa phương với các nhà thiết kế, nghệ sĩ trên thế giới.

**Từ khóa**: Kiến trúc thế giới, di sản kiến trúc, cụm làng cổ Èze

**2. Đô thị du lịch Đà Lạt : định hướng sản phẩm và quy hoạch phân vùng không gian/** Nguyễn Thu Phong// Kiến trúc .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 62-67.

**Nội dung:** Phân tích vai trò đô thị du lịch của Đà Lạt, tìm hiểu các lợi thế truyền thống, các giá trị cốt lõi, khả năng mới của việc mở rộng ranh, dự báo các xu hướng du lịch thế giới… từ đó tìm kiếm một số ý tưởng về hình không gian vùng chức năng và sản phẩm du lịch mới.

**Từ khóa**: Du lịch, quy hoạch đô thị, tổ chức không gian

**3. Giải pháp thiết kế căn hộ linh hoạt/** Nguyễn Như Hoàng// Kiến trúc .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 46-54.

**Nội dung:** Quy chế các đặc tính này trong thiết kế cấu trúc không gian trong căn hộ, đó là các yêu cầu: Thiết kế không gian đa năng, linh hoạt nhiều chức năng sử dụng (khả năng thích ứng); Thiết kế không gian linh hoạt tích hợp các khả năng cấu trúc lại không gian (tính linh hoạt).

**Từ khóa**: Thiết kế kiến trúc, thiết kế căn hộ, giải pháp

**4. Không gian kiến trúc “trung tâm tiệt khuẩn” trong các bệnh viện hiện đại/** Đỗ Trọng Chung// Kiến trúc Việt Nam .- 2024 .- Số 251 .- Tr. 78-81.

**Nội dung:** “Trung tâm tiệt khuẩn” là một khu vực không lớn, nhưng rất quan trọng trong các bệnh viện hiện đại, chứa đựng trong đó những trang thiết bị y tế chuyên sâu phục vụ công tác thanh trùng, làm sạch những vật liệu, đồ vật, dụng cụ,… đã dùng để tái sử dụng. Những không gian này cần phải thiết kế và xây dựng theo một dây chuyền chặt chẽ, theo quy trình khép kín, tránh những dụng cụ, vật phẩm chưa tiệt khuẩn hoặc chưa thanh trùng đầy đủ, lây nhiễm bệnh sang các khu vực khác hay con người khi tái sử dụng.

**Từ khóa**: Không gian kiến trúc, trung tâm tiệt khuẩn, bệnh viện

**5. Kiến trúc từ vật liệu tre : phân tích các công trình trong công viên sinh thái Nansha, Guangzhou, Trung Quốc/** Nguyễn Duy Thanh, Nguyễn Việt Huy// Kiến trúc .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 86-93.

**Nội dung:** Hướng tới mục tiêu xây dựng ngày càng nhiều thành phố đáng sống hơn, chúng ta chỉ cần bắt đầu giải quyết từ vấn đề tưởng chừng như đơn giản nhất – việc đi bộ trong đô thị - nhưng lại liên quan và chi phối tới những vấn đề lớn hơn như kinh tế, xã hội, bền vững… Việc tạo điều kiện cho việc đi bộ dễ dàng, thuận tiện sẽ thúc đẩy hệ thống giao thông bền vững, cải thiện sức khỏe và tạo ra các cộng đồng sôi động hơn.

**Từ khóa**: Kiến trúc công trình, vật liệu tre

**6. Quản lý hệ thống không gian xanh và một số gợi ý về tổ chức không gian theo hướng thành phố “xanh - thông minh - hiện đại” cho Hà Nội/** Lã Hồng Sơn// Kiến trúc Việt Nam .- 2024 .- Số 251 .- Tr. 10-16.

**Nội dung:** Bài viết với mục đích mang đến cái nhìn tổng quan về quản lý hệ thống không gian xanh và một số gợi ý về tổ chức cây xanh công cộng, sân vườn, cây xanh đường phố và mặt nước theo hướng thành phố “xanh - thông minh - hiện đại” đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

**Từ khóa**: Không gian xanh, tổ chức không gian, kiến trúc Việt Nam

**7. Sử dụng ngôn ngữ lập trình Visual Basic để xây dựng mặt tự do trong Autocad/** Phùng Quang Minh// Kiến trúc Việt Nam .- 2024 .- Số 251 .- Tr. 82-87.

**Nội dung:** Bài báo nghiên cứu phương pháp xây dựng mặt trong AutoCad và đưa ra phương pháp xây dựng mặt tự do là dùng ngôn ngữ lập trình Visual Basic để viết mã code chương trình con tạo mặt tự do và được nhúng vào phần mềm AutoCad. Đồng thời bài báo cũng đưa ra thuật toán xây dựng mặt tự do với đường chuẩn là đường xoắn ốc trụ và đường sinh thay đổi trong quá trình tạo mặt để máy tính điện tử tự động tạo mặt, cũng như tạo cơ sở dữ liệu có thể chuyển đổi sang các phần mềm ứng dụng khác trong thiết kế.

**Từ khóa**: Thiết kế đồ họa, Visual Basic, AutoCad

**8. Sử dụng vật liệu tái chế trong nội thất nhà ở tạo không gian kiến trúc ấn tượng và phù hợp với xu hướng phát triển bền vững/** Đoàn Hà Xuân Việt, Trần Quốc Tuấn// Kiến trúc .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 55-59.

**Nội dung:** Giới thiệu các giải pháp và đánh giá tính hiệu quả trong sử dụng vật liệu tái chế vào công trình và không gian kiến trúc nội thất, đặc biệt tập trung vào công trình nhà ở với các thiết kế hiện đại.

**Từ khóa**: Kiến trúc nội thất, vật liệu tái chế, tổ chức không gian, phát triển bền vững

**9. Tài nguyên kinh tế du lịch di sản từ thương hiệu đô thị di sản thiên niên kỷ và những gợi ý nghiên cứu tiềm năng/** Nguyễn Hồng Thục, Nguyễn Xuân Anh// Kiến trúc Việt Nam .- 2024 .- Số 251 .- Tr. 43-46.

**Nội dung:** Gợi ý một số phát lộ về tiềm năng phát triển các loại hình du lịch di sản, làm nền tảng để xây dựng thương hiệu và nội dung phát triển của Đô thị di sản thiên niên kỷ Hoa Lư.

**Từ khóa**: Di sản thiên nhiên, kiến trúc đô thị, tài nguyên du lịch

**10. Thành phố đáng sống phải là một thành phố có thể đi bộ dễ dàng/** Lê Thị Hoàng Nhi// Kiến trúc .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 74-77.

**Nội dung:** Hướng tới mục tiêu xây dựng ngày càng nhiều thành phố đáng sống hơn, chúng ta chỉ cần bắt đầu giải quyết từ vấn đề tưởng chừng như đơn giản nhất – việc đi bộ trong đô thị - nhưng lại liên quan và chi phối tới những vấn đề lớn hơn như kinh tế, xã hội, bền vững… Việc tạo điều kiện cho việc đi bộ dễ dàng, thuận tiện sẽ thúc đẩy hệ thống giao thông bền vững, cải thiện sức khỏe và tạo ra các cộng đồng sôi động hơn.

**Từ khóa**: Văn hóa kiến trúc, quy hoạch đô thị, giao thông đô thị

**11. Thực trạng kiến trúc cảnh quan, công trình các Khu nhà ở công nhân phục vụ khu công nghiệp tại Hà Nội/** Nguyễn Thùy Trang, Lê Lan Hương, Nguyễn Cao Lãnh, Nguyễn Thị Vân Hương// Kiến trúc .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 22-27.

**Nội dung:** Đánh giá về thực trạng kiến trúc cảnh quan và kiến trúc công trình các Khu nhà ở công nhân phục vụ khu công nghiệp tại Hà Nội, từ đó nêu ra các điểm sáng cũng như vấn đề còn hạn chế tại các khu nhà ở này, rút ra một số bài học kinh nghiệm trong việc phát triển các dự án nhà ở công nhân trong tương lai.

**Từ khóa**: Kiến trúc cảnh quan, kiến trúc công trình, nhà ở công nghiệp

**12. Universal design : bài học kinh nghiệm và khả năng vận dụng trong thiết kế “specialized street” ở thành phố Hồ Chí Minh/** Võ Hoàng Khánh// Kiến trúc .- 2024 .- Số 5 .- Tr. 68-73.

**Nội dung:** Trình bày khái niệm Universal design và tổng quan về khả năng tiếp cận, tính an toàn trong không gian “specialized street” ở thành phố Hồ Chí Minh; Kinh nghiệm và khả năng áp dụng các nguyên tắc của thiết kế tổng quát trong thiết kế “specialized street” ở Nhật Bản, Hàn Quốc và thành phố Hồ Chí Minh.

**Từ khóa**: Universal design, specialized street, thiết kế kiến trúc

**13. Xây dựng đô thị di sản Hoa Lư : nhìn từ mục tiêu thiên niên kỷ của UNESCO/** Bùi Văn Mạnh// Kiến trúc Việt Nam .- 2024 .- Số 251 .- Tr. 23-27.

**Nội dung:** Di sản - trở thành một thương hiệu, định vị định danh và tôn vinh cao cấp nhất đối với đô thị hay một nơi chốn. Với các thành phố ở Việt Nam, nơi mà quỹ di sản, di tích dày đặc, trải dài, trải rộng trong không gian và đậm đặc tính lịch sử của thời gian thì có được tôn vinh là đô thị di sản. Vậy, để định danh được nó, cần có các tiêu chí đánh giá cụ thể. Và trên thực tế các thành phố còn “lúng túng” khi xác định các tiêu chí này dễ tạo nên những mâu thuẫn trong cách ứng xử với chính di sản của minh.

**Từ khóa**: Đô thị di sản, kiến trúc đô thị, Hoa Lư

**VĂN HỌC**

**1. Ảnh hưởng của phật giáo trong đời sống tinh thần và phong tục tập quán của người dân Campuchia/** Phạm Thanh Tịnh// Nghiên cứu Đông Nam Á.- 2024 .- số 4(289) .- Tr. 46-53.

**Nội dung**: Nghiên cứu quá trình Phật giáo du nhập vào Campuchia và những ảnh hưởng của Phật giáo trong đời sống tinh thần, tín ngưỡng cũng như phong tục tập quán của người dân Campuchia. Phật giáo đã khẳng định được tầm quan trọng của mình, trở thành “cốt lõi của văn hóa” dân tộc ở Campuchia.

**Từ khóa:** Phật giáo, phong tục tập quán, Campuchia, đời sống tinh thần

**2. Bàn thêm về tinh thần Thiền học trong thơ Tuệ Trung Thượng sĩ/** Trần Thị Thắm, Nguyễn Văn Nam// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 6 .- Tr. 120-128.

**Nội dung**: Phân tích biểu hiện của tinh thần thiền học Phật giáo với những quan điểm cụ thể của Tuệ Trung Thượng sĩ để thấy rõ tư tưởng của một thiền sư thời kì này. Tuệ Trung Thượng sĩ là một thiền sư Phật giáo Đại thừa, thuộc dòng dõi hoàng tộc đời Trần.

**Từ khóa:** Thiền học, phật giáo, Tuệ Trung Thượng sĩ

**3. Cách mạng khoa học – công nghệ trong xây dựng chủ nghĩa xã hội đầu thế kỷ XXI: Nhận thức và kinh nghiệm/** Vũ Thị Thu Quyên// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 6 .- Tr. 40-48.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: Phân tích, so sánh, logic và tổng hợp về việc xây dựng cách mạng Khoa học công nghệ thờ kỳ đầu thế kỷ XXI. Bài viết góp phần làm rõ them nhận thức của một số quốc gia về vai trò của khoa học – công nghệ trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, từ đó chỉ ra một số kinh nghiệm cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Khoa học – công nghệ, cách mạng khoa học – công nghệ, xây dựng chủ nghĩa xã hội, chính trị học

**4. Features of “Xuất thế” (Exiting from mundane world) in thoughts of Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, and Nguyễn Bỉnh Khiêm/** Lê Công Sự// Vietnam social sciences review.- 2024 .-No. 1(218) .- p. 3-17.

**Nội dung**: This research investigates the concept of “xuất thế” (exiting from the Mundane World) in the thoughts of Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, and Nguyễn Bỉnh Khiêm. Despite their Confucian influence and societal roles, they were also impacted by Taoist and Buddhist ideas. The study reveals how these influences manifested in their works and contributed to their significant achievements in Vietnamese history.

**Từ khóa:** "Xuất thế", Confucianism, Taoism; Buddhism.

**5. Giải pháp nâng cao trình độ cho giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay/** Nguyễn Thị Thu Hà// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 3 .- Tr. 12-22.

**Nội dung**: Tập trung thực trạng biến đổi trình độ của giai cấp công nhân Việt Nam thông qua việc so sánh số liệu thống kê giữa các năm và giữa các ngành, các thành phần kinh tế. Từ đó, dự báo xu hướng biến đổi trong thời gian tới và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao trình dộ cho giai cấp công nhân Việt Nam đáp ứng tốt yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

**Từ khóa:** Chính trị học, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, giai cấp công nhân

**6. Kiên định chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội/** Đặng Công Thành// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 1 .- Tr. 25-31.

**Nội dung**: Phân tích sự kiên định chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Tìm ra cách thức, biện pháp tối ưu của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trên cơ sở quán triệt sâu sắc, vận dụng và phát triển sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa xã Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp đặc điểm dân tộc Việt Nam và xu thế phát triển thời đại.

**Từ khóa:** Chủ nghĩa xã hội, Việt Nam, chính trị học

**7. Một số kinh nghệm trong công tác cán bộ của Đảng cộng sản Trung Quốc hiện nay/** Trần Ánh Tuyết// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 3 .- Tr. 3-11.

**Nội dung**: Phân tích đường lối, chủ trương, biện pháp của Đảng cộng sản Trung Quốc trong công tác cán bộ hiện nay. Trình bày một số kết quả đạt được và hạn chế trong công tác lựa chọn, bổ nhiệm cán bộ hiện nay của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

**Từ khóa:** Chính trị học, Đảng cộng sản Trung Quốc, công tác cán bộ

**8. Nội dung và phương thức các cấp công đoàn viên chức tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam/** Phạm Thị Thúy Nga// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 1 .- Tr. 63-73.

**Nội dung**: Phân tích và xác định nội dung và phương thức để các cấp công đoàn viên chức tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Bộ Chính trị về tiếp tục hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

**Từ khóa:** Công đoàn, công đoàn viên chức, Nhà nước pháp quyền

**9. Phật giáo Việt Nam đồng hành cùng đất nước trong sự nghiệp đổi mới : góc nhìn từ hoạt động ngoại giao nhân dân/** Trần Thị Tâm// Nghiên cứu và Phát triển.- 2024 .- Số 3.- Tr. 22-36

**Nội dung**: Phân tích vai trò của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong việc đồng hành với công cuộc đổi mới và các hoạt động ngoại giao nhân dân của nhà nước ở Việt Nam hiện nay. Thống kê, đánh giá những kết quả nổi bật; đề xuất phương hướng phát huy hoạt động đối ngoại của Giáo hội trong tương lai.

**Từ khóa:** Phật giáo Việt Nam, đổi mới, ngoại giao nhân dân.

**10. Quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen về bảo vệ thành quả cách mạng/** Nguyễn Đình Bắc, Lã Trọng Đại// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 5 .- Tr. 48-56.

**Nội dung**: Tập trung khái quát và luận giải quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen về bảo vệ thành quả cách mạng trên ba phương diện cốt lõi: phương pháp tiếp cận vấn đề bảo vệ thành quả cách mạng; tính tất yếu khách quan và các điều kiện cần thiết để giai cấp công nhân bảo vệ thành quả cách mạng.

**Từ khóa:** Chính trị học, C.Mác, Ph.Ăngghen, giai cấp công nhân

**11. Quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở Việt Nam hiện nay**/ Vũ Thị Phương Lê// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 3 .- Tr. 23-32.

**Nội dung**: Quản lý nhà nước về công tác dân tộc là dạng quản lý công vụ của bộ máy nhà nước, mang tính quyền lực, tính tố chức cao, được điều chỉnh bằng pháp luật, vừa mang tính phổ biến, vừa mang tính đặc thù của lĩnh vực quản lý. Bằng phương pháp phân tích và tổng hợp, bài viết này sẽ làm rõ những nội dung quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa:** Chính trị học, dân tộc, công tác dân tộc, quản lý nhà nước

**12. Sự chuyển đổi sang hình thái mới của “chủ nghĩa tư bản” ở Nhật Bản và những vẫn đề đặt ra/** Trần Thị Vinh, Khổng Thị Bình// Nghiên cứu Quốc tế.- 2023 .- số 4(135) .- Tr. 173-194.

**Nội dung**: Tập trung phân tích những vấn đề cơ bản sau đây: Mô hình phát triển của chủ nghĩa tư bản Nhật Bản; sự chuyển đổi sang hình thái mới của chủ nghĩa tư bản ở Nhật Bản; những vấn đề đặt ra đối với “hình thái chủ nghĩa tư bản mới” của Kishda.

**Từ khóa:** Nhật Bản, chính sách kinh tế, hình thái chủ nghĩa tư bản mới, tăng cường

**13. Tái cấu trúc cộng đồng : nhìn từ chương trình di sản lễ hội truyền thống ở đô thị Nam Bộ hiện nay (trường hợp thành phố Hồ Chí Minh, Long An)/** Đoàn Thị Cảnh// Nghiên cứu và Phát triển.- 2024 .- Số 3.- Tr. 46-57

**Nội dung**: Phân tích quá trình tái cấu trúc cộng đồng thông qua việc thực hành di sản lễ hội truyền thống tại các đô thị Nam Bộ, chỉ ra rằng quá trình này diễn ra liên tục và bị ảnh hưởng bởi các yếu tố từ cấu trúc xã hội và các chương trình di sản. Nghiên cứu tập trung vào các xu hướng biến đổi, đồng thời xem xét tác động của chúng đối với cấu trúc cộng đồng và đề xuất các chính sách phù hợp.

**Từ khóa:** Di sản, lễ hội truyền thống, thị dân, tái cấu trúc cộng đồng, Nam Bộ.

**14. Tạo dựng môi trường thuận lợi nhằm phát huy vai trò nguồn nhân lực chất lượng cao trong hiện đại hóa quân đội hiện nay/** Nguyễn Hữu Hồi// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 4 .- Tr. 32-52.

**Nội dung**: Tập trung làm rõ vai trò nguồn nhân lực chất lượng cao trong hiện đại hóa quân đội. Trên cơ sở đánh giá khái quát thực trạng và yêu cầu xây dựng quân đội trong tình hình mới, bài viết đề xuất một số biện pháp chính tạo dựng môi trường thuận lợi nhằm phát huy vai trò nguồn nhân lục chất lượng cao trong hiện đại hóa quân đội hiện nay.

**Từ khóa:** Chính trị học, nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân lục, quân đội

**15. Tiếp cận đo lường an toàn xã hội trên thế giới và hàm ý cho phát triển bộ chỉ số an toàn xã hội ở Việt Nam/** Nguyễn Đức Chiện, Lê Quý Dương Đoàn, Đoàn Thu Phương, Nguyễn Thị Ngân// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 1 .- Tr. 3-11.

**Nội dung**: Phân tích các tài liệu thứ cấp về đo lường an toàn xã hội và ững dụng của những đo lường này nhằm đưa ra một cái nhìn tổng quát về vấn đề. Từ đó, đưa ra khuyễn nghị, một số gợi ý cho việc xây dựng và phát triển bộ chỉ số đo lường an toàn xã hội tại Việt Nam.

**Từ khóa:** An toàn xã hội, an ninh xã hội, tiếp cận lý thuyết, đo lường, ững dụng

**16. Tính biện chững trong tư tưởng Hồ Chí Minh về trọng dụng và phát triển nhân tài/** Hoàng Thị Giang// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 1 .- Tr. 32-42.

**Nội dung**: Tập trung làm sáng tỏ nội dung về tính biện chứng giữa trọng dụng và phát triển nhân tài của tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong đó, trọng dụng nhân tài là yếu tố quyết định sự phát triển của nhân tài. Đồng thời phát triển nhân tài là điều kiện đảm bảo cho trọng dụng nhân tài.

**Từ khóa:** Biện chứng, trọng dụng, nhân tài, Hồ Chí Minh

**17. Tình hình biển Đông năm 2023 và dự báo năm 2024/** Đỗ Hoàng// Nghiên cứu Quốc tế.- 2023 .- số 4(135) .- Tr. 101-128.

**Nội dung**: Tổng hợp và đánh giá các diễn biến quan trọng nhất liên quan đến biển Đông trong năm 2023, rút ra các xu hướng nổi bật nhất trên bốn lĩnh vực gồm: Thực địa; chính trị - ngoại giao; pháp lý; thông tin – tuyên truyền. Từ đó bài viết đưa ra một vài dự báo về chiều hướng phát triển của các diễn biến trên 4 khía cạnh trên.

**Từ khóa:** Biển Đông, Asean, Mỹ, Phi-líp-pin, Trung Quốc, Việt Nam, cạnh tranh nước lớn

**18. Triết học của Michel Serres – từ bản thể luận đến tư tưởng về sinh thái học**/ Hoàng Tùng Dương, Trần Thị Thúy Ngọc// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 3 .- Tr. 57-67.

**Nội dung**: Qua nghiên cứu các tác phẩm của Serres, bài viết làm rõ những quan điểm quan trọng và chỉ ra mối liên hệ giữa bản thể luận và tư tưởng sinh thái học của Serres, đồng thời chỉ ra những ưu, nhược điểm trong triết học của ông và nêu lên một số gợi mở đối với Việt Nam.

**Từ khóa:** Triết học, Pháp đương đại, bàn thể luận, khế ước tự nhiên, Michel Serres

**19. Tư tưởng của G.W.F. Hegel về sự tha hóa của con người**/ Trần Nhựt Khang// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 3 .- Tr. 47-56.

**Nội dung**: Trình bày nội dung chủ yếu trong tư tưởng của G.W.F. Hegel về sự tha hóa của con người. Phân tích cách hiểu của Hegel về thuật ngữ tha hóa cùng với các thuật ngữ liên quan do chính Hegel sử dụng. Cuối cùng, tác giả nêu lên một cách khái quát giá trị và hạn chế trong tư tưởng của Hegel về sự tha hóa của con người.

**Từ khóa:** Triết học, tha hóa, ngoại tại hóa, đối tương hóa, lao động

**20. Vai trò của cán bộ chính trị trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng/** Trần Đăng Dũng// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 6 .- Tr. 30-39.

**Nội dung**: Tổng hợp các phương pháp nghiên cứu của khoa học chuyên ngành, liên ngành, bao gồm các phương pháp chủ yếu như: Phương pháp logic – lích sử, phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, khái quát hóa, phân tích tài liệu. Trên cơ sở đánh giá khái quát thực trạng và những vấn đề mới đặt ra, bài viết đề xuất một số biện pháp nhằm phát huy vai trò của cán bộ chính trị ở các học viên, trường sĩ quan, quân đội trong đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng hiện nay.

**Từ khóa:** Cán bộ chính trị, không gian mạng, nền tảng tư tưởng của Đảng, quân đội

**21. Vai trò Phật giáo trong việc hình thành và thực thi chính sách “bảo dân – an dân” thời Lý – Trần/** Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Minh Tuấn, Trần Việt Thắng// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 6 .- Tr. 11-20.

**Nội dung**: Phân tích làm rõ vai trò của Phật giáo trong việc hình thành và thực thi chính sách “Bảo dân – an dân” với những biểu hiện nổi bật như: Trong việc xây dựng, củng cố bộ máy nhà nước mang tính nhân dân, dân tộc; trong giáo dục đạo đức và trong đời sống tinh thần của người dân, trong việc chăm lo đời sống vật chất của người dân; trong việc bảo vệ tính mạng và đảm bảo cuộc sống an bình cho người dân.

**Từ khóa:** Phật giáo, bảo dân, an dân, chính sách, thời Lý – Trần

**22. Vấn đề con người trong Nghị quyết 98/2023/QH15, thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh/** Bền Quốc Thắng// Khoa học Xã hội Việt Nam.- 2024 .- số 5 .- Tr. 40-47.

**Nội dung**: Bằng các phương pháp phân tích và tổng hợp, so sánh và đối chiếu, logic và lịch sử. Bài viết đã chỉ ra sự cần thiết và những nội dung cơ bản của vấn đề con người trong Nghị quyết 98/2023/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, bài viết nêu lên một số giải pháp nhằm thực thi vấn đề con người trong Nghị quyết 98 trên thực tế một cách nhanh chonhs và hiệu quả.

**Từ khóa:** Chính trị học, Quốc hội, Thành phố Hồ Chí Minh, Nghị quyết 98, con người

**DU LỊCH**

**1. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản địa chất trong công viên địa chất toàn cầu tỉnh Quảng Tây và một số gợi mở đối với công viên địa chất Lạng Sơn**/ Chử Thị Bích Thu// Nghiên cứu Trung Quốc.- 2024 .- số 4(272) .- Tr. 67-75.

**Nội dung:** Tìm hiểu kinh nghiệm bảo tồn và phát huy giá trị di sản địa chất trong công viên địa chất toàn cầu Lạc Nghiệp – Phượng Sơn và đưa ra một số gợi mở đối với công viên địa chất Lạng Sơn. Quảng Tây – Trung Quốc là tỉnh giàu tài nguyên địa chất và sinh thái.

**Từ khóa:** Công viên địa chất toàn cầu Lạc Nghiệp – Phượng Sơn, công viên địa chất Lạng Sơn, di sản địa chất

**2. Đánh giá sự hài lòng của du khách đối với chất lượng điểm đến du lịch nông thôn tại Hội An, tỉnh Quảng Nam = Evaluating tourist satisfaction with the quality of rural/** Võ Hữu Hòa// Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2024 .- Số 03(64) .- Tr. 108-119.

**Nội dung:** Nghiên cứu này được thực hiện nhằm khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng chất lượng dịch vụ du lịch nông thôn tại một số phường ven đô thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Trên cơ sở lý thuyết về đánh giá chất lượng dịch vụ, dựa vào khoảng cách giữa kỳ vọng của khách hàng và cảm nhận thực tế khi trực tiếp sử dụng dịch vụ, nghiên cứu đã thực nghiệm đo lường và tính toán để đánh giá thực trạng chất lượng dịch vụ du lịch nông thôn tại các phường ven đô TP Hội An.

**Từ khóa**: Du lịch nông thôn, chất lượng dịch vụ, sự hài lòng, du khách

**3. Đánh giá sự hài lòng của khách du lịch với ẩm thực đường phố tại thành phố Đà Nẵng = Evaluation of tourist satisfaction on street food in Da Nang city/** Phạm Thị Thu Thủy, Ngô Thị Thanh Nga// Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2024 .- Số 03(64) .- Tr. 98-107.

**Nội dung:** Nghiên cứu tổng quan về ẩm thực đường phố Đà Nẵng thông qua phân tích kết quả khảo sát từ 130 khách du lịch với bảng câu hỏi gồm 5 yếu tố: Món ăn; Giá cả; Cơ sở vật chất & không gian phục vụ; Vệ sinh an toàn thực phẩm; Sự phục vụ. Hệ thống hóa cơ sở lý luận về ẩm thực, du lịch, khách du lịch, nghiên cứu tư liệu, phân tích và tổng hợp các tư liệu, từ đó đưa ra các giải pháp để nâng cao sự hài lòng của khách du lịch đối với ẩm thực đường phố Đà Nẵng.

**Từ khóa**: Du lịch, khách du lịch, ẩm thực đường phố, sự hài lòng

**4. Gastronomy tourism : opportunities and challenges for Vietnam, especially Da Nang city = Du lịch ẩm thực : cơ hội và thách thức nhìn từ Việt Nam, đặc biệt tại thành phố Đà Nẵng/** Ho Su Minh Tai// Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2024 .- No 03(64) .- P. 40-51.

**Contents:** Based on the analysis of secondary data sources, this article discusses some issues related to gastronomy tourism, synthesizes experiences and initiatives from successful destinations, and analyzes opportunities and challenges related to gastronomy tourism development in Vietnam, especially in Danang city, contributing to proposing ideas for this type of tourism.

**Keywords**: Gastronomy, gastronomy tourism, food tourism, Danang, Vietnam

**5. Green hotel trend : experiences from hotels worldwide and lessons learned for hotels in Vietnam = Xu hướng Khách sạn Xanh : nhìn từ nhiều khách sạn trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho khách sạn ở Việt Nam/** Huynh Ly Thuy Linh, Nguyen Thi Minh Thu// Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2024 .- No 03(64) .- P. 74-86.

**Contents:** This research analyzes famous organizations in the hospitality industry that have been successful in building and managing green hotels, which completely becomes a model for other hotels to follow. On this basis, the research provides some lessons for Vietnamese hotels in building hotels following this trend and managing sustainability in the hotel industry.

**Keywords**: Guest, sastifaction, service quality, glamping tourism

**6. Khai thác các giá trị của danh thắng Ngũ Hành Sơn - Đà Nẵng trong hoạt động du lịch = Exporing the values of Danang Marble Mountains in tourism activities/** Lý Thị Thương// Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2024 .- Số 03(64) .- Tr. 120-127.

**Nội dung:** Bài viết tập trung nghiên cứu bảy nhóm giá trị đặc sắc tại quần thể danh thắng Ngũ Hành Sơn, bao gồm: lịch sử; văn hóa - kiến trúc - nghệ thuật; khảo cổ; địa chất, địa hình; tư liệu; phong thủy, cảnh quan sinh thái; tâm linh - tinh thần - xã hội. Trên cơ sở tổng hợp cụ thể thông tin cho từng nhóm giá trị, tác giả sẽ tiến hành phân tích làm rõ thực trạng khai thác du lịch tại các điểm tham quan thuộc danh thắng Ngũ Hành Sơn. Từ đó, đưa ra một số khuyến nghị nhằm khai thác hiệu quả hoạt động du lịch tại điểm du lịch này.

**Từ khóa**: Danh thắng Ngũ Hành Sơn, hoạt động du lịch, giá trị, Đà Nẵng

**7. Phát triển du lịch cộng đồng của Trung Quốc: Thực trạng và những tác động chủ yếu**/ Lương Thị Thu Phương// Nghiên cứu Trung Quốc.- 2024 .- số 4(272) .- Tr. 56-66**.**

**Nội dung:** Trình bày thực trạng và những tác động chủ yếu của phát triển du lịch cộng đồng của Trung Quốc. Trên cơ sở chĩ ra định hướng, phân tích thực trạng phát triển du lịch cộng đồng của Trung Quốc. Bài viết sẽ bàn về các tác động tích cực và tiêu cực của hình thức phát triển du lịch này đối với phát triển kinh tế xã hội và môi trường.

**Từ khóa:** Trung Quốc, phát triển du lịch cộng đồng, du lịch bền vững

**8. Phát triển du lịch gắn với bảo tồn di sản thiên nhiên/** Lê Thu Hương// Môi trường .- 2024 .- Số 6 .- Tr. 88-91.

**Nội dung:** Vai trò của di sản thiên nhiên trong phát triển du lịch; Tác động của du lịch đến môi trường thiên nhiên; Một số kinh nghiệm phát triển du lịch gắn với bảo tồn di sản thiên nhiên trên thế giới và tại Việt Nam; Bảo tồn và khai thác các giá trị di sản thiên nhiên vào hoạt động du lịch.

**Từ khóa**: Di sản thiên nhiên, phát triển bền vững, du lịch bền vững

**9. Recovery of human resources in the hospitality industry post COVID-19 in Vietnam : current situation and solutions = Phục hồi nguồn nhân lực ngành khách sạn, nhà hàng sau đại dịch COVID-19 ở Việt Nam : thực trạng và giải pháp/** Trinh Thi Kim Chung, Ho Minh Phuc// Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2024 .- No 03(64) .- P. 52-62.

**Contents:** Through qualitative research methods, this study aims to analyze the impact of the COVID-19 pandemic on workforce dynamics and psychological changes among hospitality industry workers. The research also provides some solutions to recover and enhance the quality of the human resources in the hotel and restaurant sector post COVID-19.

**Keywords**: Green hotel trend, environmental protection, going green, sustainable development, Vietnam

**10. Relationship between employee representation on firms’ compensation committee and director compensation, and salary gap between CEO and other employees in firms = Mối quan hệ giữa sự hiện diện của đại diện người lao động trong ủy ban lương thưởng với thù lao của thành viên hội đồng quản trị và khoảng cách tiền lương của tổng giám đốc điều hành và các nhân viên khác trong công ty/** Doan Nguyen Trang Phuong// Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2024 .- No 03(64) .- P. 87-97.

**Contents:** In this paper, we examine the relation between employee representation on firms’ compensation committees and compensation of directors; and the gap between CEO’s total salary and average salaries and benefits in these firms.

**Keywords**: Employee representatives, compensation committee, director compensation

**11. Research on tourist satisfaction at glamping areas in Da Nang city = Nghiên cứu sự hài lòng của khách du lịch tại các khu glamping ở thành phố Đà Nẵng/** Tran Hoang Anh, Phan Thi Hong Hai// Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2024 .- No 03(64) .- P. 63-73.

**Contents:** This research was carried out in order to evaluate customer satisfaction with the service quality of glamping tourism in Da Nang. Data in the research was collected by surveying 156 customers and analysed using the linear regression model. As a result, five factors affecting customer satisfaction were figured out including Tangibles facilities, Responsiveness, Reliability, Attractiveness, and Security-safety. Based on the results of this research, solutions were proposed to attract customers, thereby improving the efficiency of glamping tourism in Da Nang in the coming time.

**Keywords**: Guest, sastifaction, service quality, glamping tourism